

TÂM THỨC

SUY NIỆM, CẢM NGHIỆM TIN MỪNG
NGÀY CHÚA NHẬT
NĂM B

Copyright © 2014 Hoang Hoa

All rights reserved. No part of this book may be reproduced in any form or by any electronic or mechanical means, including information storage and retrieval systems without permission in writing from the author, except by a reviewer, who may quote brief passage in a review.

Tâm thức - suy niệm, cảm nghiệm Tin Mừng ngày Chúa Nhật/ năm B
Midway Press

HOÀNG HOA

TÂM THỨC

SUY NIỆM, CẢM NGHIỆM TIN MỪNG
NGÀY CHÙA NHẬT
NĂM B

THAY LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi xin được thay lời nói đầu bằng những trích đoạn Kinh Thánh sau đây:

- Chúa Giêsu vào nhà Mácta. “Cô có một người em gái tên là Maria. Cô này cứ ngồi bên chân Chúa mà nghe lời Người dạy. Còn cô Mácta thì tất bật lo việc phục vụ. Cô tiến lại mà nói: “Thưa Thầy, em con để mình con phục vụ mà Thầy không để ý tới sao? Xin Thầy bảo nó giúp con một tay!” Chúa đáp: “Mácta! Mácta! Chị băn khoăn lo lắng nhiều chuyện quá! Chỉ có một chuyện cần thiết mà thôi. Maria đã chọn phần tốt nhất và sẽ không bị lấy đi”. (Lc. 10: 39-42)

- Phải thực hành lời Chúa dạy: “Tại sao anh em gọi Thầy: ‘Lạy Chúa! Lạy Chúa! Mà anh em không làm điều Thầy dạy?’

“Ai đến với Thầy, và nghe những lời Thầy dạy mà đem ra thực hành, thì Thầy sẽ chỉ cho anh em biết người ấy ví được như ai. Người ấy được ví như một người khi xây nhà, đã cuốc, đã đào sâu và đặt nền móng trên đá. Nước lụt dâng lên, dòng sông có ủa vào nhà, thì cũng không lay chuyển nổi, vì nhà đã xây vững chắc. Còn ai nghe mà không thực hành, thì ví được như người xây nhà ngay mặt đất, không nền móng. Nước sông ủa vào, nhà sụp đổ ngay và bị phá hủy tan tành”. (Lc. 6: 46-49)

- Mẹ và anh em Đức Giêsu đến gặp Người, mà không làm sao lại gần được, vì dân chúng quá đông. Người ta báo cho Người biết: “Thưa thầy, có mẹ và anh em Thầy đang đứng ngoài kia muốn gặp Thầy”. Người đáp lại: “Mẹ tôi và anh em tôi, chính là những ai nghe lời Thiên Chúa và đem ra thực hành”. (Lc. 8: 19-21)

- “Ai là mẹ tôi? Ai là anh em tôi?” Rồi Người giơ tay chỉ các môn đệ và nói: “Đây là mẹ tôi, đây là anh em tôi. Vì phàm ai thi hành ý muốn của Cha

tôi, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em tôi, là mẹ tôi”. (Mt. 12: 48-49)

- “Khi Đức Chúa Giêsu đang giảng dạy, thì giữa đám đông có một người phụ nữ lên tiếng thưa với Người: “Phúc thay người mẹ đã cuu mạng và cho Thầy bú mớm!” Nhưng Người đáp lại: “Phúc thay kẻ lắng nghe và tuân giữ lời Thiên Chúa”. (Lc. 11: 27-28)

Tâm thức: con đường đi từ con tim đến khối óc, từ nhận thức đến tình cảm.

MÙA VỌNG & GIÁNG SINH

CN I MV/B

Bài đọc 1: (Is. 63: 16-17, 64: 1,3-8). Bài đọc 2: (1 Cr. 1: 3-9). Tin Mừng: (Mc. 13: 33- 37)

MONG ĐỢI

Bước vào mùa Vọng là chúng ta bắt đầu một năm phụng vụ mới. Mùa Vọng là mùa mong đợi, mùa đợi chờ. Mong “Trời cao hãy đổ sương xuống”, mong “ngàn mây hãy mưa Đấng cứu đời”; trong đêm tối, mong ngày mau tới; như nai đang khát, mong tìm gặp được dòng suối nước mát, mong Đấng Cứu Thế thương xem đến dân Chúa đang “đón đầu mây sâu che lối”, mong “Chiên thánh đến để cải tạo thế giới”, đến để “đập tan xiềng xích tội nhơ”.

Xưa kia, dân Chúa đã sống một mùa vọng kéo dài trong suốt bao nhiêu năm: Mong đợi Đấng Cứu Thế đến để giải thoát nhân loại khỏi kiếp sống diệt vong. Và dân Chúa đã mong đợi, đã sống mùa vọng cuộc đời họ như thế nào? Tiên tri Isaia đã vạch ra, lên án những mặt tiêu cực trong cuộc sống mong đợi Đấng Cứu Thế của dân Chúa như sau:

“Này Chúa thịnh nộ, vì chúng tôi đã phạm tội. Chúng tôi đã luôn luôn ở trong tình trạng tội lỗi, thì làm sao sẽ được cứu rỗi. Tất cả chúng tôi đều đầy vết nhơ và công nghiệp chúng tôi đều như chiếc áo dơ bẩn. Và không còn ai kêu cầu thánh danh Chúa, không còn ai thức tỉnh để bám lấy Chúa. Chúa đã ẩn nắp không cho chúng tôi nhìn thấy nữa, và Chúa đã phó mặc chúng tôi cho quyền lực tội lỗi”.

Nhưng giữa những tâm hồn chai đá không còn kêu cầu thánh danh Chúa, không tỉnh thức bám lấy Chúa, cũng còn có những tâm hồn biết thức tỉnh, biết cầu nguyện như lời kêu cầu trong Thánh vịnh 79: *“Lạy Chúa thiên binh, xin thương trở lại; từ trời cao, xin nhìn coi và thăm viếng vườn nho này. Xin bảo vệ vườn nho mà tay hữu Ngài đã cấy; bảo vệ ngành nho mà Ngài đã củng cố cho mình”.*

Và nỗi khát vọng, niềm mong đợi của dân Chúa ngày ấy đã được thực hiện cách nay hơn hai ngàn năm. Đấng Cứu Thế đã đến, và đã ở cùng chúng ta.

Trải dài trong khoảng thời gian hơn hai ngàn năm qua, hằng năm, chúng ta vẫn sống lại mùa vọng năm xưa ấy. Nhưng chúng ta chỉ sống hoài niệm

về một mùa vọng đã qua hay từ đó chuẩn bị cho một mùa vọng khác: mùa mong đợi Đấng Cứu Thế sẽ đến lần thứ hai, như 10 cô trinh nữ thấp đèn đi đón Chàng Rể đến để được vào dự tiệc cưới, như những người đầy tớ mong Ông Chủ đi xa sẽ trở về?

Sống lại mùa vọng năm xưa để sống mùa vọng hôm nay.

Ngày nay, chúng ta được may mắn hơn dân Chúa xưa kia là đã có Đấng Cứu Thế giáng trần và đã cùng đồng hành với chúng ta trong số phận con người như lời Thánh Phaolô trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: *“Trong Thiên Chúa, anh em được tràn đầy mọi ơn: ơn ngôn ngữ và ơn hiểu biết, đúng như Chúa Kitô đã minh chứng nơi anh em, khiến cho anh em không còn thiếu ơn nào nữa trong khi mong đợi Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta tỏ mình ra. Cũng chính Ngài sẽ ban cho anh em bên vừng đến cùng, không có gì đáng khiển trách trong ngày Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta ngự đến”*.

Giống như *“Ông chủ đi phương xa, để cửa nhà lại, trao quyền hành cho các đầy tớ, mỗi người một việc và căn dặn người giữ cửa lo tinh thức.”*

Khi ông chủ ra đi là lúc chúng ta sống bơ vơ, *“đi lạc xa đường Chúa, và làm cho tâm hồn chúng tôi trở nên chai đá không còn biết kính sợ Chúa nữa.”*

Mùa vọng hôm nay là thời gian mong đợi ông chủ trở về, được sum họp với ông chủ sau những ngày xa cách. Mỗi giờ, mỗi ngày trong cuộc sống chúng ta là một mùa vọng, một mùa mong đợi Chúa Phục sinh trở lại lần thứ hai.

Trạng thái của người mong đợi ông chủ trở về là coi chừng, tinh thức và cầu nguyện như Chúa Giêsu phán cùng các môn đệ rằng: *“Chúng con hãy coi chừng, hãy tinh thức và cầu nguyện, vì chúng con không biết lúc đó là lúc nào”*.

Lúc nào ông chủ trở về, không ai biết. Có thể ông sẽ trở về lúc chúng ta đang ngủ mê, lúc chúng ta mất canh chừng, mất cảnh giác, thiếu thức tỉnh, khi chúng ta đang vui mừng trong men chiến thắng của danh vọng, bạc tiền, khi sức khoẻ đang thời sung mãn, khi đang mãn nguyện với những thành đạt, khi đang chạy theo đam mê cuốn hút.

Sống mà không canh chừng, không thức tỉnh, không cầu nguyện thì khác nào chúng ta đang ngủ mê! Mỗi ngày đều kêu gọi chúng ta thức tỉnh. Thức tỉnh trong sự mong đợi. Thiếu thức tỉnh là khi chúng ta sống thờ ơ, sống nhàm chán, trống rỗng.

Để có được sức mạnh thức tỉnh, chúng ta cần phải kết hợp với cầu nguyện. Đó là sự thức tỉnh về mặt thiêng liêng, nghĩa là luôn hướng lòng về Thiên Chúa và tha nhân, là sống kết hợp với Ngài, biết tin tưởng phó thác vào tình yêu của Ngài, là sống trong tình yêu.

Là người Kitô hữu, chúng ta phải luôn sống trong những trạng thái ấy. Mỗi ngày qua đi, đối với chúng ta, có thể là ngày gặp gỡ Thiên Chúa khi đối mặt với sự chết. Mỗi ngày cũng có thể là một thức tỉnh về sự trở lại trong vinh quang của Chúa Giêsu khi Ngài đã phó thác cho Chúa Cha thể giới biến dạng trong đó có chúng ta. Do đó, người Kitô hữu phải luôn sẵn sàng, coi chừng, tỉnh thức và cầu nguyện, vì chúng ta không biết lúc nào, vào thời điểm nào ông chủ sẽ trở về. Nếu Thiên Chúa trở lại lúc này, liệu chúng ta đã sẵn sàng vứt bỏ tất cả để cuốn theo cơn lốc cuối cùng của sự phục sinh không?

Đối với người Kitô hữu, mùa Vọng là thời gian nắm bắt lại cuộc sống của Đấng vẫn đến mỗi ngày để thức tỉnh chúng ta qua những tiện nghi, để thúc bách chúng ta khỏi những thói quen ích kỷ và cố chấp.

Bước vào Mùa Vọng hằng năm, chúng ta không chỉ sống lại những niềm khát vọng, mong đợi Đấng Cứu Thế đến như dân Chúa xưa kia đã sống, không phải chỉ để tưởng niệm một biến cố lịch sử đã qua, không phải chỉ để mừng vui về Đấng Cứu Chuộc đã giáng thế lần thứ nhất, mà còn là cơ hội nhắc nhở chúng ta sống mong đợi và khát vọng về một cuộc giáng thế lần thứ hai của Chúa Giêsu.

Như Claude Ducaroz đã tâm sự: “Tôi thích xem mùa vọng như một cuộc gặp gỡ Đấng tôi yêu và mãi mãi ở bên Đấng ấy hơn là xem mùa vọng như một sự trở về rồi lại ra đi.”

Sống lại Mùa Vọng hằng năm giúp chúng ta sống lại mùa vọng năm xưa, nhưng đồng thời cũng là thời điểm cho chúng ta sống một mùa vọng cho tương lai của cuộc sống của mỗi người và của nhân loại, đó là mong đợi gặp gỡ Thiên Chúa Tình yêu lại đến trong vinh quang.

CN II MV/B

Bài đọc 1: (Is. 40: 1-5,9-11). Bài đọc 2: (2Pr. 3:8-14). Tin Mừng: (Mc. 3: 1-8)

LÀM ĐƯỜNG CHO CHÚA

“**H**ãy dọn đường Chúa, hãy sửa đường Chúa cho ngay thẳng”. Đó là lời kêu gọi của Chúa qua miệng tiên tri Isaia xưa kia; và lần nữa, lời kêu gọi ấy lại được lặp lại qua miệng Gioan Tẩy giả, vị tiên tri cuối cùng của thời Cựu Ước sống trong hoang địa, mặc áo lông lạc đà, thắt lưng bằng dây da thú, ăn châu chấu, uống mật ong.

Lời kêu gọi bao lần
Đã bao kẻ thiệt thân
Và Gioan lần nữa:
Hãy dọn đường cho Chúa
Quanh co, uốn cho ngay
Gỗ ghe, san cho phẳng
Hố sâu, lấp cho đầy
Hoang địa nơi thanh vắng
Sám hối và ăn năn
Lấp hố sâu đục vọng
Bạt đồi núi kiêu căng
San cho bằng thù hận
Uốn cho thẳng ghét ghen
Kìa trời mới đất mới
Chúa Cứu Thế dẫn đường
Tất cả cùng tiến tới
Trong nhịp bước yêu thương.

Từ xa xưa cho đến ngày nay, chúng ta vẫn luôn được kêu gọi: “*Hãy dọn đường Chúa, hãy sửa đường Chúa chúng ta trong hoang địa cho ngay thẳng*”.

Con đường Chúa cần chúng ta sửa lại, dọn sạch, cần chúng ta làm mới là con đường ngay thẳng cho Chúa trong hoang địa. Con đường ấy không có những hố sâu ngăn cách thù hận, không có những núi đồi kiêu căng ích kỷ, không có quanh co đối trá ghen ghét, không có những gỗ ghe đắm mê

dục vọng. Con đường Chúa muốn chúng ta dọn cho Ngài là con đường yêu thương tha thứ, là con đường hy sinh chấp nhận vì yêu.

Trước tiên, con đường Chúa muốn chúng ta dọn sửa cho Ngài là con đường băng qua sa mạc hoang địa. Đó là con đường sám hối, ăn năn.

Con đường trong hoang địa không có phố xá tráng lệ, không có những nơi để thỏa mãn đam mê dục vọng, không có những cuốn hút làm cho lữ khách sao nhãng đích đến trong hy vọng.

Con đường Chúa Cứu Thế sẽ đi qua không phải là con đường ngập tràn cờ hoa chào đón, không phải là con đường trơn tru hoành tráng, nhưng là con đường thẳng không có hố sâu, không khúc khuỷu, không núi đồi, đi giữa vùng hoang địa của ăn năn và sám hối.

Sửa lại, uốn nắn lại, đổi mới những gì lệch lạc, lỗi thời, hư hao trong tư tưởng và hành động, nơi thân xác và tâm hồn trong cuộc sống của chúng ta. Sửa lại đức tin thụ động chỉ vì lợi ích cho riêng mình bằng một đức tin năng động đi đôi với việc làm; sửa lại những lệch lạc trong cách yêu thương và tha thứ không phải bằng môi miệng nhưng bằng cảm thông, phục vụ và chấp nhận; uốn nắn lại lòng yêu Chúa yêu người sao cho hợp với Tin Mừng Chúa đã truyền dạy. Uốn nắn lại cách nhìn tha nhân sao cho mọi người là anh em cùng một Cha.

Dọn đi, vứt bỏ đi những gì trái nghịch với tư tưởng và đường lối của Thiên Chúa, những gì không cần thiết có thể làm vấp ngã hay cản bước trên đường đi. Đó là những hố sâu ngăn cách thù hận, là những núi đồi kiêu căng tự mãn, là những quanh co đố kỵ ghét ghen, là những gồ ghề ích kỷ cách biệt.

Con đường thẳng là con đường ngắn nhất dẫn đến đích điểm phải tới.

Con đường ngày nào Chúa đã đi qua là con đường hiu quanh, nghèo khó, lạnh lẽo nơi hang Bêlem, là con đường tử nạn vác thập giá lên đồi Canvê; và mức đến của con đường ấy là chịu đóng đinh và chết cô đơn, nhục nhã trên thập giá giữa hai tên trộm.

Đích đến của con đường ấy là sự cứu rỗi, là sự Phục sinh của Chúa Giêsu Kitô sau cái chết trên thập giá, là vinh hiển Chúa xuất hiện và mọi người sẽ được thấy vinh quang Thiên Chúa, là trời mới đất mới

Con đường mà Chúa muốn chúng ta làm cho Ngài là con đường có thể

dẫn Ngài đi đến bất cứ nơi nào cần yêu thương, cần hòa bình, khát khao chân lý... Đó là con đường sám hối bản thân, con đường yêu thương tha thứ, con đường hoà bình, hoà hợp và công lý.

Xin được dùng lời cầu nguyện sau đây của Cha Louis Joseph Lebet, một cựu sĩ quan hải quân, là một tu sĩ dòng Đaminh người Pháp, là người khởi xướng học thuyết “Kinh tế và nhân bản”, để kết thúc bài chia sẻ hôm nay:

“Lạy Chúa, lỗi tại con.

- . Tại con không chân thành yêu thương anh em con.
- . Tại con không cảm thấy đau khổ trước những sự khốn cùng của anh em con.
- . Tại con hay thờ ơ lãnh đạm bên cạnh những người xấu số.
- . Tại con khinh rẻ nhiều người, nhất là những người nghèo hèn, những người có địa vị, kiến thức kém hơn con.
- . Tại con đã quên hay thất hứa khi con đã hẹn với người ta.
- . Tại con đã không giữ đúng như lời con đã cam kết.
- . Tại con không ăn ở dễ dãi với kẻ khác, không sẵn sàng với kẻ khác.
- . Tại con không biết tìm hiểu hoàn cảnh của người ta.
- . Tại con đã từ chối một sự giúp đỡ, theo tính ích kỷ của con.
- . Tại con đã không ra tay xoa dịu một vết thương mà lẽ ra con phải làm.
- . Tại con chỉ lui tới, kết nghĩa với những người mà con mong sẽ đem lại lợi ích cho con.
- . Tại con đã làm tổn thương người ta nhiều vì lời ăn tiếng nói của con.
- . Tại con hạ bệ những kẻ đối nghịch với con.

...

Nên anh em con đã bị tổn thương nhiều cả hồn lẫn xác

Lạy Chúa, lỗi tại con! Xin Chúa tha thứ cho con. Và con cũng xin Chúa tha thứ cho những anh em vì lời của con mà họ đã sống bất xứng.”

Hôm nay, con đường Chúa muốn chúng ta làm, sửa, dọn là con đường tâm hồn sám hối ăn năn để *“theo như lời Ngài đã hứa, chúng ta mong đợi trời mới đất mới trong đó công lý sẽ ngự trị”*.

CN III MV/B

Bài đọc 1: (Is. 61: 1-2,10-11). Bài đọc 2: (1 Tx. 5: 16-24).

Tin Mừng: (Ga 1: 6-8,18-28)

GIOAN, NGƯỜI TIỀN TRẠM

Trong *Lời Mở Đầu* cuốn *Tin Mừng* của mình, Thánh Gioan đã xác nhận: *“Có một người được Thiên Chúa sai đến, tên là Gioan... Ông không phải là ánh sáng, nhưng ông đến để làm chứng về sự sáng.”*

Vậy Gioan, ông là ai?

Chính ông Gioan, được mệnh danh là Gioan tẩy giả, sống trong hoang địa, ăn châu chấu, uống mật ong rừng, mặc áo lông lạc đà, thắt lưng bằng dây da thú đã mạnh dạn quả quyết: *“Tôi không phải là Đấng Kitô. Tôi không phải là Êlia. Tôi cũng không phải là một đấng tiên tri nào khác. Tôi là tiếng kêu trong hoang địa: hãy sửa cho ngay đường để Chúa đi”*.

Như thế ông Gioan là người tiền trạm của Chúa Kitô. Ông có hai nhiệm vụ chính là hô hào dân chúng sửa đường cho ngay thẳng bằng sám hối ăn năn để Chúa đi và làm chứng về ánh sáng, về Đấng Thiên Sai.

Ông đang thực hiện nhiệm vụ thứ nhất *“tiếng kêu trong hoang địa”*. Ông *“rao giảng kêu gọi người ta chịu phép rửa tỏ lòng sám hối để được ơn tha thứ. Mọi người từ khắp miền Giuđê và thành Giêrusalem kéo đến với ông. Họ thú tội, và ông làm phép rửa cho họ trong sông Giođan”*.

Trong số tư tế và mấy thầy Lêvi được cử đến, có mấy người thuộc phái Pharisiêu thắc mắc: *“Ông không phải là Đấng Kitô, không phải là tiên tri Êlia, cũng không phải là một tiên tri nào khác. Tại sao ông làm phép rửa?”*

Để tránh ngộ nhận, ông Gioan đã xác nhận: *“Tôi đây làm phép rửa trong nước. Nhưng có một Đấng đang ở giữa các ông mà các ông không biết. Đấng ấy sẽ đến sau tôi, và tôi không đáng cúi quai dép cho Người”*.

Đấng ấy là ai? Ngay chính ông Gioan cũng chưa thấy, chưa biết, làm sao mà làm chứng về Đấng ấy được đây! *“Tôi đã không biết Người, nhưng để Người được tỏ ra cho dân Israen, tôi đến làm phép rửa trong nước”*.

Nhưng chỉ có thể thôi thì làm sao đủ chứng cứ để làm chứng cho Đấng ấy được!”

Bí mật! Ông Gioan đã có cách phát hiện ra Đấng ấy. Cách nào? Đó là

qua việc làm phép rửa trong nước. Nhưng ông đã làm phép rửa cho biết bao nhiêu người ở Giuđê, ở Giêrusalem mà vẫn chưa giới thiệu được cho dân chúng Đấng ấy là ai.

Và ông Gioan vẫn cứ âm thầm chờ đợi trong khi làm phép rửa cho dân chúng. Ông đang chờ một dấu hiệu mà chỉ một mình ông biết và bây giờ ông mới tiết lộ: *“Chính Đấng sai tôi đi làm phép rửa trong nước đã bảo tôi: “Người thấy Thần Khí xuống và ngự trên ai, thì người đó chính là Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần.”*

Cuối cùng ông Gioan đã nhận ra Đấng ấy khi ông làm phép rửa cho Người: *“Tôi đã thấy Thần Khí tựa chim bồ câu từ trời xuống và ngự trên Người... Nên xin chúng thực rằng Người là Đấng Thiên Chúa tuyển chọn”.*

Đấng ấy là Con Thiên Chúa, là Đấng Thiên Chúa tuyển chọn, là Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần, là Chiên Thiên Chúa.

Hai nhiệm vụ của người tiên trạm Gioan đã được thực hiện. Bây giờ đến mình, chúng ta cũng có hai nhiệm vụ được giao phó: rao giảng và làm chứng.

Con đường ông Gioan kêu gọi dân chúng sửa soạn cho Chiên Thiên Chúa đi qua là một con đường hai chiều: Chúa Giêsu đã từ trời xuống thế gian, chúng ta phải đến với Ngài bằng con đường ăn năn sám hối và từ đó lại “U turn” để cho người khác biết Ngài là ai và làm chứng về Ngài như Gioan đã làm.

Để thực hiện hai nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng cứu độ và làm chứng cho mọi người về Đấng Thiên Sai, về Thiên Chúa Tình Yêu, là người Kitô hữu, chúng ta phải sống và thực hành những gì Chúa đã truyền dạy.

Chúng ta có quyền “hãnh diện mình là người Công giáo”. Chúng ta có quyền hãnh diện về những gì chúng ta tin qua kinh *Tin Kính* cũng như những người thuộc các tôn giáo khác cũng hãnh diện về những gì họ tin vào những giáo lý của tôn giáo họ, nhưng niềm hãnh diện ấy không cho phép chúng ta tự khép mình vào tự mãn, tự phụ cho mình vượt trên những người không cùng tôn giáo với mình. Điều quan trọng là chúng ta đã thực sự sống, đã thực hành những gì chúng ta tin chưa; đó mới là điều chúng ta đáng hãnh diện.

Một lần kia, khi bàn đến chuyện một người không phải Công giáo, nhưng được ơn lạ chữa lành bệnh. Một người Công giáo kia nhận định: “Anh ta không phải là người công giáo mà được ơn lạ như thế, chắc là anh ta đạo

đức lắm!” Nói như thế có phải là ngầm cho rằng người Công giáo là những người đạo đức hơn người! Người Công giáo có thể tự phụ, tự mãn như thế được sao!

Lại một trường hợp khác xảy ra trong dịch vụ mua bán. Có một người khách hàng kia ghé tiệm vàng nọ để mua một chỉ vàng. Sau khi cho biết giá cả, chị bán hàng kia quả quyết: “Hàng em bán là hàng đúng chất lượng. Giá phải chăng. Em không nói thách chị đâu. Em là người có đạo Công giáo”. Tin người bán hàng, chị kia không trả giá, mua một chỉ vàng. Nhưng khi cần tiền, chị kia đem bán chỉ vàng. Người mua chê vàng kém chất lượng, mua lại chỉ bằng nửa số tiền chị đã mua. Như thế là hành diện vì là người Công giáo hay lợi dụng danh xưng “có đạo”!

Chúng ta có quyền hành diện mình là người Công giáo, là môn đệ, là tín hữu Kitô khi chúng ta đã sống và đã thực hành những gì Chúa đã truyền dạy. Đó mới là lời rao giảng, cách làm chứng sống động và hữu hiệu nhất.

Ai nghe chúng ta rao giảng, ai tin những gì chúng ta nói khi chưa thấy chúng ta làm! Làm sao chúng ta làm chứng về Chúa chúng ta được khi mình chỉ muốn làm chứng về mình hơn là làm chứng về Chúa.

Nhiệm vụ của người tiên tri là giới thiệu yếu nhân sẽ đến là ai, chuẩn bị cách tiếp đón yếu nhân ấy như thế nào. Chúng ta đã thực hiện vai trò tiên tri của chúng ta như thế nào?

Để kết thúc, xin được nhắc lại lời của ông Gioan như một gương rao giảng và làm chứng về Con Thiên Chúa xuống thế làm người: *“Tôi không phải là Đấng Kitô. Tôi không phải là Êlia. Tôi cũng không phải là một đấng tiên tri nào khác. Tôi là tiếng kêu trong hoang địa: hãy sửa cho ngay đường để Chúa đi... Tôi đây làm phép rửa trong nước. Nhưng có một Đấng đang ở giữa các ông mà các ông không biết. Đấng ấy sẽ đến sau tôi, và tôi không đáng cúi quai dép cho Người”*.

Chưa sống, chưa thực hành giáo lý của Chúa, thì lời rao giảng của chúng ta cũng chỉ là những lời nói suông.

CN IV MV/B

Bài đọc 1: (2Sm. 7: 1-5,8-11,16). Bài đọc 2: (Rm. 16: 25-27).

Tin Mừng: (Lc. 1: 26-38)

HAI TIẾNG “XIN VÀNG”

Chúng ta đang xem tập I của bộ phim nhiều tập mà chúng tôi tạm đặt tên là *Chương Trình Cứu Độ*. Tập I từ Chúa nhật thứ nhất cho đến Chúa nhật thứ ba, mùa Vọng, năm B, có tựa đề là “Đi Tim Đấng Thiên Sai”. Đây là phần giới thiệu nhân vật chính. Nhân vật chính là ai? Có phải là ông Gioan sống trong hoang địa không? Ông không ăn mặc sùng sinh như các thầy thượng tế, nhưng mặc áo lông lạc đà, thắt lưng bằng dây da thú. Thức ăn của ông không phải là thịt dê hay cá sấu... nhưng là châu chấu. Ông không uống coca cola, không uống bia hay nước lọc, nhưng uống mật ong rừng. Ông có biệt hiệu là Gioan tiền hô, vì ông luôn kêu gọi mọi người sám hối ăn năn, hô hào dân chúng dọn đường sửa lối cho Chúa; hay còn có biệt hiệu khác là Gioan tẩy giả, vì ông đi khắp mọi miền để làm phép rửa cho ai tin lời ông nói. Dân chúng thắc mắc: ông ta có phải là Đấng ấy chăng? Hay ông ta là một tiên tri nào đó? Tại sao ông lại làm những việc ấy? Và ông đã thẳng thắn trả lời: tôi không phải là Đấng ấy. Đấng ấy có trước tôi, nhưng đến sau tôi, cao trọng hơn tôi. Tôi không đáng cởi dây giày cho Ngài.

Vậy Đấng ấy là ai? Và cuối cùng, theo lời Đấng sai ông đi làm phép rửa trong nước, và nhờ phép rửa, ông đã “*thấy Thần Khí tựa chim bồ câu từ trời xuống và ngự trên Đấng ấy*”. Đó là Đấng Thiên Chúa tuyển chọn, là Chiên Thiên Chúa, là Đấng xóa tội trần gian.

Tập I đã kết thúc; nhưng khán giả vẫn còn thắc mắc: Đấng ấy con cái nhà ai? Quê quán ở đâu? Thuộc dòng tộc nào?...

Người đạo diễn đưa chúng ta trở lại quá khứ 30 năm về trước tại thành Nazareth thuộc xứ Galilêa, có một đôi vợ chồng vừa mới đính hôn. Chàng trai tên là Giuse độ chừng 30 tuổi hơn, thuộc dòng tộc vua Đavít; còn nàng là Maria đang ở độ tuổi 14, 15, con gái ông bà Gioankim và Anna. Cả hai Giuse và Maria đều nguyện hứa sống đời sống đồng trinh, khiết tịnh. Tuy chưa chung sống với nhau, nhưng một hôm, Thiên thần Gabriel được Thiên Chúa sai đến với Maria và báo cho cô biết rằng: “*Trinh nữ sẽ thụ thai, sẽ sinh hạ một con trai và đặt tên là Giêsu.*” Maria bàng hoàng lo sợ: “*Việc đó*

xảy ra thế nào được, vì tôi không biết đến người nam?” Thiên thần đáp lại: “Chúa Thánh Thần sẽ đến với trinh nữ và uy quyền Đấng Tối Cao sẽ bao trùm trinh nữ. Vì thế, Đấng trinh nữ sẽ sinh ra là Đấng Thánh và được gọi là Con Thiên Chúa. Và này, Êlisabeth chỉ họ trinh nữ cũng đã thụ thai con trai trong lúc tuổi già...; vì không có việc gì mà Chúa không làm được”. Maria liền thưa: “Này tôi là tôi tớ Chúa, tôi xin vâng như lời Thiên thần truyền”.

Nghe tin anh chị họ là Giacaria và Elisabeth có thai được sáu tháng, Maria đã lên đường đi thăm anh chị. Như thế, Gioan tiền hô và Giêsu là anh em họ; và cả hai cũng đã 30 mươi tuổi.

Chúng ta tạm dừng tại đây. Xin mời khán giả xem tiếp phần sau để biết nhân vật chính chào đời ra sao, trong hoàn cảnh nào vào tuần tới.

Sau đây xin được trao đổi vài nhận định về về việc thụ thai của trinh nữ Maria.

Điểm đầu tiên chúng ta cần xác tín như lời Thiên thần Gabriel nói với Maria là: *“Không có việc gì mà Chúa không làm được”.*

Khi đã xác tín như thế rồi, thì chuyện trinh nữ Maria sinh con mà vẫn đồng trinh, chuyện không biết người nam mà có thai, hay chuyện ông bà già Giacaria và Êlisabeth có con ở tuổi già, chỉ là những chuyện nhỏ đối quyền năng của Thiên Chúa. Chính vì bán tín, bán nghi của Giacaria khi Thiên thần Gabriel báo cho ông biết là vợ ông sẽ có thai, sẽ sinh con trai, nên ông đã bị cảm cho đến ngày Gioan chào đời. Ngược lại, khi trinh nữ Maria nghe Thiên thần giải thích, nàng đã khiêm tốn xin vâng: *“Này tôi là tôi tớ Chúa, tôi xin vâng như lời Thiên thần truyền”.*

Như Giacaria đã thắc mắc: *“Làm sao tôi biết được, vì tôi đây đã già, và vợ tôi cũng đã cao niên”*; trinh nữ Maria cũng thắc mắc: *“việc ấy xảy ra thế nào được, vì tôi không biết đến người nam?”*

Điểm khác biệt giữa phản ứng của Giacaria và của Maria là tín thác hoàn toàn vào quyền năng của Thiên Chúa hay tin mà vẫn còn nghi ngờ.

Ông Giacaria đã cầu xin cùng Thiên Chúa như lời Thiên thần đã xác nhận: *“Giacaria, đừng sợ, vì lời người cầu nguyện đã được nhậm rồi”*; nhưng khi được thông báo, ông lại nghi ngờ, vì thế ông bị cảm nín cho đến ngày những sự việc ấy sẽ xảy ra. Còn trinh nữ Maria không xin điều đó, một chuyện xảy ra bất ngờ, nên nàng có quyền biết lý do; và khi được giải thích, Maria đã mau mắn: Xin vâng.

Hai tiếng “Xin vâng” của trinh nữ Maria như một tiếng thờ phào trong niềm hân hoan vui mừng; vì như thế, chương trình cứu độ của Thiên Chúa vẫn được tiến hành như dự định. Giả như có ai đó đặt vấn đề: nếu Thiên Chúa cho con người có tự do, và vì tự do, trinh nữ Maria không ưng thuận thì sao? Đặt vấn đề như thế cũng chỉ vô ích. Chuyện đã rồi. Có thắc mắc hay vắn vẹo thì Chúa Cứu thế cũng đã đến; và hãy nhớ lại lời Chúa đã nói: hãy trả lại cho Xêda những gì thuộc quyền lực của Xêda và hãy trả lại cho Thiên Chúa những gì thuộc quyền lực của Thiên Chúa.

Sao chúng ta không cùng bà Êlisabeth tán dương: *“Em được chúc phúc giữa các phụ nữ và con lòng em được chúc phúc. Bởi đâu chị được Mẹ Thiên Chúa đến viếng thăm”*.

Sao chúng ta không cùng Mẹ Maria hát bài ca Magnificat để cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho chúng ta một người Mẹ:

“Linh hồn tôi ngợi khen Chúa và thần trí tôi hoan hỉ trong Thiên Chúa Đấng cứu độ tôi, vì Người đã nhìn thấy phận hèn tôi tớ Người, thực từ đây thiên hạ muôn đời sẽ khen rằng tôi có phúc; vì Đấng đã làm cho tôi những điều trọng đại. Người quyền năng và danh Người là Thánh...”

Vai trò của Mẹ Maria trong chương trình cứu độ trần gian thật trọng đại.

Hai tiếng “Xin vâng” vừa thoát khỏi môi miệng của Mẹ, thì Ngôi hai, Con Thiên Chúa, đã ngự xuống trong cung lòng Mẹ để mặc lấy xác phàm của con người. Sự hiệp nhất giữa bản tính Thiên Chúa với bản tính loài người đã được thực hiện. Và ngay lúc đó, Thiên Chúa đã ban cho Mẹ đầy ơn phúc để xứng hợp với chức vụ làm mẹ Thiên Chúa. Mẹ đã trở nên Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người.

Và cũng từ hai tiếng “Xin vâng” của Mẹ mà *“Mâu nhiệm được giữ kín đời đời, nhưng nay được tỏ bày”* như Thánh Phaolô đã viết trong thư gửi tín hữu Rôma và lời hứa của Thiên Chúa với vua Đavít cũng được ứng nghiệm: *“Nhà của ngươi và triều đại của ngươi sẽ vững chắc đến muôn đời trước mặt Ta; ngôi báu ngươi sẽ vững bền mãi mãi”*.

Như Chúa Giêsu và Mẹ Maria đã chọn chân lý và lẽ sống cho đời mình là “Vâng theo thánh ý Chúa”, thì chân lý ấy, lẽ sống ấy cũng phải là chân lý và lẽ sống quan trọng nhất cho cuộc sống chúng ta vậy.

LỄ GIÁNG SINH

Thánh lễ vọng: Tin Mừng: (Mt. 1:1-25). Thánh lễ đêm: Tin Mừng: (Lc. 2: 1-14).
Thánh lễ rạng đông (Lc. 2:15-20). Thánh lễ ban ngày (Ga.1:1-18)

EMMANUEL

Có người cho rằng: Thiên Chúa quyền năng, thông biết mọi sự thì cần gì phải xuống thế làm người trong hình hài bé bỏng của một em bé, cần gì phải ba mươi ba năm vất vả cực khổ, rồi cuối cùng lại phải chết nhục nhã trên thập giá mới cứu chuộc được nhân loại! Chỉ cần Chúa phán một lời là mọi chuyện đâu vào đó. Chúa không xuống thế làm người thì chắc cũng chẳng có ai dám oán trách Chúa. Lại có người thắc mắc: Chúa là Vua vũ trụ, là Chúa tể muôn loài, sao không chọn một nơi quyền quý, cao sang để sinh ra lại sinh ra trong một hoàn cảnh thiếu thốn, bần cùng, cơ cực nơi hang Bêlem?

Vào một đêm Giáng sinh nọ, một người kia thắc mắc không hiểu vì sao Thiên Chúa lại chọn con đường tự hạ thành một con trẻ yếu ớt, sinh ra nơi hang đá dơ bẩn vào một đêm đông tại Bêlem.

Trong lúc đang trầm ngâm suy tư về điều ấy, ông bỗng nghe có tiếng động bên ngoài cửa sổ. Ông nhìn ra thì thấy một bầy ngỗng trời đã đáp xuống khu vườn sau nhà ông. Ngoài trời tuyết đang rơi. Bầy ngỗng trời này bay xuôi từ vùng Bắc cực về vịnh Mêxicô. Loài ngỗng có tập quán bay từng đàn, nếu trong đàn có một con bị thương, thì cả bầy cùng đáp xuống chứ không bỏ mặc con bị thương một mình. Trên đường di chuyển, một con ngỗng bị thương, nên cả đàn đã đáp xuống khu vườn nhà ông. Cảm động, ông vội vã chạy ra để giúp đàn ngỗng đang thương kia.

Nhưng khi thấy ông xuất hiện, đàn ngỗng hoảng sợ bay tán loạn. Ông mở cửa nhà xe, cố lừa tất cả chúng vào đó để gọi cho Hội Bảo Vệ Ngỗng Trời đến giúp đỡ. Nhưng mọi cố gắng của ông đều vô ích. Ông càng cố gắng dẫn chúng vào nhà xe lại càng làm cho chúng thêm hoảng sợ và bị thương nhiều hơn. Trong lúc đang hốt hoảng, ông thấm ước: giá như mình cũng là con ngỗng trời, biết được ngôn ngữ của chúng để nói cho chúng biết là mình đang cố sức giúp đỡ chúng thì hay biết mấy! Và ngay lúc ấy, trong đầu ông lóe lên một tư tưởng giúp ông hiểu ra vì sao Chúa Giêsu đã xuống thế làm người!

Hài Nhi Giêsu được gọi là Chúa Kitô giáng sinh như thế nào?

Maria và Giuse đã đính hôn với nhau; nhưng trước khi về chung sống với nhau, Maria đã có thai; Giuse định tâm kín đáo bỏ đi; nhưng ngay khi ấy, Thiên Thần hiện đến với ông trong giấc mơ và bảo: “Hỡi Giuse, con vua Đavít, đừng ngại nhận Maria về nhà làm bạn mình: vì Maria mang thai là bởi phép Chúa Thánh Thần; Maria sẽ hạ sinh một con trai mà ông đặt tên là Giêsu.” Khi tỉnh dậy, Giuse đã thực hiện như lời Thiên thần truyền.

Thế rồi một sự việc xảy đến theo lệnh của hoàng đế Cêsarê-Augustô ban ra là khắp nơi phải làm sổ kiểm tra. Mọi người đều phải lên đường về quê quán mình. Giuse cũng rời thị trấn Nagiarét trong xứ Galilêa trở về quê quán của Đavít, gọi là Bêlem, vì Giuse thuộc hoàng gia và là tôn thất dòng Đavít để khai kiểm tra cùng với Maria đang mang thai. Trong lúc đang ở đó, thì Maria đã đến ngày mãn nguyệt khai hoa. Không tìm được chỗ trong hàng quán, Maria đã phải sinh con trong một hang đá, bọc con trong khăn vải và đặt trong máng cỏ giữa đêm đông lạnh giá.

Những người được Thiên Thần Chúa báo tin vui đầu tiên là những người mục tử đang ở ngoài đồng và thức đêm để canh giữ đoàn vật của mình: *“Đây ta mang đến cho các ngươi một tin mừng đặc biệt, đó cũng là tin mừng cho cả toàn dân: Hôm nay Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế đã giáng sinh cho các ngươi”*.

Và bỗng chốc, cùng với các Thiên Thần, có một số đồng thuộc đạo binh thiên quốc đồng thanh hát khen Chúa rằng: *“Vinh danh Thiên Chúa trên các tầng trời và bình an dưới thế cho người thiện tâm”*.

Hài Nhi Giêsu là ai? Là Đấng công chính xuất hiện như ánh sáng, là Đấng cứu độ Sion đến như ngọn đuốc sáng ngời, là Emmanuel, nghĩa là Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta, là “Cố vấn kỳ diệu, Thiên Chúa huy hoàng, Người Cha muôn thuở, Ông Vua Thái Bình”, là Đấng Cứu Thế, là Ngôi Lời hóa thành nhục thể và ở giữa chúng ta, là Con Một đầy ân sủng

và chân lý của Chúa Cha. Tất cả những danh xưng ấy đã nói lên ý nghĩa và mục đích của việc Ngôi Hai giáng thế làm người.

Chúa xuống trần gian, mặc lấy thân xác con người không phải để biết con người sống làm sao, khổ cực như thế nào; Ngài thừa biết thân phận và

cuộc sống của con người như thế nào; nhưng Ngài nhập thể sống kiếp sống của con người là để cho con người hiểu biết về Thiên Chúa, về tư tưởng, tình cảm của Thiên Chúa đối với con người.

Bài học đầu tiên mà Ngôi Hai giảng thể muốn dạy cho chúng ta là bài học khiêm nhường và khó nghèo. Khiêm nhường và khó nghèo trong tinh thần là để cho quyền lực và ân sủng của tình yêu Thiên Chúa tác động nơi chúng ta.

Chúa giải thoát con người không phải bằng quyền lực từ xa như một người xa lạ, nhưng để đồng cảm và đồng hành cùng con người trong yêu thương. Ngài mang thân phận con người để cho chúng ta hiểu rằng Ngài “không phải là Đấng không thể cảm thông với những yêu đuối của chúng ta, mà là Đấng chịu mọi thử thách trong mọi sự như chúng ta, chỉ khác là không phạm tội”.

“Ngôi Lời hóa thành nhục thể và ở giữa chúng ta” là để đổi mới thân phận con người từ cõi chết sống lại, chỉ lối đi vào cõi trường sinh, cho con người tham dự vào bản tính Thiên Chúa.

“Đấng Cứu Thế” xuất hiện trên trần gian là để “ném lửa vào mặt đất và ước mong cho lửa ấy bùng lên”. Ngọn lửa ấy vừa là lửa tiêu diệt tội lỗi, lửa chiến thắng sự chết, lửa phá hủy thế giới mục nát vừa là lửa ban sự sống, lửa thông ban sự sống của Thiên Chúa cho con người, lửa xây dựng một thế giới mới, thế giới yêu thương.

Chính “Người Con Một đầy ân sủng và chân lý của Chúa Cha” là đã đem lại một khám phá mới làm cho con người thoải mãn được những khát vọng đi tìm nguyên lý của vũ trụ và của cuộc sống. Chính Ngôi Lời nhập thể làm người mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của chúng ta.

Như thế, Ngôi Hai giảng thể là Đấng giải thoát con người khỏi vòng nô lệ tội lỗi để vào thế giới tự do, là con đường hy vọng cho tương lai cuộc sống, là niềm vui và an bình trong cuộc sống hôm nay. Chính Ngôi Lời nhập thể làm người và ở giữa chúng ta mới có thể “giải nghĩa được chữ yêu”: “*Thiên Chúa đã yêu thương thế gian đến nỗi ban Con Một của Người*”. Vậy, chúng ta hãy “*Yêu như Thầy yêu thương chúng con*”.



LỄ THÁNH GIA

Bài đọc 1: (Hc. 3: 3-7,14-17a). Bài đọc 2: (Cl. 3:12-21).

Tin Mừng: (Lc. 2:22-40)

NAGIARÉT, MỘT GIA ĐÌNH GIỜNG MẪU

Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận trong cuốn *Những Người Lữ Hành Trên Đường Hy Vọng* có kể câu chuyện *Hai vợ chồng cảm* như sau:

Anh cảm, chị cũng cảm, thế mà vẫn tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân như mọi người khác! Chẳng những thế, gia đình hai anh chị còn là một gia đình làm ăn khấm khá và có được sáu người con. Xóm giềng thấy thế, ai cũng khen và mừng cho gia đình anh chị cảm: “Cảm cũng khổ mà cũng hay, khỏi có lời qua tiếng lại cũng chẳng phải nghe tiếng nặng tiếng nhẹ, bớt được nhiều vụ va chạm xich mich.”

Ai có ngờ đâu, con người có thật lắm cách để bày tỏ tình cảm của mình! Vợ chồng cảm mà vẫn cơm không lành, canh không ngọt. Cả hai cùng đưa nhau ra toà ly dị. Thiên hạ hiếu kỳ lại được dịp đi xem. Tòa cho họ ly dị và quyết định phân đôi đàn con, mỗi người phải nuôi ba đứa; cứ mỗi tháng, hai bên phải gặp nhau một lần để cho con cái thăm bố mẹ và anh chị em thăm nhau.

Thế nhưng vẫn không xuôi, lại đưa nhau ra toà lần nữa, vì mấy lần gặp nhau, cả hai vợ chồng vẫn có chuyện xich mich trong lúc con cái thì tíu tít vui vẻ. Tòa xử: “Từ nay, ba tháng mới được gặp nhau một lần”.

Được một thời gian, gia đình cảm ấy lại dắt nhau ra toà! Vì vợ chồng cảm vẫn tiếp tục gây sự. Tòa án phải đi đến giải pháp cuối cùng: “Từ đây, con đi thăm mẹ và anh chị em thì bố không được đi theo và ngược lại con đi thăm bố và anh chị em thì mẹ phải ở nhà.” Chùng đó mới yên được!

Ngày nay cuộc sống hôn nhân gia đình đang gặp nhiều khủng hoảng. Phong trào ly dị, ly thân đang gia tăng.

Nếu chỉ vì một nhan sắc “chim sa cá lặn” bên ngoài, vì danh vọng, bạc tiền, vì một “nụ cười có hàm răng đen”, mà tương tư, mà

“Minh về mình nhớ ta chăng?

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười

Năm quan mua lấy miệng cười
Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen
Răng đen ai nhuộm cho mình
Cho răng nàng đẹp cho tình anh say” (Ca dao)
thì rồi sẽ ra sao khi những nhan sắc ấy sẽ đến ngày tàn tạ, khi giàu sang
phú quý không phải là cứu cánh cuộc đời ...để rồi phải đôi ngã chia xa:

“Có tiền, vợ vợ chồng chồng

Hết tiền, chồng Đông vợ Đoài. (Ca dao)

hay nếu tình yêu chỉ được nhìn một phía: vì tôi không yêu người ấy nữa
hay vì người ấy không yêu tôi nữa thì rốt cuộc cũng sẽ dẫn đến chia ly
như Thế Lữ đã ngâm ngùi trong “Giây phút chạnh lòng”:

“Anh đi đường anh, tôi đường tôi

Tình nghĩa đôi ta có thể thôi

Đã quyết không mong sum họp mãi

Bận lòng chia nữa lúc chia phôi?”

Nếu chỉ nhìn bên ngoài để chê quả ấu đen đui thì làm sao biết được bên
trong quả ấu là ngọt bùi!

“Thân em như củ ấu gai

Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen

Ai ơi, nếm thử mà xem

Nếm ra mới biết rằng em ngọt bùi.” (Ca dao)

Gia đình là một “tiểu xã hội”, là một “Hội thánh nhỏ” gồm có ba thành
phần: cha-mẹ-con . Để cho “tiểu xã hội” hay “Hội thánh nhỏ” ấy phát triển
và lớn mạnh trong xã hội lớn hay Hội thánh lớn, các thành viên trong gia
đình phải chu toàn những bổn phận theo địa vị của mình như lời Thánh
Phaolô đã khuyên nhủ các tín hữu Côlossê: *“Hỡi các bà vợ, hãy phục tùng
chồng trong Chúa cho phải phép. Hỡi những người chồng, hãy yêu thương
vợ mình, đừng đay nghiến nó. Hỡi những người con, hãy vâng lời cha mẹ
trong mọi sự, vì đó là đẹp lòng Chúa. Hỡi những người cha, đừng nổi con
phần nộ với con cái, kéo chúng nên nhát đảm, sợ sệt”*.

Đối với vợ chồng, để có thủy chung

“Trăm năm ước nguyện chung tình

Trên trời dưới đất có mình có ta”. (Ca dao)

thì “Trên hết mọi sự, hãy có đức yêu thương”. Đức yêu thương được thể hiện qua những tâm tình: từ bi, nhân hậu, khiêm cung, ôn hòa, nhẫn nại, chịu đựng lẫn nhau, tha thứ cho nhau, học hỏi và nhủ bảo lẫn nhau, tất cả mọi chuyện chúng ta làm trong lời nói, và hành động đều hướng về danh Chúa Giêsu Kitô, nhờ Người mà tạ ơn Thiên Chúa Cha. Yêu thương là giây ràng buộc điều toàn thiện.

Chỉ khi nào vợ chồng sống với nhau bằng những tâm tình mà thánh Phaolô nêu trên thì mới có tình yêu đích thực, mới:

“Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp, gật đầu khen ngon.” (Ca dao)

hay cùng nhau sát cánh như:

“Vợ chồng như đôi cu cu

Chồng thì đi trước, vợ gật gù theo sau”. (Ca dao)

Cũng như Thiên Chúa, vì yêu thương loài người, nên Ngài đã tha thứ tất cả, chịu đựng tất cả, chấp nhận tất cả và hy sinh tất cả chỉ vì yêu.

Yêu thương đòi hỏi chúng ta hy sinh chính bản thân mình vì người mình yêu, tha thứ, chấp nhận những thiếu sót của người mình yêu.

Trong tình yêu gia đình, cả hai đã nên một, thì cũng đòi hỏi cả hai phải có trách nhiệm với nhau. Không phục tùng chồng thì cũng không phục tùng chính bản thân mình, đay nghiến vợ mình thì cũng đay nghiến mình; và còn một trách nhiệm quan trọng hơn nữa đó là trách nhiệm trong việc giáo dục con cái, những sản phẩm của tình yêu mang lại: *“Hỡi những người cha, đừng nổi cơn phẫn nộ với con cái, kẻo chúng nên nhất đảm, sợ sệt”*.

Còn với thành phần thứ ba trong “Hội thánh nhỏ” là ai ? Là con cái.

Với kẻ làm con, Thánh Phaolô cũng đã căn dặn: *“Hỡi những người con, hãy vâng lời cha mẹ trong mọi sự, vì đó là đẹp lòng Chúa”*; Và sách Huấn ca cũng đã dạy: *“Ai yêu mến cha mình thì đền bù tội lỗi, ai thảo kính mẹ mình, thì như người thu được kho tàng. Ai thảo kính cha mình, sẽ được vui mừng trong con cái, sẽ được sống lâu dài. Ai vâng lời cha, sẽ làm vui lòng mẹ. Hỡi kẻ làm con, hãy gánh lấy tuổi già cha người, chớ làm phiền lòng người khi còn sống...”*

Vừa được thụ phong Giám mục, Đức Cha Sartò (sau này là thánh Giáo Hoàng Piô X) liền ghé về nhà thăm mẹ. Ngài để tay lên bàn trước mặt người mẹ già nghèo khó và khoe: *“Mẹ xem đây này, chiếc nhẫn Giám mục mới của con”*.

Bà cố đưa bàn tay nhăn nheo của mình đặt trên tay con và bảo: “Nếu không có chiếc nhẫn cưới nghèo nàn của mẹ đây thì làm sao có chiếc nhẫn giám mục của con ngày hôm nay được!”

Nhìn vào thực tế của Gia đình Nagiarét, chúng ta thấy gì? Chẳng phải là một gia đình khá giả hay quyền thế gì, nhưng là một mái ấm gia đình khó nghèo, bình thường như bao gia đình bình thường khác, có khi còn khó khăn hơn: cũng có lúc không cửa không nhà, cũng có lúc phải phiêu bạt đây đó... Nhưng trong mái nhà Nagiarét, có niềm tin sâu xa vào Thiên Chúa, có những giây phút kết hợp cầu nguyện, có tình yêu mặn nồng tin tưởng lẫn nhau...

Thiên Chúa suy tôn người cha trong con cái, củng cố quyền lợi của người mẹ trên đàn con. Ngài đã suy tôn người cha nơi Thánh Giuse và củng cố quyền lợi của người mẹ nơi Mẹ Maria.



LỄ MẸ THIÊN CHÚA

Bài đọc 1: (Ds. 9: 22-27). Bài đọc 2: (Gl. 4: 4-7). Tin Mừng: (Lc. 2: 16-21)

ĐỨC MARIA, NGƯỜI MẸ PHỔ QUÁT

Những gì Hội Thánh Công Giáo tin về Đức Maria đều đặt nền tảng trên những gì Hội Thánh tin về Chúa Kitô, nhưng đồng thời giáo huấn về Mẹ Maria lại soi sáng thêm cho lòng tin vào Chúa Kitô.

Trong mục nói về Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa, sách *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* có đoạn viết: “*Trong các sách Tin Mừng, Đức Maria được gọi là “Mẹ Đức Giêsu” (Ga 2,1;19,25). Dưới sự thúc đẩy của Thánh Thần, Mẹ được xưng tụng là “Mẹ của Chúa tôi” (Lc. 1,43) ngay cả trước khi Con Mẹ sinh ra. Quả thế, Đáng mà Mẹ curu mang làm người bởi Thánh Thần, Đáng thực sự là Con Mẹ theo xác phàm, chính là Con hằng hữu của Chúa Cha, Ngôi Hai trong Ba Ngôi chí thánh. Vì vậy, Hội Thánh tuyên xưng Đức Maria thực sự là “Mẹ Thiên Chúa”.* (Sách *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*. Số 495)

Để xứng đáng được chọn làm mẹ Con Thiên Chúa, làm mẹ Đáng Cứu Thế, làm mẹ của “một hậu duệ sẽ chiến thắng ma quỷ” và là “mẹ của chúng sinh”, thì chắc chắn người phụ nữ ấy không thể là một phụ nữ bình thường, nhưng phải là một phụ nữ tuyệt vời về mọi phương diện.

Suốt thời cựu ước, trong số các phụ nữ từ Eva cho đến Sara, Hanna, Đêbôra, Rút, Giuditha, Êtte và các phụ nữ khác, sứ mạng làm mẹ Con Thiên Chúa đã được chuẩn bị từ trước, vì Đức Maria “*vượt trên tất cả những người khiêm hạ và khó nghèo của Chúa, là những người tin tưởng, hy vọng và được cứu độ.*” Đức Maria là người thiếu nữ thích hợp nhất để làm Mẹ Con Thiên Chúa và Thiên Chúa đã ban cho trinh nữ Maria nhiều ơn huệ xứng đáng với nhiệm vụ cao cả ấy.

Lúc truyền tin, chính thiên sứ Gabrien đã chào Maria: “*Kính chào trinh nữ đầy ơn phúc, Thiên Chúa ở cùng trinh nữ; trinh nữ được chúc phúc giữa các người phụ nữ*”. Và bà Elisabeth cũng đã có lời chúc mừng cho Maria: “*Em được chúc phúc giữa các phụ nữ và con lòng em được chúc phúc. Bởi đâu tôi được Mẹ Thiên Chúa đến viếng thăm tôi*”.

Và với quyền năng của Thiên Chúa thì những việc Đức Maria là người được tiền định làm mẹ Con Thiên Chúa, là Đáng vô nhiễm nguyên tội, là

người mẹ đồng trinh, là Đấng được cả hồn lẫn xác lên trời là những việc chẳng khó khăn gì, vì *“đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được”*.

Đức Maria thực sự là Mẹ Thiên Chúa như Công đồng Êphêsô đã tuyên bố. Danh hiệu “Mẹ Thiên Chúa” đã đặt Đức Maria ở một vị trí duy nhất trong lịch sử cứu chuộc; và đồng thời qua xác quyết ấy cũng nói lên rằng Chúa Giêsu thực sự là “Thiên Chúa ở giữa chúng ta” và rằng trong sự nhập thể, Ngài đã có một người mẹ nhân bản, vì thế Ngài cũng là một hữu thể nhân bản như chúng ta. Mẹ Maria đã là người nuôi dạy tính nhân bản cho Con Thiên Chúa từ lúc sơ sinh đến thời thanh thiếu niên của người Con Thiên Chúa giống như chúng ta về mọi phương diện ngoại trừ tội lỗi. Mẹ đã dạy cho người con ấy ăn uống, nói năng, đi đứng, cầu nguyện... Chính Mẹ Maria là người đã đem lại cho Con Thiên Chúa tính nhân bản trọn vẹn khi người con ấy mang lấy xác thịt của chúng ta để cất nhắc chúng ta lên làm con thiên Chúa.

Có câu kinh nào súc tích ca tụng Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa bằng kinh: *“Kinh mừng Maria đầy ơn phúc. Đức Chúa Trời ở cùng Bà. Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ và Giêsu, Con lòng đầy phúc lạ!”*

Từ lúc “Xin vâng” cho đến khi Con Thiên Chúa phục sinh và lên trời, Đức Maria đã cùng đồng hành với Chúa Kitô trên con đường cứu độ.

Để thực hiện chương trình cứu độ, Chúa Giêsu đã khai sinh Hội Thánh bằng việc rao giảng Tin mừng, đã thiết lập một cộng đoàn có cơ cấu. Để cộng đoàn này sẽ tồn tại mãi cho đến lúc Nước Trời được hoàn thành,

Ngay sau ngày Chúa Kitô lên trời, Đức Maria luôn sống trong đợi chờ Thánh Thần ngự đến như lời Con Mẹ đã hứa: *“Chính vì lợi ích của anh em mà Thầy ra đi. Vì nếu Thầy không ra đi Thánh Linh sẽ không đến với anh em; nhưng nếu Thầy ra đi, Thầy sẽ phái Đấng ấy đến với anh em”* (Ga 16,7). Đức Maria đã sống hiệp nhất với con mình bằng việc cầu xin Chúa Cha và Chúa con sai phái Chúa Thánh Thần xuống.

Hội Thánh đã được khai sinh vào ngày Lễ Hiện xuống. Hội Thánh là Mẫu nhiệm Chúa Kitô, là Cây Nho và Ngành Nho, gồm có Đầu là Chúa Kitô, Linh hồn là Chúa Thánh Thần và các chi thể là dân Thiên Chúa. Như Đức Maria tin tưởng đón nhận lời Thiên Chúa, nên Hội Thánh, vì “tin tưởng đón nhận lời Thiên Chúa, nên cũng được như mẹ. Thực vậy, nhờ việc rao giảng và ban phép rửa, Hội Thánh sinh hạ những người con được thụ thai bởi Thánh Thần. Họ được Thiên Chúa sinh ra để lãnh nhận đời sống mới bất diệt. Hội Thánh cũng

là trinh nữ, bởi đã giữ gìn toàn vẹn và tinh tuyền lòng trung nghĩa đối với phu quân”. (GLHTCG. số 507)

“Đức Trinh Nữ Maria đã “cộng tác vào việc cứu độ nhân loại, nhờ lòng tự do tin và tự do vâng phục”. Mẹ đã nói lên lời xin vâng “nhân danh toàn nhân loại”. Nhờ vâng phục, Mẹ đã trở thành Evà mới, mẹ của chúng sinh”. (GLHTCG. số 511)

Như thế Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa, Mẹ Hội Thánh và là Mẹ chúng ta, một người Mẹ phổ quát.

Mừng Lễ Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa, chúng ta hãy cùng Mẹ học cách nói “xin vâng” của chúng ta để đón nhận trong đức tin Đấng đã “chỉ biết xin vâng” và đã vâng lời cho đến chết để giải thoát chúng ta khỏi sự chết. Cuộc sống sinh ra từ thánh giá Chúa Kitô và lòng trắc ẩn của Mẹ Maria là một cuộc sống mới và vĩnh cửu, và trong cuộc sống ấy sự chết không còn quyền lực nữa, một cuộc sống ngay từ bây giờ được kêu gọi đến sự Phục sinh.

Mẹ là một mẫu mực về đức tin. Chúng ta hãy chạy đến với Mẹ để xin Mẹ giúp chúng ta sống trong đức tin những biến cố hằng ngày, những khó khăn trong gia đình, nơi công sở... Và tất cả những vấn đề của thế giới hôm nay.

Mẹ Maria không chỉ là người mẹ ban cho chúng ta Bánh sự sống nơi Chúa Kitô; Mẹ còn là điểm tuyệt vời của Phép Thánh Thể, là hoa trái tốt đẹp nhất của sự hy sinh của Chúa Kitô, Đấng đã hiến mạng sống mình cho tất cả anh em của Ngài. Cuộc sống của Mẹ là một sự ưng thuận hoàn toàn của tự do, của trái tim và của ý muốn đối với Thiên Chúa, luôn luôn hiệp thông với Chúa Giêsu, Đấng hiệp thông với Chúa Cha. Mẹ là mẫu mực về thái độ thiêng liêng; để từ đó rút ra được nhiều hoa trái, chúng ta cũng phải cử hành và sống Phép Thánh Thể bằng nhưng thái độ ấy.

Trước khi trút hơi thở cuối cùng trên Thánh giá, Chúa Giêsu đã trở lại: “Này là con Bà. Này là mẹ con”.

Chúng ta có hai người mẹ, một người mẹ sinh ra thân xác trong cuộc sống này và một Người Mẹ thiêng liêng trong cuộc sống mai sau, đó là Mẹ Maria, Mẹ Thiên Chúa, Mẹ Hội thánh và Mẹ hết thảy chúng ta.

“... ”

Mẹ như trời sương mai

Mẹ như muôn thảm ngọc

Lóng lánh cả một trời
Lung linh bốn phương lộc

Lòng Mẹ như đại dương
Ấp đầy ơn Thiên Chúa
Mẹ là cửa Thiên đường
Thênh thang và rộng rãi”.
(Xuân ly Băng. *Dâng Mẹ*)

“Thánh Maria, Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con là kẻ có tội khi này và trong giờ lâm tử. Amen.”

CN II SAU LỄ GIÁNG SINH

Bài đọc 1: (Hc. 24: 1-4. 12-16). Bài đọc 2: (Ep. 1: 3-6. 15-18). Tin Mừng: (Ga. 1: 1-18)

NGƯỜI YÊU CỦA TÔI Ở ĐÂU?

Mở đầu cuốn Phúc âm của mình, Thánh Gioan đã viết: *“Từ nguyên thủy đã có Ngôi Lời và Ngôi Lời vẫn ở với Thiên Chúa, và Ngôi Lời vẫn là Thiên Chúa... Mọi vật đều do Người làm nên... Ở nơi Người vẫn có sự sống, và sự sống là sự sáng của nhân loại: sự sáng chiếu soi trong u tối và u tối đã không tiếp nhận sự sáng”*. Nhưng tại sao Ngôi Lời lại phải *“hóa thành nhục thể và Người đã cư ngụ giữa chúng ta”*?

Chắc chắn, là người Kitô hữu, ai trong chúng ta cũng sẽ trả lời: Ngôi Lời đã hóa thành nhục thể, đã ở giữa chúng ta là vì yêu.

Thiên Chúa là Thiên Chúa Tình yêu. Từ ngàn đời, Ngài đã yêu thương con người. Thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Êphêô cũng đã viết: *“Ngài đã chọn chúng ta trong Chúa Kitô trước khi tạo thành thế gian, để chúng ta được nên thánh và trong sạch trước mặt Ngài, trong đức mến. Ngài đã tiền định cho chúng ta làm nghĩa tử của Ngài nhờ Chúa Giêsu Kitô”*.

Bằng cách này hay cách khác, Thiên Chúa vẫn luôn hiện diện với con người, vẫn sát cánh để cùng đồng hành với con người trong yêu thương.

“Ngài vẫn ở trong thế gian do Ngài tác tạo, nhưng thế gian đã không nhận biết Ngài. Ngài đã đến nhà các gia nhân của Ngài, và các gia nhân của Ngài đã không tiếp nhận ngài. Nhưng phạm bao nhiêu kẻ đã tiếp nhận Ngài, thì Ngài cho họ hưởng quyền trở nên con Thiên Chúa, tức là cho những ai tin vào danh Ngài”.

Thiên Chúa đã thể hiện lòng yêu thương của Ngài đối với con người bằng nhiều cách như *Thánh Vịnh 147* đã kể:

“Hỡi Giêrusalem, hỡi Sion, hãy ngợi khen Chúa, vì:

“Người đã giữ chặt các then cửa thành ngươi, Người đã chúc phúc cho con cái ngươi trong thành nội.

“Người sắp đặt bờ cõi ngươi trong thanh bình, cho ngươi hưởng no nê những tình hoa lúa miến. Người đã sai Lời Người xuống cõi trần ai, và Lời Người lan chài chạy rảo.

“Người đã loan truyền lời Người cho Giacob, những thánh chỉ và huấn lệnh của Người cho Israel. Người đã không làm cho dân tộc nào như thế, Người đã không công bố cho họ các huấn lệnh của Người.”

Nhưng dường như con người không muốn hay chưa thực tình muốn đi theo tiếng gọi yêu thương của Thiên Chúa.

Nhìn lại lịch sử cứu độ từ ngàn xưa, đọc lại những trang Cựu Ước, con người được yêu thương đã có thái độ, tâm tình nào với Đấng yêu thương?

Phải chăng là thay lòng đổi dạ khi nghe những lời ngon ngọt của con rắn mà Evà đã phụ tình, đã phản lại tình yêu Thiên Chúa!

Phải chăng vì kiêu căng, tự mãn, vì phản trắc bội phản lại tình yêu Thiên Chúa mà thành Sôđôma đã ra tro bụi hay nạn lụt Hồng thủy đã nhận chìm biết bao nhiêu sinh mạng!

Những tín hiệu yêu thương được gửi đến từ xa bằng nhiều hình thức, qua nhiều người đưa tin là các tiên tri; thế nhưng con người vẫn chưa nhận ra Người yêu của mình, vẫn bán tín bán nghi, vẫn sống tâm trạng hai lòng...

Có thể vì “xa mặt cách lòng”, vì con người chưa nhìn thấy Thiên Chúa cách cụ thể, nên khi hạnh phúc thì quên Thiên Chúa, khi gặp hoạn nạn lại oán trách Ngài. Tình yêu của con người đối với Thiên Chúa thật hời hợt, ích kỷ, thậm chí còn có lúc phản bội chạy theo những tiếng gọi của dục vọng, bạc tiền, hoặc “làm tôi hai chủ”.

Hiểu được tâm trạng và nỗi khổ của con người khi xa vắng Người Yêu, nên “Ngôi Lời đã hóa thành nhục thể, đã ở giữa chúng ta”. Ngài mang thân phận con người để hiện diện bên cạnh con người bằng xương bằng thịt, để xoá đi cách biệt yêu thương.

Thế nhưng con người lại quên đi sự hiện diện của Ngài trong cuộc sống, quên đi sự có mặt của Ngài trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời.

Đôi nam nữ yêu nhau, ngồi bên nhau suốt cả ngày, nói với nhau chẳng được bao nhiêu, nhưng nhìn nhau, cùng ở bên nhau suốt ngày không thấy chán. Internet, điện thoại, thư từ... có thể gián tiếp nói lên sự hiện diện của người mình yêu, nhưng quan trọng hơn cả là sự hiện diện trực tiếp mặt nhìn mặt, tay trong tay, ánh mắt nụ cười trao nhau.. Sự có mặt của người yêu mang đến cho nhau niềm vui, niềm an ủi, cảm giác bình yên.

Và con người có tâm tình nào với Người Yêu của mình?

Có bao giờ con người thực sự mong mỏi, thương nhớ đến Đấng yêu thương mình như:

Nhớ ai con mắt lim dim

Chân đi thất thểu như chim tha mồi

Nhớ ai hết đứng lại ngồi

Ngày đêm tư tưởng một người tình nhân

Ước gì có cánh như chim

Bay cao liệng thấp đi tìm người thương. (Ca dao)

Có bao giờ con người trong mọi khoảng khắc của cuộc sống... nhận ra sự hiện diện của Người Yêu đang cận kề bên cạnh để tâm sự, đang cùng đồng hành với mình trong mọi hoàn cảnh để chia sẻ buồn vui như câu chuyện “Dấu Chân Trên Cát” được Trần Phong Vũ diễn thơ như sau:

...

Gã nhìn lại triển cát dài thăm thẳm,

Bốn dấu chân thắm lặng vẽ song song.

Tiếng reo vui oà vỡ ở trong lòng,

Gã hồi tưởng những năm dài quá khứ,

Xuôi ngược dòng đời, hồn trôi lữ thứ,

Luôn có Người kề cận khắp mọi nơi.

...

Nhưng mà, - tại sao? Gã băn khoăn tự hỏi:

- Trên bức tường tô vẽ lại cuộc đời,

Bốn dấu chân nhiều lúc chỉ có hai ?

Trong câu hỏi gã nghe buồn man mác.

Ngước trông Người, gã buông lời chua chát,

- Phải chăng Thấy từng hứa hẹn cùng con,

Luôn ở bên con dù biển cạn non mòn?

...

- Và này con, dường như con chưa nhận biết,

Những dấu chân đơn lẻ ở chân mây,

Chẳng phải của con, nhưng chính của Thấy,

Vì lúc ấy con lao đao quy ngã,

Nên Thấy ẵm con trên vai,

...và một mình bước đi tất tả!

Nếu chúng ta thực tình yêu Thiên Chúa “hết lòng hết sức hết linh hồn” thì sao chúng ta không mong mọi được hiện diện với Ngài, không tương tư khi thiếu vắng Ngài?

Thánh lễ là cơ hội cụ thể trực tiếp để cho chúng ta diện kiến Người yêu của mình. Thế nhưng chúng ta đã tham dự Thánh Lễ, đã đến gặp gỡ Người Yêu của mình với thái độ nào?

Than phiền Thánh lễ kéo dài quá! Mong cho chóng hết để về còn đi bán hàng... đi dự lễ vì bốn phận, đi vì ép buộc, đi vì sợ không đi thì mắc tội, đi vì thói quen, đi để mua vé vào Thiên đàng...

Và trong mọi hoàn cảnh và thời gian của cuộc sống, có lẽ ít khi chúng ta sống kết hợp với Thiên Chúa. Quên có Thiên Chúa hiện diện khi thành công... Oán trách Ngài khi gặp thất bại... Vì không nhận ra sự hiện diện của Ngài trong cuộc sống, nên chúng ta cũng quên luôn bốn phận đối với người anh em mình.

Hãy luôn nhớ rằng: Ngôi Lời đã hóa thành nhục thể và Ngài đã và đang ở giữa chúng ta.

LỄ HIỂN LINH

Bài đọc 1: (Is. 60: 1-6). Bài đọc 2: (Ep. 3: 2-3a. 5-6). Tin Mừng: (Mt. 2: 1-12)

TÌM, SẼ GẶP

Vào một đêm hôm ấy, cả thành Giêrusalem thuộc xứ Giuđa đang êm đềm trong giấc ngủ, đang chề chén say sưa, chẳng hay biết gì về một biến cố vĩ đại đang xảy ra trên xứ sở họ mãi cho đến khi có ba vị đạo sĩ, những nhà chiêm tinh từ phương Đông đến cho hay: “Vua người Do thái mới sinh ra hiện đang ở đâu? Chúng tôi đã nhận thấy ngôi sao của Người ở phương Đông, và chúng tôi đến để triều bái Người.” thì người đầu tiên bối rối là vua Hêrôđê. Ông đã triệu tập các đại giáo trưởng và luật sĩ để xem thực hư thế nào. Cuối cùng họ đã cho ông biết: tại Bêlem thuộc xứ Giuđa, sẽ xuất hiện một thủ lãnh, sẽ chăn nuôi Israel.

Ông âm thầm triệu tập các đạo sĩ lại, hỏi cặn kẽ các chi tiết về ngôi sao xuất hiện, và còn nhờ các đạo sĩ điều tra cẩn thận về Hải Nhi và cho ông biết để ông cũng đến triều bái. Không thấy ba đạo sĩ trở lại. Ông nổi giận và sai quân đi giết tất cả trẻ nhỏ ở Bêlem và vùng phụ cận từ hai tuổi trở xuống, tính theo thời gian ông đã cặn kẽ hỏi các Đạo sĩ.

Hỡi Giêrusalem! “Này đây Đấng cứu độ ngươi đã đến”.

“Hãy đứng lên, hãy tỏa sáng! Vì sự sáng của ngươi đã tới, và vinh quang của Chúa đã bùng dậy trên mình ngươi”.

Một sự kiện quan trọng, một tin vui lớn lao cho nhân loại đã xảy ra tại Bêlem thuộc xứ Giuđa: Cứu Chúa, Ngôi Hai Thiên Chúa ra đời; thế mà cả thành Giêrusalem đã không hay biết gì.

Dân Do thái, một dân được Thiên Chúa tuyển chọn, tôn thờ Thiên Chúa và đã được Thiên Chúa mạc khải qua miệng các tiên tri về Đấng Cứu Thế sẽ sinh ra cho họ; và dựa vào *Kinh Thánh*, các thượng tế và kinh sư đã cho vua Hêrôđê biết: “Tại Bêlem thuộc xứ Giuđa, sẽ xuất hiện một thủ lãnh, Người đó sẽ chăn nuôi Israel”.

Là những giới lãnh đạo xã hội và tôn giáo, hơn ai hết, họ biết rõ mạc khải ấy, nhưng họ có trông ngóng điều đó hay không lại là chuyện khác: Các luật sĩ thì chỉ chăm chú vào luật pháp, các thượng tế thì trau chuốt nơi đền thờ,

các kỳ lão thì chuyên chú về truyền thống. Kết quả là những người có tôn giáo truyền thống, có *Kinh Thánh* trong tay, biết chính xác nơi Đấng Cứu Thế sẽ sinh ra, nhưng họ lại không mấy bận tâm, đứng dưng trước tin báo ấy, ngạo mạn cho đó là những tin đồn nhảm nhí, vì thế họ chẳng thèm đi tìm. Chỉ có vua Hêrôđê đã bối rối và cận kề điều tra nơi Hải Nhi ra đời, không phải để ông cũng đến triều bái như ba Đạo sĩ phương Đông như lời ông nói, nhưng để tiêu diệt Hải Nhi được tiên báo là Vua Do thái; và kết quả là tất cả những em bé từ sơ sinh cho đến hai tuổi tại Bêlem và vùng phụ cận, đã phải hy sinh vì Hải Nhi Giêsu.

Ngược lại, những người đầu tiên được diễm phúc diện kiến Chúa Cứu thế là những ai?

Là những mục tử đang thức tỉnh canh giữ súc vật ngoài đồng. Họ là những người thuộc dân Do thái, một dân được Thiên Chúa tuyển chọn. Họ là những người thấp kém, nghèo nàn, đơn sơ, chất phác trong xã hội là ba nhân vật từ phương Đông có tên gọi là vua, đạo sĩ, nhà thiên văn, chiêm tinh gia. Họ đại diện cho những người không cùng tôn giáo với người Do thái. Họ là những người chưa có cơ may nhận biết Thiên Chúa. Họ không có *Kinh Thánh*, không được mặc khải trước về Đấng Cứu Thế, nhưng Thiên Chúa đã hướng dẫn cho họ bằng một dấu chỉ khác. Nghề chuyên môn của họ là ngắm sao trời để tìm biết những vận hành của hoàn vũ. Vì thế, khi nhìn thấy ngôi sao chiếu mạng của vua Do thái xuất hiện, ba ông đã vội vã lên đường, đã đi tìm và đã gặp.

Với một tâm tình khát khao tìm biết Thiên Chúa, dù chưa một lần nghe lời các tiên tri loan báo, chưa một lần được đọc *Thánh Kinh*, nhưng khi nhìn thấy ngôi sao, ba Đạo sĩ đã vội vã lên đường, bất chấp xa xôi cách trở giữa đêm tối. Mau mắn lên đường là biểu hiện một trạng thái đã lâu ngày mong đợi, là chấp nhận những nghịch cảnh có thể xảy đến khi phải lên đường, là hối hả gặp cho được đối tượng đã từ lâu khao khát đi tìm.

Là những người chưa thuộc dân Thiên Chúa, tại sao khi thấy sao chiếu mạng của Vua Do thái, họ lại vội vã lên đường? Có thể, tuy không cùng tôn giáo, nhưng ba Đạo sĩ đã nhận ra đâu là chân lý, đâu là lẽ sống và đâu là sự thật cho cuộc sống của mình. Chính ngôi sao giữa đêm khuya đã dẫn họ về với chân lý đích thực.

Mừng lễ Hiển Linh cũng là dịp để chúng ta, những người Kitô hữu nhận

định về cuộc hành trình đức tin của mình.

Vào mọi thời đại, Thiên Chúa luôn mặc khải cho con người bằng nhiều cách, bằng nhiều hình thức. Chúa luôn lúc ẩn, lúc hiện để cho con người luôn đi kiếm tìm. Nếu chỉ xuất hiện một lần cho tất cả, con người sẽ nhầm chán, chóng quên. Ngôi sao lạ là một dấu chỉ Thiên Chúa muốn đem đến cho những người chưa nhận biết Ngài.

Dấu chỉ về Thiên Chúa không thiếu gì trong vũ trụ, trong xã hội, nơi con người. Vấn đề là chúng ta có đi tìm những dấu chỉ ấy với đức tin và lòng khiêm tốn hay không. Ngài nói với chúng ta bằng dấu chỉ, bằng cái hữu hình đến cái vô hình, từ cái cụ thể đến cái trừu tượng. Ngài nói với chúng ta bằng chính chúng ta, bằng tất cả mọi tạo vật. Ba vua đã nhìn thấy ngôi sao và ngôi sao đã chiếu sáng trong tim họ, và họ đã lên đường đến với Trái Tim Thiên Chúa đang chờ đón họ.

Cuộc sống của người Kitô hữu là một hành trình đức tin. Đã là một cuộc hành trình thì phải ra đi, phải lên đường. Ra đi khỏi cái vỏ bọc ích kỷ, kiêu căng. Lên đường để thực hành đức tin.

Cũng như những người thuộc các tôn giáo khác, họ tự hào và hãnh diện với tôn giáo của họ, với niềm tin họ theo đuổi; chúng ta cũng thế, chúng ta có quyền tự hào, hãnh diện với tôn giáo của mình. Nhưng nếu chỉ tự hào, hãnh diện với tôn giáo của mình để chê bai, khích bác những người thuộc tôn giáo khác là một thái độ kiêu căng, tự mãn, khác nào những thượng tế và luật sĩ thời xưa chỉ mang cái mác có đạo mà không sống giáo lý, không thực hành những gì Chúa truyền dạy, hay như Hêrôđê tìm cách triệt hạ hài Nhi Giêsu vì đụng đến quyền lợi, danh vọng của mình. Nếu có tự hào, hãnh diện thì hãy tự hào, hãnh diện một cách khiêm tốn trong lòng rằng mình được cơ may làm con Thiên Chúa, và hãy tự hào và hãnh diện để sống làm sao cho xứng danh là Kitô hữu, là con Thiên Chúa

Bao lâu chúng ta chưa sống, chưa thực hành những điều Chúa dạy, chưa là gương sáng cho người khác nhận ra mình là con cái Thiên Chúa thì chúng ta chưa thể tự hào, hãnh diện mình là người Công giáo, chưa phải là ngôi sao dẫn đường cho những người chưa nhận biết Thiên Chúa

Chúng ta hãy niệm suy sự khiêm hạ của Thiên Chúa nơi hang Bêlem và cùng với ba Đạo sĩ và các mục đồng nhận ra vinh quang của Thiên Chúa tỏ hiện ra chính nơi chốn thấp hèn ấy.

MÙA CHAY & PHỤC SINH

CHIẾN TRƯỜNG NỘI TÂM

Lừa thử vàng. Gian nan thử sức. Cám dỗ thử đức tin.

Cuộc sống nội tâm của mỗi người Kitô hữu là một cuộc chiến đấu giằng co, dai dẳng giữa phẩm giá của người con Thiên Chúa và đồ đệ của Satan, giữa việc thực thi ý muốn của người Cha Trên Trời và thực thi ý đồ của Satan, giữa cuộc sống muôn đời hạnh phúc và cuộc sống diệt vong, giữa bốn phận làm con Thiên Chúa hay làm đệ tử của Satan...

Chiến trường là cõi lòng của mỗi người chúng ta. Nơi chiến trường ấy, có không biết bao nhiêu là cạm bẫy đang được sắp đặt, có không biết bao nhiêu cám dỗ đang được nguy trang! Có những đoạn đường tưởng như trơn tru bằng phẳng, nhưng lại đầy cạm bẫy và gai chông của ích kỷ, tham lam, thù oán...; có những khúc quanh tưởng như an toàn vô sự, nhưng lại lọt vào vòng phục kích của toán du kích dục vọng, vật chất, danh lợi... đang chực chờ đánh lên, bắn sê!...

Không ai nói điều tốt cám dỗ, nhưng chỉ nghe nói điều xấu cám dỗ! Cùng phải thôi, vì cái thiện là cứu cánh, là khát vọng của con người thì làm sao nó có thể cám dỗ người ta làm cái ác; chỉ có cái ác mới cám dỗ người ta đừng làm cái thiện.

Cám dỗ là những cạm bẫy, những thử thách giữa cái phải làm là thánh ý Thiên Chúa và Tin Mừng cứu độ... thì không làm, và cái không được làm là tội lỗi, là dục vọng... thì lại làm.

Tin tưởng, tuân phục vị chỉ huy Giêsu và cảnh giác không để mắc mưu của kẻ thù, chúng ta sẽ chiến thắng, nhưng nếu mất cảnh giác, lơ là, không tuân lệnh vị chỉ huy, sẽ bị bại trận như bà Evà hay như Giuđa.

Nơi quân trường là Hội Thánh, là cộng đoàn, nếu chúng ta phải đổ mồ hôi để tuân theo thánh ý Thiên Chúa, thực thi Tin Mừng cứu độ, liên kết với cộng đoàn chiến hữu, thì nơi chiến trường giao tranh với đối phương cám dỗ và Satan, chúng ta sẽ bớt đổ máu, không thất trận, không bị bắt làm tù binh hay nô lệ.

Cám dỗ, thử thách, tuy có nguy hại cho cuộc sống mỗi người chúng ta,

nhưng nó cũng cần có để qua sự hiện diện của nó, chúng ta luôn sống trong cảnh giác và phòng vệ. Tìm cách tránh thoát khỏi cám dỗ cũng là cơ hội cho chúng ta ý thức về tình yêu thương của Thiên Chúa và sự quan phòng của Ngài đối với nhân loại, về đức tin của chúng ta đối với Ngài; đồng thời cũng là cơ hội để đo mức độ tình yêu của chúng ta đối với Thiên Chúa. Cám dỗ thước đo đức tin và lòng mến của chúng ta đối với Ngài.

Bị thử thách, bị cám dỗ cũng là cơ hội để chúng ta nhận ra mình là những thụ tạo yếu đuối, dễ bị lung lạc, dễ thay lòng đổi dạ trước tình yêu trung tín, kiên nhẫn của Thiên Chúa. Đây cũng là dịp cho chúng ta ý thức về tình trạng yếu kém, tội lỗi và đầy khuyết điểm nơi mỗi người chúng ta để từ đó cải thiện con người cũ bị tội lỗi thống trị thành một con người mới được sáng tạo theo hình ảnh của Thiên Chúa.

Vì Chúa Giêsu cũng mang thân phận con người, nên *“Thánh Thần thúc đẩy Chúa Giêsu vào hoang địa và Người ở đó suốt bốn mươi đêm ngày, chịu Satan cám dỗ, sống chung với dã thú và các thiên thần hầu hạ Người”*.

Chúa Giêsu được Chúa Thánh Thần đem ra chiến trường. Chiến trường cám dỗ của Chúa Giêsu là chốn hoang địa; ở đó phải sống chung với dã thú, đói khát suốt bốn mươi đêm ngày.

Nơi hoang địa mà Chúa Thánh Thần đưa Chúa Giêsu đến là một nơi thanh vắng, nhưng đối với chúng ta, hoang địa là những giây phút thinh lặng để sống với Thiên Chúa, những giây phút kết hợp với Thiên Chúa bằng tâm tình và cầu nguyện.

Suốt bốn mươi ngày đêm chay tịnh, thảnh thơi nơi hoang địa, Chúa Giêsu còn phải đối đầu với những hiểm nguy đang rình rập: đó là đói khát, là dã thú. Trong một cuộc sống xô bồ, ồn ào, bon chen như cuộc sống hiện nay của chúng ta, thì tìm được một giây phút hoang địa không phải dễ, và nếu có tìm được thì ở đó vẫn đầy dẫy những dã thú là những thù oán, ganh tị, là những tham lam, đố kỵ...

Cuối cùng Ngài đã vượt qua cám dỗ, đã chiến thắng Satan.

Còn chúng ta thì sao? Cũng có lúc chúng ta thành công là đã chiến thắng được cơn cám dỗ, nhưng cũng có lúc chúng ta thất bại là đã chạy theo những ngon ngọt dụ dỗ của nó. Thất bại là khi chỉ vì một lời khích bác, một chút tò mò mà phải vướng vào cuộc sống làm nô lệ ma túy; thất bại vì chỉ một ảo vọng làm giàu mà nô lệ kiếp sống đỏ đen để phải nợ nần

chông chất, để phải tan hoang cửa nhà...

Thất bại, thua cuộc trước những cám dỗ là chuyện thường ngày; nhưng phải làm gì sau những lần thất bại, đó mới là điều chúng ta cần phải phấn đấu.

Buông xuôi ư? Phó mặc ư? Không!

Bị sa ngã, bị bại trận là dịp may để chúng ta hồi tâm, sám hối, làm lại cuộc đời: cám dỗ, bị sa ngã – sám hối, trở lại.

Sám hối là giây phút hồi tâm, giây phút thức tỉnh, giây phút nhìn lại, giây phút trở về với cõi lòng mình và lắng nghe Lời Chúa nói: sám hối và tin vào Tin Mừng. Nhưng sám hối chưa đủ, còn phải trở về với đức tin, trở về để sống theo Tin Mừng.

“Tôi đã đánh mất mọi sự, chỉ trừ đức tin”.

Đó là câu nói được thốt lên từ miệng Marguerite de Cortone, một cô gái hoang đàng, trụy lạc.

Suốt chín năm trời, sau ngày thân phụ cô tái hôn, Marguerite sống dầm dề trong tội lỗi... Nhưng rồi một ngày kia, Thiên Chúa đã đánh động con tim hoang đàng của cô bằng một hình ảnh ghê rợn: ở một góc rừng kia, Marguerite rất đỗi bàng hoàng xúc động khi đứng trước thi thể thối tha của người yêu. Cô tự hỏi: “Sau đó thì còn lại gì, lạy Chúa?” và cô gái trụy lạc kia đã trở về với gia đình, xin lỗi thân phụ, tròng một giây thừng vào cổ để tỏ dấu ăn năn. Đoạn cô đến xin các tu sĩ dòng Phanxicô hướng dẫn, và sau ba năm dài thử thách qua bao nhiêu đêm dài miệt mài khóc lóc đến tội, Marguerite đã khoác lên mình bộ tu phục dòng ba Phanxicô... Sau đó, cô biến nhà mình thành một bệnh xá, rồi vừa săn sóc các bệnh nhân vừa lao động sản xuất để nuôi họ. Ma quỷ đã dùng trăm phương ngàn kế để cám dỗ Maguerite, nhưng nàng đã mãnh liệt chống trả.

Ơn Chúa tuôn xuống như mưa trên nàng, nhất là ơn làm cho các tội nhân ăn năn trở lại. (Hồng Y Nguyễn Văn Thuận. *Những Người Lữ Hành Trên Đường Hy Vọng*. Trg 66)

Cuộc sống nội tâm nơi mỗi người chúng ta là một đấu trường; ở đó chúng ta phải liên li giao tranh giữa cái tốt và cái xấu, giữa cái thiện và cái ác, chiến đấu giữa yêu thương, bác ái và thù hận, ghét ghen, giữa Thiên Chúa và Satan... Chúng ta sẽ là người chiến thắng như Phêrô, như Marguerite de

Cortone... hay thất bại như bà Evà, như Giuđa?

Tim lại được giây phút sám hối, hồi tâm là dịp may cho chúng ta trở về với Tình yêu Thiên Chúa.

Nhận biết mình bị sa ngã chính là giây phút sám hối, là giây phút giúp chúng ta hồi tâm để trở về với chính mình, với tình yêu Thiên Chúa theo năm bước thực hành linh đạo của Thánh Inhaxiô: 1. Tạ ơn Thiên Chúa. 2. Xin ơn soi sáng. 3. Nhìn lại ngày qua. 4. Xin ơn tha thứ. 5. Quyết tâm hối cải.

Đừng hỏi rằng: tại sao Chúa ràng buộc tôi, ngăn cấm tôi không để cho tôi sống theo ý thích của tôi mà lại ép tôi phải sống theo ý muốn của Chúa, lại bắt tôi phải sám hối và sống theo Tin Mừng?... nhưng hãy tin thác nơi Chúa rằng:

Lạy Chúa, con biết rằng: tất cả những gì Chúa ngăn cấm con, tất cả những gì Chúa chỉ cho con, muốn con phải làm, là vì yêu con, vì hạnh phúc muôn đời của con. Xin Chúa tha thứ những giây phút lỡ lầm đã phản nghịch lại tình yêu thương của Chúa. Đây, con hối hận, ăn năn.

CN II MC/B

Bài đọc 1: (St. 22: 1-2,9-13,15-18). Bài đọc 2: (Rm. 8: 31-34). Tin Mừng: (Mc. 9: 1-9)

CÙNG THẦY, LÊN NÚI

Đứng trước biển cả bao la, mới thấy thân phận con người nhỏ bé, và từ trên núi cao, tâm hồn có dịp hướng lên cao để thấy bầu trời như vô tận và nhìn xuống để cảm nghiệm cái hạn hẹp của mình.

Núi là một địa điểm cao. Lên núi là hướng thượng. Núi là nơi thanh vắng ít ồn ào náo động. Đứng trên núi chúng ta có cái nhìn bao quát ở phía dưới. Leo lên núi đòi hỏi cố gắng, vất vả.

Ra khơi, lên núi, vào hoang địa, đến nơi thanh vắng là những động tác mà Chúa Giêsu thường làm để tìm những giây phút lắng đọng tâm hồn, để tránh những xô bồ, ồn ào của phố thị, để chuẩn bị cho những công việc quan trọng cần phải làm mà mục đích chính là cầu nguyện, kết hợp với Chúa Cha trước khi hành động.

Bốn ngọn núi mà Chúa Giêsu đã lên, đánh dấu bốn biến cố quan trọng trong thời gian ba năm rao giảng Tin Mừng và thực hiện sứ vụ cứu thế của Ngài.

Lần thứ nhất, trên núi Hattin, Chúa Giêsu đã công bố Hiến Chương Nước Trời: Phúc cho những người có tinh thần nghèo khó, những người đau buồn, những người đói khát điều công chính, những người hay thương xót người, những người có lòng trong sạch, những người ăn ở thuận hòa, những người bị bách hại vì lẽ công chính, những người vì Thầy mà bị thiên hạ ghen ghét bách hại, bị vu khống... Họ sẽ là những người được hưởng Nước Trời

Lần thứ hai, trên núi Tabor, *“Chúa đưa Phêrô, Giacôbê và Gioan đi riêng với Ngài lên núi cao và Ngài biến hình trước mặt các ông. Áo Ngài bóng chói lợi trắng tinh như tuyết. Rồi Êlia và Môisen hiện ra và đàm đạo với Ngài”*.

Lần thứ ba, trên núi cây Dầu, trong vườn Giếtsimani, trước viễn tượng đau thương sắp xảy đến, Chúa cũng lại đưa ba môn đệ ấy đi theo, hy vọng các ông thông cảm được đôi chút nỗi đau buồn của mình, nhưng các ông lại ngủ say sưa không mở mắt nổi; Ngài đã phải đánh thức họ tới ba lần, nhưng các ông vẫn cứ ngủ. Thôi thì cứ ngủ cho đã đi!

Lần thứ bốn, trên Núi Sọ, đồi Gôngôtha, đây là tội đing đau thương mà Chúa Giêsu phải trải qua: bị kết án, vác thập giá lên đồi Gôngôtha và chịu đing đing, chịu chết trên núi Sọ. Có thể vì sợ hãi, vì sợ liên lụy nên không thấy có mặt bên thánh giá, hay có mặt nhưng đứng xa xa ở một chỗ kín đáo nào đó; chỉ có Mẹ Maria, Gioan, môn đệ đã hai lần lên núi với Thầy Giêsu, Bà Maria, chị Mẹ Maria, và cô Maria Magdalena có mặt bên cây thánh giá trước khi Chúa trút hơi thở cuối cùng.

Hôm nay, Chúa Nhật thứ II Mùa Chay, năm B, qua trích đoạn Tin Mừng của Thánh Máccô, Giáo hội muốn cho chúng ta chứng kiến lại biến cố đã xảy ra trong lần lên núi thứ hai trên núi Tabor: Chúa Giêsu biến hình hay Chúa Giêsu hiển dung.

Biến cố ấy xảy ra như thế này: sau khi đưa ba môn đệ là Phêrô, Giacobê và Gioan đi riêng ra cùng Ngài lên núi cao, Chúa Giêsu biến hình trước mặt các ông. Áo Ngài bỗng chói lợi trắng tinh như tuyết. Rồi Êlia và Môisen hiện ra và đàm đạo với Ngài.

Như bà Êlisabeth đã vui mừng khi được Đức Maria đến thăm: *“Bởi đâu tôi được Mẹ Thiên Chúa đến viếng thăm tôi?”*

Như Đức Maria đã vui mừng đón nhận hồng ân của Thiên Chúa qua lời loan báo của sứ thần Gabriel: *“Linh hồn tôi ca ngợi Chúa và thần trí tôi hoan hỉ trong Thiên Chúa, Đấng cứu độ tôi; vì Người đã nhìn thấy phận hèn tôi tớ Người, thực từ đây thiên hạ muôn đời sẽ khen tôi có phúc; vì Đấng đã làm cho tôi những điều trọng đại, Người quyền năng và danh Người là Thánh.”*

Như ông Abraham đón nhận tin vui: bà Sara, vợ ông có thai, sẽ sinh một con trai vào lúc tuổi đời đã gần 90.

Ba môn đệ của Chúa theo Ngài lên núi, cũng vui mừng khi chứng kiến cảnh tượng vinh quang huy hoàng của Thầy mình.

Ông Phêrô không uống rượu, không say, nhưng ông choáng ngợp, ngây ngất như người say. Ông nói: *“Thưa Thầy, chúng con ở đây thì tốt lắm, chúng con xin làm ba lều, một cho Thầy, một cho Môisen và một cho Êlia”*, nhưng rồi ông lại chẳng nhớ ông nói gì. Vì hoảng sợ.

Tại sao lại có ý định làm lều? Vì sao các môn đệ lại kinh hoàng khi được nhìn thấy cảnh vinh quang của Thầy mình? Vì sao Chúa Giêsu lại cấm các

ông không được kể lại cho ai những gì vừa thấy trước khi Con Người từ cõi chết sống lại?

Làm lễ tức là có ý định “dừng bước giang hồ”, là tìm chốn ngồi nghỉ, là mãn nguyện với niềm hạnh phúc đạt được. Vì sợ các môn đệ sau khi chứng kiến được sự vinh quang huy hoàng của Chúa: “*Thưa Thầy, chúng con ở đây thì thật là hay!*” hay khi đã nhận ra Thầy là ai như lời ông Phêrô: “*Thầy là Đấng Kitô*”, các ông sẽ háo hức, thỏa mãn với những gì đã thấy, đã nghe mà quên đi con đường phải đi, nhiệm vụ phải hoàn thành, nên Ngài đã cấm các ông tiết lộ cho bất cứ ai trước khi Con Người từ trong cõi chết sống lại.

Các ông hoảng sợ, vì có lẽ từ trước cho đến nay, các ông chưa hề thấy một cảnh tượng lạ lùng như thế! Lạ lùng, phấn kích làm cho các ông hoảng sợ trong ngần ngẫm đến nỗi ông Phêrô nói mà không biết mình nói gì.

Ba môn đệ có thể là biểu tượng cho mỗi người Kitô hữu chúng ta, đồng thời cũng là hình ảnh của Giáo hội nơi trần thế trong cuộc sống đức tin.

Hồ hời, ngắt ngảy, sung sướng khi nhìn thấy vinh quang của Chúa trên núi Tabor, mệt mỏi, nặng nề, chênh vênh trong vườn Giếtsimani trên núi cây Dầu, và hoang mang, sợ sệt, trốn chạy trên đồi Gògôtha.

Cuộc hành trình đức tin là một cuộc hành trình lâu dài, liên li, không cho phép chúng ta thỏa mãn, nghỉ ngơi, an phận. Cuộc hành trình đức tin phải luôn luôn được canh tân, đổi mới, bồi dưỡng. Có những lúc chúng ta phấn kích như ba môn đệ trên núi Tabor trong cuộc sống đức tin; cũng có những lúc chúng ta sao lãng, nhẹ dạ, vì những lo toan của cuộc sống để rồi ngủ say sưa như ba môn đệ đã ngủ lúc Thầy Giêsu cần có người cảm thông, chia sẻ nỗi đau buồn nơi vườn Giếtsimani; và cũng có những lúc chúng ta xấu hổ, sợ hãi không dám sống vững mạnh, kiên cường trong đức tin như các môn đệ đã lui vào bóng tối, xa lánh trên con đường đi lên núi Sọ với Thầy Giêsu; nhưng đó là những bước thăng trầm của cuộc hành trình đức tin.

Khi thấy các môn đệ buồn sầu, đau khổ, không muốn chấp nhận cuộc khổ nạn của Thầy, nên Ngài đã hé mở cho các ông vinh quang của Nước Thiên Chúa để hun đúc, củng cố niềm tin và niềm hy vọng nơi Ngài như tiếng nói của Thiên Chúa Cha mà các ông đã nghe được: “*Đây là Con Ta yêu dấu, hãy vâng nghe lời Ngài*”.

Đức tin Kitô giáo là con đường đưa chúng ta vào một cuộc sống bình an, phó thác, nhìn đau khổ và cái chết như những phương tiện dẫn đến vinh quang: từ đau khổ đến vinh quang, từ cõi chết đến sống lại, từ thập giá đến phục sinh. Đức tin giúp chúng ta sẵn sàng đón nhận đau khổ, vững lòng khi gặp đau khổ và chiến thắng đau khổ để đạt tới một đích điểm quan trọng hơn như Abraham đã vào vườn Giêtsimani với Chúa Giêsu để thỏn thức với Thiên Chúa như Chúa Giêsu đã thỏn thức với Cha Ngài: để cuối cùng đã chấp nhận hiến tế cho Thiên Chúa người con duy nhất mà Ngài đã ban tặng cho ông.

Hồ hởi, ngất ngây, sung sướng khi nhìn thấy vinh quang của Chúa trên núi Tabor, mệt mỏi, nặng nề, chênh vênh trong vườn Giêtsimani trên núi cây Dầu, và hoang mang, sợ sệt, trốn chạy trên đồi Gògôtha; đó là ba trạng thái tâm lý trong đời sống đức tin của mỗi người trong chúng ta và của cả Giáo Hội, là những bước thăng trầm của đức tin, là những thử thách mà đức tin phải vượt qua trong phó thác và chấp nhận.

Trong cuộc hành trình đức tin, chúng ta đã cảm nghiệm được gì bên máng cỏ nơi hang Bêlem, trong vườn Giêtsimani trên núi cây Dầu, và trên núi Sọ, đồi Gògôtha!

HOẶC LÀ ĐỀN THỜ HOẶC LÀ NƠI BUỒN BÁN

Hôm nay, chúng ta được chứng kiến một sự việc khác thường: Chúa Giêsu nổi giận: *“Ngài chấp giây thừng làm roi, đánh đuổi tất cả bọn cùng với chiền bò ra khỏi đền thờ, Ngài hất tung tiền của những người đổi bạc, xô đổ bàn ghế của họ và bảo những người bán chim câu rằng: ‘Hãy đem những thứ này đi khỏi đây. Đừng làm nhà Cha Ta thành nơi buôn bán’”*.

Câu nói cuối cùng của Chúa Giêsu cho chúng ta thấy hai môi trường sinh hoạt khác nhau: Nhà Cha Ta, tức đền thờ và nơi buôn bán tức chợ búa.

Đền thờ Giêrusalem

Đó là một thánh đường nguy nga, với những dãy cột đồ sộ bằng cẩm thạch muôn màu óng ả; những cây cột này được dát vàng trên chóp và đỡ nâng một mái lớn cũng dát vàng.

Sau khi qua một khu đất gồm nhiều dãy hành lang rất đẹp, ta phải leo lên một cái thang mười bốn cấp rồi qua một trong chín cửa, đó là cửa Đẹp, cửa chính để vào Sân phụ nữ. Qua Sân phụ nữ, bước lên mấy bậc, ngang qua cửa Nicanor lộng lẫy, ta sẽ vào Tiền đường Israel rộng 300 thước vuông, chứa được một ngàn người. Tiến vào trong nữa là Sân các tư tế. Từ sân ấy, leo lên 12 bậc nữa là đến Nội điện. Trong thâm cung Nội điện, chìm mờ trong ánh sáng mờ nhạt là một căn phòng hình chữ nhật dài 20 thước, rộng 10 thước. Đây là Cung thánh, giữa nổi lên một bàn thờ bằng vàng, ngày đêm nghi ngút khói hương. Bên hữu bàn thờ, là một chân nến bằng vàng bảy ngọn cung kính đứng đối diện với một bàn thờ nhỏ dát vàng ở bên tả, trên có 12 chiếc bánh không men tượng trưng cho 12 chi tộc Do Thái.

Cung Thánh là nơi tôn nghiêm thánh thiện, chỉ có chủ tế mới được vào mỗi ngày hai lần để dâng hương, ngoài ra không ai được lai vãng. Nhưng chính trong Cung Thánh, còn một nơi trang nghiêm hơn nữa, quen mệnh danh là Nơi Cực Thánh. Một tấm màn lớn mỗi bề sáu thước ngăn Nơi Thánh và Nơi Cực Thánh này. Xưa kia, đây là chỗ đặt Hòm bia và cây gậy

nở hoa của Aaron; bây giờ chỉ còn trơ lại một phiến đá đã dùng làm bệ đỡ. Ngoài ra, không còn đồ vật nào khác. Vì nó biểu hiệu nơi Đấng Tối Cao ngự trị một cách đặc biệt, nên chỉ mình vị Thượng Tế mới được điếm phúc mỗi năm một lần vào đó để tế lễ mà thôi (ĐHV số 246).

Chợ đền thờ

Hàng năm, vào những dịp đại lễ như Lễ Vượt Qua, lễ Ngũ Tuần... theo tập tục đã trở thành như một luật buộc các tín hữu khi đến đền thờ dự lễ phải dâng vào đền thờ một lễ vật nào đó như là của lễ dâng lên Thiên Chúa.

Người giàu có thì dâng chiên, bò; người nghèo thì chim bồ câu hay những thứ khác... Vì gần đền thờ không có chợ, nên các tư tế đã lợi dụng những dịp này để làm ăn trục lợi. Những người được buôn bán các thứ lễ vật trong đền thờ là chính các tư tế hay người nhà của họ hoặc những con buôn đã nộp thuế cho họ. Như thế việc buôn bán trong đền thờ là đặc quyền, đặc lợi dành cho hàng tư tế, và nó đã trở thành một thông lệ: một hình thức Hội chợ ngày xưa! Một thứ chợ phiên vào những ngày đại lễ!

Và cũng theo luật buộc, mỗi năm, những người trưởng thành phải nộp một nửa đồng Xêken, tức là một nửa đồng tiền Do thái; đây là một thứ thuế nghĩa vụ phải nộp bằng tiền Do thái chứ không bằng thứ tiền nào khác, tuy vào thời ấy, tiền Rôma và tiền Hy Lạp rất thông dụng, vì những thứ tiền ấy in hình vua ngoại đạo, nên cấm lưu hành trong khu vực đền thờ. Vì thế, những người đến dự lễ phải có tiền Do thái để nộp cho đền thờ; những bàn đổi tiền, những dịch vụ đổi tiền phát sinh từ đó.

Đền thờ và Chợ đời

Là hai môi trường sinh hoạt thuộc hai lãnh vực khác nhau, có những mục đích khác nhau thậm chí còn trái nghịch nhau.

Khác với các siêu thị ngày nay, ở đây hàng hóa đã có giá sẵn, người mua không cần phải kỳ kèo trả giá, thích thì mua không thì thôi... Chợ là nơi buôn bán hàng hóa, trao đổi tiền bạc. Chợ có người bán và người mua. Người bán thì tìm đủ cách để kiếm lời. Không có lợi nhuận thì chẳng ai bỏ công kinh doanh, không đủ doanh thu thì lấy tiền đâu mà đóng thuế... Do đó người bán tìm đủ mọi cách để kiếm lời và cũng từ đó sinh ra nhiều mách khéo lừa lọc. Buôn bán thật thà chỉ có mà thua thiệt! Ngược lại người mua thì mong mua được hàng hóa tốt, giá cả rẻ, không bị hớ, không bị lừa. Mua

rè, bán đất!

Chợ, một nơi sinh hoạt ồn ào, bát nháo, tham lam, lọc lừa...

Trái lại, đền thờ là nơi trang nghiêm, tôn kính, là nơi linh thiêng thánh thiện, là nơi biểu tượng cho sự hiện diện của Thiên Chúa, là nơi các vị tư tế dùng để giảng dạy về Thiên Chúa, về giáo huấn của Ngài.

Thánh Mathêu, thánh Máccô và thánh Luca đều nhắc lại lời khẳng định của Thiên Chúa: *Nhà Ta là nhà cầu nguyện*, và Ngài đã khiển trách những ai đó “các người” đã biến nó thành “hang trộm cướp”, thành: “sào huyệt bọn cướp”. Trong Phúc âm của thánh Gioan, chính Chúa Giêsu nói lên vị thế của đền thờ và mối quan hệ giữa Ngài và Chúa Cha: *“Đừng biến nhà Cha Ta thành nơi buôn bán”*.

“*Nhà Ta*” hay “*Nhà Cha Ta*” là nhà cầu nguyện, không ai được biến nó thành “sào huyệt của bọn cướp, thành hang trộm cướp, thành nơi buôn bán”.

Như thế, dứt khoát hoặc là đền thờ hoặc là chợ. Không được nhập nhằng giữa hai ông chủ như lời Chúa đã cảnh báo: *“Không ai có thể làm tôi hai chủ: vì hoặc nó sẽ ghét người này và yêu mến người kia, hoặc nó chuộng chủ này và khinh chủ nọ. Các con không thể làm tôi Thiên Chúa và tiền của được”* (Mt. 6: 24).

Đền thờ vật chất và đền thờ tâm hồn

Người ta đã biến “*Nhà Cha Ta*” thành nơi buôn bán đổi chác, đã biến đền thánh thành cái chợ! Vì thế, Chúa Giêsu đã nổi giận,

Trước thái độ quyết liệt và dứt khoát của Chúa Giêsu, người Do thái đã thối mác bất bình: ông lấy tư cách gi để làm như thế. Và Ngài đã trả lời với họ: *“Các ông cứ phá hủy đền thờ này đi; nội trong ba ngày tôi sẽ xây dựng lại”*. Đền thờ mà Chúa thách thức người ta phá đi và sẽ xây dựng lại trong ba ngày: đó là chính thân thể của Ngài.

Mỗi người trong chúng ta cũng là chi thể của Chúa Kitô, là đền thờ của Chúa Thánh Thần như lời Thánh Phaolô đã nhắc bảo: *“Anh em không biết thân xác anh em là là chi thể của Chúa Kitô sao?... Anh em không biết thân xác anh em là đền thờ Chúa Thánh Thần, Đáng ngự trong anh em mà anh em đã nhận lãnh nơi Thiên Chúa, và anh em không còn thuộc về chính mình nữa sao* (1 Cor 6: 15,19)?”

Mỗi người Kitô hữu được coi như là một đền thờ của Thiên Chúa; nhưng

chúng ta có biến nó thành một nơi cầu nguyện, một nơi xứng đáng để Thiên Chúa ngự đến hay lại biến nó thành một nơi trưng bày đủ thứ hàng hoá vật chất như tham lam, ích kỷ, hận thù, gian dối, lường lọc...? Không biết Thiên Chúa có chiếm được chỗ nào trong tâm hồn chúng ta hay không, hay những cái xấu, tội lỗi... đã chiếm hết chỗ trong đền thờ tâm hồn của chúng ta!

Vì thân xác chúng ta là *“đền thờ Chúa Thánh Thần”*, *“hãy lánh xa dâm dật. Mọi tội lỗi người ta phạm đều ngoài thân xác, những kẻ tà dâm thì phạm trong thân xác mình.”*

Và còn trầm trọng hơn nữa như lời Chúa đã khuyến cáo: *“Tôi bảo cho các ông: Mọi tội lỗi và mọi lời phạm thượng đều được tha thứ cho loài người, còn tội phạm thượng đến Chúa Thánh Thần sẽ không được tha thứ. Và kẻ nào nói lời chống đối Con Người, sẽ được tha thứ; còn kẻ nào nói lời chống đối Chúa Thánh Thần, sẽ không được tha thứ ở đời này và đời sau”* (Mt. 12: 31-32).

Lời Thiên Chúa phán trong sách Xuất hành: *“Người đừng lấy danh Chúa, Thiên Chúa người mà làm những việc bất xứng, vì Chúa không dung tha kẻ dùng danh Người một cách bất xứng”*, phải chăng đây cũng là một lời cảnh cáo đối với những ai *“làm tôi hai chủ”*, những người buôn thần bán thánh, những người lợi dụng lòng tin của dân chúng để mưu cầu lợi ích riêng tư!

CN IV MC/B

Bài đọc 1: (2 Sb. 36:14-16,19-23). Bài đọc 2: (Ep. 2: 4-10). Tin Mừng: (Ga. 3: 14-21)

DỄ ĐỘC TRỊ ĐỘC

Trời nắng. Ao khô, nước cạn. Hai con rắn, một lớn một bé, bàn kế với nhau tìm cách đời chỗ ở.
Con rắn nhỏ bảo con rắn lớn:

- “Nếu bác đi trước, em theo sau, thì thiên hạ sẽ biết ngay là chúng mình đang đi tìm chỗ ở và như thế họ sẽ tìm cách giết chúng ta. Chi bằng bác để em ngậm vào mình bác, còn bác công em mà đi. Thiên hạ thấy thế tất nhiên sẽ cho là rắn thần, họ sẽ không dám đụng đến.

Nói xong, hai con rắn làm y như thế mà đi qua đường. Quả nhiên, khi nhìn thấy cảnh tượng ấy, ai cũng sợ và tránh ra và bảo nhau: “Rắn thần!”

Chi một người gian xảo lừa đảo mà thiên hạ đã nhiều người bị mắc lừa, huống chi khi những kẻ ấy lại kết bè kết đảng với nhau thì thiên hạ khốn đốn không biết chừng nào!

Con rắn thật và con rắn đồng

“Rắn là loài xảo quyết nhất trong mọi giống vật ngoài đồng mà Đức Chúa là Thiên Chúa đã làm ra” (St 3: 1).

Đang sống yên ổn và hạnh phúc trong vườn Địa đàng, nhưng vì nghe lời dụ dỗ ngon ngọt của con rắn, cả hai ông bà Ađam và Evà đã bị Chúa xua đuổi khỏi vườn Địa đàng.

Và trong cuộc hành trình về miền Đất hứa, dân Chúa đã nhiều lần, nhiều cách bất tuân thánh ý của Thiên Chúa. Trong cuộc hành trình qua sa mạc, dân Israen mất kiên nhẫn đã kêu trách Thiên Chúa và ông Môisen rằng: *“Tại sao lại đưa chúng tôi ra khỏi Ai cập, để chúng tôi chết trong sa mạc, một nơi chẳng có bánh để ăn, chẳng có nước để uống. Chúng tôi đã chán ngấy những thứ đồ ăn vô vị này”*.

Bấy giờ Chúa cho rắn độc đến cắn họ và nhiều người phải chết. Biết lỗi, họ đã hối hận trở lại van xin Thiên Chúa và Ngài đã bảo ông Môisen: *“Hãy làm một con rắn đồng và treo lên một cây cột. Tất cả những ai bị rắn cắn mà nhìn lên con rắn đó, sẽ được sống”* (xem Ds 21: 4-9).

Những khác biệt giữa con rắn trong vườn địa đàng hay rắn trong sa mạc với con rắn đồng được ông Môisen treo lên:

Trong cảnh an bình hạnh phúc, quên đi sự quan phòng yêu thương của Thiên Chúa, quên đi thánh ý của Ngài, con người đã nghe theo tiếng gọi của dục vọng, của ý riêng để sa vào bẫy cám dỗ của con rắn, đã đánh mất cuộc sống hạnh phúc nơi vườn địa đàng, và trên những chặng đường đi về miền đất hứa, con người đã quên đi những việc Thiên Chúa đã làm để cứu thoát mình, đã đánh mất niềm tin vào Ngài, và rắn độc đã xuất hiện để hủy diệt họ, vì đã phản bội, bất trung; ngược lại, trong cuộc sống cơ cực trên con đường giải thoát khỏi cảnh nô lệ người Aicập, hình ảnh con rắn đồng được treo lên, lại cứu sống những người bị rắn cắn.

Rắn trong vườn địa đàng hay rắn trong sa mạc là hiện thân của sự dữ, của tội lỗi, của sự chết chóc, của sự hủy diệt. Hình tượng con rắn đồng được treo lên lại là sự cứu sống, là niềm hy vọng, là lòng thương xót, là tin vui cho những ai hướng về con rắn ấy.

Thiên Chúa yêu người và người yêu Thiên Chúa

Thiên Chúa đã yêu thương con người thế nào và con người đã thể hiện tình yêu của mình ra sao đối với Thiên Chúa?

Từ ngàn đời, con người đã được Thiên Chúa yêu thương. Khi được sống trong an bình, hạnh phúc, con người lại xa lạc Thiên Chúa, quên đi những ân huệ Thiên Chúa đã ban cho, quên tình yêu Thiên Chúa vẫn luôn ấp ủ triu mến, chạy theo những dục vọng của con người; và khi gặp khốn khổ, bất ưng thì lại đánh mất niềm tin, lại oán trách Thiên Chúa: một Evà quên đi hạnh phúc được Thiên Chúa ban cho trong vườn địa đàng, rồi con người đã có những lần đúc bò vàng, xây tháp Babel hay như Sách Sử Biên Niên thuật lại: Trong những ngày ấy, tất cả những đầu mục tư tế và dân chúng đều bất trung, bắt chước những sự ghê tởm của các dân ngoại. Họ làm dơ bẩn đền thờ Chúa đã được thánh hiến, nhạo báng các tiên tri, các sứ giả được Chúa sai đến, coi thường lời Chúa đến nỗi để cho quân thù đốt đền thờ, phá hủy các tường thành Giêrusalem, phóng hỏa các lâu đài và thiêu hủy mọi đồ vật quý giá... (2 Sbn 36: 14-16)

Tình yêu của con người đối với Thiên Chúa khi thì tin nhưng nhẹ dạ,

hời hợt, khi thì phụ tình, bất trung, lúc thì phản bội, than trách... Con người yêu chính bản thân mình hơn là yêu Thiên Chúa, yêu sách, đặt điều kiện với Thiên Chúa hơn là tin tưởng, phó thác nơi tình yêu của Ngài.

Ngược lại, trong tình yêu của Thiên Chúa, Ngài luôn kiên nhẫn đợi chờ, luôn tha thứ, dẫu cho con người bất trung, phản bội. Ngài luôn tin trung với những gì Ngài đã hứa... Ngài đã làm và sẽ làm bất cứ điều gì chỉ vì yêu thương con người. Ngài là ánh sáng đã đi vào bóng tối để đưa con người ra vùng ánh sáng, là Đấng quyền phép cao sang đã mang thân phận yếu hèn, tội lỗi để nhắc con người lên địa vị con cái Thiên Chúa, đã đưa con người từ cuộc sống vô vọng hôm nay vào thế giới hy vọng mai sau, là Đấng hằng sống đã xuống thế gian mang thân phận nô lệ sự chết để đưa con người đến chiến thắng sự chết, đến sự sống muôn đời, đã hạ thế để cho con người thăng thiên, và như lời Thánh Phaolô viết cho tín hữu Êphêsô: *“Thiên Chúa là Đấng giàu lòng từ bi, vì lòng yêu thương cao cả mà Người đã yêu thương chúng ta, đến nỗi khi tội lỗi làm cho chúng ta phải chết, thì Người làm cho chúng ta sống lại trong Đức Kitô, nhờ ơn Ngài mà chúng ta được cứu rỗi; Người đã cho chúng ta được cùng chung sống lại và đồng ngự trị trên nước trời trong Đức Giêsu Kitô, để tỏ cho hậu thế được thấy sự phong phú dồi dào của ơn Chúa mà lòng nhân lành của Chúa ban cho chúng ta trong Đức Giêsu Kitô”*.

Tình yêu của Thiên Chúa đối với con người thì như thế đó!

Con rắn được treo lên

Con rắn trong vườn địa đàng hay những con rắn trong sa mạc đã đánh mất đi hạnh phúc của con người, đã giết chết bao sinh mạng, thì con rắn được giương cao nơi sa mạc lại cứu sống con người. Điểm khác biệt giữa rắn thật và rắn bằng đồng là rắn đồng được treo lên để ai tin thì được cứu sống.

Rắn được treo lên và những ai tin vào tình thương của Thiên Chúa thì được cứu sống chứ không phải tin vào hình tượng con rắn đồng!

Một người trong nhóm biệt phái cũng là đầu mục của người Do thái, đang đêm đã đến gặp Chúa Giêsu, đó là ông Nicôđêmo. Chúa đã giải thích cho ông về việc tái sinh và về Con Người: *“Không ai lên trời được, ngoài người đã từ trời xuống, tức là Con Người vốn ở trên trời. Như Môisen đã treo con rắn lên trong sa mạc thế nào, thì Con Người cũng phải bị treo lên như vậy, để kẻ nào tin vào Ngài thì không phải hư mất, nhưng được sống đời đời”*.

Chúa Giêsu đã lấy lại hình ảnh con rắn đồng được treo lên trong sa mạc

để ám chỉ việc Ngài sẽ phải chịu chết như thế nào.

Có nhiều nghịch lý trong những lời giảng dạy của Chúa Giêsu và có nhiều cái bất thường trong những việc Thiên Chúa làm. Con người chết vì rắn cắn thì lại được cứu sống từ con rắn đồng được treo trên ngọn sào; con người phải hủy diệt vì tội lỗi lại được cứu sống bằng sự vô tội mà phải chịu nhục hình thập giá. Dụng cụ nhục hình bị ổi dành cho nô lệ lại được chuyển hóa thành vinh quang. Chúa Giêsu được nhắc lên khỏi mặt đất trên cây Thánh giá của sự chết lại được nhắc lên qua cùng một động tác ấy bên cạnh Chúa Cha trong vinh quang.

Thập giá hay thập tự đã trở thành Thánh giá. Thánh giá là biểu tượng cho sự nhắc lên cao khỏi mặt đất: *“Không ai lên trời được, ngoài người đã từ trời xuống, tức là Con Người vốn ở trên trời. Vì Thiên Chúa đã yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một mình, để tất cả những ai tin Con Ngài thì không phải hư mất, nhưng được sống đời đời, vì Thiên Chúa không sai Con Một của Ngài giáng trần để luận phạt thế gian, nhưng để thế gian nhờ Con Ngài mà được cứu rỗi”* (Ga. 3: 16-17).

Tin vào tình yêu Thiên Chúa cũng đồng nghĩa với tin vào Con Thiên Chúa. Ngài là sự thật và là sự sáng xóa tan tối tăm của tội lỗi. Cuộc “thanh tẩy” này sẽ được thực hiện nơi Thánh giá cùng với tất cả những đớn đau, ê chề, khổ nhục, nhưng lại là một thực tại duy nhất chúng ta phải qua để đi vào Nước của Tin, Yêu, Sự Thật và Ánh Sáng.

CNVMC/B

Bài đ5c 1: (Gr. 31: 31-34). Bài đọc 2: (Dt. 5:7-9). Tin Mừng: (Ga. 12: 20 – 33)

THUỐC BẮT TỬ

Thời Chiến quốc, có một người đem dâng cho vua nước Sở một vị thuốc bắt tử. Người ấy bung vị thuốc vào, đi ngang qua một viên quan canh cửa. Viên quan này hỏi:

- Vị thuốc này có ăn được không?

Người kia đáp:

- Ăn được.

Tức thì, viên quan giật lấy vị thuốc mà ăn.

Chuyện đến tai vua. Vua truyền bắt viên quan đem giết.

Viên quan kêu:

- Thần đã hỏi người đem dâng thuốc là có ăn được không. Người ấy bảo: “ăn được”, nên thần mới dám ăn. Như thế là thần vô tội mà lỗi là ở người dâng thuốc. Hơn nữa, người đem dâng thuốc nói là thuốc “bắt tử”, nghĩa là thuốc ăn vào thì không chết nữa. Thế mà thần mới vừa ăn xong, lại sắp phải chết; vậy là thuốc “tử” chứ đâu phải thuốc “bắt tử”? Nhà vua giết thần, thực là oan uổng cho một người vô tội; điều đó có nghĩa là thiên hạ dối lừa nhà vua mà nhà vua vẫn tin.

Nghe nói có lý, nhà vua bèn tha chết cho viên quan.

Một khát vọng

Chẳng ai muốn chết, và ai cũng muốn sống lâu, sống trường thọ; nhưng oái ăm thay! Chết lại là số kiếp của con người, ai cũng phải một lần đi qua kết cuộc ấy.

Sống được trên trăm tuổi đã là tuổi hiếm thấy trên thế gian; vì thế người ta mới ghi vào sổ kỷ lục những ai sống trên trăm tuổi: cụ già sống được 110 tuổi một tháng, đạt kỷ lục trường thọ hơn cụ già sống 110 tuổi 20 ngày! Càng về cuối đời, người ta không tính sống được bao nhiêu năm, bao nhiêu tháng nhưng tính hơn nhau từng ngày. Sống lâu trường thọ đến thế là một điều khâm phục, một niềm tự hào. Thọ là một trong ba nguyện ước con người thường cầu chúc cho nhau: Phúc - Lộc - Thọ.

Những mỹ phẩm mà người ta rao bán: làm trẻ mãi không già, thực ra chỉ

có thể che lấp đi được những nếp nhăn nheo cần cỗi trên thân xác, nhưng không thể níu kéo hay xoá đi tuổi già của thời gian. Và giả như ai đó phát minh ra được một thứ thuốc kéo dài tuổi thọ đến 100 hay 200 năm, chắc chắn người ấy sẽ trở thành nhà tỷ tỷ phú, và nếu chế được một thứ thuốc trường sinh bất tử thì chắc người ấy sẽ là người giàu nhất thế giới.

Thế mới biết: làm sao cho được “trẻ mãi không già”, được “sống lâu, bất tử” là khát vọng, nhưng đồng thời cũng là tuyệt vọng của con người.

Muốn sống, phải chết

Người đời bảo: chết là hết; thế mà có một người dám quả quyết: muốn sống, phải chết đi để được sống mà không phải sống trường thọ 2, 3 trăm năm mà sống bất tử, sống đời đời: *“Nếu hạt lúa mì rơi xuống đất mà không thối đi, thì nó chỉ trổ một mình, nhưng nếu nó thối đi, thì nó sinh nhiều bông hạt. Ai yêu sự sống mình thì sẽ mất, và ai ghét sự sống mình ở đời này, thì sẽ giữ được nó cho sự sống đời đời”*. Người ấy là Chúa Giêsu.

Nhưng chết bằng cách nào? Là tự tử? Là hủy hoại thân thể? Không. Chết là “thối đi”, là “ghét sự sống ở đời này”; đó là cái chết cho những tiêu cực nơi tâm hồn.

Như thế, chết là hãm mình trước những cám dỗ của dục vọng, của ý riêng, là vượt thắng bảy mối tội đầu, là hy sinh vì mười điều răn Chúa dạy, là từ bỏ những gì không thuộc ý muốn của Thiên Chúa; vì *“Tính xác thật thì ước muốn những điều trái nghịch với Thần Khí; còn Thần Khí lại ước muốn những điều trái nghịch với xác thật... Những việc do tính xác thật gây ra thì ai cũng rõ; đó là dâm bôn, ô uế, phóng đảng, thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hòa, ghen tuông, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái, ganh tỵ, say sưa, chè chén, và những việc khác giống như vậy... Còn hoa quả của thần Khí là: bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà, tiết độ”* (Gl 5: 17,19-20,22-23).

Chết là canh tân đổi mới, là cải thiện tâm hồn, là thay đổi nào trạng, thay đổi cách suy nghĩ sao cho hợp với thánh ý của Thiên Chúa: *“Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng các đổi mới tâm hồn, hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa: cái gì tốt, cái gì đẹp lòng Chúa, cái gì hoàn hảo”* (Rm. 12: 2).

Chết là chấp nhận hy sinh, chịu “thối đi” nơi con người thể xác và tinh thần để cho hạt giống đức tin và Tin Mừng có điều kiện nảy sinh và mang lại

hiều hoa trái cho người và cho đời.

Người không chịu “*thối đi*”, không dám “*ghét sự sống của mình ở đời này*”, là người gạt bỏ sự siêu nhiên ra khỏi cuộc đời của người Kitô hữu, không còn tìm thánh ý Chúa, không còn hành động cho sáng danh Chúa; là cho rằng hy sinh, khiêm nhường, nhịn nhục là đại đột, chỉ vâng phục khi nào mình thấy hợp lý, có lợi cho bản thân.

Người không chịu “*thối đi*”, không dám “*ghét sự sống của mình ở đời này*” là người chỉ xem hạnh phúc trần thế là cứu cánh của cuộc sống; là người vẫn dự lễ, đọc kinh tối sáng, vẫn làm những công việc bác ái, nhưng cuộc sống của họ lại xa lạ với Tin Mừng. Trọng tâm của cuộc đời của họ là quyền hành, lạc thú, tiền của. Bạn hữu của họ là những người giàu sang quyền thế, ngay cả những kẻ bóc lột, tham nhũng... Họ không nghĩ đến đời sau, bình thản như thể họ sẽ sống muôn đời trên cõi đời này và thiên đàng đối với họ là trần gian.

Đó là những hạt giống không chịu “*thối đi*”, không chịu mục nát, những hạt giống “*sống trơ trọi một mình*”, nên không “sinh nhiều bông trái” cho đời, cho người, không mang ích lợi gì cho ai và như thế, cuộc sống của họ “*sẽ mất*”.

Thuốc bắt tử

Phương thuốc bắt tử mà Chúa Giêsu muốn mang đến cho con người là: *sám hối và tin vào Tin Mừng* (Mc 1: 15).

Trước tiên, phải sám hối, chịu “*thối đi*”, chịu “*mất mạng sống mình*” mới chỉ là những thử chúng ta phải kiêng khem, phải hy sinh, phải hãm mình như người mắc bệnh tiểu đường phải kiêng ăn ngọt, người cao máu phải kiêng ăn mặn.

Kế tiếp, là “*tin vào Tin Mừng*” như lời Chúa đã phán: “*Ai nghe lời Ta và tin Đấng đã sai Ta, thì được từ cõi chết mà qua cõi sống*”(Ga. 5:24);

hay “*Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta, thì có sự sống đời đời*”. (Ga. 6:55)

Tóm lại, bài thuốc bắt tử mà Chúa muốn ban cho chúng ta là Thập giá. Chúa Giêsu đã chấp nhận chết đi để trở thành nguồn ơn cứu độ cho nhân loại được nhìn lên Ngài và được sống.

Hạt lúa phải chịu nghiền nát để trở thành cơm bánh nuôi sống con người, thì Chúa Giêsu cũng vậy, Ngài chấp nhận bị nghiền nát trong cuộc tự nạn đau thương để trở thành bánh thánh dâng lên Chúa Cha trên bàn thờ, đồng thời

trở nên lương thực nuôi sống chúng ta.

Thập giá đã trở thành ngai Chúa ngự để phán xét và ban sự sống. Ngài chết để đi vào vinh quang của Chúa Cha và trở thành Đấng ban sự sống đời đời cho chúng ta.

Cách thức để đi đến chiến thắng vinh quang lại là cách thức đau thương nhất, khốn cực nhất của trần gian.

Đáp lời kêu gọi của Thầy Chí Thánh: “Hãy đến mà xem”, “Hãy theo Ta”, chúng ta đã “đến mà xem”, đã “theo Thầy”, nhưng còn một điều kiện nữa để được sống bất tử là “vác thánh giá mình mà theo Thầy”, không biết chúng ta đã thực hiện điều kiện ấy chưa! đã chịu “thối đi”, đã “ghét mạng sống mình” được bao nhiêu!

CN LỄ LÁ/B

Bài đọc 1: (Is. 50:4-7). Bài đọc 2: (Pl. 2: 6-11). Tin Mừng: (Mc. 11: 1-10) hay (Ga. 12: 12-16)

NHỮNG IM LẶNG SAU TIẾNG HOAN HÔ

Lần thứ ba, Chúa Giêsu tiên báo về sự chết và sự sống lại của Ngài: *“Giờ đây chúng ta lên Giêrusalem và Con Người sẽ bị nộp cho các thượng tế, các luật sĩ và các kỳ lão. Họ sẽ kết án tử hình Người, và nộp Người cho dân ngoại. Họ sẽ nhạo cười Người, phi nhổ vào Người, đánh đòn và giết Người và ngày thứ ba Người sẽ sống lại”* (Mc. 10: 33).

Thế là Thầy trò lên đường đi lên Giêrusalem. Chúa Giêsu dẫn đầu đi trước các môn đệ và các ông hết sức ngỡ ngàng, những người theo sau thì sợ hãi (Mc.10: 32).

Khi đến gần thành Giêrusalem, vào địa hạt Bếtphagê, giáp núi Cây Dầu, Chúa Giêsu sai hai môn đệ: *“Các con hãy đến làng trước mặt kia, vừa vào làng, các con sẽ gặp một con lừa cột sẵn, trên lưng nó chưa hề có ai đã cỡi, các con hãy cỡi đấy mà dắt về đây.”* Nếu có ai hỏi thì bảo Chúa cần dùng rồi Ngài sẽ trả lại ngay. Hai môn đệ dẫn lừa con về, trải áo lên mình lừa và Ngài cỡi lên. Nhiều người trải áo xuống đường, kẻ khác chặt cành cây trải lối đi: kẻ đi trước, người theo sau tung hô: *“Hoan hô! Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến; chúc tụng nước Đavít tổ phụ chúng ta đã đến. Hoan hô trên các tầng trời”*.

Chúa Giêsu đã long trọng tiến vào thành Giêrusalem bất chấp những đối thủ đang hăm hực tìm cách bắt Ngài. Đến thành Giêrusalem, Ngài tiến vào đền thờ và sau khi đã quan sát mọi sự, thấy trời đã xế chiều, Ngài về Bêtania cùng với nhóm mười hai môn đệ.

Vinh quang trong ngày Lễ Lá chỉ là một thoáng qua và sau đó là những gì sẽ xảy ra? Thưa, đó là những bội phản, những trốn chạy, những a dua và những im lặng khó hiểu.

Chúa Giêsu im lặng

Chúa Giêsu bị bắt vào đêm thứ năm.

Trước khi chính thức bị đưa ra tòa xét xử, Ngài đã bị áp giải đến dinh cựu thượng tế Anna, là người rất có uy tín vào thời đó, nhưng lại là người có ác

cảm với Chúa Giêsu. Ông muốn biết căn kẽ về Ngài, nhưng ông cũng không khai thác được gì, vì Ngài vẫn một mực giữ thái độ im lặng. Tức giận, ông truyền áp giải Chúa Giêsu sang cho Caipha, con rể ông đang làm thượng tế năm ấy.

Caipha cho triệu tập 72 thành viên của Thượng Hội Đồng, tòa án tối cao của người Do thái. Trước tòa, có nhiều vị đã đứng lên tố cáo Chúa Giêsu là lộng ngôn, phạm thượng dám tự xưng mình là Con Thiên Chúa, đã công khai tuyên bố phá đền thờ Giêrusalem và xây lại trong ba ngày, đã nhiều lần vi phạm qui luật về ngày Sabbat... Trước những lời tố cáo ấy, Chúa Giêsu vẫn im lặng không một lời phân bua, biện hộ. Và Ngài chỉ trả lời cho Caipha những gì Ngài cần phải nói khi ông hỏi Ngài có phải là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa không, Ngài đã trả lời: “Đúng như lời ngài nói”. Và Caipha bực tức, xé áo và tuyên bố: “Chúng ta còn cần chi đến nhân chứng nữa! Các ông đã nghe lời nói lộng ngôn, các ông nghĩ sao?” Ai nấy đều lên án Ngài đáng chết. Nhưng kể từ khi bị người Rôma đô hộ, người Do thái không có quyền kết án tử hình bất cứ ai, nếu không có sự ưng thuận của chính quyền Rôma. Nên sáng hôm sau, họ lại áp giải Chúa Giêsu tới tòa tổng trấn Philatô, một viên chức cao cấp nhất, đại diện cho chính quyền Rôma tại nước Do thái để xin chuẩn nhận bản án tử hình.

Trước tòa Philatô, thay vì tố cáo Chúa Giêsu về tội thuộc lãnh vực tôn giáo, họ lại chuyển những lời tố cáo sang lãnh vực chính trị: tội tự xưng là vua dân Do thái. Philatô thấy không có gì đáng kết tội, nhưng thấy họ lại càng hung hăng dữ tợn hơn đòi đóng đinh Chúa vào thập giá; vì muốn tránh né trách nhiệm, ông đã chuyển vụ án qua cho Hêrôđê, một người từ lâu đã muốn gặp Chúa Giêsu, nhưng gặp rồi, ông lại thất vọng vì Ngài chẳng thỏa mãn được tính tò mò ham vui của ông. Ông đã hứa với lính để chế diễu Chúa, rồi trao trả lại cho Philatô.

Tiến thoái lưỡng nan, cuối cùng Philatô rửa tay thanh minh mình vô tội trong việc đổ máu người vô tội và sau cùng đã buông xuôi trao Chúa Giêsu cho họ để mặc cho họ hành động theo ý họ. Họ đã bắt Chúa vác thập giá, đóng đinh vào thập giá và cuối cùng Ngài đã chết trên thập giá.

Từ đầu vụ án cho đến lúc kết thúc, Chúa Giêsu đã im lặng trước những gì người ta vu khống. Không một lời kháng cáo, không một lời biện hộ.

Cái im lặng của Chúa Giêsu là vâng phục, là chấp nhận trong tinh thần tự nguyện, không oán trách, không kêu ca: “Lạy Cha, nếu có thể được thì cho

con khỏi ướng chén này, nhưng không phải theo ý Con mà xin vâng theo ý Cha.” Chính vì tinh thần tuân phục theo ý Chúa Cha mà Chúa Giêsu đã im lặng chấp nhận những gì sẽ xảy đến.

Sự im lặng như thế phải chăng là một hình thức im lặng như Euripide đã nói: “Im lặng là thú nhận”, là xác nhận những lời người ta tố cáo như: “phá đền thờ, ba ngày sẽ xây dựng lại, tự xưng là Con Thiên Chúa, là vua dân Do thái”. Tất cả những lời tố cáo ấy là đúng như Chúa đã từng nói; nhưng khi bị người ta xuyên tạc, bóp méo tố cáo là “xúi giục dân nổi loạn, ngăn cản nộp thuế cho Xêsarê...” thì Chúa Giêsu lại im lặng không một lời thanh minh, cãi chính! Với suy nghĩ của con người, thì đây là một sự im lặng khó hiểu!

Nếu những lời tố cáo là chân lý, là đúng sự thật thì tại sao con người lại kết tội. Phải chăng tiếng nói thiện tâm đã bị tà tâm bắt im tiếng!

Lương tâm im lặng

Philatô biết rõ chỉ vì ghen ghét mà người ta đã nộp Ngài (Mt. 27: 18), đã tuyên bố: “Ta vô can về máu người công chính này, mặc kệ các ngươi” (Mt. 27: 24), “Ta không thấy người này có tội gì” (Lc. 23: 4), “Ta không thấy nơi người này có lý do để kết án” (Ga. 18: 38). Thế mà ông lại không dám quyết định, lại sợ đụng chạm đến uy thế và quyền lợi của mình, và cuối cùng đã xếp Con Thiên Chúa ngang hàng với một tên trộm cướp.

Các thầy thượng tế và toàn thể công nghị cố tìm cho được một chứng cứ buộc tội Chúa Giêsu để giết Ngài, song họ không tìm ra. Có nhiều kẻ cáo gian Ngài, nhiều kẻ làm chứng gian, nhưng chứng cứ của họ không ăn khớp. Cáo gian, làm chứng gian để buộc tội một người vô tội như thế là hợp tình, hợp lý ư? Thế mà họ cứ khẳng khẳng cho là sự thật; vậy lương tâm ngay thẳng của họ ở đâu? Phải chăng nó đã chết, đã buộc phải im hơi lặng tiếng để cho ác tâm, thù hận, ghen ghét lên tiếng!

Thỏa hiệp, đồng ý, đồng lõa với những gì sai trái, những gì không đúng sự thật là im lặng với chân lý, với lẽ phải. Một sự im lặng khó hiểu!

Lòng tin và lòng mến im lặng

Hơn ai hết, các môn đệ là những người theo Chúa, được Chúa yêu thương dạy dỗ để mai sau còn tiếp nối công việc của Ngài, thế mà vào những giây phút gay go nhất thì có người đã đang tâm bán đứng Thầy mình với mấy chục đồng bạc như Giuđa Iscariốt; có người đã nhiều lần thể thốt sống chết

với Thầy, nhưng trước hiểm nguy lại ba lần chối bỏ Thầy mình: tôi không biết, tôi không quen... Dường như tất cả các môn đệ đã rút vào bóng tối vì sợ liên lụy, sợ nguy hiểm đến tính mạng.

Về phía dân Do thái, họ đã từng theo Chúa Giêsu để nghe Ngài giảng dạy giáo lý, đã được thấy Ngài làm nhiều phép lạ, đã được cho ăn no nê. Hôm trước, người ta lớn tiếng: Hoan hô Con vua Đavít, thì hôm sau lại gào thét: Đóng đinh! Đóng đinh nó vào thập giá! Và nhục nhã hơn, họ xem người họ đã từng tin tưởng không bằng tên trộm khét tiếng là Baraba!

Sợ liên lụy, tin hời hợt, a dua, phản bội... phải chăng đó là bất trung, bất tín! Là những im lặng khó hiểu nơi những người mang danh Kitô hữu!

Qua thái độ im lặng của các môn đệ và của dân Do thái, có lẽ đây cũng là cơ hội để chúng ta xét đến thái độ im lặng của chúng ta ngày nay.

Có những lúc chúng ta phải bắt chước Chúa Giêsu im lặng để nghe theo thánh ý Thiên Chúa, để chấp nhận những nghịch cảnh, những bất ưng vì Thiên Chúa và có những lúc chúng ta không được im tiếng khi cần phải bảo vệ công lý và lẽ phải, khi cần phải loan báo Tin mừng đến cho muôn người nhận biết

Với một tâm tình đơn sơ, chân thật, chất phác của trẻ em, chúng ta hãy bắt chước trẻ em Do thái reo vang ca tụng: Hoan hô Con vua Đavít; chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến. Đùng như dân Do thái: Hoan hô! Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến, rồi lại nhất quyết đòi đóng đinh Chúa vào thập giá, lại xin tha Baraba, một tên trộm cướp và giết Giêsu, Đấng cứu chuộc nhân loại.

CN PHỤC SINH/B

. Lễ đêm: (Mc. 16: 1-8)

. Lễ ngày: Bài đọc 1: (Cv. 10: 34a.37-43). Bài đọc 2: (Cl. 3: 1-4). Tin Mừng: (Ga. 20: 1-9)

TỪ NƠI HANG MỘ TRỐNG

Để tỏ lòng thương tiếc người quá cố, cũng như mọi người, ông Năm cũng thả lên quan tài một bông hoa, một nắm đất. Nấp thiên đống lại. Thế là ngàn thu vĩnh biệt để rồi mục nát với thời gian... Những tiếng khóc, những tiếc thương, những giọt nước mắt... đã cùng với người quá cố đi vào lòng đất. Mọi người lần lượt ra về... Không gian nghĩa trang như đi vào vắng lạnh. Ngoài lại nhìn phần mộ lần cuối, ông uể oải ra về. Từ ngày người bạn thân ra đi, ông cứ miên man nghĩ đến cái chết, và tự hỏi: chết là gì nhỉ?

Chết, hết giận hết hờn hết oán than
Chết, hết cười hết khóc hết lo toan
Chết, thiên thu giấc ngủ không mơ mộng
Chết, đêm tối lãng quên với thế gian
Chết, buông lỏng bàn tay thôi nắm chặt
Chết, đôi môi khép kín hết than van
Chết, tro tàn một nắm trong lòng đất
Chết, thoát XÁC ngục tù, TÂM hi hoan

Số phận của thân xác con người sau cái chết là như thế đó!

Nhưng với con mắt đức tin thì chết là một giây khắc biến đổi, là một sự đổi đời, là một thay đổi tình trạng, như Thánh Phaolô đã viết cho tín hữu Rôma: “Không phải tất cả chúng ta sẽ chết, nhưng tất cả chúng ta sẽ được biến đổi trong một giây lát, trong một nháy mắt” (1 Cor. 15:51); hay như Danneels: “Với con mắt đức tin, sự chết chẳng có gì thuộc về một cái chết. Nó là một sự sinh ra. Nó không phải là một kết cục, nhưng là một khúc dạo đầu; không phải là một kết luận, nhưng là một lời mở đầu”.

Và tuần lễ sau cái chết của người bạn, ông Năm lại bước vào Tuần Thánh của Mùa Phục sinh. Thứ sáu Tuần Thánh, ngày tưởng niệm đến cái chết của Chúa Giêsu từ hơn hai ngàn năm trước, cái chết của Con Thiên Chúa xuống thế làm người để “ở giữa chúng ta”, để cứu vớt nhân loại khỏi mãnh lực của

tội lỗi. Thế mà con người lại bội phản!

Đừng nghe đọc bài Thương Khó tường thuật lại cuộc “bức tử” của Chúa Giêsu, có lúc ông thậm oán trách những nhà lãnh đạo xã hội và tôn giáo thời bấy giờ đã đối nghịch, thù ghét Chúa Giêsu, đã tìm cách giết Ngài, vì những lời giảng dạy của Ngài nghịch với tâm tư và lối sống cổ hủ của họ, vì Ngài dám công khai đứng lên bảo vệ cho công lý; và ông cũng cảm thấy bức tức với những nhà lãnh đạo trên thế giới hiện nay đã chà đạp lên công lý, đã dùng quyền lực trong tay để áp bức, bạo hành những ai lên tiếng vì lẽ phải, vì tự do, hòa bình; họ đã dùng mọi thủ đoạn để bảo vệ những quyền lợi ích kỷ, riêng tư của họ, và ông cũng thấy ngán ngẩm cho lòng tin của dân chúng thời bấy giờ và ngay cả đến lòng tin của ông. Chúa Giêsu đã ba năm giảng dạy cho họ chân lý cuộc sống của con người. Họ đã tường nghe Ngài giảng dạy về giáo lý, đã từng chứng kiến những việc lạ lùng Ngài làm, đã tin và đi theo Ngài, đã hoan hô chúc tụng Ngài trên đường tiến vào thành Giêrusalem, để rồi hôm nay họ lại gào thét: Giết! Giết! Đóng đinh! Đóng đinh vào thập giá!, rồi lại xin tha tội cho một tên trộm khét tiếng. Cứu Chúa của nhân loại còn thua kém hơn một tên trộm! Xót xa thay cho lòng dạ con người!

Một bản án bất công!

Một cái chết nhục nhã, đau thương, lẻ loi, buồn thảm!

Khi đọc đến đoạn: “Và Người gục đầu xuống trút hơi thở cuối cùng”, mọi người qui gối trong thinh lặng, ông cũng qui xuống, đôi tay ôm đầu, ông trầm nghĩ: trong cuộc sống của mình, cũng đã có lúc ông là Giuđa bán Chúa khi chạy theo danh vọng bạc tiền; cũng có lúc ông là Phêrô chối Chúa trước những thế lực của trần gian; và cũng có lúc ông là dân Do thái đã hoan hô, chúc tụng rồi gào thét xin giết, xin đóng đinh Đấng Cứu Chuộc nhân loại. Ông cảm thấy hổ thẹn với chính ông đã phản bội lại tình yêu Thiên Chúa...

Và chiều hôm ấy, trên đồi Canvê, bạn bè thì xa lánh. Chôn cất vội vàng. Chết nhục nhã. Có nỗi đau khổ nào hơn nỗi đau khổ của Người Mẹ:

...

Mẹ đứng đó uất nghẹn

Đôi mắt lệ cạn khô

Con tim như đã chết

Không nói được một lời.

Đôi tay này mẹ ẵm
Con bú mớm tuổi thơ
Đôi tay này mẹ ẵm
Đem xác con vào mộ.

Chết không mang theo bất cứ thứ gì của trần gian, áo choàng thì bọn lính đã chia nhau, mộ thì mộ của một người khác, trả lại cho thế gian cả khăm liệm và khăn che đầu.

Và từ hang mộ trống, có một cái chết đem lại niềm vui và hy vọng cho con người. Đó là cái chết: vì người mình yêu. Chết vì yêu thương, chết vì hạnh phúc của kẻ khác, chết để cứu sống... Đó là cái chết của Chúa Giêsu trên cây thập giá, và đã sống lại từ hang mộ trống

Dấu chỉ của sự sống lại là hang mộ trống và cuộc hẹn gặp tại Galilê.

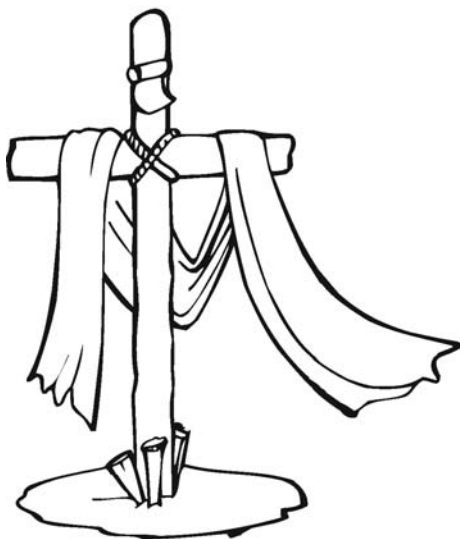
Có rất nhiều điều Chúa đã nói với chúng ta rồi, nhưng đến khi thực hiện, thì chúng ta lại “chạy ra khỏi mộ, sợ, tưởng là ma...” Hãy vào hang mộ trống, để:

Từ nơi hang mộ trống
Nhìn về cuối con đường
Không còn là tăm tối
Nhưng điểm đến lữ hành

Từ nơi hang mộ trống
Nhìn lên dốc núi cao
Không còn là tuyệt vọng
Nhưng hy vọng dâng cao

Từ nơi hang mộ trống
Giữa màn đêm tối tăm
Không còn là đêm tối
Nhưng hùng đông rạng ngời

Từ nơi hang mộ trống
Giữa buốt giá mùa đông
Không còn là băng giá



Nhưng ấm áp mùa xuân

Từ nơi hang mộ trống
Dù nhắm mắt xuôi tay
Thôi không còn tuyệt vọng
Nhưng cuộc sống vĩnh hằng

Từ nơi hang mộ trống
Đã có Ngài ngay bên
Trên con đường dương thế
Là hy vọng, niềm vui

Sáng sớm, thời điểm khởi đầu của một ngày mới, là bình minh của cuộc sống con người.

Ở vào thời điểm bình minh ban đầu của nhân loại, con người đã được Thiên Chúa thổi hơi thở sự sống của Ngài và con người đã trở thành “linh u vạn vật”.

Và vào lúc sáng sớm, từ nơi hang mộ trống, là bình minh của sự sống mới trong Chúa Giêsu chết và phục sinh. Con người đã được Chúa đổ tràn sức mạnh chiến thắng sự chết của Ngài, và con người trở thành “con Thiên Chúa”, thành Kitô hữu.

“Vi một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi gây nên sự chết;... và nhờ một người duy nhất đã thực hiện lễ công chính, mọi người cũng được Thiên Chúa làm cho nên công chính, nghĩa là được sống” (Rm 5: 12,18).

Vấn đề là sau bình minh đầu tiên của nhân loại, con người đã sa ngã, tự mình tìm cứu cánh nơi chính mình và đã dẫn đến cái chết của Đấng Tạo Hóa. Chết vì sa ngã của con người, chết để giải cứu con người khỏi sự hư nát, chết vì yêu.

Vậy sau bình minh Phục sinh, con người phải suy nghĩ, cư xử làm sao, phải sống thế nào để cho tình yêu của Thiên Chúa, sức mạnh chiến thắng sự chết của Ngài dành cho chúng ta không trở nên vô ích.

CN II PS/B - (CN LÒNG CHÚA THƯỜNG XÓT)

Bài đọc 1: (Cv. 24: 32- 35). Bài đọc 2: (Ga. 1: 1-6). Tin Mừng: (Ga. 20: 19-31)

ĐÃ THẤY, ĐÃ KHÔNG THẤY

Sau khi sống lại, vào ngày thứ nhất trong tuần, Chúa Giêsu đã hiện ra lần thứ nhất với các tông đồ, nhưng vắng mặt ông Tôma. Ngài đã chúc bình an và cho các ông xem tay và cạnh sườn Ngài. Các môn đệ vui mừng vì đã được xem thấy Chúa, và họ đã cho ông Tôma biết: *“Chúng tôi đã xem thấy Chúa”*; nhưng ông này cương quyết: *“Nếu tôi không nhìn thấy vết đinh ở tay Người, nếu tôi không thọc ngón tay vào lỗ đinh, nếu tôi không thọc bàn tay vào cạnh sườn Người, thì tôi không tin.”*

Tám ngày sau, các môn đệ lại họp nhau trong nhà; lần này có mặt ông Tôma. Chúa Giêsu lại hiện ra lần thứ hai cùng các ông. Sau khi chúc bình an, Ngài đã cho ông Tôma xem những dấu đánh nơi bàn tay và vết thương nơi cạnh sườn Ngài và đã khiển trách ông: *“Chớ cứng lòng, nhưng hãy tin”*. Và ông Tôma chỉ còn biết kêu lên: *“Lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa tôi”*. Và Ngài nói tiếp với ông: *“Tôma, vì con đã xem thấy Thấy, nên con đã tin. Phúc cho những ai đã không thấy mà tin”*.

Đã xem thấy, đã tin

Cũng như các môn đệ khác, ông Tôma cũng đã từng được nghe những giáo huấn của Chúa, đã được xem thấy những việc kỳ lạ Ngài đã làm, và cũng được nghe Ngài tiên báo về cái chết và sự phục sinh của Ngài...; nhưng ông vẫn còn bán tín bán nghi về việc chết đi sống lại của Thầy mình; vì, Chúa quyền năng có thể làm cho người chết sống lại như trường hợp ông Lagiarô thì còn hiểu được; nhưng đằng này, chính Chúa lại phải chết và lại tự cho mình sống lại thì thật là một việc quá sức tưởng tượng của ông: làm sao lại có thể có chuyện ấy được! Và đức tin của ông đã bị chao đảo! Ông nghi ngờ đòi cho được tận mắt thấy những dấu đánh nên thân thể Chúa mới tin cũng phải thôi, vì ông đã một lần thất vọng khi thấy Thầy, một Đấng quyền phép mà ông đã tin, lại phải chịu nhục hình cho đến chết trên thập giá. Cùng còn may là ông còn lui tới với cộng đoàn, không như hai môn đệ trên đường Êmau, sau khi Thầy chết, đã thất vọng, sợ hãi tìm đường trốn chạy. Điều đó cho thấy ông vẫn còn tin tưởng vào Thiên Chúa, vẫn còn muốn đạt đến một

đức tin viên mãn để được cứu độ.

Tuy bị Thầy khiển trách là cứng lòng tin, nhưng qua đó, ông đã thấy và ông đã tin. Đức tin của ông đã được củng cố cho vững mạnh hơn bao giờ hết đến nỗi ông đã kêu lên: *“Lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa tôi”*.

Cũng không phải chỉ có ông Tôma mới nghi ngờ sự sống lại của Thầy mình, mà ngay chính những người được tận mắt thấy ngôi mộ trống cũng bán tin bán nghi.

Ngày thứ nhất trong tuần, từ sáng tinh mơ, các bà mang theo thuốc thơm đã chuẩn bị sẵn. Thấy hòn đá đã lăn ra khỏi mộ, bước vào trong, không thấy xác Chúa, bà Maria Mađalêna đã hốt hoảng chạy về báo: *“Người ta đã lấy xác Thầy khỏi mộ, và chúng tôi không biết người ta đã để Thầy ở đâu”* (Ga 20: 2); và đang khi còn ngỡ ngác, vào trong mộ, thì thấy một thanh niên ngồi bên phải, mặc áo dài trắng, nên các bà khiếp sợ. Nhưng người đó bảo các bà: *“Các bà đừng sợ. Các bà đi tìm Chúa Giê-su Nagiareth chịu đóng đinh, nhưng người đã sống lại...”* Các bà chạy ra và trốn khỏi mộ, vì các bà run rẩy bàng hoàng. Các bà không nói gì với ai, vì các bà sợ hãi...(Mc. 16: 6-8)

Trở về nhà, các bà thuật lại cho các tông đồ; *“nhưng những lời đó, các ông cho là truyện vớ vẩn, nên các ông không tin”* (Lc. 24: 11).

Vì không thấy, nên ông Tôma chỉ đòi hỏi thấy mới tin, nhưng các bà và các tông đồ đã thấy, đã nghe nói về việc ngôi mộ trống, về việc Chúa đã sống lại, thế mà các bà thì sợ hãi cho là ma, còn các ông thì cho đó là truyện vớ vẩn. Ai là người kém lòng tin hơn ai?

Hơn nữa, đứng về phương diện đức tin, thì có thể ông Tôma là người cứng lòng tin, nhưng đứng về phương diện khoa học, thì sự nghi ngờ của ông lại là điều cần thiết để tìm ra sự thật. Nếu khoa học kiểm chứng được những gì chúng ta phải tin, thì những điều chúng ta tin mà khoa học khám phá, chứng minh được, thì cũng chẳng còn gì là siêu việt đối với trí óc của con người.

Ông Tôma cứng lòng tin, vì ông muốn lấy lý trí để củng cố cho lòng tin của ông. Có thể ông đã nghĩ rằng: nghe người ta nói Chúa đã phục sinh chưa đủ, tôi còn phải tận mắt nhìn thấy Ngài, và phải được tiếp cận thân thể đầy thương tích của Ngài, thì tôi mới tin. Và cuối cùng, Tôma đã thấy và ông đã tin: *“Lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa tôi”*.

Việc ông Tôma đòi hỏi được nhìn, được sờ, được kiểm chứng Đấng Phục

sinh không chỉ là một đòi hỏi cho riêng ông, nhưng cũng là một chứng tích cho chúng ta hôm nay.

Đã không thấy mà tin

Và sau khi nhân định về lòng tin của ông Tôma: Vì con đã thấy và con đã tin; Chúa lại đưa ra một mẫu lòng tin khác được chúc phúc; đó là: Phúc cho những ai đã không thấy mà tin”.

Qua sự việc của ông Tôma, Chúa đã gián tiếp nói với chúng ta là những người sinh ra “hậu Phục sinh”, những người đã không thấy Chúa sống, chết và phục sinh, nhưng chúng ta tin. Chúng ta chỉ được đọc, được nghe về Thiên Chúa, về Người Con Duy Nhất của Thiên Chúa xuống thế làm người vì yêu thương con người, để rồi chịu chết và đã phục sinh...; nhưng chúng ta không được may mắn như dân Chúa xưa kia hay gần gũi hơn là các môn đệ đã thấy và đã tin.

Cám ơn các tông đồ và đặc biệt cám ơn ông Tôma đã giúp chúng ta xác tín mạnh mẽ hơn về việc Chúa sống lại, về lòng tin của mình.

Từ ngàn xưa, con người nói chung và con cái Thiên Chúa nói riêng đã thấy, đã tin, nhưng vẫn còn vô số người đã thấy, nhưng vẫn chối từ, vẫn không tin. Đã không thấy mà tin là một đòi hỏi rất khó đối với đức tin, đồng thời cũng là một yếu tố xác định mức độ lòng tin của chúng ta.

Đức tin và bình an

Trong cuộc hành trình đức tin, những người đã không thấy mà tin và ngay cả những người đã thấy và đã tin vẫn luôn gặp những trở ngại, nghi ngờ, lo lắng, bất an.

Các môn đệ, sau cuộc “bức tử” của Thầy Giêsu, họ đã hoang mang, lo lắng, sợ sệt, bất an: số phận của họ rồi sẽ ra sao? Ai sẽ là người hướng dẫn để tiếp tục công việc của Thầy?... Tụ lại với nhau, nhưng cửa đóng then cài.

Và những người đã không thấy mà tin thì sao? Đức tin của chúng ta ở mức độ nào? Chúng ta tin, nhưng đã sống và chết vì đức tin như thế nào?

Đức tin chưa đủ mạnh, chưa quyết liệt, chưa xác tín... thì luôn gặp những bất an. Thử thách, gian nan, khổ cực là thước đo đức tin, là những bất an trong tâm hồn.

Hiểu được tâm trạng lo lắng, sợ sệt, bất an của các môn đệ, nên qua hai lần hiện ra với các ông sau khi sống lại, lời trấn an đầu tiên mà Chúa gửi đến

các ông là: “*Bình an cho các con*” và Ngài hứa sẽ sai Thánh Thần xuống để cùng đồng hành với họ. Như thế là họ sẽ được bình an, được an tâm để lên đường tiếp tục công việc của Thầy, không còn phải lo lắng, hoang mang.

Và cũng hiểu được tâm trạng bất an của chúng ta ngày nay, Chúa cũng đã chúc bình an và hứa với chúng ta rằng: “Thầy sẽ xin Cha Thầy, và Người sẽ ban cho các con một Đấng Phù Trợ khác để Ngài ở với các con luôn mãi” (Ga. 14: 15). Cũng như các môn đệ họp nhau vào ngày thứ nhất trong tuần, Chúa đã hiện ra và chúc bình an cho họ, ngày Chúa nhật họp nhau tham dự Thánh Lễ, chúng ta cũng đón nhận bình an của Thiên Chúa và chúc cho nhau bình an của Ngài để rồi lại ra đi trong bình an của Ngài đến với anh em. Bình an ấy là kết quả của đức tin.

Chúng ta là những người “đã không thấy mà tin”, và đã được Chúa chúc phúc; vì, như Thánh Gioan Tông đồ đã viết trong thư thứ nhất của ngài: “Ai tin rằng Chúa Giêsu là Đấng Kitô, thì kẻ ấy sinh bởi Thiên Chúa, và ai yêu mến Đấng sinh thành, thì cũng yêu mến kẻ sinh ra bởi Đấng ấy. Cứ dẫu này chúng ta nhận biết rằng chúng ta yêu mến con cái thiên Chúa, là khi chúng ta yêu mến Thiên Chúa và thực hành các giới răn Người..., và giới răn Người không nặng nề. Vì những gì sinh bởi Thiên Chúa đều chiến thắng thế gian, và đây là cuộc thắng trận thế gian, là chính đức tin của chúng ta. Ai là người chiến thắng thế gian nếu không phải là người tin rằng Chúa Giêsu là Con Chiên Chúa? (1 Ga. 5: 1-6)

Đức tin đem lại cho chúng ta bình an của Thiên Chúa. Không những chúng ta phải tuyên xưng đức tin mà còn phải sống đức tin: “Một thân xác không hơi thở là một xác chết; cũng vậy, đức tin không có hành động là đức tin chết.” (Gc. 2: 26)

CHỨNG NHÂN

Suốt mùa Phục sinh, Giáo hội muốn làm nổi bật lên cho chúng ta sự thật về Chúa sống lại và sức mạnh phục sinh của Chúa để giúp chúng ta củng cố niềm tin của mình vào sự thật và sức mạnh ấy trong cuộc sống và trong việc loan báo và làm chứng cho sự thật ấy.

Sự thật Chúa sống lại là một biến cố lịch sử có tầm ảnh hưởng quyết định đến vận mạng của con người trong lịch sử cứu độ của Thiên Chúa. Chúng ta phải nắm bắt, phải sống, phải loan truyền và làm chứng về biến cố ấy như lời Ngài đã nói: “... *Rồi phải nhân danh Người rao giảng sự thống hối và sự ăn năn để lãnh ơn tha tội cho muôn dân, bắt đầu từ thành Giêrusalem. Còn các con, các con sẽ làm chứng nhân cho những điều ấy*” (Lc. 24: 45-48). Sự thật Chúa sống lại và sức mạnh của sự phục sinh là những chân lý đòi đời, là một biến cố hiện tại mà chúng ta phải làm chứng cho mọi người, phải có nhiệm vụ kêu gọi thống hối và ăn năn để cũng được phục sinh như Chúa Giêsu Kitô. Đó là lệnh Chúa truyền cho các môn đệ ngày xưa và cho chúng ta ngày nay.

Làm chứng là xác nhận, nhận thực một thực tại, một sự kiện mà mình đã trải nghiệm bằng mắt thấy tai nghe. Nói khác, làm chứng là chứng nhận bằng lời nói hay bằng hành động về một sự việc đã xảy ra, một sự kiện có thật mà mình đã thấy, đã trải qua.

Muốn cho người ta tin điều mình làm chứng là có thật, thì trước tiên người làm chứng phải tin vào điều mình muốn làm chứng. Nhưng tin làm sao được nếu không thấy, không nghe, không biết gì về điều mình làm chứng!

Như thế, điều kiện đầu tiên chứng nhân phải có là tin: Làm chứng bằng đức tin.

Sau khi đã sống lại, biết lòng các môn đệ còn xao xuyến, chưa thực sự tin vào sự thật phục sinh, Chúa Giêsu đã phải dùng mọi cách để củng cố niềm tin của họ: hiện ra với các ông nhiều lần, cho họ thấy những vết thương nơi thân thể mà Ngài đã chịu, cho các ông sờ mó, đụng chạm đến con người xác thịt của Ngài: “*Hãy sờ mà xem: ma đâu có xương thịt như các con thấy Thầy*

có đây!”, cho họ thấy nhu cầu ăn uống của con người xác thịt: “*Ồ đây các con có gì ăn không?*” và Ngài đã cầm mẩu cá nướng và tâng mật ong ăn trước mặt các ông và đưa phần còn lại cho họ... Ông Tôma thế mà mau mắn tin vào sự phục sinh của Chúa hơn các môn đệ khác.

Các môn đệ đã nhìn thấy tận mắt sự kiện Chúa Giêsu đã chết và sau ba ngày Ngài đã sống lại cả nhân tính và thiên tính. Họ đã thấy và đã tin. Nhờ bình an Chúa đã ban, nhờ đức tin được củng cố trở nên mạnh mẽ, các ngài đã ra đi làm chứng cho Chúa bất kể những khó khăn gian khổ, ngục tù chết chóc.

Còn chúng ta, những kẻ hậu sinh, dù không tận mắt nhìn thấy Đấng Phục Sinh, không được sờ mó đến Đấng ấy như các tông đồ xưa kia, nhưng đức tin vào Chúa Giêsu Phục sinh đã được khơi nguồn từ *Kinh Thánh* được Hội Thánh loan truyền qua Phụng vụ.

Sau khi sống lại, Chúa Giêsu sẽ gần gũi, hiện hữu với con người một cách thân cận hơn, thâm sâu hơn. Đó là Bí tích Thánh thể. Con đường Thánh thể là con đường giúp chúng ta, không những đụng chạm, mà còn nên một với Đấng Phục sinh. Bí tích Thánh Thể là dấu hiệu thân cận, dễ dàng và tiện lợi nhất cho những ai muốn gặp, muốn nắm bắt lấy Ngài bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, nhất là trong tâm hồn mình.

Và để cuộc chung đụng này nên trọn vẹn trong chương trình hành động của Chúa, để thân xác, tâm hồn, trí óc và cả con người chúng ta nghiệm rõ ra con người Thiên Chúa, chúng ta phải cử hành Lời Ngài qua Phụng vụ. Qua đó, bắt đầu từ Môisê cho đến các tông đồ, Ngài sẽ lần lượt giải thích cho chúng ta hiểu và chấp nhận vì sao muốn đụng chạm đến Đấng Phục Sinh, chúng ta lại phải theo con đường tử nạn để đến phục sinh.

Phải chạy đến với Thánh Thể, phải lần giở *Kinh Thánh*. Phải làm hai việc một trật và làm thật trọn vẹn, thì không thể nào không nắm bắt được Chúa Kitô Phục Sinh. Và khi có lực sống lại của Ngài thúc đẩy, chúng ta ra đi khỏi nhà thờ, ra khỏi con người của mình để đến với mọi người, mọi nơi đang cần chúng ta chia sẻ, làm chứng.

Chúng ta dù chỉ đọc, chỉ nghe và tin vào những gì thế hệ trước truyền lại, nhưng chúng ta lại là những người được Chúa chúc phúc: phúc cho ai không thấy mà tin. Làm chứng cho Chúa là trách nhiệm chung của người con Thiên Chúa, là bổn phận của người Kitô hữu.

Để trở nên chứng nhân thực sự, chúng ta còn phải làm chứng bằng đức

tin hành động.

“Một thân xác không hơi thở là một xác chết; cũng vậy, đức tin không có hành động là đức tin chết.” (Gc. 2: 26).

Các Thánh đã chết vì đức tin của mình, đã làm chứng cho Chúa bằng chính cuộc sống của mình.

Sống đức tin không phải chỉ nhắm đến sự cứu rỗi cho riêng mình mà quên đi trách nhiệm đối với kẻ khác. Thống hối, ăn năn và sống theo Tin Mừng là những điều kiện cần thiết để được cứu rỗi, nhưng không yêu người thì giới răn quan trọng mà Chúa đã dạy: mến Chúa và yêu người.

Mến Chúa là chiều thẳng đứng, yêu người là chiều ngang. Hai chiều làm thành một cây Thánh Gia trên đó có Chúa Giêsu Kitô đã chịu đóng đinh và đã chịu chết.

Người Kitô hữu thuở sơ khai đã có một lối diễn tả rất đơn sơ: “Người Kitô hữu là người mang Chúa Kitô trong óc, mang Chúa Kitô trong tim, mang Chúa Kitô trên tay, mang Chúa Kitô trên miệng, mang Chúa Kitô trên chân”. (Hong Y Nguyễn Văn Thuận, *Câu Nguyện Hy Vọng*, tập 1, trang 32)

Xin được thuật lại một câu chuyện sau đây:

Nhận được điện thoại từ phòng cấp cứu: một cậu bé đang cần phẫu thuật. Bác sĩ X đã vội vàng đến bệnh viện. Khoác vội chiếc áo phẫu thuật, ông đi ngay đến phòng mổ. Trước cửa phòng, anh thấy một người đang đi tới đi lui có vẻ rất sốt ruột. Người ấy lên tiếng:

- Sao giờ ông mới tới? Ông có biết con trai tôi đang trong tình trạng nguy kịch không? Trách nhiệm nghề nghiệp ông để đâu?

Nghe thế, bác sĩ điềm tỉnh trả lời:

- Xin lỗi ông! Vì không phải ca trực của tôi, nên tôi không có mặt. Nhưng nhận được điện thoại, tôi đã vội tới ngay. Lúc này, tôi cần một chút tịnh tâm để tiến hành phẫu thuật cho con ông.

Người cha giận dữ:

- Tịnh tâm à! Giả như con ông đang nằm trong phòng cấp cứu, nó sắp chết, ông có tịnh tâm được không?

Vị bác sĩ mỉm cười trả lời:

- Trong *Kinh Thánh*, ông Gióp đã nói: “Thân trần trướng sinh ra từ bụi đất, tôi sẽ trở về bụi đất với thân trần trướng. Chúa đã sinh ra, Chúa lại lấy đi. Xin chúc tụng Ngài”. Các bác sĩ không có khả năng giữ lại mạng sống. Ông hãy cầu nguyện cho con ông. Chúng ta sẽ nỗ lực hết mình và cậy trông

vào Thiên Chúa.

Người cha mỉm cười:

- Thời giờ gấp rút. Ông còn lên mặt đạo đức nữa hả? Nói thì hay lắm! Nhưng ông có ở trong hoàn cảnh của tôi đâu mà ông biết tôi đau khổ thế nào!

Cửa phòng phẫu thuật đóng lại. Và sau mấy tiếng im lặng đợi chờ, vị bác sĩ mở cửa bước ra, nét mặt vui tươi nói với người cha:

- Cảm tạ Chúa. Con trai ông đã được cứu. Nếu muốn biết thêm, ông hỏi cô y tá vừa giúp tôi, sẽ rõ.

Nói rồi, vị bác sĩ vội vàng ra về.

Một lúc sau, cô y tá bước ra, người đàn ông kia hẳn học lên tiếng:

- Hạng người đâu mà cao ngạo thế!

Cô y tá cúi mặt, nước mắt tuôn trào nức nở:

- Con trai duy nhất của bác sĩ ấy vừa mới qua đời hôm qua do tai nạn. Hôm nay bác sĩ đang lo tang sự cho con; nhưng vừa nhận được điện thoại, bác sĩ đã lập tức đến ngay để cứu con trai ông. Bây giờ bác sĩ vội về để lo tiếp hậu sự cho đứa con yêu quý của ông.

Người cha kia cúi đầu, im lặng. (tác giả: Minh Ha)

Trong hai người cha, người cha nào đã sống, đã hành động theo đức tin, đã là là chứng nhân của Chúa Kitô!

Chúng ta được củng cố đức tin và làm cho nó trở nên vững mạnh nhờ tham dự Thánh Lễ, qua Thánh Lễ, nhất là ngày Chúa Nhật, chúng ta được nghe biết về Chúa, được đụng chạm đến thân thể phục sinh, được bình an và được ơn tha tội để ra đi làm chứng cho Chúa Phục Sinh.

Chúng ta là những chứng nhân của Chúa Phục sinh của thời đại mới, Đấng Hằng Sống đang xây dựng một thế giới không tội lỗi, không chết chóc, một thế giới của công bằng, của yêu thương, của ánh sáng. Nhờ những chứng tích của các môn đệ ngày xưa mà chúng ta biết rằng Chúa Giêsu Phục sinh là Đấng đã chiến thắng, rằng Ngài luôn ở với chúng ta.

NGHE - BIẾT - THEO

Những dấu hiệu để nhận ra người thân quen là gương mặt và giọng nói.

Tuy cách nhau, nhưng nhớ đến ai, ta vẫn hình dung ra được gương mặt người ấy; nghe giọng nói qua điện thoại, ta nhận ra ngay người thân quen của ta là ai.

Chính Chúa Giêsu đã xác nhận: “*Các chiên Ta thì nghe tiếng Ta, Ta biết chúng và chúng theo Ta.*” (Ga. 10: 27), hay “*Ta biết các chiên Ta và các chiên Ta biết Ta* (Ga. 10: 14).

Động từ “biết” trong *Kinh Thánh* có một ý nghĩa đặc thù diễn tả tình yêu thương kết hợp nơi thân xác của vợ chồng để cả hai trở nên một như Chúa Cha biết Chúa Con và Chúa Con biết Chúa Cha. Khi nghe Thiên Thần báo tin: “Này Trinh nữ sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai và đặt tên là Giêsu...”, Trinh nữ Maria đã trả lời: “Việc đó xảy đến thế nào được, vì tôi không biết đến người nam?”

Như thế “biết” là không chỉ có ý nghĩa thuần túy thuộc phạm trù nhận thức mà còn bao gồm cả về phương diện tình cảm. Biết là thân thương, triu mến, gắn bó, kết hợp.

Ta biết các chiên Ta

Chúa Giêsu đã tự xác nhận mình là Mục Tử. Ngài là chủ đàn chiên chứ không phải người chăn thuê và là một Mục Tử Nhân Lành. Khác với chủ chăn đích thực, người chăn thuê, vì đàn chiên không thuộc về anh ta, anh ta không thiết gì đến đàn chiên, nên khi thấy sói đến, anh ta bỏ chiên mà chạy, mặc cho sói vồ lấy chiên và làm cho chúng chạy tán loạn.

Người Chăn Chiên Nhân Lành ấy biết đàn chiên của mình là con cái cùng một Cha, cùng chung một mái nhà, là anh em, là bạn hữu chứ không phải là tôi tớ..., biết từng con chiên một, biết đàn chiên yếu đuối hay sa ngã, biết chúng đang phải sống một kiếp sống hủy diệt vì tội lỗi, biết chiên đang khát vọng tìm một đồng cỏ xanh tươi, một dòng suối mát cho cuộc

sống để nghỉ ngơi...

Vì yêu thương đàn chiên, muốn giải cứu chúng khỏi kiếp sống diệt vong ấy để được sống hạnh phúc viên mãn nơi Nhà Cha trên trời, người Mục Tử Nhân Lành ấy đã xuống thế mang thân phận thấp hèn của con chiên, đã hy sinh mạng sống vì đàn chiên để từ sự phục sinh của người Mục tử Nhân Lành ấy, đàn chiên được sống trong an bình và hy vọng.

Chúa Giêsu chịu chết và phục sinh, Mục Tử Nhân Lành đã trở nên nguồn ơn cứu độ cho toàn thể nhân loại, cho từng con người. Ngài muốn chân đất, gìn giữ, nuôi sống từng con chiên một trong đàn chiên. Mục Tử Nhân Lành biết các chiên của mình là như thế đó! Và dung mạo của Chủ Chân ấy là nhân lành, yêu thương, biết các chiên, hy sinh mạng sống vì đàn chiên và bảo vệ đàn chiên là như thế đó!

Là con chiên thuộc đàn chiên của Mục Tử Nhân Lành, ta đã biết chủ chăn, nghe tiếng Đấng ấy như thế nào? Đã cảm nhận được sự hy sinh, bảo vệ, chăm sóc qua cái “biết” của Mục Tử ấy chưa?

Và các chiên Ta biết Ta, chúng nghe tiếng Ta

Nhờ dấu hiệu nào giúp chúng ta “biết” Chủ Chân?

Qua Kinh Thánh và nhất là qua Tin Mừng và phép Thánh Thể, ta biết Ngài, nghe tiếng Ngài kêu gọi. Ngài là Đấng Phục Sinh, nghĩa là Đấng Hằng Sống. Ta sẽ biết rõ Ngài hơn, nhiều hơn, thân mật hơn, nếu ta sống và đi vào cuộc sống với, sống cùng các chiên khác.

Chúng ta đọc *Kinh Thánh* để nhận biết Người Chân Chiên, để nghe tiếng Đấng ấy kêu gọi, nhưng ta nhận biết và nghe được tiếng gọi ấy bằng cách nào? Bằng phân tích, lý luận hay bằng tình cảm tin yêu?

Ba người ngồi trao đổi với nhau về bản dịch Kinh Thánh.

Ông thứ nhất nói:

- Tôi thích bản dịch A. Nó sáng sủa hơn những bản dịch trước. Bản dịch này đọc dễ hiểu hơn.

Ông thứ hai nhận định:

- Tôi thì thích bản dịch B hơn. Bản dịch vừa rõ ràng lại vừa văn chương, rất thích hợp cho chúng ta cầu nguyện.

Ông cuối cùng nhỏ nhẹ nói:

- Phần tôi, tôi thích bản dịch của mẹ tôi nhất. Mẹ tôi dịch *Thánh Kinh* ra thực tế, làm cho *Thánh Kinh* dễ dàng áp dụng vào đời sống hằng ngày.

Mỗi ngày, có thể ta sẽ viết thêm một trang mới vào cuốn sách *Tin Mừng* sống của thời đại bằng chính những việc ta làm, bằng những lời ta nói.

Nếu những lời nói và hành động của ta không phản ánh được những giá trị của Tin Mừng, thì những lời nói và hành động ấy cũng chẳng nói lên được gì cả.

Nói đến đây, có lẽ cũng là dịp để ta nhớ lại dụ ngôn người gieo giống.

Sống và thực hành lời Chủ Chăn kêu gọi: hãy sám hối và tin vào Tin Mừng, nhiệt thành tham dự Thánh Lễ để từ đó sống kết hợp với Ngài là ta biết và nghe tiếng Mục Tử Nhân Lành kêu gọi.

Bốn phận của con chiên là biết nghe tiếng của chủ chăn. Chỉ có một tiếng thôi, không có tiếng nào khác để chiên nghe theo mà được yên ổn, an vui, sống hạnh phúc ngoài tiếng Giêsu.

Nhưng chỉ có thể thôi thì chưa đủ, chưa trọn vẹn bốn phận mà còn phải bước theo sự diu dắt của Mục Tử nhân lành.

Và chúng theo Ta” (Ga. 10: 27)

Đã biết Chủ Chăn, và đã phân biệt được tiếng gọi của Ngài với tiếng gọi của người chăn chiên thuê, ta phải mau mắn, tin tưởng đi theo. Đi theo để được chăm sóc, được bảo vệ khỏi mọi hiểm nguy trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Không như người chăn thuê, khi thấy sói rừng đến thì bỏ mặc đàn chiên mà chạy thoát thân; trái lại, Mục Tử Nhân Lành của ta sẵn sàng thí mạng sống mình vì đàn chiên. Đi theo và tin tưởng phó thác vào sự bao bọc chở che của Chủ Chăn đã lấy mạng sống Ngài để bảo vệ, cứu thoát ta khỏi tội lỗi và cái chết hủy diệt để đưa ta vào sự sống Phục sinh vĩnh cửu như tác giả Thánh vịnh 22 đã cảm nghiệm:

Chúa là mục tử chăn dắt tôi, tôi chẳng thiếu thốn gì.

Trong đồng cỏ xanh tươi, Ngài cho tôi nằm nghỉ.

Ngài đưa tôi tới dòng nước trong lành và bổ sức cho tôi.

Ngài dẫn tôi trên đường ngay nẻo chính, vì danh dự của Ngài.

Lạy Chúa, dầu qua thung lũng tối tăm,

con sợ gì nguy khốn, vì có Chúa ở cùng.

Còn trượng Ngài bảo vệ, con vững dạ an tâm...

Thế nhưng, ta có sẵn sàng chịu nghe tiếng của Chủ Chăn để tìm về với

Ngài mỗi khi đi lạc đường, có sẵn sàng đi theo Ngài để cho Ngài bảo vệ, chăm sóc hay lại tìm cách tách rời đàn chiên để đi tìm những bãi cỏ tiền tài, danh vọng, bãi cỏ ý riêng... thay vì gặm cỏ xanh tươi, uống nước dòng suối mát nơi đồng Tin Mừng và Thánh Thể!

Phải coi chừng chủ chăn giả hay người chăn thuê, vì đàn chiên không thuộc về người ấy, nên họ thiếu trách nhiệm với đàn chiên, ích kỷ sợ nguy hại đến bản thân mình hơn đến số phận của đàn chiên..

Ngược lại, Mục Tử nhân lành là người yêu thương, bảo vệ, chăm sóc đàn chiên, biết từng con chiên một.

Tiêu chuẩn cuối cùng để phân biệt chủ chăn đích thực và người chăn chiên thuê là thí mạng sống vì đàn chiên. Chỉ có Mục Tử Nhân Lành Giêsu là Đấng đã làm như thế cho đàn chiên của mình.

Là chiên trong đàn chiên của Chúa, có ba điều ta cần phải suy xét và thực hành trong cuộc sống của mình là:

Chiên Ta nghe tiếng Ta, chúng biết Ta và chúng theo Ta. Sống và thực hành ba điều đó không phải chỉ để mưu tìm hạnh phúc cho riêng mình mà còn phải cùng Mục Tử nhân Lành thực hiện một sứ vụ khác, một nỗi trăn trở khác là: *“Ta còn những chiên khác không thuộc đàn này, cả những chiên đó ta cũng phải mang về đàn, chúng sẽ nghe tiếng ta. Và sẽ chỉ có một đàn chiên và một chủ chiên”*.

Khi gặm cỏ, gặp những chiên khác chưa thuộc đàn chiên của Chủ Chăn Giêsu, chúng ta có thái độ nào? Đố kỵ hay thân thiện, nhường nhịn chia sẻ hay ganh ghét tranh phần, yêu thương hay thù hận, tiếp đón giúp đỡ hay làm ngơ bỏ mặc, cộng tác hay đứng đưng, đối thoại hay khép kín?

Ghen ghét, đố kỵ, phân cách, tự mãn, tự kiêu, ích kỷ... có giúp gì được cho mong ước quy tụ những chiên khác chưa thuộc về đàn chiên của Mục Tử Giêsu thành một đàn chiên duy nhất và chỉ một chủ chiên mà thôi không?

BỊ CHẶT ĐI HAY ĐƯỢC CẮT TỈA?

Tây là cây nho thật và Cha Thầy là người trồng. Chúng ta là những cành nho. Cành nào gắn liền mà không sinh hoa trái thì bị chặt đi, mà bị chặt đi thì không còn được gắn liền, không còn được ở lại nơi thân nho nữa, sẽ bị quăng ra ngoài, sẽ bị héo khô, và người ta nhặt lấy và quăng vào lửa cho cháy đi; còn cành nào gắn liền mà sinh hoa trái thì được ở lại nơi cây nho, được cắt tỉa để sinh nhiều hoa trái hơn.

Điều kiện để được cắt tỉa, được ở lại nơi thân nho để sinh nhiều hoa trái hơn hay bị chặt đi, bị ném ra ngoài cho khô héo và bị quăng vào lửa là có sinh hoa trái hay không.

Thế nào là cành nho sinh hoa trái?

Là Kitô hữu, tất cả chúng ta là những cành nho gắn liền với thân nho, cùng hấp thụ một nguồn nhựa sống, nhưng tại sao có cành lại sinh hoa trái, có cành lại không?

Cành nho sinh hoa trái là cành nho “giữ giới răn của Chúa”, và cành nho ấy được “ở trong Người và Người ở trong họ”. và giới răn của Ngài là: “Chúng ta phải tin vào thánh danh Con của Người là Chúa Giêsu Kitô, và phải thương yêu nhau, như Người đã ban giới răn cho chúng ta”.

Như thế, cành nho nào “ở trong Thầy và Thầy ở trong người ấy, kẻ ấy sẽ sinh nhiều hoa trái”.

Sống trong ơn nghĩa của Chúa, sống kết hợp mật thiết với Ngài, thì cuộc sống của chúng ta mới sinh nhiều hoa trái thiêng liêng.

Bị chặt đi, vì không sinh hoa trái

Cũng là những cành nho nơi một cây nho, nhưng không phải cành nào cũng sinh hoa trái.

Không phải chỉ lãnh phép Thanh tẩy là đủ, cũng không phải chỉ ở trong Giáo hội là đủ, nhưng còn phải hành động, phải thực hành giới răn của Chúa, phải sống đức tin của mình, vì: Đức tin không có việc làm là đức tin chết.

Có những cành nho không sinh hoa trái, vì nói yêu thương, nhưng chỉ yêu

thương bằng lời nói, bằng miệng lưỡi.

Có những cảnh nho không sinh hoa trái vì oán trách Thiên Chúa và thiếu sự tin tưởng nơi Ngài.

Có những cảnh nho không sinh hoa trái, vì mang danh Kitô hữu, nhưng lại không tuân giữ giới răn của Ngài.

Có những cảnh nho không sinh hoa trái, vì không sống kết hợp với thân nho trong tâm thức và cầu nguyện...

Là một cảnh nho phát sinh từ thân nho, nhưng lại không hấp thụ nhựa sống Kitô, lại sống như một loài ký sinh thì làm sao có thể sinh hoa trái được! Cũng thế, làm sao sinh hoa trái được khi mang danh Kitô hữu mà không mang, không thực hành tinh thần Kitô hữu!

Muốn không là cảnh nho bị chặt đi, bị héo khô, bị quăng vào lửa, không muốn Chúa lấy lại những ơn huệ Ngài đã ban cho, nhưng không sử dụng, chúng ta phải cố gắng dẫn thân, gia tăng làm những việc lành, việc tốt chứ không thể dờ dể ương ương như sách Khải huyền đã nói: *“Ta biết việc các ngươi làm, các ngươi chẳng nóng chẳng lạnh, nhưng các ngươi ương ương dờ dờ, nên Ta sẽ mùa các ngươi ra”* (Kh. 3: 15- 16).

Được cắt tỉa để sinh nhiều hoa trái hơn

Những cảnh nho sinh hoa trái sẽ được cắt tỉa để thêm mạnh mẽ tươi tốt, sinh nhiều hoa trái hơn. Chịu cắt tỉa là chịu đau đớn, chịu thử thách mà Chúa Cha dành cho những người Ngài yêu thương. Những thử thách làm cho chúng ta đau khổ nhưng lại là phương tiện làm cho đức tin và lòng mến thêm vững mạnh, là trường huấn luyện cho chúng ta già dặn hơn, củng cố chúng ta chính trực hơn trong đời sống thiêng liêng và làm cho chúng ta sinh nhiều hoa trái.

Được cắt tỉa là tin yêu, phó thác, chịu để cho Chúa hành động nơi chúng ta và chúng ta chỉ là công cụ của Ngài, là thực hành theo thánh ý của Ngài hơn là theo ý riêng mình.

Được cắt tỉa là mau mắn lắng nghe lời Ngài gọi mời qua việc đọc Kinh Thánh.

Được cắt tỉa là sống sốt sắng kết hiệp với Ngài qua Bí tích Thánh Thể.

Được cắt tỉa là quảng đại, hy sinh vì lợi ích của những cảnh nho khác, là yêu thương những cảnh nho khác như yêu chính mình.

Được cắt tỉa là chấp nhận loại bỏ những gì không mưu ích cho cuộc sống

phục sinh mai sau.

Được cắt tía là được chia sẻ những đau khổ của Chúa Kitô để được vinh quang hạnh phúc cùng Cây Nho Phục sinh.

Chính Chúa Giêsu cũng đã chịu cắt tía, chịu đau khổ để đạt đến vinh quang như Thánh Luca đã viết: *“Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Ngài sao?”* (Lc. 24:26)

Hãy cùng thánh Phaolô tin tưởng rằng: *“Những đau khổ chúng ta chịu bây giờ sánh sao được với vinh quang mà Thiên Chúa sẽ mặc khải nơi chúng ta!”* (Rm. 8: 18)

Được gắn liền, được ở lại nơi cây nho

Gắn liền với thân nho, ở lại nơi thân nho là một sự thống nhất, một sự kết hợp, một sự liên kết về đời sống với nhau trong Chúa Giêsu Kitô; như những cành nho nơi một thân nho, chúng ta không sống thực sự sống đời sống Kitô hữu nếu không liên kết với người khác nơi cùng một thân nho là Chúa Giêsu Kitô.

Cành nho bị chặt khỏi thân nho, không thể sinh hoa trái nữa. Nhưng ngược lại, cây nho có thể sống, lớn lên và sinh hoa trái là ở nơi cành nho. Cây nho sẽ không sinh được hoa trái nếu không có cành nho. Điều đó có nghĩa là thân nho Giêsu chỉ có thể lớn lên, phát triển là nhờ những cành nho sinh hoa trái: Chúa cần chúng ta hành động, cần con tim, đôi bàn tay của chúng ta để yêu thương, giúp đỡ bằng nhiều cách, cần những nỗ lực, sức mạnh của chúng ta để tiếp tục những công việc mà Ngài đã giao phó cho chúng ta.

Để làm được điều đó, chúng ta phải ở lại nơi cây nho, ở lại trong Chúa Giêsu và Ngài ở trong chúng ta, phải sống làm một với Ngài như cành nho và thân nho chỉ là một: *“Cũng như cành nho tự nó không thể sinh hoa trái được, nếu không dính liền với cây nho; các con cũng vậy, nếu không ở trong Thầy”*.

Ở trong Chúa Kitô để kết hợp với Ngài mà tôn thờ Thiên Chúa.

Ở trong Chúa Kitô để lắng nghe và thực hành những giới răn Thiên Chúa truyền dạy.

Ở trong Chúa Kitô để cùng Ngài đem yêu thương và hy vọng đến cho mọi người.

“Ai không ở trong Thầy thì bị vứt ra ngoài như cành nho, và người ta sẽ

thu lại, quăng vào lửa cho nó cháy đi”.

Từ phép Thanh Tẩy, chúng ta đã mang trong mình lời và sự sống của Đấng Sống Lại. Để sinh nhiều hoa trái từ Cây Nho Thần này, chúng ta đã hút nhựa sống Kitô như thế nào, đã chuyển nhựa sống ấy như thế nào để sinh hoa trái? Chúng ta đã sẵn sàng chịu cắt tía để sinh thêm nhiều hoa trái chưa?

Những sâu bọ, thời tiết, những nhạo cười khinh chê, những chán chường thất vọng... sẽ đến để thách đố mức độ gắn liền bền chặt của cành nho với thân nho, mức độ vươn cao lan tỏa của sức sống của cành nho để sinh nhiều hoa trái..., nhưng vượt qua được những thách đố, những yếu đuối, những sa ngã ấy, hút lại nhựa Kitô, cành nho Kitô hữu ấy lại tươi lên, lại phát triển niềm tin mới ngay trên những giọt mồ hôi gian nan, thử thách.

Nhựa sống từ thân đến cành chỉ có một. Đó là nhựa Kitô. Sự sống từ Thân Nho Phục sinh đến cành nho Kitô hữu chỉ là một. Có như thế, chúng ta mới có thể cùng Thánh Phaolô nói rằng: *“Tôi sống, nhưng không phải là tôi sống mà là chính Đức Kitô sống trong tôi”.*

Hội Thánh là Cây Nho Giêsu và chúng ta là những cành nho, là thân thể của Chúa Kitô mà Ngài là đầu, và chúng ta là chi thể của thân thể ấy.

Để Cây Nho lớn mạnh và phát triển, những cành nho phải gắn liền với Cây Nho, phải ở trong Thân Nho, phải hút nhựa Kitô để sinh hoa trái, phải chịu cắt tía để sinh nhiều hoa trái hơn. *“Đây là điều làm Cha Thầy được vinh hiển là các con sinh nhiều hoa trái và như thế các con trở nên môn đệ của Thầy”.*

CN VI PS/B

Bài đọc 1: (Cv. 10: 25-25.34-35. 44-48). Bài đọc 2: (1 Ga. 4: 7-10). Tin Mừng: (Ga. 15: 9-17)

YÊU NHƯ THẤY YÊU

Yêu và muốn được yêu là khát vọng ngàn đời của con người. Nhưng tình yêu phát xuất từ đâu? Thế nào là yêu và được yêu?

Thánh Gioan trong thư thứ nhất của ngài đã cho chúng ta biết: *“Thiên Chúa là Tình yêu. Tình yêu bởi Thiên Chúa mà ra. Ai yêu thương thì sinh bởi Thiên Chúa và nhận biết Thiên Chúa. Còn ai không yêu thương thì không biết Thiên Chúa”*.

Như thế nguồn gốc phát sinh ra tình yêu là Thiên Chúa. Ngài là người yêu thương chúng ta trước và chúng ta là người được yêu: *“Không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Ngài đã yêu thương chúng ta trước”* và Ngài đã biểu lộ tình yêu ấy đối với chúng ta là Ngài *“đã sai Con Một Ngài đến trong thế gian, để nhờ Người Con Một ấy mà chúng ta được sống”*.

Về phần con người, nếu chúng ta yêu thương thì chúng ta mang bản chất của Thiên Chúa và chúng ta nhận biết Ngài là Cha yêu thương. Yêu thương là dấu chỉ để thế gian nhận biết chúng ta là con cái của Thiên Chúa. Yêu Chúa, yêu người là hai giới răn quan trọng, tóm kết những giới răn khác. Như thế, là con cái Thiên Chúa, là Kitô hữu chúng ta phải có bốn phận biểu lộ bản chất yêu thương với Thiên Chúa và với mọi người.

Tình yêu của Thiên Chúa lan tỏa đến con người tựa như một cây nho mà gốc và thân cây nho là Thiên Chúa và cành nho là con người như lời Thầy Giêsu đã nói: *“Thầy là cây nho thật và Cha Thầy là người trồng... anh em là cành. Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái”* (Ga. 5:1, 5). Chúa Cha yêu thương Chúa Con bằng nhựa yêu thương là Chúa Thánh Thần thúc đẩy và nuôi dưỡng cây nho lớn mạnh và phát triển sinh nhiều hoa trái: *“Chúa Cha yêu mến Thầy thế nào thì Thầy cũng yêu mến anh em như vậy”* (Ga. 15: 9) và *“Đây là điều răn của Thầy: anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em”* (Ga. 15: 12).

Nhưng chúng ta phải yêu Thiên Chúa, yêu con người như thế nào?

Hôm nay, qua đoạn Tin Mừng của Thánh Gioan (Ga. 15: 9-17), Thầy

Giêsu đã đưa ra cho chúng ta một mẫu gương yêu thương: *Yêu như Thầy yêu.*

Để cho cây nho yêu thương phát triển và lớn mạnh và sinh nhiều hoa trái, thì cả thân lẫn cành phải ở lại, phải gắn liền, phải liên kết từ gốc đến cành bằng nhựa yêu thương, phải chịu cắt tía để sinh nhiều hoa trái, tức là tuân giữ lệnh truyền, tuân giữ giới răn mà tình yêu đòi hỏi, và hy sinh mạng sống vì người mình yêu.

Khi yêu, không ai lại muốn đem điều xấu, điều bất hạnh đến cho người mình yêu. Hơn thế, Thiên Chúa là tình yêu, là Cha nhân lành thì chắc chắn không bao giờ Ngài bắt con người tuân giữ những lệnh truyền, những giới răn đưa con người đến bất hạnh và khổ đau; còn hơn thế, Chúa Cha đã hy sinh Người Con Một yêu dấu mình, Chúa Con đã hy sinh mạng sống cho người mình yêu.

Như Cha Thầy yêu Thầy, Thầy Giêsu cũng yêu thương anh em.

Như Thầy yêu thương anh em, anh em hãy yêu thương nhau.

Tình yêu Chúa Cha và Chúa Con đã lan phát sinh ra tình yêu con người và từ tình yêu con người lại lan toả ra tình yêu giữa con người với con người.

Thầy đã thể hiện tình yêu của Ngài đối với Chúa Cha bằng “đã tuân giữ lệnh truyền của Cha Thầy, nên Thầy ở lại trong tình yêu của Ngài”.

Chúng ta không biết Chúa Cha yêu Chúa Con đến mức độ nào, nhưng qua lời công bố của Chúa Cha: “*Này là Con Ta rất yêu dấu và đẹp lòng ta, các con hãy vâng nghe lời Ngài.*” và qua lời xác nhận của Thầy Giêsu: “*Thầy yêu anh em như Cha Thầy yêu Thầy*”, chúng ta tin Chúa Cha và Chúa Con yêu thương nhau rất thâm thiết, yêu nồng nàn, yêu chứa chan hơn bất cứ một tình yêu nào khác!

Chúa Con đã yêu thương Chúa Cha bằng vâng theo ý Chúa Cha: “*Lạy Cha, nếu có thể được thì cho con khỏi uống chén đắng này, nhưng không theo ý con mà xin theo ý Cha*”.

Vâng theo ý Cha là tuân giữ lệnh truyền của Cha, thực thi ý muốn của Cha, và như thế là làm đẹp lòng Cha và ở lại trong tình yêu của Ngài: Chúa Giêsu đã chấp nhận xuống thế làm người, chịu đau khổ, chịu chết để đem con người vào cõi phúc trường sinh. Đó là tình yêu của Thầy Giêsu dành cho con người. Đến lượt chúng ta, chúng ta lại yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương chúng ta.

Theo gương của Thầy Giêsu, chúng ta lại phải yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương chúng ta, mà muốn yêu thương anh em, chúng ta phải ở lại trong tình yêu của Thầy như Thầy ở lại trong tình yêu của Cha Thầy và muốn ở lại trong tình yêu của Thầy, chúng ta lại phải giữ giới răn Thầy truyền dạy: *“Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha của Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy. Ai không yêu mến Thầy thì không giữ lời Thầy. Và lời anh em nghe đây không phải là của Thầy, nhưng là của Chúa Cha, Đấng đã sai Thầy.”* (Ga. 14: 23-24), và hy sinh mạng sống mình vì anh em. Hy sinh mạng sống mình vì anh em là biết mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người, là đem thứ tha vào nơi lãng nhục, đem an hoà vào nơi tranh chấp, đem chân lý vào chốn lỗi lầm... Hy sinh mạng sống vì người mình yêu là tột đỉnh của tình yêu: *“Không có tình yêu nào cao cả hơn tình yêu của người đã hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu mình”* (Ga. 15: 13).

Khi chúng ta yêu Thiên Chúa là chúng ta trở thành con cái Thiên Chúa, là anh em cùng một Cha, nhưng khi chúng ta cùng Chúa Cha và Chúa Con yêu thương đồng loại, yêu thương những người chưa nhận biết Thiên Chúa, thì chúng ta đã trở thành môn đệ, là bạn hữu như lời Thầy Giêsu đã nói: *“Anh em là bạn hữu của Thầy, nếu anh em thực hiện những điều Thầy truyền dạy. Thầy không gọi anh em là tôi tớ nữa, vì tôi tớ không biết việc chủ làm. Nhưng Thầy gọi anh em là bạn hữu vì tất cả những gì Thầy nghe được nơi Cha của Thầy, Thầy đã cho anh em biết”* (Ga. 15: 15).

Xin kể một câu chuyện về bạn hữu ở đời thường như sau:

Bão Thúc (tức Bão Thúc Nha, còn có tên là Bão Tử, người tài giỏi việc nước của nước Tề) đã cất cử Quản Trọng cho Hoàn Công dùng. Quản Trọng tên thật là Di Ngô, người nước Tề, một tướng giỏi.

Bão Thúc chết, Quản Trọng thương tiếc, khóc như mưa, ướt đầm cả vạt áo. Có người hỏi:

- Ông với Bão Thúc không phải là người họ hàng thân thích, sao ông thương tiếc ông ta quá vậy?

Quản Trọng giải thích:

- Người không rõ ngọn ngành đầu! Để ta nói cho mà nghe. Ta lúc nhỏ khốn khổ, thường buôn bán chung với Bão Thúc; lúc chia lãi, bao giờ ta cũng lấy phần hơn, nhưng Bão Thúc không cho ta là tham, biết ta gặp cảnh túng bần không biết xoay sở thế nào cho đủ tiền để tiêu dùng nên mới làm

thế. Ta ở chỗ chợ búa thường hay bị lắm kẻ bắt nạt, Bão Thúc không coi ta là người hèn nhát, nhưng biết ta rộng lượng, không chấp những điều người ta đối xử với mình. Ta bàn việc với Bão Thúc, nhiều lúc việc hỏng, Bão Thúc không cho ta là ngu, mà cho là việc thành công hay thất bại là do có lúc may mắn, có lúc không. Ta, ba lần ra làm quan, ba lần bị bãi nhiệm, Bão Thúc không cho ta là người chẳng ra gì, mà lại coi ta là người chưa gặp thời, chưa tìm được vua giỏi. Ta ra trận ba lần, đánh thua cả ba, Bão Thúc không cho ta là bất tài, nhưng biết ta còn có mẹ già phải phụng dưỡng. Ta nhịn nhục thờ vua Hoàn Công, Bão Thúc không cho ta là người vô liêm sỉ, người không biết xấu hổ, mà biết ta không giữ những chuyện nhỏ mọn, có chí làm lợi ích cho cả thiên hạ...

Sinh ra ta là cha mẹ, hiểu biết ta là Bão Thúc. Với người hiểu biết mình, thì đem cả tính mạng ra mà đền đáp còn chưa đủ huống chi thương khóc thế này thì đã thấm vào đâu ! (*Thuyết Uyển. Cổ Học Tinh Hoa*)

Thật là người bạn đồng thanh, đồng khí, đồng chí, đồng tâm với mình, người bạn tri kỷ!

Tình bạn giữa con người chưa mang dấu ấn của tình yêu Thiên Chúa mà còn được thán phục như thế, thì kết quả của tình bạn hữu giữa Thiên Chúa và con người lại càng cao trọng và đáng thán phục hơn nhiều. Yêu thương anh em như chính mình đã khó, yêu thương anh em như Thầy Giêsu yêu chúng ta lại càng khó hơn! Nhưng đó là những nỗ lực chúng ta cần phải đạt tới để được xứng đáng là Kitô hữu, là bạn hữu của Thầy Giêsu. Điều kiện để yêu thương như Chúa Giêsu đã yêu thương chúng ta là giữ giới răn Chúa truyền dạy, là ở lại nơi Thầy và hy sinh mạng sống mình vì anh em, cụ thể hơn là đọc và nghe tiếng nói của Thiên Chúa qua Tin Mừng và ở lại, sống kết hợp với Chúa trong phép Thánh Thể.

Chúng ta đã đồng thanh, đồng khí, đồng chí, đồng tâm với Thầy Chí Thánh của chúng ta như thế nào để được xem là bạn hữu của Thầy Giêsu!



CN VII PS/B: LỄ THĂNG THIÊN

Bài đọc 1: (Cv. 1: 1- 11). Bài đọc 2: (Ep. 1: 17-23). Tin Mừng: (Mc. 16: 15- 20)

MỘT ÍT NỮA... RỒI LẠI MỘT ÍT NỮA

“**T**hôi là hết chia ly từ đây!” Thầy trò đang sống vui vẻ. Công việc của Thầy đang tiến triển tốt đẹp. Vào ngày cùng Thầy tiến về thành Giêrusalem, được dân chúng hoan hô, các môn đệ cứ tưởng rằng như thế là Thầy sẽ thiết lập nước Israel mới, nào ngờ Thầy lại bị bắt, bị kết án tử hình và chết trên thập giá. Thế là không còn trông thấy Thầy nữa. Các ông đã buồn sâu, thất vọng như lời Thầy đã tiên báo: *“Thầy bảo thật các con, các con sẽ than van, khóc lóc, còn thế gian sẽ vui mừng”*.

Và tin vui lại đến: *Các con sẽ buồn sâu, nhưng nỗi buồn của các con sẽ trở thành niềm vui*” (Ga. 16: 20). Thầy đã sống lại. Các môn đệ lại được trông thấy Thầy. Nhưng niềm vui chưa được bao nhiêu thì lại không thấy Thầy: Thầy trở về trời.

Và các ông lại buồn sâu, tuyệt vọng, lại thêm một lần nữa không thấy Thầy vì Thầy trở về Nhà Cha mà quên đi lời hứa hẹn của Thầy là sẽ gặp lại các ông: *“Các con cũng thế, bây giờ các con buồn phiền, nhưng Thầy sẽ gặp lại các con, và lòng các con sẽ vui mừng, và niềm vui của các con sẽ không ai lấy mất được. Và trong ngày đó, các con sẽ không còn hỏi Thầy điều gì nữa”* (Ga. 16: 22).

Hội ngộ - chia ly - tái ngộ - chia ly... , thấy - không thấy - lại thấy... là những bước thăng trầm giữa tình yêu Thiên Chúa và con người.

Đúng như lời Thầy Giêsu đã tiên báo: *“Một ít nữa các con sẽ không còn trông thấy Thầy, rồi lại một ít nữa các con sẽ trông thấy Thầy* (Ga. 16: 16).”

“Hỡi người Galilê, sao các ông còn đứng nhìn lên trời? Đức Giêsu, Đấng vừa lia các ông mà lên trời, sẽ đến cùng một thể thức như các ông đã thấy Ngài lên trời (Cv 1: 11).”

Đó là lời trấn an của hai người mặc áo trắng đứng gần các môn đệ khi thấy các ông đứng ngược mắt lên trời nhìn Thầy đang từ từ xa dần giữa một đám mây bao phủ.

Biến cố lên trời

Chúa Giêsu trở về Nhà Cha, trở về trời khi nào?

Ngay khi còn chịu đóng đinh trên thập giá, Chúa Giêsu đã hứa với người

trộm có lòng thống hối: “*Ngày hôm nay, người sẽ ở trên thiên đàng với Ta*” (Lc. 23: 4).

Và sau khi sống lại, thấy bà Maria Madalêna đang buồn rầu khi không nhìn thấy xác Thầy trong mộ, Ngài đã hiện ra và nói với bà: “*Hãy đi báo cho các anh em Ta hay và bảo họ rằng: Ta về cùng Cha Ta, cũng là Cha các con; về cùng Thiên Chúa Ta, cũng là Thiên Chúa của các con*” (Ga. 20: 17). Như thế, Chúa Giêsu đã về trời ngay sau khi chết, nhưng chưa chính thức.

Vi hiểu được tâm trạng buồn sầu, thất vọng của các môn đệ, trong thời gian 40 ngày sau khi sống lại, Chúa Giêsu vẫn còn hiện ra với các tông đồ để trấn an, để củng cố niềm tin của các ông, để nói, để dạy dỗ, để truyền đạt cho các ông những gì cần phải làm cho chương trình, kế hoạch tương lai khi Ngài ra đi: “*Các con hãy đi khắp thế gian, rao giảng Tin Mừng cho mọi tạo vật. Ai tin và chịu phép rửa, thì sẽ được cứu độ; ai không tin sẽ bị luận phạt*” (Mc. 16: 15).

Theo sách Tông đồ Công vụ, sau khi sống lại, Thầy Giêsu “*đã hiện ra với các ông trong khoảng bốn mươi ngày và đàm đạo về Nước Thiên Chúa*”. Và trong một bữa ăn, sau khi ra lệnh cho các ông đừng rời khỏi Giêrusalem, nhưng hãy chờ đợi điều Chúa Cha đã hứa. Nói xong, Ngài được cất lên trước mắt các ông.

Khác với biến cố hiển dung trên núi Tabor, sự kiện Chúa Giêsu lên trời lần này không được các tác giả *Tin Mừng* xác định ở đâu, khi nào. Như thế, sự kiện lên trời sau 40 ngày sống lại là một biến cố chính thức, công khai cho mọi người được chứng kiến qua mọi thời đại, ở khắp mọi nơi: Cùng các môn đệ, những thế hệ mai sau, hãy cùng ngược mắt lên trời trong tin yêu, vui mừng và hy vọng.

Ý nghĩa của biến cố lên trời

Trong suốt thời gian thực hiện sứ vụ của mình, Chúa Giêsu đã cùng ăn uống, cùng chung sống với các môn đệ. Ngài đã trở nên giống một con người giống như họ; do đó việc Chúa về trời là một mất mát lớn đối với họ. Họ buồn phiền, xao xuyến, thất vọng. Chúa Giêsu từ trời xuống trần gian và từ trần gian trở về trời sau khi hoàn tất nhiệm vụ, đó là điều hiển nhiên.

Nhưng như thế, lên trời phải chăng là hết trách nhiệm, là để mặc cho con người tự lo liệu đến số phận của mình! Ngược lại, việc Chúa Giêsu về trời đem đến cho chúng ta niềm vui và hy vọng.

Trở về Nhà Cha, về Nước của Thiên Chúa. Ngài được Chúa Cha tôn vinh, được đặt ngự bên hữu Thiên Chúa, *“vượt trên mọi cấp trật, các lãnh thần, quyền thần, dùng thần và quản thần, vượt trên mọi danh hiệu được xưng hô cả đời này, lẫn đời sau. Chúa khiến mọi sự quy phục dưới chân Ngài và tôn vinh Ngài làm đầu toàn thể Hội Thánh là thân thể Ngài, và là sự sung mãn của Đấng chu toàn mọi sự trong mọi người.”* (Eph. 1: 21-23), và ban cho quyền xét xử thế gian: Đây là niềm vui phấn khởi và hy vọng cho những ai trung thành tin cậy vào Chúa rằng chúng ta cũng sẽ được về trời, sẽ được Chúa Giêsu đón vào Nhà Cha cùng với Ngài để hưởng vinh quang hạnh phúc muôn đời, và Ngài không bỏ mặc con người, nhưng Ngài hứa sẽ sai một Đấng đến để thay mặt Ngài cùng đồng hành với chúng ta: *“Thấy đi thì ích lợi cho các con, vì nếu Thấy không đi, thì Đấng Phù Trợ sẽ không đến với các con, nhưng nếu Thấy ra đi, Thấy sẽ sai Người đến với các con”* (Ga. 16: 7).

Chúa Giêsu lên trời là để thiết lập một thế giới mới, một thế giới liên kết giữa hữu hình và vô hình, giữa Giáo hội trên thiên quốc và Giáo hội noi trần thế, ở đó Ngài đóng một vai trò quan trọng và cần thiết cho chúng ta bên cạnh Chúa Cha.

Biển cố lên trời của Chúa Giêsu là đánh dấu một khởi đầu chương trình hành động cứu độ phổ quát và rộng lớn hơn: cho cả thế giới, cho mọi tạo vật, là cải tạo thế giới, vì Ngài không còn bị lệ thuộc vào không gian và thời gian, nhưng Ngài lại cần sự cộng tác tiếp tay của chúng ta là những công cụ, những người thừa hành, những cộng tác viên bằng niềm tin, thiện chí và hy sinh.

Ngày Chúa Giêsu về trời cũng là ngày Ngài nhắc nhở, giao phó nhiệm vụ cho chúng ta ở trần thế, là ngày phát lệnh ra đi, lên đường đến với những ai chưa biết, chưa tin: *“Các con hãy đi khắp thế gian, rao giảng Tin Mừng cho mọi tạo vật. Ai tin và chịu phép rửa thì được cứu độ; ai không tin, sẽ bị luận phạt”* (Mc. 16: 15).

Lệnh Chúa truyền: đi khắp thế gian, làm cho mọi tạo vật thấm nhuần Tin Mừng mà không sợ bất cứ nghịch cảnh nào do sự dữ gây nên, vì đã có Đấng toàn năng ngự bên hữu Chúa Cha yểm trợ và có Đấng Bảo Trợ cùng đồng hành.

Chúa Giêsu lên trời cũng là niềm hy vọng, là dấu chỉ cho ngày lên trời

của chúng ta, là những hạt giống đã chịu mục nát để cũng được lên trời như Ngài: *“Bây giờ các con buồn phiền, nhưng Thầy sẽ gặp lại các con, và lòng các con sẽ vui mừng, và niềm vui của các con sẽ không ai lấy mất được”* (Ga. 16: 22).

Như thế, mừng lễ Chúa lên trời, chúng ta không còn phải ngỡ ngác đứng nhìn trời trong xao xuyến, buồn sầu như các môn đệ ngày xưa, mà hãy ngược mắt lên trời trong niềm vui và hy vọng:

Chúa ngự lên giữa tiếng tung bưng

Chúa ngự lên trong tiếng kèn vang. (Tv 46)

Trong cuộc sống của người Kitô hữu, vì bon chen với cuộc sống, có những lúc chúng ta *“không thấy Thầy”*, nhưng nếu biết tin yêu và tìm đến phép Thánh Thể, thì chúng ta *“lại thấy Thầy”*.

Lời Chúa nói: *“Một ít nữa các con sẽ không còn trông thấy Thầy; rồi lại một ít nữa các con sẽ trông thấy Thầy”* là một lời thúc tỉnh chúng ta đừng thoả mãn với niềm tin của mình mà hãy luôn cảnh giác, luôn kiếm tìm. Chúa ẩn đi rồi lại hiện ra là để chúng ta đừng ngủ quên, đừng tự mãn với niềm tin của mình mà phải luôn kiếm tìm gặp Ngài và phải ra đi mang ơn cứu độ đến cho những ai chưa tin để thiết lập một vương quốc duy nhất trên trời.

Sự kiện Chúa lên trời đem lại cho chúng ta niềm vui và hy vọng. Nước Thiên Chúa sẽ chậm phát triển, không thể lớn mạnh nếu thiếu bàn tay cộng tác của chúng ta. *“Các con hãy đi giảng dạy muôn dân: Thầy sẽ ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế”* (Mt. 28: 19,20). Hãy hằng hái nhận lệnh và lên đường.

LỄ HIỆN XUỐNG

Bài đọc 1: (Cv. 2:1-11). Bài đọc 2: (1Cor. 12: 3-7, 12-13). Tin Mừng: (Ga. 20: 19-23)

GIÓ VÀ LỬA

Sau khi sống lại, Chúa Giêsu đã hiện ra với các tông đồ và đã giao cho các ông nhiệm vụ: *“Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo. Ai tin và chịu phép rửa, sẽ được cứu độ; còn ai không tin, thì sẽ bị kết án”* (Mc 16: 15-16).

Thật là một nhiệm vụ quá lớn đối với những người quanh năm suốt tháng chỉ biết sống với nghề chài lưới, vật lộn với sóng nước biển khơi, vốn học vấn, kiến thức không bao nhiêu, chưa hề một lần đứng giữa công chúng để giảng dạy ai...; hơn nữa, những người Do thái đã giết Thầy, chắc gì họ để cho các ông yên!

Không còn được ở bên cạnh Thầy là một điều đáng buồn, lại phải nhận một nhiệm vụ vượt quá khả năng của mình lại càng làm cho các tông đồ lo lắng hơn. Họ cảm thấy mình hoàn toàn không có khả năng thực hiện được sứ mạng rao giảng Tin Mừng cho muôn dân và làm chứng về Chúa Giêsu. Hiểu được tâm trạng của các môn đệ, nên trước khi chính thức về trời, Chúa Giêsu lại hiện ra để trấn an, củng cố các ông một lần nữa: *“Bình an cho anh em! Như Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai anh em”* (Ga. 20: 21).

Hai lần Chúa giao nhiệm vụ cũng là hai lần Chúa ban cho các môn đệ những năng lực để lướt thắng những khó khăn thử thách, và quyền lực chữa lành những tật bệnh về thể xác và về tâm hồn:

“Đây là những dấu lạ sẽ đi theo những ai có lòng tin: nhân danh Thầy, họ sẽ trừ được quỷ, sẽ nói được những tiếng mới lạ. Họ sẽ cầm được rắn, và dù có uống nhậm thuốc độc, thì cũng chẳng sao. Và nếu họ đặt tay trên những người bệnh, thì những người này sẽ được mạnh khỏe” (Mc.16:17). Và lần thứ hai, Ngài thổi hơi vào các ông và bảo: *“Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha; anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ”* (Ga. 20: 22-23).

Như thế, Chúa Giêsu đã trao ban cho các môn đệ mình những quyền lực, khả năng cần thiết để thi hành nhiệm vụ Ngài giao phó. Và một khi đã được trao ban năng lực, các môn đệ đã trở nên những người có khả năng, tự tin,

can đảm và ý chí để chịu trách nhiệm về những công việc được giao.

Ai là người sẽ đem lại cho các tông đồ năng lực, ý chí và lòng can đảm để thực thi nhiệm vụ của Thầy giao phó đây!

Lòng tin vào Thiên Chúa và nhân danh Chúa Giêsu Kitô, nhờ sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần là hai năng lực giúp cho các tông đồ tự tin, can đảm thực hiện nhiệm vụ Chúa Giêsu truyền giao.

Chúa Thánh Thần là Đấng nào?

Là một trong Ba Ngôi Vị Thiên Chúa, đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con, cùng được phụng thờ và tôn vinh với Chúa Cha và Chúa Con, là Đấng Bảo Trợ, là Đấng An Ủi, là Thần Chân Lý, là Thần Khí... Biểu tượng của Chúa Thánh thần là *nước* trong bí tích Thanh tẩy, *xức dầu* trong bí tích Thêm sức, *áng mây và ánh sáng* trong những lần mặc khải trong thời Cựu ước, *ấn tin* trong bí tích Thanh tẩy và Thêm sức, *bàn tay* trong các nghi thức chữa lành, *ngón tay ghi lề luật* Thiên Chúa, *chim bồ câu* khi Chúa Giêsu nhận phép Thánh tẩy, *gió và lửa* trong ngày lễ Ngũ Tuần.

Vào ngày lễ Ngũ Tuần, Chúa Thánh Thần đã đem lại năng lực cho các tông đồ. Ngài đến với các ông dưới hình thức gió và lửa.

Với cảm quan bình thường, gió xuất phát từ đâu? Không ai biết. Chỉ khi nhìn thấy lá lung lay, khi nghe tiếng thông vi vu... chúng ta mới nhận ra có gió thổi qua. Bản chất của gió là thổi, làm lay động, là ra đi, là lên đường không ngừng nghỉ. Gió thổi mạnh thành cơn bão táp, có sức mạnh làm bật gốc rễ.

Bản chất của lửa là đốt cháy, tiêu hủy và hơi nóng, tinh luyện.

Một đóm lửa le lói, nếu có luồng gió mạnh thổi vào, sẽ thành một đám cháy khủng khiếp!

Gió và lửa là những biểu tượng của sức mạnh tiêu cực và tích cực, của sức mạnh xây dựng và phá hủy.

Năng lực của gió và lửa tượng trưng cho năng lực của Thiên Chúa. Gió và lửa là hiện thân cho sự hiện diện và hành động của Thiên Chúa. Lưỡi lửa của Chúa Thánh Thần ngự xuống nung đốt, cung cấp, tinh luyện cho các tông đồ năng lực tự tin, lòng can đảm, sự phấn khích, tình yêu mến để cùng làn gió mạnh thổi đi, lên đường đến mọi hang cùng ngõ hẻm để thổi đi, tiêu hủy những gì không cần thiết, thừa thãi, vô ích trên con đường tiến

về Nhà Cha. Cùng với gió, lửa tiêu huỷ những gì vô bổ và tinh luyện hãm nóng những gì cần thiết trên con đường rao giảng Tin Mừng cho mọi người, cho muôn thế hệ.

Các tông đồ đã thấy Chúa Thánh Thần

Để cụ thể hóa lời hứa Chúa Giêsu hứa ban Đấng Bảo Trợ, để chính thức tỏ hiện ra sự hoạt động của Chúa Thánh Thần, để đánh dấu việc các tông đồ thoát khỏi tình trạng tự ti sợ hãi, và can đảm ra đi rao giảng Tin Mừng cứu độ cho các dân tộc, đem ơn hòa giải đến cho mọi người, hầu quy tụ mọi tạo vật vào gia đình Thiên Chúa, thì *“Khi đến ngày lễ Ngũ Tuần, mọi người đang tế tựu ở một nơi, bỗng từ trời phát ra một tiếng động, như tiếng gió mạnh ủa vào đầy cả căn nhà, nơi họ đang tụ họp. Rồi họ thấy xuất hiện những hình lưỡi giống như lưỡi lửa tản xuống đậu xuống từng người một. Và ai nấy đều được tràn đầy ơn Thánh Thần, họ bắt đầu nói các thứ tiếng khác nhau, tùy theo khả năng Thánh Thần ban cho”* (Cv 2: 1- 4).

Chúa Thánh Thần đã hiện xuống trên các tông đồ bằng những dấu hiệu: gió thổi mạnh, hình lưỡi lửa. Và họ bắt đầu nói các thứ tiếng khác nhau

Nghe nói thế, có nhiều người kéo đến, và họ đã *“kinh ngạc vì ai nấy đều nghe các ông nói tiếng bản xứ của mình. Họ sửng sốt và thán phục và nói: “Những người đang nói đó không phải là người Galilê cả ư!”* (Cv 2:7)

Như thế, Chúa Giêsu đã trao ban cho các môn đệ mình những quyền lực, khả năng cần thiết để thi hành nhiệm vụ Ngài giao phó. Và một khi đã được trao ban năng lực, các môn đệ đã trở nên những người có khả năng, tự tin, can đảm và ý chí để chịu trách nhiệm về những công việc được giao.

Và các tông đồ đã được lửa Thánh thần nung đốt, được gió Thánh linh thúc đẩy, họ đã lên đường, mạnh dạn, can đảm bất kể hiểm nguy.

Hãy mở sách *Tông đồ Công vụ* để thấy Chúa Thánh Thần đã hoạt động thế nào qua các tông đồ của Chúa Giêsu. Từ khi nhận được lưỡi lửa của Chúa Thánh Thần, ông không còn là một con người ngu phũ nhút nhát, sợ sệt, thiếu tự tin nữa, nhưng đã trở nên một người can đảm, tự tin trước quần chúng, cũng như trước những người có thế lực lúc bấy giờ: Thưa anh em... Thưa đồng bào... Rồi bị bắt, bị tống ngục, nhưng ông và Gioan vẫn không nao núng: thưa quý vị thủ lãnh trong dân, và quý vị kỳ mục... Và nhiều dấu lạ, điềm thiêng được thực hiện trong dân nhờ bàn tay các tông đồ (Cv 5:12). Các ngài bị bắt và lại được giải cứu...

Rồi nhìn lại lịch sử của Giáo Hội, từ Hội Thánh sơ khai từ Giêrusalem cho đến ngày nay, từ một hạt cải bé nhỏ đã trở thành lớn mạnh bất kể những thăng trầm qua thời gian...

Còn nghi ngờ gì nữa! Chúng ta đã thấy Chúa Thánh Thần rồi đó!

Chúng ta đã thấy mà lại không muốn thấy

Thế nhưng cũng có những người khi chứng kiến việc các tông đồ nói nhiều thứ tiếng khác nhau thì lại cứng lòng tin và “*chế nhạo: ‘mấy ông này say xỉn quá rồi!’*” (Cv 2: 13)

Ngày xưa, khi các tông đồ chưa nhận được ơn Chúa Thánh Thần thì họ lo lắng, sợ hãi, thiếu tự tin; ngày nay, chúng ta nhận được ơn Chúa Thánh Thần thì chúng ta lại tự mãn, kiêu căng, lại không nhận ra ơn huệ của Ngài đang hoạt động trong cuộc sống của mình.

Chúng ta đã quên lời thánh Phalô khiển trách: “Nào anh em chẳng biết rằng anh em là đền thờ của Thiên Chúa và Thánh Thần Thiên Chúa ngự trong anh em sao?” (1 Cor. 3:16), và quên: “Để chứng thực anh em là con cái, Thiên Chúa đã sai Thần Khí của con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu: “Apha, Cha ơi!” (Gl. 4:6)

Chúng ta đón nhận Chúa thánh Thần qua Bí tích Thêm sức.

Bí tích Thêm sức in vào linh hồn một một dấu ấn thiêng liêng, một ấn tích. Chúa Kitô đóng ấn tín của Thần Khí Ngài trên Kitô hữu để củng cố họ bằng sức mạnh thần linh và biến họ thành chứng nhân của Ngài (Lc. 24: 48-49).

Tôi đã không thấy Chúa Thánh Thần đang hoạt động trong tôi, khi tôi tự mãn, kiêu căng về những thành quả của mình.

Tôi đã không nhận ra ơn Chúa Thánh Thần đang cư ngụ và hoạt động trong tôi, khi tôi gặp những gian nan thử thách lại nản lòng kêu trách.

Tôi đã không nhận ra ý hướng của Chúa Thánh Thần, khi tôi chỉ muốn thực hiện những ý riêng của tôi mà quên đi “Thánh Thần là sự sống của chúng ta”, chúng ta càng từ bỏ ý riêng, thì “Thánh Thần càng hướng dẫn đời ta” (Gl 5:25).

Tôi đã không cùng sống với Chúa Thánh Thần khi tôi chỉ sống ích kỷ, ghen ghét, thù hận mà quên đi hậu quả của hồng ân của Chúa Thánh Thần là sống “bác ái, hoan lạc, bình an, quảng đại, nhân từ, lương thiện, trung tín, hiền hòa, tiết độ” (Gl. 5: 22-23).

Lễ Hiện Xuống không phải là một dấu mở ngoặc đơn về một biến cố đặc biệt không còn xảy ra; nhưng là một khởi điểm của Giáo Hội. Làn hơi mãnh liệt đã được thổi vào các Kitô hữu tiên khởi cũng sẽ được cảm nhận bằng nhiều tình trạng và những thúc đẩy khác nhau đối với những Kitô hữu ngày nay.

Sứ vụ của Chúa Giêsu đã truyền giao cho chúng ta là: rao giảng Tin Mừng cứu độ, làm chứng về Đấng Cứu Thế, Chúa Giêsu Kitô không phải chỉ cho tôi mà cho mọi loài thụ tạo trên khắp mặt đất.

Chúa Giêsu đã cử Chúa Thánh Thần xuống cư ngụ nơi mỗi người chúng ta là để ban ơn, giúp đỡ, hỗ trợ chúng ta thực hành sứ vụ Thiên Chúa truyền giao, nhưng Đấng Bảo Trợ, Đấng An Ủi ấy không làm thay cho chúng ta mà Ngài cần bàn tay tự nguyện dẫn thân của chúng ta.

Mùng lễ Chúa Thánh Thần, Giáo Hội muốn nhắc nhở chúng ta về vai trò quan trọng của Chúa Thánh Thần trong cuộc sống của mỗi người chúng ta, và mời gọi chúng ta cùng cộng tác với Ngài để đổi mới chính mình, đổi mới cuộc sống của mình để cuộc đời chúng ta trở thành chứng tá của Thiên Chúa Tình yêu, từ đó đổi mới bộ mặt thế giới, đổi mới bộ mặt địa cầu.

“Hãy nhớ, bạn đã lãnh nhận ấn tín thiêng liêng của Chúa Thánh thần là thần trí khôn ngoan và thông hiểu, thần trí lo liệu và sức mạnh, thần trí suy biết và đạo đức, thần trí dạy cho biết kính sợ Thiên Chúa. Hãy gìn giữ những gì bạn đã lãnh nhận. Chúa Cha đã ghi ấn tín của Người nơi bạn. Chúa Kitô đã tặng sức cho bạn và đặt trong bạn bảo chứng của Chúa Thánh Thần” (Thánh Ambrôxiô).

LỄ CHÚA BA NGÔI

Bài đọc 1: (Đnl. 4: 32-34,39-40). Bài đọc 2: (Rm. 8: 14-17). Tin Mừng: (Mt. 28: 16-20)

QUYỀN THỪA TỰ

Hôm ấy, mười một môn đệ đi đến miền Galilê, đến ngọn núi Đúc. Giêsu đã truyền cho các ông đến. Khi thấy Người, các ông bái lạy, nhưng có mấy ông lại hoài nghi. Đúc Giêsu đến gần, nói với các ông: “Thầy đã được trao toàn quyền trên trời và dưới đất. Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt. 28: 16-20).

Đây là đoạn văn kết thúc cuốn *Tin Mừng* của Thánh Matthêu. Tuy ngắn gọn, nhưng lại mang nhiều ý nghĩa quan trọng.

Tại một điểm hẹn: một ngọn núi thuộc miền Galilê, Chúa Giêsu đã truyền cho các môn đệ:

Một sứ mệnh phải làm: đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ.

Một nhân danh phải tuyên xưng: Thiên Chúa Ba Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Một ấn tín phải thực hiện để trao ban cho những ai tin và được trở thành con cái Thiên Chúa: làm phép rửa nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Một nhiệm vụ đối với những ai đã trở thành Kitô hữu: dạy bảo họ tuân giữ mọi điều đã được truyền dạy.

Một sức mạnh luôn trợ giúp cần phải dựa vào: Thầy đã được trao toàn quyền trên trời và dưới đất. Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế.

Tóm lại: ra đi, rao giảng, làm phép rửa, dạy dỗ là những tiến trình đi và làm mà các môn đệ Chúa phải thực hiện để cho muôn dân trở thành môn đệ, trở thành con cái của Một Thiên Chúa Ba Ngôi.

Thiên Chúa Ba Ngôi

Lịch sử mạc khải về Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần được kết thúc với lễ Hiện Xuống: Một người Cha quảng đại yêu thương hết mọi

người. Một người Con biểu lộ tình yêu ấy qua cuộc sống ở trần gian, cái chết và sự sống lại của mình. Một Thánh Linh trong lòng khiêm tốn tuyệt vời nhất, được ban cho chúng ta để khám phá, là cội nguồn của chân lý, của hiệp nhất, của hoà bình. Trong sự đồng nhất vĩnh cửu của Ba Ngôi Vị Thiên Chúa, Các Ngài đã nối kết chúng ta lại để dẫn dắt chúng ta đi vào cuộc sống hoà hợp theo dự tính của các Ngài, biến chúng ta thành dân thánh, thành chứng nhân của sự cứu độ được mang đến cho tất cả mọi người.

Hôm nay Giáo hội kết thúc lịch sử ấy bằng việc mừng lễ Chúa Ba Ngôi. Nhưng việc kết thúc này lại là một khởi đầu nơi cuộc sống Kitô hữu của chúng ta qua phép Thánh tẩy mà chúng ta đã lãnh nhận nhân danh Ba Ngôi Vị Thiên Chúa. Chính Một Thiên Chúa Ba Ngôi đã can thiệp vào lịch sử cá nhân của chúng ta. Qua danh hiệu của các Ngài, qua dấu Thánh giá chúng ta làm: nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, chúng ta ghi dấu sự đồng nhất với nhau, trở thành một con người mới, thuộc về một gia đình Ba Ngôi duy nhất trên trời.

Nhưng con người là gì mà Chúa phải bận tâm?

Con cái Thiên Chúa và quyền thừa tự

Con người được tạo dựng “theo hình ảnh của Thiên Chúa”. Không phải là một sự vật, con người là một nhân vị có khả năng tự biết mình, tự làm chủ chính mình và tự do tự hiến và thông hiệp với những người khác. Nhờ sự hiểu biết và tình thương, con người được mời gọi chia sẻ sự sống của Thiên Chúa.

Con người là một hữu thể vừa thể xác vừa tinh thần: *Thiên Chúa lấy đất sét nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi và con người trở nên một sinh vật”* (St 2:7). Sinh khí ấy là tinh thần, là linh hồn trong thân xác của con người, nhờ đó con người là hình ảnh của Thiên Chúa và thân xác cũng được dự phần vào phẩm giá con người trong hình ảnh đó. Linh hồn thiêng liêng, bất tử khi lìa khỏi xác trong giờ chết, và sẽ tái hợp với thân xác trong ngày phục sinh cánh chung.

Trong tinh thần liên đới, yêu thương, phát xuất từ một nguồn gốc chung, nhân loại tạo thành một thể thống nhất. Tất cả là anh em: *“Từ một người duy nhất, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại”* (Cv. 17:26).

Thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Côlôxê cũng đã xác định: *“Thánh Tử là hình ảnh Thiên Chúa vô hình, là trưởng tử sinh ra trước mọi loài thọ*

tạo; Vì trong Người, muôn vật được tạo thành trên trời cùng dưới đất, hữu hình với vô hình.”

Khi tác thành con người, Thiên Chúa đặt con người trong tình trạng thánh thiện, nhưng vì đánh mất lòng tin thác vào Đấng Sáng Tạo, vì lạm dụng sự tự do của mình, con người đã bất tuân mệnh lệnh của Thiên Chúa, chọn ý riêng của mình bấp chấp Thiên Chúa, bất chấp những đòi hỏi của tình trạng thụ tạo và do đó bất chấp cả những điều tốt lành cho bản thân. Cuối cùng, con người đã sa ngã vì muốn “nên như Thiên Chúa.” (St. 3:5) mà không cần đến Thiên Chúa, và không theo Thiên Chúa (Rm.5:19).

Nhưng Thiên Chúa Tình yêu vẫn không bỏ mặc cho con người đi vào cõi diệt vong. Bằng nhiều lần, nhiều cách, qua nhiều ngôn sứ, Thiên Chúa vẫn yêu thương con người ; và cuối cùng Chúa Cha đã sai Con Một của Ngài xuống thế làm người để đem con người “hoang đàng” trở về Nhà Cha, để con người “không còn phải nhận tinh thần nô lệ trong sợ hãi nữa, nhưng nhận tinh thần nghĩa tử” trong Chúa Thánh Thần Thiên Chúa. *“Và trong tinh thần ấy, chúng ta kêu lên rằng: ‘Abba’, lạy Cha. Vì chính Thánh Thần đã làm chứng cho tâm trí chúng ta rằng: “Chúng ta là con cái Thiên Chúa. Vậy nếu là con cái, thì cũng là những người thừa tự: nghĩa là thừa tự của Thiên Chúa, và đồng thừa tự với Đức Kitô: vì chúng ta đồng chịu đau khổ với Người, để rồi chúng ta sẽ cùng hưởng vinh quang với Người”* (Rm 8: 14)...

Con người lại trở thành con cái Thiên Chúa được thừa tự những gì của Chúa Cha đã ban cho Chúa con, Đấng là *“khởi nguyên, là Trưởng tử trong số những người chết sống lại.”* (Cl. 1: 18), là Đấng: *“được trao toàn quyền trên trời và dưới đất”*.

Như thế, con người khi đã trở thành con cái Thiên Chúa thì cũng được thừa hưởng sự sống lại vinh quang như Đấng Trưởng Tử trong nhà Cha trên trời với điều kiện là *“đồng chịu đau khổ với Người, để rồi chúng ta sẽ cùng hưởng vinh quang với Người.”*

Các thánh là những người đã “đồng chịu đau khổ” với Trưởng Tử và đã được hưởng vinh quang trên Nước Trời, còn chúng ta thì sao? Chúng ta đã và sẽ làm gì để chuẩn bị đón nhận quyền thừa tự mà Chúa đã hứa ban?

Hình như chúng ta chẳng mấy quan tâm đến quyền thừa tự! Còn lâu, còn xa mà! hay cùng lắm cũng chỉ mong cho mình được lên thiên đàng mà quên đi nhiệm vụ: *hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ*

tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em.

Chúng ta phải có nhiệm vụ trao ban quyền thừa tự cho hết mọi người. Không phải chỉ cho mình được hưởng vinh quang mà phải chuyển giao quyền thừa hưởng vinh quang ấy cho hết mọi người, nghĩa là phải đi và làm cho mọi người trở thành con cái Thiên Chúa.

Để làm được nhiệm vụ ấy, trước tiên chúng ta phải sống và thực hành Lời Chúa truyền dạy, vì *“Lời Chúa là Thần Khí ban sự sống”* (Ga. 6: 63). Ai có lời Chúa là người có Thần Khí, mới thực sự là con cái Thiên Chúa. Và sống kết hợp với Thánh Thể để luôn nhớ rằng: *Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế.*

Ngày kia, một đan viện phụ tim gặp một vị thiên sư và buồn rầu tâm sự:

Trước đây, tu viện là một trung tâm hành hương thu hút nhiều người mộ đạo. Nhưng chẳng hiểu vì sao bây giờ đã trở thành một nơi vắng vẻ. Nghe xong, vị thiên sư nói: *“Tội đã và đang xảy ra nơi tu viện của ngài là tội vô tình. Thiên Chúa đã cải trang thành một người trong cộng đoàn ngài, nhưng anh em trong cộng đoàn đã vô tình không biết, không nhận ra Ngài”*. Nghe như thế, mọi người trong tu viện thắc mắc không biết ai là người mà Thiên Chúa đã cải trang. Và từ đó, ai cũng đối xử với nhau như đối xử với chính Chúa. Bầu khí yêu thương, huynh đệ, sức sống và niềm vui đã sống lại.

Với nguồn mạch Tình yêu, Chúa Cha sáng tạo, Chúa Con cứu độ, Chúa Thánh Thần thánh hoá. Đó là Thiên Chúa Tình yêu. Sống yêu thương nhau là lời mời gọi tham dự vào cuộc sống của Ba Ngôi Thiên Chúa, là sống hiến thân, hy sinh vì anh em với đôi tay rộng mở, với đôi chân lên đường và với tấm lòng quảng đại, vì tất cả là anh em cùng một Cha.

LỄ KÍNH MÌNH MÁU THÁNH CHÚA KITÔ

Bài đọc 1: (Xh. 24: 3-8). Bài đọc 2: (Dt. 9: 11-15). Tin Mừng: (Mc. 14: 12-16,22-26)

MÁU VÀ THỊT

Ôi, Máu! Máu! Máu! Máu trên đầu, máu trên tay, máu dưới chân, máu nơi cạnh sườn, nơi con tim: Thánh Giá máu!
On cứu chuộc đến với con người trước hết nhờ máu Chúa Kitô đã đổ ra trên thánh giá: Chúa Kitô hiến thân hoàn toàn để cứu độ chúng ta; sự hiến thân ấy được thể hiện trước hết trong việc thiết lập bí tích Thánh Thể và được thực hiện trên thập giá.

Máu của lễ vật hiến tế để cầu xin tha tội, để xoá tội và lập giao ước.

Máu của lễ vật hiến tế nơi Người Con duy nhất của Chúa Cha lại mang lại sự sống viên mãn: Phục sinh và Thánh thể.

Máu hiến tế. Máu giao ước. Máu xoá tội. Máu cứu rỗi. Máu của uống.

Máu và giao ước

Xưa kia, khi kêu cầu danh Chúa Cứu Chuộc xoá tội dân Israen, vị thượng tế rảy máu hy tế lên bàn xá tội trong nơi cực thánh.

Ngày ấy, ông Môisê sai các thanh niên trong con cái Israen mang của lễ toàn thiêu và ngã bò làm hy lễ kỳ an dâng lên Chúa. Ông lấy một nửa phần máu đổ vào các chậu và rưới phần nửa kia lên bàn thờ. Ông mở quyển giao ước ra, đọc cho dân chúng nghe và họ thưa lại: *“Chúng tôi xin thi hành và tuân theo tất cả những điều Chúa đã phán”*. Bấy giờ, ông Môisê lấy máu rảy lên dân và nói: *“Đây là máu giao ước Thiên Chúa đã cam kết với các người theo đúng tất cả những lời đó”* (Xem Xh. 24: 3-8).

Đó là giao ước mà Thiên Chúa đã cam kết với dân Ngài trong thời Cựu Ước qua ông Môisê. Nhưng giao ước ấy cũng đã không được dân Ngài thi hành. Bốn mươi đêm ngày vắng bóng ông Môisê, dân chúng lại thất trung, đã lập một con bê vàng để tôn thờ. Ông Môisê lại phải cầu xin Chúa để tái lập giao ước... Và dân Chúa vẫn cứ thế thất trung, bội nghĩa, phản lại tình yêu của Ngài.

Cuối cùng, Chúa Cha đành phải sai Con yêu dấu của Ngài xuống thế làm người để tạo lập một Giao Ước mới... Và Chúa Giêsu đã chấp nhận làm của

lễ hiến tế Thiên Chúa cho Giao ước mới ấy như lời Ngài đã phán trong bữa Tiệc ly trong dịp lễ Vượt Qua: Ngài cầm chén rượu, dâng lời tạ ơn, rồi trao cho các ông, và tất cả đều uống chén này. Người bảo các ông: *“Đây là Máu Ta, Máu tân ước sẽ đổ ra cho nhiều người”*.

Máu đã đổ ra trên Thánh Giá. Máu cứu rỗi muôn người.

Chúa Giêsu chịu chết vừa là hy lễ Vượt Qua hoàn tất việc cứu độ chung cuộc loài người vì “Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian” (Ga. 1:29), vừa là hy tế của Giao ước mới cho con người hiệp thông lại với Thiên Chúa, bằng cách giao hòa con người với Thiên Chúa nhờ “máu được đổ ra cho muôn người được tha tội” (Mt. 26:28).

Máu Chúa Giêsu vừa tẩy sạch tội kẻ tin, vừa tái sinh họ làm con cái Chúa, vừa nuôi dưỡng họ sống đời đời.

Máu và Thịt của Thánh Thể

Chúa Giêsu yêu thương những kẻ thuộc về mình và yêu thương họ cho đến cùng. Rồi vào một ngày thứ nhất trong tuần lễ ăn bánh không men là ngày giết chiên mừng lễ Vượt Qua năm ấy, Chúa Giêsu và các môn đệ cũng chuẩn bị ăn lễ Vượt Qua tại một căn phòng rộng mà Ngài đã chuẩn bị trước.

Đang bữa ăn, Chúa Giêsu cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao cho các ông và nói: *“Các con hãy cầm lấy, này là Mình Ta”*. Và Người cầm chén rượu, dâng lời tạ ơn, rồi trao cho các ông, và tất cả đều uống chén này. Người bảo các ông: *“Đây là Máu Ta, Máu tân ước sẽ đổ ra cho nhiều người”* (Xem Mc. 14: 12- 26).

Để trao lại cho các tông đồ bảo chứng tình yêu và cho họ tham dự vào cuộc Vượt Qua của mình, Chúa Giêsu đã thiết lập bí tích Thánh Thể để tưởng niệm cuộc tử nạn và phục sinh của Ngài, và truyền cho các ông cử hành bí tích này cho đến khi Ngài lại đến.

Trong Giao ước mới, mỗi hoạt động phụng vụ đều là cuộc gặp gỡ Chúa Kitô và Hội Thánh, đặc biệt là việc cử hành Thánh lễ và các bí tích. Cộng đoàn Phụng vụ được hiệp nhất “nhờ ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần”, Đấng tụ họp con cái Thiên Chúa thành Thân Thể của Chúa Kitô là Hội Thánh.

Bí tích Thánh Thể mà Chúa Giêsu thiết lập, sẽ là lễ tưởng niệm (1 Cor 11,25), là hy tế của Ngài. Ngài hội nhập các Tông đồ vào lễ hiến dâng của

Ngài và yêu cầu họ lưu truyền hy lễ này mãi mãi (Lc 22:19). Như thế Chúa Giêsu đặt các tông đồ làm tư tế của giao ước mới: *“Anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy”*.

Bí tích Thánh Thể được gọi bằng nhiều danh hiệu khác nhau, mỗi danh hiệu nói lên những ý nghĩa, những khía cạnh khác nhau.

Là Lễ Tạ Ơn, để ca ngợi Thiên Chúa vì những kỳ công Ngài đã làm: sáng tạo, cứu chuộc và thánh hóa.

Là Bữa Ăn của Chúa, vì qua tưởng niệm bữa Tiệc Ly, chúng ta hướng về Bữa Tiệc Cưới Con Chiên trên trời.

Là Lễ Bẻ bánh, vì qua việc bẻ bánh các môn đệ đã nhận ra Chúa sống lại và được hiệp thông với Ngài và hợp thành thân thể duy nhất trong Ngài

Là Lễ Đồng bàn như Thánh Phaolô đã gọi, vì được cử hành trong cộng đoàn tín hữu, hình ảnh hữu hình của Hội Thánh.

Tóm lại, bí tích Thánh thể là bí tích Hy Tế nhằm:

- Dâng lời tạ ơn và chúc tụng Thiên Chúa Cha;

- Tưởng niệm hy tế của Chúa Giêsu Kitô và Nhiệm Thể của Ngài là Hội Thánh;

- Tiếp cận sự hiện diện của Chúa Kitô, nhờ quyền năng của Lời Ngài và Thánh thần.

“Tất cả các con hãy cầm lấy mà ăn”

Đó là lời Chúa khẩn thiết mời gọi chúng ta đón tiếp Ngài trong bí tích Thánh Thể, vì, như lời Chúa đã phán: *“Thật, Ta bảo thật các ngươi: Nếu các ngươi không ăn thịt Con Người và uống máu Ngài, các ngươi sẽ không có sự sống nơi mình”* (Ga. 6: 53).

Trở về với cuộc sống Kitô hữu, bí tích Thánh Thể là một tưởng niệm: *“Anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy”*, một dấu hiệu liên kết hiệp nhất: *“Ai ăn thịt ta và uống máu Ta, thì ở trong Ta và Ta ở trong kẻ ấy”* (Ga. 6:57), một điểm hẹn gặp gỡ, một mẫu nhiệm đức tin, một dấu chỉ của sự hiện diện: *“Thầy ở cùng anh em mỗi ngày cho đến tận thế”*, một dấu chỉ yêu thương bác ái chia sẻ: *“Chúa Giêsu cầm lấy bánh, đọc lời chúc tụng, bẻ ra... cầm lấy chén, tạ ơn... và trao cho các môn đệ”*.

Để đáp lại lời mời gọi của Chúa, chúng ta đã đón tiếp Chúa như thế nào khi tham dự Thánh Lễ và khi đón rước Chúa vào lòng?

Mặt mày cha thánh Gioan M. Vianney nhăn nheo, xấu xí. Nhà thờ xứ Ars thì nhỏ hẹp, cổ xưa. Ghế quỳ thì xiêu vẹo. Ngài cũng dâng lễ như mọi linh mục khác; nhưng không hiểu sao ai nấy đều chen chúc nhau đến tham dự Thánh lễ do ngài cử hành. Có lần, giáo dân thấy ngài cầm Mình Thánh Chúa trên tay một hồi, nước mắt chảy ròng ròng, sau đó lại nở một nụ cười tươi. Lấy làm lạ, họ tò mò hỏi: “Thưa cha, sao sáng nay, khi cầm Mình Thánh Chúa, cha khóc rồi cha lại cười?”

Ngài trả lời: “Lúc ma quỷ cám dỗ cha ngã lòng trông cậy, sợ mất Chúa đời, nên cha sợ quá, cha khóc. Nhưng sức nhớ lại mình đang cầm Chúa trong tay nên cha thưa với Chúa: Lạy Chúa, con không chịu mất Chúa đâu. Con cầm Chúa mãi. Chúa luôn ở với con! Nói thế rồi, cha sung sướng quã quã đến nỗi phải bật cười”.

Còn chúng ta, khi đón rước Chúa vào lòng, chúng ta đã tiếp đón Ngài như thế nào?

Yêu ai, chúng ta muốn được luôn cận kề bên người mình yêu. Xa nhau thì nhớ, thì mong...

Chúa yêu thương chúng ta. Nếu chúng ta thực tình yêu Chúa,

Tại sao lại phải miễn cưỡng đón tiếp Người yêu đến nỗi Hội Thánh buộc các tín hữu phải tham dự Thánh lễ vào các ngày Chúa nhật và lễ trọng, rước lễ một năm ít là một lần vào mùa Phục sinh!

Tại sao không tiếp đón Người yêu mỗi lần tham dự Thánh lễ!

Tại sao không tìm gặp Người Yêu đang cô quạnh trong nhà Châu!

Tại sao không cầu nguyện, tâm tình với Người Yêu khi đã tiếp rước Ngài vào nhà mình mà để Ngài bơ vơ trợ trợ một mình!

Tại sao lại lợi dụng lòng khiêm tốn: “Lạy Chúa, con chẳng đáng Chúa ngự đến cùng con” để trốn tránh việc rước Chúa vào lòng, việc tiếp đón Người yêu!



MÙA THƯỜNG NIÊN

CN II TN/B

Bài đọc 1: (1 Sm 3: 3-10,19). Bài đọc 2: (1 Cr 6: 13-15, 17-20). Tin Mừng: (Ga. 1: 35-42)

“HÃY ĐẾN MÀ XEM”

“**H**ãy đến mà xem”. Đó là câu trả lời của Chúa Giêsu, khi hai ông André và Gioan, những môn đệ của Ông Gioan Tẩy giả hỏi Ngài: “*Thưa Thầy, Thầy ở đâu?*”

Có lẽ hai môn đệ của ông Gioan, nhờ sự giới thiệu của thầy, cũng đã tin Đấng ấy là “Đấng Mêsia”, là “Chiên Thiên Chúa”, nên khi thấy Chúa Giêsu đi qua, các ông cảm thấy không cần hỏi: thưa Thầy, Thầy có phải là Đấng Mêsia không?, nhưng điều mà họ muốn biết chính xác đây có phải là Đấng Mêsia bằng xương bằng thịt, có những sinh hoạt như con người thật không hay như một Đấng thiêng liêng lúc ẩn lúc hiện, nên hai ông mới đặt câu hỏi: “*Thưa Thầy, Thầy ở đâu?*”

Không biết suốt cả ngày hôm đó, hai ông André và Gioan đã thấy được gì về chỗ ở và về bản thân Đấng Mêsia, mà chẳng thấy họ tiết lộ điều chi, hay là Chúa Giêsu cấm không cho các ông tiết lộ với ai về những gì hai ông đã thấy chẳng!

Về nhà, André đã tiết lộ cho em ông là Simon: “*Chúng tôi đã gặp Đấng Mêsia, Đấng Kitô rồi!*”; và sau đó, ông vội và dẫn Simon đến gặp Đấng ấy. Nhìn thấy Simon, Đấng ấy đã cải tên cho Simon là Kêpha, tức là Phêrô. Và có lẽ cả anh em ông Gioan cũng đã đến gặp Đấng ấy.

“*Hãy đến mà xem*” là một gợi ý, một kích thích, một lời mời gọi cho những ai muốn thỏa mãn những gì mình đang mong mỏi, kiếm tìm.

Nghe nói chỗ này, chỗ kia có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp; nếu không làm một chuyến du lịch, không ra đi đến đó để được tận mắt thấy tai nghe, thì làm sao tin được những lời đồn đãi kia là có thật! Chính nhờ “mắt thấy tai nghe” người thật việc thật mới củng cố được niềm tin của chúng ta.

Chúa Giêsu đã không trực tiếp trả lời câu hỏi của hai ông André và Gioan là Ngài ở chỗ này hay chỗ kia, nhưng Ngài đã mời hai ông “đến mà xem”. “Đến mà xem” Đấng Cứu Thế có phải là con người thực sự cũng ăn, cũng uống, cũng sinh hoạt như hai ông, như mọi người khác không.

“Hãy đến mà xem” là một lời kêu gọi tự nguyện, không ép buộc.

Nếu tự trong tâm hồn không có niềm tin, không có tâm tình mong đợi Đấng Mê-sia, không có nỗi khát khao mong tìm gặp được Đấng ấy, thì lời mời gọi: *“Hãy đến mà xem”* cũng chỉ là một lời mời gọi bình thường không có gì hấp dẫn, không thôi thúc người được gọi mời nhanh chóng tiến bước đến mà xem.

Với một tấm lòng mong đợi Đấng Cứu Thế đến và khao khát được nhìn thấy Ngài, khi được thấy giới thiệu Đấng ấy là *“Chiên Thiên Chúa”*, André và Gioan đã vội vàng đi theo không chút do dự, như đón nhận được một tin vui, và tin rằng Con Người ấy là thật như lời thầy mình nói; hay như Nathanaen, khi nghe ông Philippê giới thiệu: *“Chúng tôi đã gặp Đấng đã được Môisê ghi trong luật và các tiên tri nói đến, là Đức Giê-su, con ông Giuse ở Nazareth”*, đã chê bai: *“Ở Nazareth nào có cái gì hay!”* Philippê bảo: *“Hãy đến mà xem”*. Và Nathanaen đã trở thành môn đệ của Thầy Giê-su.

“Hãy đến mà xem” còn là một thái độ, tâm trạng của người muốn đi kiếm tìm sự thật, đi tìm chân lý cho cuộc sống, cho thân phận con người. Đến mà xem để xác tín, để củng cố niềm tin. Đối với người Kitô hữu, *“Hãy đến mà xem”* là tiếng gọi của đức tin, là tiếng gọi ra đi tìm thánh ý Thiên Chúa, là tiếng gọi của đức mến. Chúng ta không được Thiên Chúa kêu gọi trực tiếp như Môisê hay như Samuen, nhưng Ngài kêu gọi chúng ta qua những dấu chỉ, qua những giáo huấn của Chúa và của Giáo hội, qua những thực tại của cuộc sống... Như thế, tiếng gọi thì vô số, điều quan trọng là chúng ta có nhận ra những tiếng gọi ấy bằng thái độ nào!

“Thưa Thầy, Thầy ở đâu?”

Đó là câu hỏi chúng ta thường đặt ra với Thiên Chúa khi gặp túng thiếu hoạn nạn, khi bị đời hắt hủi bạc đãi, khi phải phiền não lo âu... Và Chúa cũng đã mời gọi chúng ta: *“Hãy đến mà xem”*. Cũng như hai môn đệ của ông Gioan Tẩy giá, chúng ta ngày nay đã được biết, đã được nghe nói về *“Đấng Cứu Thế”*, về *“Con Thiên Chúa”* xuống thế làm người để cứu chuộc nhân loại, đã chọn Ngài làm cứu cánh cho cuộc sống, đã tin vào Ngài, đã được làm con cái của Ngài... thì đừng thắc mắc: *“Thưa Thầy, Thầy ở đâu?”* nữa mà *“hãy đến mà xem”*.

Hãy đến hang đá Bêlem để thấy Chúa cùng cảnh ngộ. Hãy nhìn vũ trụ, trăng sao để thấy Chúa đang ở đó. Hãy lên Đồi Canvê để thấy lòng thương xót Chúa vô bờ bến đã dành cho chúng ta, những con cái của Ngài. Hãy nhìn anh em để thấy Chúa đang sống, đang đồng hành với chúng ta. Hãy đến dự Tiệc Thánh Thể để chiêm ngắm Chúa hiện diện, để hưởng lương thực trường sinh...

Vì chúng ta “*đã được biết những mâu nhiệm Nước Trời*”. Nên “*phúc cho mắt các con, vì được thấy, và phúc cho tai các con, vì được nghe*”. Đừng để cho Thiên Chúa phải quở trách: “*Vì lòng dân này đã ra chai đá, họ đã bịt tai và nhắm mắt lại, kéo mắt thấy được, tai nghe được*” (Mt. 13: 10-17).

“Chúng tôi đã gặp Đấng Kitô rồi!”

Về nhà, André đã tiết lộ cho em ông là Simon: “*Chúng tôi đã gặp Đấng Mêsia, Đấng Kitô rồi!*”; và sau đó, ông vội vã dẫn Simon đến gặp Đấng ấy; và có lẽ cả anh em ông Giacôbê cũng làm như thế.

Về phần chúng ta, chúng ta cũng đã thấy, đã biết, đã nghe về “Cha” chúng ta ở trên trời. Là con cái của Người Cha ấy, chúng ta cũng có nhiệm vụ phải giới thiệu Người Cha chúng ta cho mọi người thấy và biết để “Nước Cha trị đến, Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời”.

Nhiệm vụ của mỗi người Kitô hữu, của những con cái của Thiên Chúa, tùy theo phận vụ của mình, không phải chỉ nhận biết Ngài là Cha, là Thiên Chúa cho riêng mình, vì lợi ích cho bản thân mỗi người, nhưng là giới thiệu Thiên Chúa với mọi người. Bao lâu chúng ta còn khép kín Thiên Chúa chỉ nơi cõi lòng mình thì bấy lâu Thiên Chúa còn chưa được mọi người biết đến, và Ngài vẫn còn kêu gọi chúng ta giới thiệu Ngài với mọi người.

Nhiệm vụ của chúng ta là kêu gọi mọi người “*đến mà xem*”. Nhưng đến mà xem những gì nơi chúng ta là môn đệ, là con cái Thiên Chúa? Đến mà xem những cuộc sống ích kỷ, ghen tuông, thù hận hay đến mà xem những cuộc sống bác ái và yêu thương!

Cách tốt nhất để giới thiệu Thiên Chúa với mọi người không gì khác hơn là sống và thực hành những gì Thiên Chúa truyền ban vì lợi ích của con người.

Bước ra khỏi cái vỏ bọc cá nhân ích kỷ để tìm kiếm tiếng gọi của Thiên Chúa như Môsê đã nhanh chóng đáp lại: “*Này con đây!*”, bằng một tâm tình

khiêm tốn, tuân phục, dù tự biết mình bất xứng, bất tài; hay như Samuen đã nhanh chóng đáp lại tiếng gọi, khi biết tiếng gọi ấy là tiếng gọi của Thiên Chúa *“Lạy Chúa, xin hãy phán, vì tôi tớ Chúa đang lắng nghe”*; hay gần thời đại chúng ta hơn, như André và Gioan, khi gặp được Đấng Mêsia, đã vội vã về đưa Simon và Giacôbê đến gặp Đấng ấy.

Thiên Chúa vẫn luôn kêu gọi chúng ta *“hãy đến mà xem”* cách gián tiếp hay trực tiếp, bằng nhiều cách, tùy theo khả năng, phận vụ của từng người. Điều quan trọng là chúng ta có biết lắng nghe để nhận ra tiếng Chúa gọi hay không. Khát vọng, khiêm nhu, kiếm tìm tiếng gọi của Chúa sẽ gặp được tiếng gọi của Ngài.

Gặp rồi, thấy rồi, biết rồi thì phải ra đi làm chứng, giới thiệu cho người chưa biết. Đó là nhiệm vụ của người Kitô hữu, của người con Thiên Chúa: *“Lạy Chúa, này tôi xin đến để thực thi ý Chúa”* (Tv 39:8a).

Nhưng giới thiệu, làm chứng cho người khác biết bằng cách nào?

Đó là câu hỏi mà mỗi người trong chúng ta phải tự tìm ra câu trả lời nơi cuộc sống và nơi chính mình trên con đường truyền giáo.

“HÃY THEO TÔI”

Như xưa kia, theo lời Chúa dạy, Giona đã đến thành Ninivê để rao giảng lời Chúa, kêu gọi mọi người ăn năn, sám hối trở về với Thiên Chúa; và *“họ đã tin tưởng nơi Chúa: họ công bố việc ăn chay và mặc áo nhặm, từ người lớn đến trẻ nhỏ, Chúa đã bỏ ý định phạt họ”*. Cũng thế, khởi đầu cuộc sống công khai rao giảng Tin Mừng cứu độ, Chúa Giêsu đã kêu gọi: *“Thời giờ đã mãn và nước Thiên Chúa đã gần đến; anh em hãy ăn năn sám hối và tin vào Tin Mừng”*. Và song song với việc rao giảng Tin Mừng là việc tuyển chọn các môn đệ, những người tiếp tục công việc rao giảng Tin Mừng trong tương lai.

Những môn đệ được Chúa Giêsu chọn là những ai? thuộc thành phần nào trong xã hội?

Một hôm, hai anh em André, Phêrô, con ông Giona và anh em Giacôbê, Gioan, con ông Giêbêđê đang đánh lưới ở biển hồ Galilê thì thấy Chúa Giêsu đi qua. Nhìn thấy các ông, Ngài đã gọi: “Các anh hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người”. Chẳng biết có thần lực nào quyến rũ thúc đẩy hay không, nhưng khi nghe Ngài kêu gọi, tất cả đã lập tức bỏ chài lưới và đi theo Ngài. Bốn ngư dân này, qua sự giới thiệu của ông Gioan tiền hô, đã nhận ra Ngài là Đấng Kitô và đã một lần đến xem chỗ ở của Chúa Giêsu.

Có lẽ nhiều người trong chúng ta cũng đã có lần thắc mắc: sao Chúa không chọn những người có danh giá, có địa vị, quyền thế trong xã hội để làm môn đệ lại chọn những người tầm thường, vô danh tiểu tốt trong xã hội để làm môn đệ; những người mộc mạc, chất phát thiếu học thức như những người chài lưới kia thì làm sao có đủ khả năng để làm những công việc quan trọng là rao giảng Tin Mừng cứu độ cho muôn dân được, làm sao có thể trở thành “những ngư phủ lưới người ta” hay “những tay ngư phủ chinh phục thiên hạ” được!

Ông Môisê một lần kia đang chăn chiên cho bố vợ là Gitrô, tư tế Madian,

trên núi Khô-rếp. Thiên sứ của Thiên Chúa đã hiện ra với ông trong đám lửa từ bụi cây. Ông thấy bụi cây cháy bùng, nhưng bụi cây không bị cháy rụi. Ngạc nhiên, thấy lạ, ông lần mò đến xem, thì từ trong bụi gai có tiếng gọi: “Môisê! Môisê!” Ông thưa: “Dạ, tôi đây!” Và Thiên Chúa đã cho ông biết về Danh tính của Ngài, về nỗi khổ của dân Ngài nơi Aicập. Sau đó, Thiên Chúa giao cho ông một nhiệm vụ quan trọng là đi giải cứu dân Ngài. Môisê ngập ngừng từ chối: “Con là ai mà dám đến với Pharaô và đưa con cái Israen ra khỏi Ai Cập?” Ngài phán: “Ta sẽ ở với con”. Nhưng ông vẫn chưa an tâm. Sau đôi ba lần khước từ thoái thác, cuối cùng ông đã thú nhận: “Lạy Chúa, xin xá lỗi cho con, từ hồi nào đến giờ... con không phải là người có tài ăn nói, vì con cứng miệng, cứng lưỡi... Xin Chúa sai ai làm môi giới thì sai”. Và Thiên Chúa đã nói ngay: “Ai cho con người có mồm có miệng? Ai làm cho nó phải câm phải điếc, cho mắt nó sáng hay phải mù lòa? Há chẳng phải là Ta đó sao? Vậy ngươi hãy đi, chính Ta sẽ ngự nơi miệng ngươi, và Ta sẽ chỉ cho ngươi phải nói những gì”.

Như thế thì việc chọn các người chài lưới ít học, thấp kém làm “những kẻ chinh phục người ta” nào có gì khó khăn đối với quyền năng của Thiên Chúa!

Đạo Chúa không phải là một đảng phái chính trị xã hội, nhưng là Đạo làm con Thiên Chúa. Trước mặt Ngài, mọi người đều bình đẳng: Tất cả là anh em cùng một Cha, con cái cùng một nhà. Tất cả là chi thể trong một thân thể. Mọi người đều có ơn gọi riêng, có nhiệm vụ riêng trong Gia Đình Thiên Chúa ấy. Hơn kém không thuộc phạm vi của Thiên Chúa, nhưng thuộc phạm vi con người trần thế.

Là con cái Thiên Chúa nhờ phép Thanh tẩy, tất cả chúng ta đều được kêu gọi hãy theo Chúa, hãy làm môn đệ của Ngài; và tất cả đều được Ngài huấn luyện để trở thành “những kẻ lưới người”: “Các anh hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người”.

Nhưng các môn đệ được Chúa tuyển chọn ngày xưa và ngày nay là chúng ta, đã có thái độ nào trước lời kêu gọi làm môn đệ cho Ngài?

Được Chúa kêu gọi, có những ông đã *lập tức bỏ lưới theo Ngài*, có những ông đã *bỏ cha ở lại trên thuyền với các người làm công và đi theo Ngài*.

Bốn môn đệ đầu tiên, khi được Chúa kêu gọi, đã nhanh chóng đáp lời lập tức, không do dự, không đắn đo suy tính hơn thiệt. Có người cho thái độ ấy

là hấp tấp, nóng vội, bốc đồng. Bỏ công ăn việc làm nuôi sống gia đình, bỏ cha bỏ mẹ mà đi theo tiếng gọi của Chúa như thế thì tương lai sẽ đi về đâu! Bỏ nghề đánh bắt cá chuyên nghiệp để đi làm một nghề mới lạ: nghề “lười người ta”, nghề “chinh phục thiên hạ” thì liệu có làm nổi không, có mang được lợi lộc gì cho bản thân, cho gia đình không!

Nếu không nhận biết Chúa Kitô, không hiểu biết Ngài, không cảm nhận được Ngài, nếu trong tâm hồn không nặng trĩu niềm tin tưởng và khát mong Đấng Cứu Thế, nếu không đặt hy vọng vào ơn cứu rỗi của Thiên Chúa, thì làm sao hiểu được thái độ dứt khoát bỏ mọi sự để dẫn thân theo tiếng Chúa gọi nơi bốn môn đệ đầu tiên ấy!

Chính niềm tin tưởng và lòng yêu mến đã tạo sức mạnh cho các ngài mau chóng đáp lời Chúa gọi, và về sau sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ đau thương để cùng với Chúa đi khắp mọi miền để rao giảng Tin Mừng cứu độ cho hết mọi người.

Bốn môn đệ đầu tiên nói riêng và các môn đệ nói chung đã mau chóng đáp lời kêu gọi của Chúa, đã sống bên Ngài, chứng kiến mọi việc Ngài làm, ghi nhớ những lời Ngài giảng dạy. Và khi Chúa về trời, các ông lại tiếp tục công việc rao giảng về Chúa, về những giáo huấn của Ngài cho đến chết.

Vì Tin Mừng, vì Thầy Giêsu mà bốn môn đệ đầu tiên, người thì phải chịu án tử hình, chịu đóng đinh ngược đầu trên thập giá như ông Phêrô; người thì chịu đóng đinh suốt hai ngày trời trên thập giá như ông André; người thì bị dân chúng xua đuổi hết thành này đến thành khác, cuối cùng bị chém đầu như ông Giacôbê, và người môn đệ sau cùng trong bốn người môn đệ đầu tiên được Chúa kêu gọi, là Gioan, người môn đệ được Chúa Giêsu yêu thương đặc biệt và là người môn đệ được Thầy Giêsu ủy thác nhiệm vụ phụng dưỡng Mẹ Maria, cũng bị quẳng vào vạc dầu sôi.

Bốn vị môn đệ đầu tiên của Chúa Giêsu ngày ấy cũng là bốn vị thánh của Hội Thánh hôm nay.

Ít người được chọn để lãnh nhận những sứ mạng đặc biệt như các tông đồ xưa kia. Gọi thì nhiều, chọn thì ít; nhưng tất cả chúng ta đều được gọi để làm vườn nho, làm chứng cho Thiên Chúa, được giao trách nhiệm giới thiệu Thiên Chúa đến với mọi người.

Ngày chúng ta nhận phép Thánh tẩy là ngày chúng ta được vinh dự làm con cái Thiên Chúa, được giải thoát khỏi ách nô lệ của tội lỗi; đồng thời

được ủy thác sứ vụ làm tông đồ đem Tin Mừng cứu độ đến cho muôn người.

Lời kêu gọi sám hối và tin vào Tin Mừng để được tha thứ, để được cứu rỗi là lời kêu gọi thức tỉnh sám hối Chúa gửi đến cho chính bản thân mỗi người trong chúng ta; đồng thời là một sứ mạng của mỗi người Kitô hữu là phải đem lời kêu gọi ấy đến cho những người khác, là phải trở thành những “kẻ chinh phục người ta”.

Nhờ ơn Chúa Thánh Thần hỗ trợ, chúng ta hãy mau mắn đáp lời Chúa kêu gọi “Hãy theo Tôi” để trở thành những người “chài lưới người” theo chương trình cứu độ của Thiên Chúa.

THUỐC TRỪ QUỶ

“**C**âm đi! Hãy xuất ra khỏi người này”. Đó là lời quát mắng của Chúa Giêsu với quỷ ô ế trong bài Tin Mừng theo Thánh Máccô (1: 21-28), Chúa Nhật IV, mùa Thường niên, năm B.

Sau khi xuất khỏi người thanh niên, quỷ ô ế bực tức về báo với quỷ đại ca:

- Đại ca tính sao đây! Cứ tình trạng này, chắc bọn mình hết đất sống!

Sau khi nghe quỷ ô ế trình bày sự việc, quỷ đại ca quyết định mở một buổi họp.

Khi các quỷ đã tụ tập đầy đủ, quỷ đại ca bắt đầu:

- Trước khi đi vào nội dung chính của buổi họp. Tất cả tụi bay hãy nghe thằng ô ế tường trình lại sự việc mà hần vừa trải qua. Thằng ô ế! Mấy báo cáo lại đi!

Quỷ ô ế thuật lại:

- Tui đang nhập vào một thằng thanh niên. Công việc tiến triển tốt đẹp, thì hôm nay, thỉnh linh người ta dẫn thằng thanh niên ấy đến với Ông Giêsu. Biết Ông ta nhận ra tui nơi người thanh niên kia, tui lên tiếng trước: “*Này Ông Giêsu Nagiarét! Chuyện chúng tôi liên quan gì đến ông mà Ông đến tiêu diệt chúng tôi? Tôi biết ông là ai rồi: Ông là Đấng Thánh của Thiên Chúa!*” Nghe tui nói thế, Ông ta quát mắng, đuổi tui: “*Câm đi! Hãy xuất khỏi người này!*” Thế là tui một mạch chạy về đây. Còn nữa, từ ngày Ông Giêsu bắt đầu cuộc sống công khai rao giảng cái mà Ông ta gọi là Tin Mừng gì đó và kêu gọi sám hối, ăn năn và tin vào Tin Mừng, thì dân chúng nghe theo Ông ta nhiều lắm. Theo tui thấy, cứ tình trạng này chắc bọn mình hết đất sống. Bọn loài người bây giờ rù nhau vào thiên đàng hết thì hỏa ngục của bọn mình chắc vắng tanh! Tui xin hết.

Cả bọn im lặng một hồi lâu, thấy vậy, quỷ đại ca lên tiếng:

- Tụi bay nghĩ sao về chuyện thằng ô ế vừa mới nói? Có thật loài người bây giờ chúng nó đang rù nhau vào thiên đàng không? nếu đúng như thế thì phải có cách nào để lôi chúng nó xuống hỏa ngục chứ?

Cả đám quý vẫn im lặng như đang tìm một phương kế. Bỗng có một thằng quý đưa tay xin phát biểu:

- Đại ca! Cho tui có ý kiến: Tại sao tui mình không rí vào tai loài người rằng chỉ có thiên đàng, không có hỏa ngục, như thế chúng nó sẽ chẳng còn bận tâm gì đến việc lên thiên đàng, sẽ an tâm tự mãn: không có hỏa ngục, chỉ có thiên đàng thì việc gì phải khổ cực đi tìm thiên đàng! Cứ thoải mái mà sống. Chẳng việc gì phải lo!

Bọn quý nhao nhao vỗ tay tán thưởng; nhưng quý đại ca xua tay bảo:

- Không được! Tui bay không hiểu gì hết về loài người chúng nó. Chúng nó không bao giờ thêm tin những điều khờ khạo như vậy đâu. Ngay từ nhỏ, mỗi khi chúng nó làm gì sai trái, chúng nó đã nghĩ đến thiên đàng- hỏa ngục. Chúng nó biết điều gì tốt, điều gì xấu, cái gì được làm, cái gì không được làm. Chúng nó không dễ tin để bị lừa như thế đâu! Có đũa nào có ý kiến gì khác không? Động não lên chứ!

Rồi một thằng quý khác giơ tay xin phát biểu:

- Đại ca! tui xin có ý kiến: Hay là tui mình rí vào tai chúng nó rằng chỉ có hỏa ngục, không có thiên đàng; như thế chúng nó sẽ chẳng thiết tha gì đến việc ăn ngay ở lành. Thế là chúng nó tha hồ mà đi bia ôm, xì đế ôm, vòng ôm, vườn ôm... tha hồ cướp bóc, tham nhũng, ăn hối lộ... tha hồ chém giết, đấm đá lẫn nhau... Thế là số người xuống hỏa ngục càng ngày càng đông.

Tất cả bọn quý vỗ tay khen ý kiến hay, nhưng quý đại ca vẫn chưa bằng lòng:

- Đâu óc tui bay mù mẫm hết cả rồi. Hai ý kiến tui bay đưa ra cũng không có gì khác lạ, hấp dẫn. Chỉ có thiên đàng hay chỉ có hỏa ngục thì cũng là một. Tui bay không biết là Thiên Chúa đã gieo vào lòng loài người chúng nó một niềm hy vọng về một ngày mai tươi sáng, tốt đẹp. Dù cho chúng nó có quen lạng, sa sút, nhưng chúng nó vẫn trông đợi ngày ấy. Động não lên nào!

Quý đại ca vừa dứt lời, thì có một thằng quý khác đưa tay phát biểu:

- Tui có đề nghị như thế này: bây giờ chúng ta sẽ rí tai loài người chúng nó rằng có thiên đàng, có hỏa ngục; nhưng ngày tận thế còn xa, đời còn dài, việc gì phải lo xa, cần chi phải vội vàng! Hãy cứ tà tà...

Nghe đến đây, quý đại ca đứng phất dậy:

- Hay! Hay! Tui bay mau chóng hành động ngay. Cứ để cho loài người chúng nó tin có thiên đàng, có hỏa ngục. Điều quan trọng là tui bay hãy rí vào tai chúng nó rằng không có gì phải vội vã. Ngoài những việc củ rích như

bia ôm, xi để ôm hay gì gì ôm nữa, tụi bay còn phải biết hiện đại hóa cách rí tai, biết lợi dụng những phát minh khoa học như Internet... Cừ chờ mà xem!

Trên đây là một câu chuyện giả tưởng; nhưng thực tế, có thật có quỷ không? - Có đấy!

Bị con rắn cám dỗ, bà Evà đã sa ngã và kéo thêm cả ông Adam.

Chúa Giêsu, trong hoang địa, đã ba lần chịu cám dỗ và Ngài đã chiến thắng.

Trong cuốn *Tin Mừng* của mình, Thánh Matthêu đã ghi lại bảy lần Chúa Giêsu trừ quỷ; Thánh Máccô, năm lần; Thánh Luca, bốn lần.

Trong các sách *Tin Mừng*, cũng có ghi lại những lời quỷ nói:

• Thân ô ưế thết lên: “*Hỡi ông Giêsu Nagiarét, có chuyện gì giữa chúng tôi và ông? Ông đến để tiêu diệt chúng tôi sao? Tôi biết ông là ai, là Đấng Thánh của Thiên Chúa*”.

• Tại Giêrasa, từ hai người bị ám từ mô mà đi ra, quỷ lên tiếng: “*Lạy ông Giêsu, Con Thiên Chúa, chúng tôi có can chi đến ông? Ông đến đây để hành hạ chúng tôi trước hạn định sao?*” Các quỷ nài xin Ngài: “*Nếu ông đuổi chúng tôi khỏi đây, thì xin cho chúng tôi nhập vào đàn heo*”.

Tên gọi của quỷ được Chúa Giêsu thường gọi nhiều lần là Satan, và tên gọi được dân chúng truyền tụng là quỷ Belgiêbút. Có lẽ đây là tên quỷ cấp cao! và còn có nhiều tên gọi khác, chẳng hạn quỷ nhập vào người câm điếc thì gọi là quỷ câm điếc, hay vào người phong cùi, thì có tên là quỷ phong cùi, quỷ nhóc, quỷ cơ binh... Quỷ cũng có nhiều đẳng cấp thì cũng có nhiều thể lực khác nhau. Quỷ trung ương, quỷ địa phương!

Bây mới tội đầu có lẽ cũng là tên của những quỷ có đẳng cấp trong thế giới quỷ chẳng!

Và để giúp những người không may bị quỷ ám hay bị quỷ nhập, Giáo hội cũng có một phép, gọi là phép trừ tà hay phép trừ quỷ.

Như thế, quỷ có thật, là một hữu thể hiện hữu giữa thế gian. Quỷ là loại thiên thần hư hỏng, đã bị Thiên Chúa phạt, đày xuống hỏa ngục. Chúng hoạt động tinh vi, khôn khéo đến nỗi con người cứ tưởng chúng là do óc tưởng tượng bày ra.

Nơi cuộc sống trần gian, luôn có sự đối kháng giữa cái tốt và cái xấu, giữa điều lành và điều dữ, giữa cái thiện và cái ác, giữa thánh thiện và tội lỗi...

Đường lối hoạt động của quý là cảm dỗ con người sống theo ý muốn, sở thích riêng của mình thay vì thực thi thánh ý của Thiên Chúa, là tìm cách phá đi những gì Thiên Chúa muốn bồi đắp nơi con người, là dụ dỗ con người tránh con đường chật hẹp hy sinh, hãm mình để bước vào con đường thênh thang với nhiều cuốn hút của dục vọng, lạc thú và danh lợi.

Có một thế lực luôn chống phá như thế, nên con người, nhất là Kitô hữu, cần phải cảnh giác, thức tỉnh để đương đầu với thế lực ấy.

Thái độ của Chúa Giêsu đối với quý là thẳng thắn, dứt khoát, không khoan nhượng: hãy cắt đi! Hãy xéo đi! Hãy cầm đi! Đây cũng là một bài học cho chúng ta khi phải đối đầu những cơn cám dỗ, thử thách. Không chán chừ: Để ngày mai hãy tỉnh! Không khoan nhượng: Một lần thì đã có sao! Không lập lờ: vì thân phận con người yếu đuối!...

Satan và tập đoàn quý là những tên cám dỗ; và tất cả những ai tìm cách ngăn cản anh em mình thực hiện bốn phận làm con cái Thiên Chúa, ngăn cản việc thi hành sứ mệnh của Ngài, thì cũng là những người đang toa rập với mưu kế của Satan. Thánh Phêrô đã bị Chúa Giêsu quở mắng là Satan, khi ông tỏ ý ngăn cản Ngài đi vào con đường khổ nạn để cứu chuộc loài người.

Quý hoành hành như thế, nhưng chưa thấy đài truyền hình nào quảng cáo thuốc trừ quý, cũng chưa nghe người bán thuốc dạo nào rao: Ai mua thuốc trừ quý không? Chúa Giêsu đã chỉ cho chúng ta một bài thuốc trừ quý.

Một lần kia, các môn đệ hỏi riêng Chúa Giêsu: *“Tại sao chúng con không thể trừ thú quý ấy được?”* Ngài đã trả lời cho các ông: *“Vì các con yếu lòng tin!... Thú quý ấy chỉ bị xua trừ bằng lời cầu nguyện và việc ăn chay”*. Đó là bài thuốc trừ quý Chúa chỉ cho chúng ta để lướt thắng những cám dỗ của tập đoàn quỷ Satan và của chính bản thân chúng ta như Ngài đã chiến thắng Satan nơi hoang địa vậy.

CNV TN/B

Bài đọc 1: (G. 7: 1-4,6-7). Bài đọc 2: (1 Cr. 9: 16-19,22-23). Tin Mừng: (Mc. 1: 29-29)

BỐN PHẬN

Làm việc là một nhu cầu sống của con người: “Tay làm hàm nhai”. Thánh Phaolô cũng đã khuyến cáo: “*Ai không chịu làm việc thì cũng đừng có ăn*” (2Tx. 3:10).

Làm việc là để thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần của cuộc sống riêng tư của mỗi người; đồng thời còn góp phần cải thiện cuộc sống của con người, của xã hội. Nhờ sự cần cù của người nông dân, chúng ta có cơm để ăn; nhờ những nhọc công tìm tòi, sáng tạo của các nhà khoa học, chúng ta có thêm nhiều tiện nghi cho cuộc sống...

Tai hại, hậu quả của “nhàn cư” là “vi bất thiện”; cũng như ông Voltaire cũng đã kinh nghiệm: “Công việc giúp ta thoát ba cái hại lớn: buồn chán, tật xấu và nghèo túng”.

Hoàn cảnh của ông Gióp thật đáng thương! Suốt những năm tháng cam chịu hoàn cảnh bất hạnh như ông đã kể: *Thịt tôi chai ra, dòi bọ lúc nhúc, da tôi nứt nẻ, máu mũi đầm đìa*” (G. 7: 5-6). Ông đã cảm nghiệm được rằng: tuy đời sống của con người trên trái đất là một khổ dịch, nhưng vẫn còn có một tia hy vọng để sống “*như người nô lệ khát khao bóng mát, như người làm công ước mong lãnh tiền công*”. Từ đó, ông cho chúng ta kinh nghiệm: Không làm việc gây ra buồn chán. Cuộc đời ngán ngùi. Không làm việc là uổng phí thời gian, như ông đã tâm sự: “*Ngày của tôi qua nhanh hơn chiếc thoi đưa, nó tàn lụi đi mà không mang lại một tia hy vọng nào. Hãy nhớ rằng đời sống tôi chỉ là một hơi thở!*” Và ông Pasteur cũng đã cảm nhận: “Một ngày tôi không làm việc, tôi có cảm tưởng mình đã phạm tội ăn cắp”.

Ngược lại, có những người có sức khỏe, có điều kiện, nhưng lại không chịu làm việc. Người đời gọi những hạng người này là những kẻ lười biếng! Họ là những người có “bàn tay uế oải”, họ “thả tay vào đĩa, nhưng không thể đưa tay lên miệng” (Cn 19:24); họ là những người: “Khát đứng bờ ao, đói ăn bánh vụn, chiêm bao thấy vàng” (Ca dao); và Victor Hugo đã ví họ như “một bà mẹ có hai đứa con, một đứa con trai là trộm cướp và một đứa con gái là đôi rách”.

Làm việc không những là nhu cầu sống mà còn là bổn phận phải chu toàn đối với chính bản thân mình, với xã hội và với con người nói chung, và với tư cách là con cái Thiên Chúa, là người Kitô hữu, chúng ta còn có bổn phận nữa là bổn phận đối với Thiên Chúa.

Một trong bảy mối tội đầu là làm biếng. Để chống lại mối tội đầu ấy là “Siêng năng việc Đức Chúa Trời chớ làm biếng”.

Công việc một ngày của Chúa Giêsu thật vất vả: sau khi giảng dạy xong ở Hội đường, nghe tin nhạc mẫu của ông Phêrô bị bệnh, chỗ thân tình, Chúa Giêsu đã vội vã đến thăm viếng và chữa bệnh cho bà; chiều đến, lúc mặt trời đã lặn, người ta lại dẫn đến với Ngài tất cả những người bệnh tật và bị quỷ ám. Cả thành tụ tập trước cửa nhà. Ngài đã chữa những người đau ốm mang nhiều bệnh tật khác nhau, xua đuổi quỷ, không cho chúng nói vì chúng biết Ngài. Sáng sớm tinh sương, Ngài chỗi dậy, ra khỏi nhà, đi đến một nơi thanh vắng và cầu nguyện. Người ta lại đi tìm Ngài; nhưng chương trình ngày hôm sau lại phải đi đến những làng, những thành lân cận để rao giảng ở đó, vì thời gian gấp rút.

Hai công việc bận bịu suốt ngày của Chúa Giêsu là xoa dịu nỗi đau về thân xác nơi những người bệnh tật và rao giảng Tin Mừng, củng cố niềm tin và hy vọng vào ơn cứu độ nơi những tâm hồn đang thất vọng.

Chúa Giêsu đã vất vả suốt ba năm không ngừng nghỉ, vì sứ mạng cứu chuộc nhân loại, vì hạnh phúc đích thực của con người, vì tình yêu thương trần thế, vì ý Cha dưới đất cũng như trên trời...

Là con cái của Cha trên trời, là Kitô hữu, chúng ta phải biết kết hợp bổn phận làm người với bổn phận làm con cái Thiên Chúa. Sống xứng đáng là con cái Thiên Chúa kết hợp với việc rao giảng Tin Mừng cứu độ của Thiên Chúa đến cho hết mọi người, đó là bổn phận, nhiệm vụ chúng ta phải chu toàn như Thánh Phaolô đã viết trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: *“Nếu tôi rao giảng Phúc Âm, thì không phải để cho tôi vinh quang, mà vì đó là một nhu cầu đối với tôi. Vô phúc cho tôi, nếu tôi không rao giảng Phúc âm. Giá như nếu tôi tự ý đảm nhận việc ấy, thì tôi có công; nhưng nếu tôi bị ép buộc, thì tôi phải làm nhiệm vụ đã giao phó cho tôi... Tôi đã ăn ở như người yếu đau đối với những kẻ yếu đau, để thu hút người yếu đau. Tôi đã nên mọi sự cho mọi người được cứu rỗi”*.

Bác sĩ Longet, một bác sĩ người Pháp đã từng phục vụ tại Việt Nam cách nay mấy chục năm; ông cũng nổi tiếng như bác sĩ Tom Dooley, người Mỹ đã phục vụ ở Đông Nam Á. Ông tận tụy săn sóc, yêu thương bệnh nhân trong bệnh viện của mình, bất kể giai cấp, tôn giáo, chủng tộc, ngày cũng như đêm. (Ông thánh hóa bốn phận)

Được hỏi vì sao ông quý mến bệnh nhân như thế? Vì đâu ông có thể bỏ ăn, bỏ ngủ vì bệnh nhân, xem họ như là trên hết? Ông đáp: “Vì thấy Chúa Giêsu nơi mỗi người bệnh nhân”. (Ông thánh hoá mình trong bốn phận)

Mỗi sáng, khi đi tham dự thánh lễ, bệnh nhân lương - giáo ai muốn đi đều được ông chờ đi. Mỗi chiều Chúa Nhật, ông lại chờ các bệnh nhân đi chơi, tham quan nơi này nơi nọ. Và mỗi tối, ông lần hạt chung với các bệnh nhân Công giáo. Vì là người Pháp, ông chỉ thuộc các kinh Lạy Cha, Kính Mừng, Sáng Danh, đủ để lần hạt chung với họ là những người khác quốc tịch. (Ông thánh hoá kẻ khác nhờ bốn phận)

Ít lâu sau Longet trở về Pháp, vào chủng viện dâng mình làm linh mục và tình nguyện sang phục vụ những người nghèo khổ nhất ở giáo phận Cần Thơ. Nhưng tiếc thay, sau khi chịu chức, ông ngã bệnh và qua đời trước khi tới nơi mong ước. (Hồng Y Nguyễn Văn Thuận - *Những Người Lữ Hành Trên Đường Hy Vọng*)

“Bốn phận là ý Chúa trong giây phút hiện tại” (DHV 17)

Trước khi hoặc trong khi làm việc, hãy tự vấn: “Chúa muốn con làm gì?” Trả lời được câu hỏi ấy sẽ giúp chúng ta: Thánh hoá bốn phận. Thánh hoá người khác bằng bốn phận. Thánh hoá chính mình trong bốn phận.

Một người nội trợ, một công nhân, một doanh gia, một vĩ nhân... ai ai cũng có những công việc phải làm, có những bốn phận phải chu toàn; nhưng nếu chúng ta tìm ra được ý Chúa muốn chúng ta thực hiện trong giây phút hiện tại và biết thánh hóa những công việc, những bốn phận ấy trong tinh thần mến Chúa yêu người, thì chúng ta đã nên thánh trong bốn phận.

Các thánh là những người không làm gì khác lạ hơn là chu toàn bốn phận.

CN VI TN/B

Bài đọc 1: (Lv. 13: 1-2,45-46). Bài đọc 2: (1 Cr. 10: 31- 11:1). Tin Mừng: (Mc. 1: 40-45)

NEÛ NGÀI MUỐN

Theo sách Lêvi, khi thấy “da thịt mình xuất hiện những màu sắc khác thường, hoặc mụn nhọt hay những vết bóng láng; đó là dấu hiệu của bệnh cùi, phải đem họ đến tư tế Aaron, hoặc đem đến một vị nào trong các con trai của ông”. Khi đã xác nhận là mắc bệnh cùi và tư tế đã ra lệnh ở riêng thì bệnh nhân “phải mặc áo rách, đầu để trần, lấy áo che miệng và la to rằng mình mắc bệnh truyền nhiễm và ô uế. Bao lâu người đó còn mắc bệnh, họ phải ở riêng một mình ngoài trại”.

Bị cách ly với mọi người, sống cô độc, bị xã hội ruồng bỏ, xa lánh, đó là những nỗi khổ đau mà người mắc bệnh cùi phải gánh chịu. Thân xác tiêu tan, tinh thần băng hoại. Cuộc sống của người bệnh không gì khác hơn là những tháng ngày tui nhục, rên siết đau thương trong khốn cùng tuyệt vọng.

Tim đến với Chúa Giêsu để van xin Ngài chữa lành là can đảm, mạnh dạn vượt qua những rào cản, cấm kỵ mà xã hội đã đặt ra. Không còn con đường nào khác, không còn tia hy vọng nào khác nếu không một lần đến gặp Đấng ấy. Với một niềm tin tưởng mạnh mẽ, một tinh thần phó thác vào quyền năng của Đấng ấy, anh ta đã tiến lại gần Chúa Giêsu và van xin: “*Nếu Ngài muốn, Ngài có thể làm cho tôi được sạch*”.

Anh ta không cậy vào lòng thương xót của Chúa để xin Ngài chữa lành như lời van xin của hai người mù: “*Lạy con vua Đavít, xin thương chúng tôi*” (Mt. 9:27), như lời cầu xin của viên đại đội trưởng: “*Lạy Chúa, thằng nhỏ nhà tôi đau nằm ở nhà, nó bị tê liệt đau đớn lắm!*” (Mt. 8: 6), như lời cầu khẩn của người mẹ ở Cananêa: “*Lạy Ngài là con vua Đavít, xin thương xót tôi: con gái tôi bị quỷ ám khốn cực lắm.*” (Mt.15: 22), hay như van nài của một người có con bị kinh phong: “*Lạy Ngài, xin thương xót con trai tôi, vì nó mắc chứng kinh phong rất trầm trọng.*” (Mt. 17: 14); nhưng anh lại nại đến quyền năng và ý muốn của Chúa trong tinh thần vâng phục và phó thác vào tình thương của Chúa giữa cảnh đời tuyệt vọng: “*Nếu Ngài muốn...*”

Trước thái độ khiêm tốn, vâng phục phó thác của người bệnh, Chúa Giêsu đã chạnh lòng thương, giơ tay đụng vào anh ta và bảo: “*Tôi muốn*”. Thay

vì chỉ cho người bị phong cùi cách này hay cách khác hoặc đến gặp nhân vật này, nhân vật kia để được chữa lành như Ngài đã làm; lần này Ngài đã trực tiếp chữa lành cho anh ta bằng câu nói: *“Tôi muốn”*.

“Cái muốn” của anh phong cùi hoà hợp với “cái muốn” của Chúa; kết quả là anh ta đã được chữa sạch.

Thiên Chúa toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ; Thiên Chúa muốn điều lành, điều tốt, Ngài không muốn điều dữ, điều xấu; Ngài muốn yêu thương, không muốn thù hận...; ngược lại, con người, tuy “nhân chi sơ tính bản thiện”, nhưng qua cuộc sống, qua môi trường xã hội, đã đánh mất “cái thiện ban đầu” để rồi phải sống giằng co giữa ý riêng và lương tâm, giữa “cái muốn” và “cái không muốn”, giữa tốt và xấu, giữa lành và dữ, giữa việc lựa chọn đi theo “con đường rộng hay con đường hẹp” để theo Chúa, giữa thái độ dứt khoát làm tôi một chủ hay làm tôi hai chủ.

Nếu con người muốn điều Thiên Chúa muốn hay không muốn điều Thiên Chúa không muốn, thì giữa con người và Thiên Chúa, có sự hòa hợp, có sự chữa lành, có hạnh phúc như anh bị phong cùi đã được chữa lành; ngược lại, nếu con người muốn điều mà Thiên Chúa không muốn hoặc con người không muốn điều mà Thiên Chúa muốn, thì như thế chỉ có sự bất đồng, xung khắc, không có đồng tâm ý hợp. Một lần kia, có một chàng thanh niên giàu có đến nói với Chúa Giêsu: *“Tôi phải làm gì để được sống đời đời?”* Ngài bảo anh ta: *“Nếu người muốn nên trọn lành, hãy về bán hết của cải của người có và bố thí cho người nghèo khổ, thì người sẽ được kho tàng trên trời, rồi đến mà theo Ta”*. Điều Chúa muốn thì anh ta không muốn; và chàng thanh niên kia đã một đi không bao giờ trở lại.

“Nếu Ngài muốn” cũng có nghĩa là nếu điều tôi xin hợp với ý Chúa muốn, thì Ngài có thể làm cho tôi được sạch. Đó là thái độ vâng phục, chấp nhận theo ý muốn của Thiên Chúa.

“Nếu Ngài muốn” là một lời van xin khiêm tốn, phát xuất từ đáy lòng của một người nhận ra quyền năng của Đấng mình đang cầu xin. Anh ta không dám tỏ ý mình muốn được Chúa chữa lành, có thể anh cảm thấy mình không xứng đáng để được Ngài xót thương, anh ta chỉ mong manh dựa vào ý muốn của Chúa: Ngài muốn thì được, Ngài không muốn thì cũng đành chịu vậy, vì mình chẳng có công trạng gì để Ngài đoái đến.

Nhà thần học Teuler người Đức thuật lại: “Có lần tôi muốn tìm một định nghĩa về thánh ý Chúa, tôi suy nghĩ mãi nhưng tìm không ra; tôi cứ thơ thẩn dạo quanh các vườn hoa, vào các nhà thờ, lục tìm trong các thư viện, nhưng vẫn không tìm ra. Một hôm, tôi vào cầu nguyện trong nhà thờ; lúc đi ra, tôi thấy một ông cụ già ăn mày đang đứng ở cửa nhà thờ ngả mũ xin tiền. Theo thói quen, tôi lấy tiền biếu cụ và chào: “Chúc ông một ngày tốt đẹp”. Cụ già trả lời: “Ngày nào lại chẳng phải là một ngày tốt!” Nghĩ là ông già gàn, bướng bỉnh, tôi dừng lại và hỏi:

- Xin lỗi cụ. Cụ đói rách thế này mà cụ bảo là ngày nào cũng tốt được sao?

Ông cụ trả lời:

- Thưa ông, tôi theo ý Chúa. Chúa muốn mưa, tôi cũng muốn; Chúa muốn nắng, tôi cũng muốn; Chúa muốn sương, tôi cũng muốn; Chúa muốn cực, tôi cũng muốn chấp nhận tất cả. Phần tôi, tôi đã phấn đấu làm việc lúc còn trẻ, nên cũng đủ ăn; giờ này, già cả rồi, nhờ bà con rộng lòng bố thí, cũng đủ ăn. Ngày nào cũng đẹp, cũng tốt!”

Ông Teuler kể tiếp: “Cụ già này thông minh hơn tôi. Chính ông đã cho tôi định nghĩa thánh ý Chúa là gì!” (Hồng Y Nguyễn Văn Thuận - Những Người Lữ Hành Trên Đường Hy Vọng)

Sống theo thánh ý Chúa là tin tưởng vào quyền năng và lòng thương xót của Chúa để vâng phục, chấp nhận và phó thác.

Ý muốn của Thiên Chúa khác với ý muốn của con người.

Đừng trách Thiên Chúa sao không nghe theo ý muốn của mình mà hãy tìm biết ý Chúa muốn gì cho mình. Chúa không muốn, không thỏa mãn những lời cầu xin của chúng ta, không phải vì Ngài ghét bỏ, nhưng là tránh cho chúng ta những bất hạnh.

Chúng ta thường cầu xin Chúa theo ý riêng của mình, thường đòi hỏi, áp đặt ý muốn của mình vào ý muốn của Chúa.

Trong cuộc sống người Kitô hữu, có thể đôi lúc chúng ta bị cảm, khi không dám mở lời để rao giảng Tin Vui cứu độ đến cho mọi người, khắp mọi nơi; bị điếc khi bị tai không muốn nghe những lời giáo huấn của Chúa; bị phong cùi khi chỉ biết thỏa mãn ý riêng và né tránh ý muốn của Thiên Chúa. Chúng ta muốn điều Chúa không muốn, và không muốn điều Chúa muốn, đó là ngã rẽ bất hạnh; nhưng khi Chúa muốn, chúng ta cũng muốn; Chúa không

muốn, chúng ta cũng không muốn; đó là bí quyết hạnh phúc.

Và những lúc gặp khó khăn, khốn khổ, bất hạnh trong cuộc sống là lúc chúng ta cùng Chúa Giêsu cầu nguyện như Ngài đã van xin Chúa Cha trong cơn hấp hối: *“Lạy Cha, nếu Cha muốn, xin Cha cất chén này xa con. Nhưng xin đừng theo ý con muốn, một theo ý Cha”*.(Lc. 22: 42)

Cha muốn - con muốn, Cha con chúng ta muốn; Cha không muốn - con không muốn, Cha con chúng ta không muốn. Đó là con đường đồng tâm ý hợp tuyệt vời!

CN VII TN/B

Bài đọc 1: (Is. 43: 18-19.21-22.24-25). Bài đọc 2: (2 Cr. 1: 18-22). Tin Mừng: (Mc. 2: 1-12)

NGƯỜI THẦY THUỐC “ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ!”

Trên thế gian này, chắc chắn không có một bác sĩ nào, không có một thầy lang nào chữa đủ mọi thứ bệnh cách hữu hiệu, tuyệt vời, kết quả 100% như Thầy Thuốc trẻ tuổi Giêsu. Không một thứ bệnh tật nào mà Thầy Thuốc Giêsu không chữa được, từ bệnh sốt rét liệt giường, bệnh loạn huyết cho đến những căn bệnh như cảm, đỉc, đui, què, bại liệt, phong cùi... ngay cả những bệnh nhân bị quỷ ám cũng được chữa lành, những người đã chết lại được sống lại.

Tất cả những ai bệnh hoạn, bất kể là bệnh gì, đến với Thầy Thuốc Giêsu đều được chữa khỏi. Suốt thời gian ba năm rao giảng Tin Mừng cứu độ, Thầy Thuốc trừ danh “độc nhất vô nhị” của chúng ta đã chữa lành không biết bao nhiêu bệnh nhân.

Cách thức chữa trị của Thầy Thuốc Độc Nhất Vô Nhị rất đơn giản, tâm thường, nhưng kết quả thì thật không thể tưởng tượng!

Bệnh nhân chẳng cần uống bất cứ một thứ thuốc gì, cũng chẳng cần nội soi, siêu âm hay dùng bất cứ một phương pháp y khoa nào để dò tìm bệnh trạng.

Khi chữa bệnh cho mẹ vợ ông Phêrô, cho người bị bệnh phong cùi, cho hai người mù ở thành Giêricô... Thầy Thuốc Giêsu chỉ cần đưa tay chạm đến bệnh nhân là bệnh nhân được lành, hoặc chỉ cần nói một lời là bệnh biến mất như trường hợp chữa lành người bị bại liệt một tay, những người cảm đỉc, mù lòa, què quặt, bị quỷ ám... độc đáo hơn khi Thầy Thuốc của chúng ta chữa lành cho người cảm đỉc tại miền Thập tỉnh, Người đặt tay trên mình anh ta, đặt ngón tay vào tai anh ta, bôi nước miếng vào tai anh ta, thế là anh ta nghe được, thấy được (Mc.7: 32-33), hay như khi chữa bệnh cho người mù ở Bethsaida, Người đặt tay trên người ấy, phun nước miếng vào mắt anh ta, và anh ta được chữa lành (Mc. 8: 2), hoặc Người yêu cầu 10 người bị phong cùi: “Các người hãy đi trình diện với các tư tế”. Trong lúc đi đường, họ được sạch (Lc. 17: 14); và còn nhiều cách chữa trị khác nữa.

Chưa hề có thầy thuốc nào trên thế gian này có sức mạnh, có chương lực,

có liệu pháp thần kỳ nào có thể chữa bệnh tật thể như Thầy Thuốc Giêsu! Chẳng hạn khi đến miền Gê-nê-sa, người ta đem tất cả bệnh nhân đến cùng Người. Họ xin Người cho họ được sờ tới tua áo Người mà thôi. Hễ ai đã chạm tới, đều được khỏi bệnh. (Mt 14: 36), hay như tại bờ biển Galilêa: dân chúng đem theo kê, cam, mù, què, liệt và nhiều người khác, và đặt dưới chân Người. Người đã chữa lành họ (Mt. 15: 30).

Cũng chưa có bác sĩ nào tài giỏi, nổi tiếng nhất trên thế giới này lại có thể chữa bệnh từ xa như Thầy Thuốc Giêsu; chẳng hạn khi Người vào thành Capharnaum, có một vị đại đội trưởng đến xin Người chữa bệnh cho người đầy tớ đang bị bệnh nặng. Người đồng ý đến nhà để chữa, nhưng viên đại đội trưởng lại xin: “Lạy Thầy, tôi không đáng được Thầy vào dưới mái nhà tôi, nhưng xin Thầy chỉ phán một lời, thì thằng nhỏ của tôi sẽ lành mạnh...” Thầy Giêsu đã bảo với viên sĩ quan: “Ông về đi, ông được như ông đã tin”. Và ngay giờ ấy, đứa nhỏ ở nhà được lành bệnh; hay như trường hợp chữa lành cho con gái của người phụ nữ ngoại giáo ở Cananêa cũng thế.

Và tuyệt vời hơn nữa là chữa cho người chết sống lại như trường hợp cho con gái ông Giairô sống lại: “Lạy Ngài, con gái tôi vừa mới chết, nhưng xin Ngài đến đặt tay trên nó, thì nó sẽ sống lại.” Người cầm tay đứa bé và nó liền chỗi dậy. (Mt. 9: 18, 25), hay cho con trai bà góa thành Naim sống lại: động lòng thương, Người bảo bà: “Đừng khóc nữa”, và tiến lại gần, chạm đến quan tài: “Hỡi thanh niên, Ta truyền cho ngươi chỗi dậy.” (Lc 7: 13), và Lagiarô chết đã ba ngày cũng được Thầy Thuốc của chúng ta chữa cho sống lại, đi ra khỏi mộ (Ga. 11:38).

Thái độ của Người Thầy Thuốc của chúng ta là ân cần, niềm nở, yêu thương bệnh nhân; nhưng với quý thì Người lại có thái độ cương quyết, dứt khoát và không khoan nhượng. Người đã quát mắng quý: hãy cút đi! Hãy xéo đi! Hãy lui ra, hỡi Satan! Ngươi phải thờ lạy Chúa là Thiên Chúa ngươi, và chỉ phụng sự một mình Ngài”...

Đối với Thầy Thuốc của chúng ta, Người có quyền năng, quyền phép như thế, nhưng đối với chính những bệnh nhân hay những người đến xin Thầy Thuốc chữa cho bệnh nhân, cũng cần phải có điều kiện, thái độ thích hợp.

Điều kiện và thái độ tiên quyết là phải có lòng tin vào lòng thương xót của Thiên Chúa, phó thác sự yếu đuối của con người vào quyền năng của Ngài. Thầy Thuốc Giêsu đã thấy lòng tin hoặc đã từng đặt điều kiện với những người đến cầu xin Người chữa bệnh và Người “đã động lòng

thương”: “Ông cứ về đi, ông được như ông đã tin.”, “Này con, hãy vững lòng. Đức tin của con đã cứu thoát con.”, “Các người có tin rằng Ta có thể làm việc ấy cho các người không?”, “Này bà, bà có lòng mạnh tin. Bà muốn sao thì được vậy”...

Hôm nay, trong bài tường thuật của Thánh Maccô về việc Thầy Thuốc Giêsu chữa lành cho người bất toại, chúng ta thấy Người còn có một khả năng chữa trị những bệnh tật thuộc một lãnh vực khác quan trọng hơn. Bốn người khiêng người bất toại đến để xin Thầy Giêsu chữa trị; nhưng vì dân chúng bu quanh Ngài đông quá, họ đã phải dỡ mái nhà, làm một lỗ hổng, rồi thả người bất toại nằm trên chông xuống. Thấy họ có lòng tin, Thầy Giêsu đã nói với người bất toại: “Hỡi con, tội lỗi con được tha”. Một số luật sĩ nghe vậy, thì thầm cho là ông ta ăn nói phạm thượng, vì ai có quyền tha tội, ngoại trừ một mình Thiên Chúa!; nhưng Thầy Giêsu biết và đã xác định: “Con Người có quyền tha tội dưới đất”.

Người ta đem đến cho Chúa một người bị bất toại về thân xác để xin Ngài cứu chữa thì Ngài lại chữa lành bệnh về tâm hồn, tức là tha tội. Ngoài khả năng chữa trị những bệnh tật về thân xác, người Thầy Thuốc Độc Nhất Vô Nhị của chúng ta còn có khả năng chữa những bệnh tật về tâm hồn; đó là tội lỗi.

Người Do thái có quan niệm bệnh tật là hậu quả của tội lỗi. Ai mắc bệnh tật đều là người có tội. Bệnh tật càng nặng tức là tội lỗi càng nhiều, càng nặng. Khi Chúa Giêsu và các môn đệ gặp một người bị mù bẩm sinh, chính các ông cũng đã thắc mắc: “Thưa Thầy, ai đã phạm tội, hấn hay cha mẹ hấn, khiến hấn mù từ khi mới sinh?” Và Chúa Giêsu đã trả lời: “Không phải hấn, cũng chẳng phải cha mẹ hấn đã phạm tội, nhưng để công việc của Thiên Chúa được tỏ ra nơi hấn” (Ga 9: 1-3).

Chúa Giêsu đã chữa một lúc hai thứ bệnh: bệnh thể xác và bệnh tâm hồn.

Thể xác bệnh hoạn thì tâm hồn cũng ít nhiều chịu ảnh hưởng như oán trách lòng thương xót của Thiên Chúa hay sa sút niềm tin vào Ngài; ngược lại, tinh thần bệnh hoạn, tâm hồn tội lỗi kéo theo những u uất, mệt mỏi, chán chường nơi thân xác: “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!”

Trong cuộc sống của chúng ta, mỗi khi bị tai vớ lời Chúa truyền dạy, không nghe những giáo huấn của Giáo hội, mỗi khi không thực hiện nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng cứu độ đến cho người khác thì chúng ta cũng mắc bệnh điếc và câm nơi tâm hồn; hoặc mỗi khi chúng ta cố chấp, cứng lòng tin thì tâm hồn chúng ta đang mắc bệnh bại liệt; chúng ta là những người mù loà khi không nhìn thấy những bất công, những nỗi khổ nơi người anh em, chúng ta là những người mắc bệnh phong cùi khi chạy theo những dục vọng trần tục mà quên đi những bổn phận làm con cái Thiên Chúa.

Nhờ sự trợ giúp của cộng đoàn, nhờ cuộc sống liên kết với cộng đoàn: bốn người khiêng bệnh nhân bại liệt, viên đại đội trưởng, cha mẹ, người thân mà các bệnh nhân đã được cứu chữa. Sống cách biệt, thiếu liên kết với cộng đoàn thì cũng chẳng khác gì người bất toại tại hồ Bếtsaida: “Thưa Ngài, tôi không được ai đem xuống hồ, mỗi khi nước động. Khi tôi lết tới, thì đã có người xuống trước tôi rồi (Ga. 5: 7).”

Không ai trong chúng ta có thể tự hào, tự mãn cho mình không mắc bệnh tật nơi thân xác hay trong tâm hồn. Chỉ có lòng tin mạnh mẽ vào lòng thương xót của Thiên Chúa, lòng tin thác vào quyền năng và tình yêu thương của Ngài mới mong được Thấy Thuốc Độc Nhất Vô Nhị của chúng ta cứu chữa khỏi mọi tật bệnh như Người đã từng chữa cho các bệnh nhân xưa kia.

TỪ KHỞI ĐẦU NHỎ BÉ

Để diễn tả cho các môn đệ hiểu về Nước Thiên Chúa, Chúa Giêsu đã phân vân: *“Chúng ta sẽ lấy gì để so sánh Nước Thiên Chúa? Hay dùng dụ ngôn nào để diễn tả nước đó được?”* Cuối cùng, Ngài đã dùng *dụ ngôn hạt giống tự mọc lên* và *dụ ngôn về hạt cải* để diễn tả về Nước Thiên Chúa: *“Nước Thiên Chúa giống như người kia đã gieo hạt xuống đất: người đó ngủ hay thức, đêm hay ngày, hạt giống cứ đâm mầm và mọc lên như thế nào, người đó cũng không hay biết”,* và Nước Thiên Chúa cũng *“giống như hạt cải, khi gieo xuống đất thì nhỏ bé nhất trong tất cả các hạt trên mặt đất. Nhưng khi gieo rồi, nó mọc thành cây rau lớn nhất, và đâm những cành to, đến nỗi chim trời có thể đến núp bóng được”*.

Sao Chúa không lấy một đất nước hay một vương quốc nào đó to lớn, sang trọng, giàu có, nguy nga nhất trên thế giới để so sánh Nước Thiên Chúa mà lại so sánh Nước Thiên Chúa như một hạt giống hay một hạt cải bé tí?

Chồi non cây hương nam

Thiên Chúa đã phán trong sách Êgiêkiel: *“Chính Ta sẽ chặt ngọn cao nhất cây hương nam; Ta sẽ bẻ một chồi non từ ngọn mọc ra và sẽ đem trồng nó trên núi cao chót vót. Ta sẽ trồng nó trên đỉnh núi Israel, nó sẽ đâm chồi kết quả và trở thành cây hương nam vì đại; các thú chim trời đều đến ẩn nấp dưới thân cây và làm tổ dưới tàng nó (Ez. 17: 22-24)”*.

Nhìn lại lịch sử hình thành Nước Thiên Chúa, dân của Thiên Chúa nói chung và mỗi bản thân chúng ta nói riêng, *“Tất cả những cây rừng đều biết Ta là Thiên Chúa”*; thế nhưng Ngài *“đã hạ cây cao xuống và cho cây thấp mọc lên”* như Ngài đã xua đuổi Adam và Evà ra khỏi vườn địa đàng vì muốn bằng Thiên Chúa, và cất nhắc Evà mới là Đức Maria, một cây rừng khiêm tốn, tin tưởng và phó thác vào Thiên Chúa; và đã *“làm cho cây tươi ra khô héo, và làm cho cây khô héo trở nên xanh tươi”* như ban sức sống, ân huệ dồi dào cho những ai tin tưởng và phó thác vào Ngài, và làm héo khô những ai tự phụ tự mãn với ý riêng của mình.

Ngôn sứ Ezêkiel tiên báo sự sụp đổ của Giêrusalem; đồng thời nói về

Đấng Mêsia thiết lập Nước Trời cho vũ trụ: Thiên Chúa sẽ lấy một chồi cây hương bá trên đỉnh núi và trồng chồi non ấy trên núi Sion. Dưới sự bảo trợ của Thiên Chúa, chồi non ấy sẽ mọc lên thành một cây hương bá to lớn. Ông thoáng thấy một người con sau này của Đavít sẽ cai trị một vương quốc hoàn vũ.

Lời hứa ấy đã được thực hiện trong Chúa Giêsu, Đấng khai mạc Nước Thiên Chúa: ngọn cây hương bá mà Thiên Chúa ngắt và trồng trên núi Israel chính là Chúa Giêsu Kitô chịu đóng đinh trên núi Sọ. Ngài đã “trở thành cây hương nam vĩ đại; các thú chim trời đều đến ẩn náu dưới thân cây và làm tổ dưới tàng nó”.

“Chồi non của cây hương nam” ấy lại được Chúa Giêsu ví như hạt giống tự nảy mầm, hay như hạt cải bé tí.

Hạt giống hay Hạt cải bé tí!

Đó là biểu tượng ban đầu của Nước Thiên Chúa như hạt giống gieo vào lòng đất, là Hội thánh, là Nước Thiên Chúa ở trần thế để phát triển lớn lên thành Nước Thiên Chúa viên mãn vào thời cánh chung.

Có người thắc mắc: sao Thiên Chúa quyền năng lại không một lúc làm ra Nước của Ngài mà lại phải đi từ “một chồi non của cây hương nam vĩ đại” hay từ một hạt cải bé tí để trở thành “một cây rau lớn nhất”?

Từ hạt giống gieo vào lòng đất cho đến khi mọc lên thành cây lớn sum suê, không phải chỉ một sớm một chiều, nhưng cần có yếu tố thời gian, cần có điều kiện môi trường để nảy nở và phát triển.

Nếu Nước Thiên Chúa là một vương quốc đã được thiết lập sẵn, thì những ai tin tưởng và cậy trông vào Thiên Chúa, hãy cứ thế bình tâm mà hưởng thụ, mà mong ước cõi thiên đàng! Như thế, con người đã đánh mất phẩm giá cao quý của mình là cùng với Thiên Chúa xây dựng Nước Trời, và đánh mất vai trò làm con cái của Thiên Chúa: Thiên Chúa muốn cất nhắc chúng ta lên làm vai trò cộng tác viên của Ngài, nhưng chúng ta lại thụ động muốn làm tôi tớ khi chúng ta chỉ biết thụ hưởng!

Hạt giống đã vùi vào lòng đất, cứ thế chịu lột xác và nảy mầm; người gieo hạt “ngủ hay thức, đêm hay ngày, hạt giống cứ đâm mầm và mọc lên như thế nào, người đó cũng không hay biết”. Đó là việc làm của Chúa. Không có sự cộng tác của chúng ta, Nước Thiên Chúa vẫn hình thành, được phát triển, nhưng mau hay chậm là tùy thuộc vào yếu tố thời gian và môi

trường, nghĩa là tùy thuộc vào sự cộng tác của mỗi người Kitô hữu chúng ta.

Công tác viên của Nước Trời

Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô (1 Cor. 3: 5-9), thánh Phaolô đã viết: “VẬY Apôlô là gì? Phaolô là gì? ĐÓ là những tôi tớ đã giúp cho anh em có đức tin, mỗi người đã làm theo khả năng Chúa ban. Tôi trông, anh Apôlô tươi, nhưng Thiên Chúa mới làm cho lớn lên. Vì thế, kẻ trông hay người tươi chẳng là gì cả; nhưng Thiên Chúa, Đấng làm cho lớn lên mới đáng kể. Kẻ trông người tươi đều như nhau, nhưng ai nấy sẽ được thù lao theo công khó của mình. Thật vậy, chúng ta là những cộng sự viên của Thiên Chúa”.

Là người Kitô hữu, là con cái Thiên Chúa, chúng ta phải ý thức trách nhiệm và thực thi trách nhiệm ấy trong việc xây dựng và phát triển Hội Thánh trần thế hôm nay và Nước Thiên Chúa mai sau.

Giá trị của Nước Thiên Chúa không phải ở thế giới vô hình mà giá trị của Nước ấy được khởi sự ngay từ đời này và viên mãn vào thời cánh chung!

Từ hạt cải bé nhỏ đến Giáo hội hôm nay

Các dụ ngôn về hạt giống tự mọc lên và hạt cải dùng để khích lệ Giáo hội tiên khởi lo lắng về sự phát triển chậm chạp của Nước Chúa. Những diễn tiến của hạt giống cho các môn đệ hiểu rằng phải nhẫn nại, phó thác và đừng chờ đợi những thành quả nhất thời, đừng nóng vội. Qua quyền năng của Thiên Chúa từ những khởi đầu nhỏ bé, vô nghĩa, Nước Chúa sẽ phát triển thành một nước to lớn.

Nhìn lại sự phát triển của Giáo hội từ buổi sơ khai cho đến bây giờ, cho phép chúng ta tin tưởng rằng không một quyền lực trần thế nào có thể tiêu diệt được công việc của Thiên Chúa.

Chúa Thánh Thần là Đấng hằng luôn chăm sóc, bảo vệ và phát triển Giáo hội trần thế cho đến ngày tận thế.

Để Giáo hội được lớn mạnh và phát triển như hôm nay, Giáo hội tiên khởi đã phải trải qua nhiều gian nan, đau khổ, nhiều bước thăng trầm...

Ngày xưa, các môn đệ của Chúa đã phải chết đau thương như Chúa Giêsu vì sứ mệnh được giao phó. Khi suy niệm về vai trò tổng hợp của việc cầu nguyện trong đời sống của Giáo hội tiên khởi, ĐTC Bênêđictô XVI đã nói: “Trước mọi nguy hiểm, khó khăn, đe dọa, cộng đồng Kitô hữu đầu tiên không cố gắng phân tích cách thức để phản ứng hay tìm kiếm các chiến thuật

để tự bảo vệ và phải áp dụng biện pháp nào, nhưng trước những thử thách, họ đã cầu nguyện”.

Ngày nay, cầu nguyện, sống đức tin và làm chứng cho đức tin, luôn luôn tin tưởng vào sự hiện diện, trợ giúp và quyền năng của Thiên Chúa là chúng ta góp một hạt cát, một viên gạch để xây dựng Nước Thiên Chúa hôm nay và ngày mai.

Có một câu chuyện về sáng thế như sau: Thiên Chúa tạo dựng thế giới từ từ. Ngài tạo ra cây cối, cỏ hoa, sinh vật, chim cá... Sau khi đã tạo dựng những thứ ấy, các thiên thần hỏi Ngài:

- Thưa Chúa, như vậy thế giới đã xong chưa?

Ngài trả lời:

- Chưa!

Sau cùng Ngài tạo dựng con người và nói với họ:

- Ta mệt rồi. Ta muốn các con hoàn thành thế giới. Nếu các con đồng ý, Ta hứa sẽ cộng tác với các con.

Họ đồng ý. Sau đó, mỗi lần các thiên thần hỏi Ngài thế giới đã hoàn thành chưa, Ngài đều trả lời:

- Ta không biết. Các người cứ hỏi những người cộng tác của Ta.

Và con người, chúng ta trả lời sao?



CHÚA NGỦ!

Người ta thường ví đời là bể khổ. Sống là vượt biển trần gian, và mỗi một người là một chiếc thuyền rời bến cuộc đời để ra khơi. Nhưng đi về đâu? Đổ bến phương nào? Đó là tùy thuộc ở mỗi con thuyền có cứu cánh, có mục đích, có đích đến cho cuộc sống của mình hay không. Không có bến đỗ, thuyền sẽ bập bênh nổi trôi không biết đi về đâu. Chúa Giêsu và các môn đệ lên thuyền ra khơi và bến đỗ, đích đến của chuyến hải hành ấy là “bên kia bờ hồ”.

Bập bênh trên biển khơi, gió-nước là hai phương tiện giúp cho thuyền “thuận buồm xuôi gió” mà cũng là mối lo với bão tố phong ba. Khi biển êm, sóng lặng, thuyền cứ thế êm ả lướt trôi; nhưng khi cuồng phong bão tố nổi lên, thuyền lại phải khó nhọc vất vả chống chọi với hiểm nguy.

“Chúng ta hãy sang bên kia biển hồ”

Buổi chiều hôm ấy, Chúa Giêsu và các môn đệ vượt biển để qua bên kia biển hồ. Cùng vượt biển với thuyền của các môn đệ, còn có các thuyền khác. Trên thuyền của các môn đệ, có Chúa Giêsu đi cùng; các thuyền khác đi theo, lại không được may mắn có Chúa bên cạnh.

Chúa cùng đi với các môn đệ, nhưng Ngài lại “ở đằng lái, dựa gối mà ngủ”. Xét về tính chất nhân bản, ngủ thì như chết! Chúa ngủ thì cũng như Chúa có mặt mà cũng như không!

Khi biển êm, sóng lặng, có lẽ các môn đệ cũng chẳng bận tâm đến sự hiện diện của Thầy trên thuyền. Nhưng bỗng đâu một cơn bão lớn ập tới. Sóng nước dâng cao ủa vào thuyền làm nó sắp chìm. Các môn đệ hết hoảng, sợ hãi mới nhớ đến Chúa và đánh thức Ngài dậy: “*Thưa Thầy, chúng con chết mất mà Thầy không quan tâm đến sao?*” Chối dậy, Ngài đe gió và phán với biển rằng: “*Hãy im đi, hãy lặng đi!*” Tức thì gió ngừng thổi, biển lặng như tờ.

Chúa ngủ thật hay giả vờ ngủ! Sóng gió vùi dập như thế mà ngủ sao được! Chúa không ngủ, nhưng giả vờ ngủ để xem phản ứng, thái độ của các môn đệ ra sao.

“Chúa ở đằng lái đũa gối mà ngủ”

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà tiếng nói và sự hiện diện của Thiên Chúa dường như bị bỏ quên, bị che lấp. Thế giới đang muốn gạt bỏ Thiên Chúa ra khỏi vũ trụ và ngay cả những người “có Thiên Chúa” cũng sống và hành động như Ngài không hiện diện hay đang ở xa tít đầu đò.

Chúa đang ở đằng lái đũa gối mà ngủ trước những hiểm nguy đang dồn dập xô tới. Chúa vẫn ngủ. Đôi khi như thế, chúng ta có cảm tưởng Ngài không hiện diện, không quan tâm đến chúng ta, ngay cả các môn đệ của Chúa Giêsu cũng đã trách móc Ngài như thế: *“Thưa Thầy, chúng con chết mất mà Thầy không quan tâm đến sao?”*

Trong cuộc sống của mình, những lúc gặp đau khổ, gian nan, thử thách, chúng ta cứ tưởng Thiên Chúa vắng mặt; thực tế, Ngài vẫn đang hành động trong cuộc sống chúng ta bằng cách này hay cách khác; điều quan trọng là chúng ta có nhận ra sự can thiệp của Ngài hay không.

Thiên Chúa kín đáo và im lặng, và Ngài vẫn tiếp tục im lặng như Ngài ngủ khi các môn đệ gặp bão tố, phong ba.

Khi sống trong an bình như biển êm sóng lặng, người ta tự tin vào sức lực của mình, con người khó nhận ra hoặc không nhận ra sự can thiệp của Thiên Chúa. Chỉ khi gặp phong ba bão tố như các môn đệ hôm ấy, chỉ khi gặp thất bại, đau khổ, bệnh tật... con người mới nghĩ đến Chúa, mới nhận ra mình bất tài, bất lực, mới nhớ đến Chúa, mới cầu Chúa can thiệp.

Và khi thoát được những bất hạnh thì có người bảo đó là phép lạ, có người lại cho đó là do tài của mình: tự mãn, kiêu căng, đóng kín; và ít người nhận ra đó là do sự can thiệp của Thiên Chúa để yêu mến, tin tưởng, phó thác vào Thiên Chúa hơn.

Tiếng đồn ma quỷ quấy nhiễu cha Vianney làm cho một số anh em linh mục phì cười mỉa mai: “Toàn là những chuyện bịa đặt, vô bổ, tung ra chỉ cốt để quyến rũ bà già con trẻ đến cái xứ khi ho cò gáy ấy!” Nghe những lời mỉa mai chê trách ấy, cha Vianney đều đặn dâng cho Chúa và thỉnh lặng chịu đựng.

Một hôm, nhân dịp mở tuần đại phúc tại một xứ đạo trong hạt, người ta đã mời cha Vianney và nhiều linh mục khác đến giúp. Sau bữa cơm tối, cha Vianney nhẹ nhàng nói với anh em: “Thưa các cha, con thường hay bị ma quỷ quấy phá, nhất là những ngày áp những hôm con cứu được nhiều linh hồn tội lỗi nặng. Vì thế, để các cha an tâm đề phòng, con xin trình các cha

trước, nếu đêm nay ma quỷ có làm gì thì xin các cha yên tâm và cứ biết vậy. Nó phá một lúc rồi sẽ hết”. Cha Vianney vừa dứt lời, các cha khác đã cười lên: “Lại chuyện ma quỷ! Để xem sao!”

Cả nhà tắt đèn đi ngủ. Nửa đêm, giữa lúc mọi người đang say sưa giấc điệp thì nhà xư rung động dữ dội, ghế bàn chạy đi chạy lại, đồ đạc thì rơi xuống lán lóc trên sàn nhà, cột nhà thì kêu rảng rặc như muốn gãy đôi... Các cha khác hốt ha hốt hải mang áo ngủ lùng thùng chạy ra sân, mình toát mồ hôi hột, miệng không ngớt kêu lên: “Dễ sợ quá! Động đất chăng? Lại quá! Chưa bao giờ thấy chuyện khủng khiếp như thế này

- Thế còn cha Vianney đâu?

- Chắc đang ở trên phòng. Đợi yên, ta lên thử xem.

Các cụ kéo nhau lên gác, gõ cửa. Có tiếng guốc khua trên sàn nhà, cha Vianney mở cửa, các cụ ái ngại hỏi:

- Cha đang ngủ à?

- Vâng. con đang ngủ.

- Thế cha không nghe thấy gì sao? Khiếp quá!

- Có, con có nghe. Thì hỏi tối, con đã trình với các cha rồi! Ma quỷ nó hay quấy phá con như thế lắm! Xin các cha cứ an tâm. Có đêm nó làm con nhiều lần như thế, nhưng không sao cả! Vì nó thua to, cay cú nên nó phá vậy thôi.

Nói xong, ngài chào các cha và đi ngủ. Các cha khác cũng trở về phòng, nhưng không sao nhắm mắt được.

Sáng hôm sau, vào giờ điếm tâm, các cha nhắc lại chuyện khủng khiếp tối hôm qua và xác nhận là có “băng hỏa ngục” nó quấy phá cha Vianney; sau cùng các cha đề nghị với cha xư Ars:

- Suốt tuần đại phúc, chiều nào cũng xin cha về nhà xư ngủ rồi sáng mai lại chịu khó đến đây. Chứ nếu cha ngủ đây, thì chắc chúng tôi phải đi tản hết. Khiếp quá!

Cha Vianney đồng ý:

- Con xin vâng lời các cha. Bắt đầu từ chiều nay, con sẽ về nhà ngủ.

Chỉ có những tâm hồn có đức tin, đơn sơ, trong sáng, và chăm chú mới có thể nhận ra Thiên Chúa hành động qua rất nhiều dấu chỉ của thời đại.

“Sao các con sợ hãi thế? Các con không có đức tin ư?”

Giông tố là chuyện thường xuyên xảy ra trên biển cả, thì gian nan, thử

thách, cám dỗ cũng thường xảy ra trong cuộc sống của con người và của Giáo hội.

Sóng gió cuộc đời là những thử thách đức tin.

Gian nan, thử thách... là cần thiết để cho con người thức tỉnh, cảnh giác trên chuyến tàu vượt biển trần gian, và để chúng ta biết quay về với Chúa, biết cậy trông vào Ngài. Nếu chúng ta không muốn tìm đến Chúa trong những giây phút an bình của cuộc sống thì có lẽ chúng ta cũng sẽ không tìm thấy Ngài khi những hiểm họa, khổ đau ập tới.

Chúa ở ngay bên cạnh các môn đệ, nhưng họ chưa thực sự tín thác vào quyền năng của Ngài. Chúa giả vờ ngủ để thử thách đức tin của họ. Trước thái độ hoảng hốt lo sợ của các môn đệ, Ngài đã khiển trách các ông: “Sao các con sợ hãi thế? Các con không có đức tin ư?”

Thiên Chúa không bỏ rơi, hay bỏ mặc chúng ta, nhưng vẫn luôn quan phòng, cứu giúp. Thiên Chúa làm việc trong im lặng, kín đáo. Chúa giả vờ ngủ để đánh thức lòng tin tưởng, phó thác và trông cậy vào quyền năng của Ngài.

“Hãy im đi, hãy lặng đi!”, đó là tiếng nói của một Đấng có quyền lực đối với bão tố phong ba của biển cả, đối với gian nan, đau khổ của cuộc đời... Đó là Thiên Chúa quyền năng. Qua những cơn khủng hoảng của cuộc đời, đó là dịp cho chúng ta củng cố đức tin và trở về, tin tưởng, phó thác vào Ngài.

Trong cuộc vượt biển của Chúa Giêsu và các môn đệ, hình như chúng ta thoáng thấy hình ảnh con thuyền cuộc đời của mỗi người chúng ta trong đau khổ, gian nan và con thuyền Giáo hội trần thế hôm nay trước những thế lực xấu đang tìm cách bách hại!

CNXIII TN/B

Bài đọc 1: (Kn. 1: 13-15; 2:23-2). Bài đọc 2: (2 Cor. 8: 7.9.13-15). Tin Mừng: (Mc. 5:21-43)

“ĐỪNG SỢ, HÃY CỨ TIN!”

Những ai đã mắc những căn bệnh nan y mà các bác sĩ, các nhà khoa học đã từ chối như ung thư, AIDS... thì chỉ còn sống để chờ chết. Đang sống trong tình trạng “thập tử nhất sinh”, nghe ai nói cây lá này, cục đá kia có thể chữa khỏi bệnh, thì dù có tốn hao hết của cải, người ta cũng không tiếc của để mua cho được. Điều đó có nghĩa là chính trong lúc tuyệt vọng, chúng ta cầu mong một cơ may cứu chữa, dù ước vọng ấy chỉ là hảo huyền.

Có một lương y, một thầy thuốc chỉ vồn vẹn trong ba năm hoạt động mà đã chữa trị cho không biết bao nhiêu người như thánh Gioan đã kết thúc cuốn *Tin Mừng* của mình bằng một lời xác quyết như sau: “*Còn nhiều việc Chúa Giêsu đã làm, nếu chép lại từng việc một thì tôi thiết tưởng cả thế giới cũng không thể chứa hết các sách viết ra* (Ga. 21: 25).”

Tin Mừng của thánh Maccô hôm nay tường thuật lại hai phép lạ: phép lạ thứ nhất Chúa Giêsu chữa lành một phụ nữ đã bị bệnh xuất huyết mười hai năm; bà sống trong tủi nhục, bị xã hội khinh chê, ruồng bỏ; và phép lạ thứ hai Ngài làm cho em gái mới mười hai tuổi đời, sức sống đang vươn lên, con gái ông Giairô, trưởng hội đồng, một người có địa vị trong xã hội; em đang hấp hối và đã chết, nhưng được Ngài làm cho em sống lại: mười hai năm cho một người già bệnh hoạn và mười hai năm tuổi đời của một người trẻ đang tràn đầy nhựa sống. Nhưng tình thương và lòng thương xót của Chúa bình đẳng, không thiên vị, không phân biệt tuổi tác, không phân biệt địa vị.

Qua các phép lạ vừa kể chứng tỏ Chúa luôn quan tâm đến nỗi khổ của con người, luôn yêu thương cứu chữa cho bất kỳ ai tin vào tình yêu của Ngài bất luận là sang hèn, có địa vị hay vô danh tiểu tốt trong xã hội. Tình thương của Thiên Chúa trao ban cho con người rất bình đẳng; điều quan trọng và yếu tố cần thiết để Ngài rủi thương là tin yêu và phó thác vào Ngài.

Đối với tình yêu của Thiên Chúa, chỉ có một điều kiện duy nhất để Ngài không thể từ chối lời cầu xin của chúng ta là TIN. Nhưng tin thế nào? Tin ở mức độ nào? Và thái độ tin như thế nào mới là điều quan trọng.

Chúng ta thử nhìn lại niềm tin của người phụ nữ bị bệnh hoại huyết và của ông Giairô.

Với cái nhìn của xã hội thời bấy giờ, người mắc bệnh hoại huyết hay những người bị phong cùi là những người tội lỗi, là những thứ ế tạp trong xã hội mà những người trong sạch phải lánh xa. Cam chịu với số phận ấy, người phụ nữ mắc bệnh kia sống trong mặc cảm tự ti, không dám lộ mặt trước công chúng. Thánh Maccô đã mô tả cuộc đời bà như sau: “Bà bị bệnh xuất huyết đã mười hai năm. Bà đã chịu cực khổ, tìm thầy chạy thuốc, tiêu hết tiền của mà bệnh không thuyên giảm, trái lại bệnh càng tệ hơn.” Trong cuộc sống tuyệt vọng, bà nghe người ta nói về Chúa Giêsu chữa lành đủ mọi thứ bệnh và bà nghĩ: “*Miễn sao tôi chạm tới áo Ngài, thì tôi sẽ được lành.*” Thế rồi một lần kia, nghe nói Chúa Giêsu đi qua, bà đi lẫn trong đám đông, đến phía sau Ngài, và chạm đến áo Ngài. Quả thật, “lập tức, huyết cầm lại và bà cảm thấy trong mình đã được khỏi bệnh”. Bất ngờ, Chúa Giêsu quay lại đám đông và hỏi: “*Ai đã chạm đến áo Ta?*” Giữa đám đông đang vây quanh, chuyện đụng chạm lẫn nhau thì ai mà phân biệt được. Chính các môn đệ cũng nhận thấy: “*Thấy thấy đám đông chen lấn Thấy từ phía, vậy mà thấy còn hỏi ai chạm đến Ta.*” Người đàn bà kia không dám công khai xuất đầu lộ diện để xin Chúa chữa bệnh mà chỉ muốn âm thầm kín đáo để không ai biết. Thấy Chúa cứ nhìn quanh để tìm xem ai đã làm việc ấy, bà run sợ vì biết chuyện liên quan đến mình, bà liền sụp lạy Ngài và thú nhận với Ngài tất cả sự thật. Chúa Giêsu biết ai đã chạm đến áo Ngài, nhưng Ngài lại muốn công khai cho mọi người biết không phải để làm nhục bà, nhưng ngược lại để khen ngợi lòng tin của bà và cho mọi người biết rằng số phận của mỗi người đều như nhau trước tình yêu của Thiên Chúa: “*Hỡi con, đức tin con đã chữa con, hãy về bình an và được khỏi bệnh.*”

Trường hợp của ông Giairô lại khác. Lúc đầu, ông chỉ xin Chúa đến chữa bệnh cho con ông đang hấp hối; ông sụp lạy và van xin: “Con gái tôi đang hấp hối, xin Ngài đến đặt tay trên nó để nó được khỏi và được sống”. Nhưng trên đường về, sau khi Chúa chữa lành cho người phụ nữ bị xuất huyết, ông lại nghe người nhà báo: “*Con gái ông chết rồi, còn làm phiền Thấy chi nữa!*” Có thể khi nghe tin ấy, con cáng đã đến làm ông mất trông cậy: con ông chết rồi, làm phiền Thấy làm chi nữa! Nhưng biết ông nản lòng, buồn rầu, thất vọng, Chúa lại động viên ông: “*Ông đừng sợ, hãy cứ tin.*” Và trước mặt cha mẹ em bé và các môn đệ đi theo, Ngài cầm lấy tay em bé và nói:

“Hỡi em bé, Ta truyền cho em hãy chỗi dậy”. Tức thì em bé đứng dậy và đi.

Trong cả hai trường hợp, đức tin là điều kiện tiên quyết để được Chúa đoái thương chữa lành. Một đức tin khiêm tốn, phó thác hoàn toàn vào quyền năng của Thiên Chúa trong lời nói, cử chỉ và hành động.

Ông trưởng hội đường Giairô thì sụp lạy và van xin: *“Con gái tôi đang hấp hối, xin Ngài đến đặt tay trên nó để nó được khỏi và được sống”*; còn người phụ nữ bị bệnh xuất huyết thì tự nhủ lòng: *“Miễn sao tôi chạm đến áo Ngài thì tôi sẽ được lành”*.

Để đức tin có thể đem lại kết quả, cần phải có sự tiếp cận giữa con người và Thiên Chúa và giữa Thiên Chúa với con người: con người “chạm đến áo Ngài” để từ đó “có một sức mạnh xuất phát từ Ngài” để chữa lành cho người phụ nữ bị xuất huyết và Ngài “cầm tay đứa nhỏ” để lan toả một sức mạnh từ Thiên Chúa làm cho em sống lại.

Chạm đến áo, nắm tay... là những cử chỉ thân thiện, tiếp cận, không xa cách, truyền cảm, truyền lực giữa con người và Thiên Chúa.

Ngày nay để đức tin có thể tiếp cận thân mật không có gì khác hơn là cầu nguyện, vì khi cầu nguyện là lúc chúng ta tâm tình, tâm sự, chuyện trò với Thiên Chúa.

Người ta thấy một nông dân xứ Ars, mỗi ngày trước khi ra đồng, đều ghé vào đứng ở cuối nhà thờ cầu nguyện một lúc rồi mới đi cày. Khi trở về, ông cũng ghé vào cầu nguyện như vậy. Ai cũng để ý và cảm phục ông.

Một hôm có người hỏi ông:

- Ngày nào ông cũng ghé vào nhà thờ mấy lần để làm gì thế?

Ông nông dân trả lời cách đơn sơ nhưng đầy ý nghĩa:

- Tôi bàn chuyện với Chúa và Chúa bàn chuyện với tôi.

Đức tin không kết hợp với cầu nguyện là đức tin một chiều, đức tin thụ động, chưa có sự đồng cảm, chưa có sự hiệp thông. Cầu nguyện là phương thế để củng cố đức tin. Cầu nguyện là nền tảng của đời sống thiêng liêng. Khi cầu nguyện, chúng ta kết hợp, nối liền với Thiên Chúa

Trong lần gặp gỡ thánh Phanxicô, vào dịp thánh nhân qua Tòa Thánh để xin phê chuẩn luật dòng Anh Em Hèn Mọn, Đức Thánh Cha thân mật hỏi ngài:

- Con có bao giờ thấy Chúa chưa?

- Con vừa thấy đêm qua.
- Ngài có nói gì với con không?
- Ngài và con bên nhau suốt đêm qua mà chẳng nói gì. Tuy nhiên, cứ mỗi lúc con nói: “Cha” với Ngài thì Ngài trả lời lại với con: “con Ta”. Cứ thế, chẳng có gì hơn cho đến lúc trời sáng.

Ở một mức độ nào đó, tất cả chúng ta đều mang tật bệnh tật: bệnh tật về thể xác và bệnh tật về tâm hồn, vì như lời sách Khôn Ngoan đã viết: “Thiên Chúa tạo dựng con người trên mặt đất đều lành mạnh, chúng không có nọc độc sự chết... Nhưng bởi ách quỷ ghen tương, nên tử thần đột nhập vào thế gian”. Người đàn bà bị bệnh xuất huyết, em bé gái chết... là những bệnh tật thuộc thể xác xuất hiện rõ ràng; nhưng chúng ta có thể mang những bệnh tật về tinh thần không xuất hiện ra ngoài như: cảm giác bị bỏ rơi, thất bại, bị mất phẩm giá, cô đơn... Đặc biệt là đánh mất niềm tin, mất bình an trong tâm hồn.

Như thế, tất cả chúng ta đều cần chữa lành, mà muốn được chữa lành thì chúng ta cũng phải tin và sống kết hợp mật thiết với Chúa bằng cầu nguyện. Sức mạnh của đức tin đã thu hút “sức mạnh xuất phát tự mình” của Thiên Chúa, đã đánh động quyền lực trong tay Ngài.

Đức tin hành động là cầu nguyện. Cầu nguyện là tâm tình, tâm sự với Chúa. Tâm tình, tâm sự là chuyện vãn với chúa đang ở bên cạnh mình.

Cầu nguyện là nền tảng của đời sống thiêng liêng. Khi cầu nguyện, chúng ta kết hợp, nối liền với Thiên Chúa, cụ thể là sống phép Thánh thể. “*Đừng sợ, hãy cứ tin*”, và những việc còn lại, hãy để Thiên Chúa lo.

ĐỒNG HƯƠNG

Vắng đi một thời gian, dân làng Nadarét không thấy bóng dáng chàng trai thợ mộc, con bà Maria. Rồi một hôm, cùng với một số bạn hữu, anh ta trở về quê nhà, gặp lại đồng hương. Tinh cờ, vào một ngày Sabbat, người ta bắt gặp chàng trai trẻ ấy đang giảng thuyết trong hội đường. Thính giả sững sốt về giáo lý và tài ăn nói của anh ta. Họ ngạc nhiên: *“Bởi đâu ông này được như vậy? Sao ông được khôn ngoan như vậy? Bởi đâu tay ông làm được những sự lạ thế ấy? Ông này chẳng phải là bác thợ mộc, con bà Maria, anh em với Giacôbê, Giuse, Giuđa và Simon sao? Chị em ông không ở với chúng ta đây sao (Mc. 6: 2-3)?”*

Anh chàng trai trẻ ấy chính là Chúa Giêsu. Thấy đồng hương chẳng mặn mà tiếp đón, lại còn ra vẻ hằn học ghen tương, Ngài đã phải nói lên một thực tế phũ phàng đối với các ngôn sứ của Thiên Chúa: *“Ngôn sứ có bị rẻ rừng thì cũng chỉ ở chính quê hương mình hay giữa bà con thân thuộc và trong gia đình mình thôi”* (Mc. 6: 4). Ngài đã không làm được gì nhiều ở chính quê hương mình; chỉ đặt tay trên một vài người bệnh, rồi đi qua các làng khác ở chung quanh để giảng dạy, Ngài cũng lấy làm lạ vì ở quê hương Ngài, họ không tin.

Cũng chẳng phải chỉ vào thời Tân Ước, ngôn sứ mới bị rẻ rừng nơi quê hương mình như trường hợp Chúa Giêsu, mà vào thời Cựu Ước, tình trạng này cũng đã xảy ra với ngôn sứ Êzêkien. Vị ngôn sứ này đã nói: *“Người phán với tôi: ‘Hỡi con người, chính Ta sai ngươi đến với con cái Israen, đến với dân phản nghịch đang nổi loạn chống lại Ta; chúng cũng như cha ông đã nổi lên chống lại Ta mãi cho đến ngày nay. Những đừa con mặt dày mây dạn, lòng chai dạ đá, chính Ta sai ngươi đến với chúng: ‘Đức Chúa là Chúa Thượng phán thế này’. Còn chúng, vốn là nòi phản loạn, chúng có thể nghe hoặc không nghe, nhưng chúng phải biết rằng có một ngôn sứ đang ở giữa chúng”* (Ez. 2: 2-5).

Khi thấy Chúa Giêsu, một người đồng hương khôn ngoan về giáo lý, ăn nói lưu loát và làm được nhiều điều lạ như chính họ đã chứng kiến; thì lẽ ra họ phải tự hào, mừng vui vì quê hương họ có được “một người làm quan cả

họ được nhờ”; nhưng ngược lại, họ lại bắt đầu bới móc quá khứ, gia cảnh, gia thế của Ngài để khinh miệt, rẻ rúng: “Ai còn lạ gì anh ta! Anh ta là thợ mộc, con bà Maria, là anh em với các ông Giacôbê, Giuse, Giuđa và Simon; chị em của anh ta là bà con lối xóm đang sống với chúng ta ở đây chứ đâu?”

Tại sao họ lại có thái độ ấy với người đồng hương của mình là Chúa Giêsu?

Trước hết, vì ganh ghét, ganh tị, tự ái, người đồng hương đã không muốn chấp nhận người đồng hương quen biết nổi bật hơn mình. Giả như Chúa Giêsu là một ai khác không phải đồng hương của họ, không phải là người đã chung sống với họ, họ không biết gia cảnh, địa vị xã hội của người ấy; thì có lẽ họ đã không rẻ rúng mà lại “thấy sang bắt quàng làm họ”; nhưng “quen quá hóa nhàm”, họ còn lạ gì Chúa Giêsu! Gốc gác, gia cảnh, địa vị xã hội họ biết rõ, họ so sánh hoàn cảnh của Chúa Giêsu cũng như họ thôi. Thế mà bây giờ “lên mặt dạy đời”. Họ không chấp nhận, coi rẻ Chúa Giêsu vì tự ái, vì ganh ghét, vì thành kiến. Đúng là “bụt nhà không thiêng.” Và “quen quá hóa nhàm” là thế!

Chính thành kiến đã làm cho con người khó nhận ra được chân lý, nhận ra sự thật. Thành kiến là in trí, là xét đoán, phê phán theo chủ quan của mình, thiếu sự quảng đại, không có nhận xét khách quan; khi mang kiếng màu xanh, người ta thấy mọi vật đều xanh. Thói đời thường: “Yêu nên tốt, ghét nên xấu”. Lòng dạ con người thế nào thì người ta cũng đối xử với nhau như thế: “Yêu nhau, cau bậy bỏ ba, ghét nhau cau bậy bỏ ra làm mười”.

Di Tử Hà, người thời Xuân Thu, làm quan Đại phu nước Vệ. Vua nước Vệ rất thương mến ông. Theo luật pháp của nước Vệ, ai đi trộm xe của vua, thì phải tội chặt chân. Mẹ Di Tử Hà ốm nặng. Đêm khuya, có người đến gọi. Di Tử Hà vội vàng lấy xe vua ra đi. Vua nghe biết, khen rằng:

- Có hiếu thật! Vì hết lòng với mẹ mà quên cả tội chặt chân.

Lại một hôm, Di Tử Hà theo vua đi chơi ngoài vườn, đang ăn quả đào thấy ngọt, còn một nửa, đưa cho vua ăn. Vua nói:

- Yêu ta thật! Của đang ngon miệng mà biết nhường cho ta.

Về sau, vua không còn có lòng yêu Di Tử Hà như trước nữa. Một hôm, Di Tử Hà phạm lỗi, vua giận nói rằng:

- Di Tử Hà ngày trước dám lấy xe của ta đi. Lại một lần khác, dám cho ta ăn quả đào thừa. Thực đáng tội với ta đã lâu.

Nói xong, vua bắt đem Di Tử Hà ra trị tội (*Cổ Học Tinh Hoa*).

Có lẽ trong số những người đồng hương, cũng có những người có địa vị trong xã hội, giàu sang, có uy tín trong cộng đồng; vì tự tôn không muốn có kẻ nào đụng chạm đến danh giá, địa vị và quyền lợi của họ. Họ lấy bản thân mình để so sánh với người khác, không muốn chấp nhận sự nổi bật của người anh em quen biết. Tự ái hơn thua, mặc cảm thua kém.

Người đồng hương đã dựa vào sự hiểu biết bề ngoài về địa vị xã hội, về gia thế, về anh em họ hàng, về bạn bè của Chúa Giêsu để khinh rẻ Ngài: “Ai còn lạ gì anh ta! Anh ta là thợ mộc, con bà Maria, là anh em với các ông Giacôbê, Giuse, Giuda và Simon; chị em của anh ta là bà con lối xóm đang sống với chúng ta ở đây chứ đâu?”

Lại có câu chuyện khác:

Valencia mồ côi cha lúc mới lên 5, phải ở với mẹ tại một khu lao động nghèo khổ. Ngày ngày sau Thánh lễ, cậu phải vào các tiệm ăn để đánh giày cho khách. Mỗi lần khách trả tiền, cậu đều làm dấu thánh giá tạ ơn Chúa. Tụi bạn trông thấy thế, nhiều lần đã nhỏ to với nhau: “Gạo không lo mà lo giữ đạo!” Valencia vẫn cứ hiên ngang giữ hình thức cầu nguyện đơn sơ ấy.

Năm 17 tuổi, cậu được ban văn nghệ mượn đóng vai thàng quý. Màn đầu vừa dứt, khán giả vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Sang màn thứ hai, trời đột nhiên đổ mưa, sấm sét nổi lên âm âm. Như bao lần trước, “thàng quý” trên sân khấu quên mất mình đang đóng kịch, vội quý gối làm dấu Thánh giá. Khán giả cười rộ lên, tưởng thàng quý làm hề, không ngờ Valencia cầu nguyện thật!

Sau đêm ấy, mọi người trong khu xóm hiểu được hoàn cảnh của cậu, họ chung nhau quyên tiền để giúp Valencia ăn học. Về sau, Valencia đỗ tiến sĩ lúc vừa mới 30 tuổi (*Những Người Lữ hành Trên Đường Hy Vọng*).

Người đồng hương vì tự ái, vì ganh ghét, vì thành kiến đã không nhận ra thực chất của Con Người Giêsu. Ngài đã không làm được gì nhiều ở chính quê hương mình; chỉ đặt tay trên một vài người bệnh, rồi đi qua các làng khác ở chung quanh để giảng dạy.

Chính vì thế mà những người đồng hương không tin và “họ đã vấp ngã vì Ngài”.

Sự lạnh nhạt, bạc đãi, rẻ rúng của đồng hương đối với Chúa Giêsu nơi

quê nhà của mình cũng giống như “*một cái dằm đâm vào thịt tôi, một thân sứ của Satan vả vào mặt tôi*” mà thánh Phaolô đã viết trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô. Thánh nhân đã ba lần xin Chúa cho những thứ ấy rời khỏi ngài; nhưng Chúa đã phán: “*On Ta đủ cho ngươi, vì sức mạnh của Ta được tỏ bày trong sự yếu đuối*” (2 Cor 12: 7-9), cũng như Thiên Chúa đã trấn an ngôn sứ Êzêkien: “*Phản ngươi, hỡi con người, đừng sợ chúng, cũng đừng sợ những lời chúng nói, dù ngươi có bị chống đối, có gặp chông gai tư bề, hãy ngồi trên bò cạp. Những lời chúng nói, ngươi đừng sợ; có phải giáp mặt chúng, cũng đừng khiếp, vì chúng là nòi phản loạn. Ngươi cứ nói với chúng những lời của Ta, dù chúng nghe hay không, vì chúng là quân phản loạn*” (Ez. 2: 2-5).

Công việc rao giảng Tin Mừng mà mỗi Kitô hữu phải có trách nhiệm chu toàn, là vác thập giá, là phải gặp những khó khăn. Cho dù bất tài, kém cỏi, hãy khiêm tốn tin tưởng vào quyền năng của Thiên Chúa như Thánh Phaolô đã xác tín: “*Tôi vui thỏa trong sự yếu hèn của tôi, trong sự lãnh nhục, quần bách, bắt bớ và khốn khó vì Đức Kitô: vì khi tôi yếu đuối, chính là lúc tôi mạnh mẽ*” (2 Cor. 12: 10).

Cao trọng trong cái tầm thường. Sức mạnh trong sự yếu đuối.

HÀNH TRANG LÊN ĐƯỜNG

Phải đi công tác dài ngày hay làm một chuyến du lịch xa, nếu không chuẩn bị hành trang cho những chuyến đi ấy, thì người ta chê trách là người “vô ăn vô lo”. Một lần đi xa, ít nhất chúng ta cũng cần chuẩn bị tiền bạc, quần áo và những vật dụng cần thiết khác như thuốc men, phấn son...

Hôm nay, “Chúa Giêsu gọi mười hai tông đồ và sai từng hai người đi” để “rao giảng sự thống hối”. Một chuyến đi công tác. Một lần thực tập sứ vụ rao giảng của Thầy trong tương lai. Ngài đã yêu cầu các ông chuẩn bị những gì cho lần thực tập rao giảng đầu tiên này? Và phải có thái độ nào đối với người được tiếp cận?

Trước khi lên đường thi hành nhiệm vụ, ngoài việc ban cho các ông “có quyền trên các thần ô uế”, Ngài còn căn dặn các ông “đi đường, đừng mang gì, ngoài cây gậy, không mang bị mang bánh, không mang tiền trong túi, nhưng chân đi dép và đừng mặc hai áo”. Ngài còn dặn thêm: “Đến đâu, các con vào nhà nào, thì ở lại đó cho đến khi ra đi. Ai không đón tiếp các con, cũng không nghe lời các con, thì hãy ra khỏi đó, phủi bụi chân để làm chứng tố cáo họ” (Mc. 6: 7- 13).

“Sai từng hai người đi”

Trong số 12 tông đồ, Chúa Giêsu lập thành 6 nhóm và “sai từng hai người đi”. Tại sao lại phải hai người một nhóm?

Trước tiên, việc Chúa sai các tông đồ ra đi hôm nay chỉ mới là một cuộc tập sự, một cuộc diễn tập công tác thay Chúa để nối tiếp sứ vụ giảng dạy của Ngài trong tương lai. Ngài sai các ông đi từng hai người một là để họ an tâm, giúp đỡ, học hỏi lẫn nhau.

Có hai người làm chứng, có hai người đồng tình, thì dễ thuyết phục người nghe hơn là một người. Tác dụng của hai người nói vẫn đáng tin hơn một người. Từ một chuyện không có thật, nhưng có nhiều người làm chứng, thì dù không thật vẫn đáng động được người nghe.

Thời Chiến Quốc, các nước đánh nhau liên miên.

Đại thần Bàng Thông nước Ngụy sắp phò Thái Tử nước Ngụy sang nước Triệu làm con tin. Trước khi lên đường, Bàng Thông nói với vua Ngụy: “Nghe có người nói, hiện nay trên đường phố, có xuất hiện một con cọp, Đại Vương có tin được không?” Ngụy Vương trả lời: “Ta không tin”. Bàng Thông lại nói: “Nếu có người thứ hai cũng nói thế, vậy Đại Vương đã tin chưa?” Ngụy Vương nói: “Ta hơi tin, nhưng còn ngờ”. Bàng Thông hỏi tiếp: “Giả như có người thứ ba cũng nói thế, chắc là Đại Vương tin chứ?” Ngụy Vương trả lời: “Đương nhiên ta phải tin”.

Tam nhân thành hổ, ba người thành cọp là như thế!

Chỉ một mình riêng lẻ, khi gặp thất bại, khó khăn, khi bị người ta xua đuổi, có thể sẽ nản lòng, thất vọng, bỏ cuộc; nhưng cũng có thể trở nên kiên cường, tự mãn, tự phụ, khi được thành công, được ngưỡng mộ từ những ân huệ đã được “lãnh nhận nhưng không” lại không cho “nhưng không”!

Từng nhóm hai người một, nhưng hai mà lại ba, vì có Chúa cùng đi, có quyền lực Ngài phù giúp để đuổi thần ô uế. Đồng hành với Chúa và anh em.

Áp dụng phương pháp từng hai người một, về sau các tông đồ cũng từng hai người một đi rao giảng Tin Mừng và kêu gọi sám hối như Phêrô với Gioan, Banaba và Saolô (Phaolô), về sau Phaolô và Xila, Banaba và Maccô, Giuđa và Xila...

Hành trang lên đường: “đừng mang gì, ngoài cây gậy, không mang bị mang bánh, không mang tiền trong túi, nhưng chân đi dép và đừng mặc hai áo”.

Tiền bạc, bao bị lương thực... không cần thiết; hành trang cần thiết phải mang theo là lòng tin tưởng vào Chúa và những giáo huấn của Ngài mà các ông đã tiếp thu được; ngoài ra, Ngài còn trang bị thêm cho các ông những thứ mà thế gian không ai có được, đó là “những ân huệ lãnh nhận nhưng không” như “có quyền lực trên các thần ô uế”, “chữa lành bệnh nhân, cho kẻ chết sống lại, làm cho những kẻ bị phong cùi được sạch, trừ được quỷ (Mt. 10:7)...”

Như thế là quá đủ rồi! Còn cần gì nữa?

Gậy và dép là những phương tiện đi đường, có cũng được, không có cũng chẳng sao, có lúc cần có lúc không.

Qua Phúc Âm nhất lãm, thánh Matthêu thì ghi: chớ mang giày dép và gậy gộc (Mt. 10:10); thánh Luca thì chỉ nói: đừng mang theo gậy (Lc. 9: 3);

còn thánh Maccô lại khác: đừng mang gì, ngoài cây gậy... nhưng chân đi dép (Mc. 6:8). Điểm khác biệt này cho thấy các tác giả Phúc âm không quan tâm đến tiểu tiết thuộc cá tính, phong tục, tập quán; tùy sức khỏe, tuổi tác của từng người; trai trẻ khỏe mạnh thì nhanh chân, chẳng cần gậy gộc, giày dép; nhưng tuổi già chân yếu tay run thì cần đến gậy và dép; đồng thời qua điểm khác biệt trên, cũng cho phép chúng ta suy diễn: trong tinh thần rũ bỏ tất cả, dép và gậy, tuy là những phương tiện đi đường, nhưng khi không cần đến, thì cũng đừng mang theo: theo thánh Maccô thì được mang theo giày và dép; qua thánh Luca, thì chỉ được mang dép mà không được mang gậy; đến thánh Matthêu thì cả gậy và dép cũng không được mang theo. Đi đến với hàng xóm lân cận, đi như một công việc hằng ngày chúng ta phải làm thì chả cần dép và gậy, nhưng đi đến các vùng xa hơn, thì dép cũng cần vì đường xa, nhưng đi xa hơn nữa thì lại cần đến dép và gậy. Điều quan trọng là tinh thần, thái độ sẵn sàng thuộc nội tâm, là tinh thần rũ bỏ tất cả để không còn phải vương bận về vật chất.

Bị đánh động bởi câu nói của Chúa Giêsu với người thanh niên trong Phúc âm: “Anh chỉ thiếu một điều thôi: hãy về bán hết của cải mà phân phát cho kẻ nghèo rồi hãy đến theo Tôi” (Lc. 18: 22), chàng Phanxicô, con trai ông Bênadô, một thương gia tở sởi nổi tiếng tại thành Assisiô nước Ý, đã trút bỏ y phục sang trọng cho cha để bắt đầu một cuộc sống phiêu bạt, khó nghèo bằng nghề ăn xin. Về sau, khi đã lập tu hội “Anh em hèn mọn”, mỗi lần sai các đệ tử đi rao giảng Tin Mừng, ngài đều nhắc nhở họ áp dụng các chỉ thị truyền giáo của Chúa qua bài Tin Mừng hôm nay (Mc. 6- 9).

“Tay cầm gậy, chân đi dép” cũng là biểu tượng cho sự chuẩn bị lên đường, sẵn sàng lên đường, ra đi rao giảng Tin Mừng và kêu gọi sám hối để trở về với Thiên Chúa như Môisê đã truyền lệnh cho dân Do thái chuẩn bị lên đường về miền đất hứa (Xh. 12:11).

Hãy tin tưởng, hăng hái, can đảm lên đường, ra đi “về phía đường các dân ngoại, và đừng vào thành của người Samaria. Tốt hơn hết, hãy đến cùng các chiền lạc nhà Israen, hãy rao giảng rằng: “Nước Trời đã gần đến” (Mt. 10: 5-7), “kêu gọi người ta thống hối” (Mc. 6: 12), “rao giảng Tin Mừng và chữa lành bệnh tật khắp nơi” (Lc. 9: 6).

Tóm lại, những đòi hỏi của lệnh lên đường là bỏ hết mọi ràng buộc, mọi cản trở trên đường đi để nhẹ nhàng, thanh thản đến với mọi người để rao giảng và cứu chữa. Ra đi, đến với người khác trong tinh thần khó nghèo

bằng sự từ bỏ của cải vật chất, khác với các kinh sư và biệt phái mà Chúa đã nhiều lần lên án.

Cuối cùng, “Đến đâu, vào nhà nào, thì ở lại đó cho đến khi ra đi”.

Và trước khi lên đường, Chúa còn căn dặn các ông: “Đến đâu, các con vào nhà nào, thì ở lại đó cho đến khi ra đi. Ai không đón tiếp các con, cũng không nghe lời các con, thì hãy ra khỏi đó, phủi bụi chân để làm chứng tố cáo họ”.

Tiền bạc, vật dụng, lương thực, chỗ ở không phải lo, chỉ dựa vào lòng hiếu khách của chủ nhà, của người chấp nhận tiếp đón; điều đó cũng có nghĩa là hãy trông cậy vào sự quan phòng của Thiên Chúa, vào tinh thần chia sẻ của chủ nhà.

Mỗi người Kitô hữu trong chúng ta, có thể là một ngôn sứ của Chúa sai đi đến với mọi người để rao giảng Tin Mừng và kêu gọi sám hối; cũng có thể là “những con chiên lạc của nhà Israen cần các ngôn sứ ghé thăm. Nếu là ngôn sứ, thì hãy tuân thủ những chỉ thị Chúa đã căn dặn: đến với anh em trong tinh thần khó nghèo; và nếu là chiên lạc, thì hãy “biết tiếp đón và lắng nghe”, đừng để các ngôn sứ “phủi bụi chân để làm chứng tố cáo” chúng ta.

CHẠNH LÒNG THƯƠNG

Vũ trụ mà chúng ta đang thụ hưởng ngày nay là kết quả của sáu ngày làm việc của Thiên Chúa, từ việc sáng tạo ra ánh sáng, phân rẽ bóng tối và ánh sáng, và đặt tên ánh sáng là ngày và bóng tối là đêm vào ngày thứ nhất cho đến việc Thiên Chúa tạo dựng con người theo hình ảnh mình vào ngày thứ sáu, “qua một buổi chiều và một buổi sáng” (xem St. 1:1-31). “Thế là trời đất cùng với mọi thành phần đã hoàn tất... Khi làm xong mọi công việc của Người, ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi (St. 2: 1-2).

Hôm nay, qua bài Tin Mừng của thánh Máccô, Chúa Giêsu cũng quan tâm đến việc nghỉ ngơi của các môn đệ sau những ngày làm việc vất vả (Mc. 6: 30- 34).

Trở về sau chuyến đi công tác đầu tiên, các môn đệ quây quần bên Thầy Giêsu. Các ông kể lại cho Thầy nghe những việc họ đã làm, những khó khăn, trở ngại đã gặp phải, những vui buồn đã trải qua. Thấy các môn đệ tuy hơn hờ vui vẻ, nhưng có vẻ hốc hác mệt mỏi, Ngài bảo các ông: “Chính anh em hãy lánh riêng ra đến một nơi thanh vắng mà nghỉ ngơi đôi chút”. Quả thế, kể lui người tới quá đông, nên các ông cũng chẳng có thì giờ ăn uống nữa. Vậy thầy trò xuống thuyền đi lánh riêng ra một nơi hoang vắng (Mc. 6: 31-33).

Làm việc là một trong những nhu cầu mưu sinh cho mình và mưu ích cho xã hội, thì nghỉ ngơi cũng là một nhu cầu cần thiết cho cuộc sống của con người. Nhưng phải nghỉ ngơi như thế nào? Phải chăng là chèn chén say sưa, là gác bỏ mọi sự, là hưởng thụ cho thỏa thích, là quên đi bốn phận!

Không làm việc thì nghỉ ngơi là lười biếng, là “nhàn cư vi bất thiện”, nhưng có làm việc thì nghỉ ngơi là nhu cầu cần thiết để bồi dưỡng về tinh thần cũng như thể xác tùy theo ngành nghề, tùy theo công việc.

Thiên Chúa sau sáu ngày làm việc để tạo dựng trời đất và con người, ngày thứ bảy Ngài cũng nghỉ ngơi và còn “ban phúc lành cho ngày thứ bảy và thánh hoá ngày đó, vì ngày đó Người đã nghỉ, ngưng làm mọi việc sáng tạo của Người” (St.2:3).

Thấy các môn đệ của mình sau những ngày vất vả mệt nhọc, Chúa Giêsu

cũng muốn để cho các ông “nghỉ ngơi đôi chút”; và “thầy trò đã xuống thuyền đi lánh riêng ra một nơi hoang vắng”. Nghỉ ngơi sau những ngày làm việc mệt nhọc là chuyện thường tình, hợp lý; có lẽ cũng không ai trách móc Chúa và các môn đệ về việc “tìm nơi thang vắng để nghỉ ngơi đôi chút”.

Thế nhưng dự tính “nghỉ ngơi đôi chút” “không thể thực hiện được, vì “thấy các ngài ra đi, nhiều người hiểu ý, nên từ khắp các thành, họ cùng nhau theo đường bộ chạy đến nơi, trước cả các ngài. Ra khỏi thuyền, Chúa Giêsu thấy một đám người rất đông thì chạnh lòng thương.

Lòng yêu thương, quảng đại và vị tha đã làm cho Chúa “chạnh lòng”, không nỡ để cho họ ra về trong thất vọng. Ngài đã nhìn thấy đám đông như đàn chiên không người chăn dắt, và Ngài lại bắt đầu dạy dỗ họ.

Chúa Giêsu và các tông đồ thì cần nghỉ ngơi đôi chút, còn đám đông thì cần sự dạy dỗ của Ngài. Nếu cả hai đều muốn thỏa mãn nhu cầu của mình thì sẽ không có điểm gặp gỡ yêu thương. Chúa và các môn đệ đã đi bước trước, đã hy sinh nhu cầu nghỉ ngơi của mình để thỏa mãn nhu cầu được dạy dỗ của dân chúng.

Hy sinh nhu cầu của mình vì nhu cầu của kẻ khác. Đặt nhu cầu của người khác trên nhu cầu của mình. Đó là lòng quảng đại, vị tha.

Nơi gương Chúa, thánh Vianney cũng đã sống quảng đại, vị tha, phục vụ mọi người; thánh nhân thiết tha yêu mến Chúa và các linh hồn. Mấy mươi năm liền, ngài luôn giam mình trong tòa giải tội, mỗi ngày 18 tiếng đồng hồ, để đem các tội nhân về với Chúa. Không những thế, ngài còn luôn canh cánh bên lòng mỗi bận tâm về cảnh nghèo túng cơ cực của dân chúng. Chính ngài đã lập nên các viện cô nhi, các lớp học mẫu giáo và sẵn sàng cho kẻ nghèo tất cả những gì ngài có hay kiếm được.

Trong lúc tòa án giáo phận Belly đang tiến hành việc điều tra về hạnh tích của vị linh mục, để lập hồ sơ xin phong thánh, thì có một cụ già què mùa nghèo khổ đến làm chứng như sau:

“Hôm ấy, trời đã sẩm tối, tôi thấy cha Vianney đi giúp tuần đại phúc ở một xứ xa về, giữa đường vắng chỉ có tôi với ngài; vừa gặp tôi, ngài đã lên tiếng:

- Chào ông, bấy lâu nay có khoẻ không? Công việc làm ăn ra sao?
- Chào cha, dạ cảm ơn Chúa, con cũng thường luôn; nhưng chẳng giấu gì cha, con túng thiếu quá, mất liên tiếp ba vụ mùa liền!
- Tôi thương ông và các cháu lắm! Chúng nó rất ngoan.

Vừa nói, ngài vừa xò tay vào túi áo, lục soát khắp người mà chẳng tìm được một xu. Nhìn trước nhìn sau, ngài ghé vào tai tôi bảo nhỏ:

- Ông rân chờ tôi một chút nghe!

Tôi vâng lời đứng đợi. Ngài rón rén đi ra sau một lùm cây... Mấy phút sau ngài trở lại, trao tận tay tôi một vật và nói:

- Tôi không có gì cả. Ông vui lòng cầm cái quần của tôi đây đem bán mà mua bánh mì cho các cháu. Ông thông cảm, bữa sau có gì tôi sẽ giúp thêm. Thôi chào ông nhé!

Tôi chưa kịp cảm ơn vì quá xúc động thì bóng dáng ngài đã biến mất sau hàng cây trước mặt..." (*Người Lữ Hành Trên Đường Hy Vọng*)

Sống quảng đại, vị tha là biểu lộ tình thương đối với người khác, là hy sinh, sẵn sàng phục vụ người khác.

Nhưng lòng quảng đại và vị tha không phải lúc nào cũng dễ dàng thực hiện. Khi vui vẻ, khoẻ mạnh, thư thái thì chúng ta dễ biểu lộ lòng quảng đại và vị tha hơn khi đau gắt, mệt mỏi. Chúa và các môn đệ cần nghỉ ngơi đôi chút, thế nhưng dân chúng vẫn bám theo, các ngài đã hy sinh nhu cầu nghỉ ngơi để phục vụ dân chúng.

Kế hoạch nghỉ ngơi bị đảo lộn; chương trình phải thay đổi. Chúa bực dọc ư! Không, Ngài không những không bực dọc mà còn chạnh lòng thương xót họ vì thấy họ như đàn chiên không người chăn dắt. Điều này nói lên phần nào lòng nhân từ, sự quan tâm của Chúa đối với chúng ta.

Những thay đổi bất ngờ cũng là dịp cho chúng ta tránh được sự quan tâm quá đáng đến chính mình, không muốn người khác xâm phạm đến quyền lợi của mình, sống cho mình, sống ích kỷ không quan tâm, vị tha với người khác.

Xã hội, con người cần sự quan tâm chăm sóc của chúng ta. Thái độ thờ ơ, bàng quang, lãnh đạm, sống cách biệt, lạnh lùng, không thiện cảm khác với sự triu mến, thiện cảm, chăm sóc, ân cần, gần gũi.

Trong cuộc sống bon chen và ồn ào như hiện nay, chúng ta cũng cần tìm đến một "nơi thanh vắng để nghỉ ngơi đôi chút". Những giây phút "nghỉ ngơi đôi chút" ấy ở một nơi thanh vắng sẽ giúp chúng ta hồi tâm lại, nhìn lại mình và trở về với Chúa. Sau khi tạo dựng trời đất, ngày thứ bảy Thiên Chúa nghỉ ngơi, và Ngài đã "ban phúc lành cho ngày thứ bảy và thánh hoá ngày đó, vì

ngày đó Người đã nghỉ, ngưng làm mọi việc sáng tạo của Người” (St.2:3). Đó là ý nghĩa của ngày Chúa nhật đối với chúng ta.

Cũng như các môn đệ sau khi làm nhiệm vụ trở về, chúng ta cũng đến gặp gỡ Chúa Giêsu trong Thánh lễ để “nghỉ ngơi đôi chút”, để đón nhận giáo huấn của Ngài, để được bồi dưỡng cho đủ sức rồi lại lên đường ra đi: ra đi và trở về, trở về rồi lại ra đi; vì như lời Thiên Chúa đã phán qua tiên tri Giêrêmia rằng dân chiên của Ngài bị tản mác, bị phân tán, bị xua đuổi, không có người chăm nom. Thiên Chúa cần chúng ta lên đường góp sức thực hiện ý định của Ngài là “Ta sẽ quy tụ phần còn lại của đoàn chiên Ta và cho chúng có những chủ chăn” để đoàn chiên ấy có thể an tâm dưới sự chở che và bao bọc của Ngài mà ca tụng rằng: “Chúa chăn nuôi tôi, tôi chẳng thiếu thốn chi; trên đồng cỏ xanh rì, Ngài thả tôi nằm nghỉ. Tới nguồn nước, chỗ nghỉ ngơi. Ngài hướng dẫn tôi, tâm hồn tôi, Ngài lo bồi dưỡng” (Tv. 22:1).

“CÁC CON HÃY CHO HỌ ĂN”

“**N**gười ta ăn rồi mà hãy còn dư”. Đó lời Thiên Chúa nói cùng người của Ngài là Tiên tri Êlisa trong sách *Các Vua*, quyển thứ hai: Có một người từ Baal-Salisa mang đến dâng cho người của Thiên Chúa bánh đầu mùa, hai mươi chiếc bánh mạch nha và lúa mì đầu mùa. Người của Thiên Chúa liền nói: “Xin dọn cho dân chúng ăn”. Đầy tớ của người ấy trả lời: “Tôi dọn bấy nhiêu cho một trăm người ăn sao?” Nhưng người ấy ra lệnh: “Cứ dọn cho dân chúng ăn, vì Chúa phán như sau: “Người ta ăn rồi mà hãy còn dư”. Đoạn người dọn cho họ ăn mà còn dư đúng như lời Chúa phán (2V. 4: 42-44).

Đó là sự việc đã xảy ra vào thời Cựu Ước. Vào thời Tân Ước, Chúa Giêsu cũng đã hai lần hóa bánh ra nhiều để nuôi sống hàng ngàn người, vì dân chúng đi theo nghe Ngài giảng dạy mà quên cả ăn.

Lương thực cần dùng

Con người có hai thứ lương thực cần được thỏa mãn: đó là những thức ăn để nuôi sống thân xác và những thức ăn để bồi dưỡng tinh thần như lời Chúa đã phán: “Người ta sống không nguyên bởi bánh, mà còn bởi mọi lời do miệng Thiên Chúa phán ra” (Mt. 4:4).

Qua hai lần hóa bánh ra nhiều để cho dân chúng ăn no nê, chúng tỏ sự quan tâm, lo lắng và chăm sóc của Chúa đối với những người theo Ngài.

Dân chúng theo Chúa Giêsu để nghe Ngài dạy dỗ và được chữa lành bệnh tật. Ngài đã cho họ ăn của ăn tinh thần là giáo lý và Lời Chúa; nhưng cũng không quên nhu cầu ăn uống để nuôi sống thân xác của họ. Họ đã say sưa nghe lời Chúa đến cả quên ăn. Và Ngài đã hai lần hóa bánh ra nhiều để cho họ ăn. Lần thứ 1, ra khỏi thuyền, Ngài thấy dân chúng đông đảo, thì thương xót họ, và chữa những người bệnh tật trong họ và Ngài hỏi Philip-phê: “Ta mua đâu được bánh cho cho những người này ăn?” (Ga. 6: 5); và lần thứ 2, thấy dân chúng đã ba ngày liền theo Chúa để nghe Ngài giảng dạy và được chữa bệnh, họ đã quên cả ăn; thấy thế Chúa đã chạnh lòng thương, lại không nỡ để cho họ ra về mà bụng đói meo: “Ta thương xót

đoàn lữ này, vì đã ba ngày họ ở lại với Ta, nhưng không có gì ăn: Ta không muốn cho họ về bụng đói, sợ họ té xỉu dọc đường” (Mt. 15: 32). “Các con hãy cho họ ăn” (Mc. 6:37).

Ngài đã quan tâm, lo lắng chăm sóc cho dân chúng không những của ăn tinh thần mà còn của ăn thân xác.

“Các con hãy cho họ ăn”

Đó là lời Chúa nhắc nhở các môn đệ thực hành nhiệm vụ của mình; đồng thời cũng giao trách nhiệm cho các ông lo cho dân chúng ăn; các ông là người đóng vai trò chủ động trong việc chăm lo ăn uống cho dân chúng: “Họ chẳng cần phải đi, các con hãy cho họ ăn.” (Mt 14: 16) hay cùng với các ông, chia sẻ nhiệm vụ ấy khi Ngài hỏi Philipphê: “Ta mua đâu được bánh cho những người này ăn?” (Ga. 6: 5). Thế nhưng thái độ của các môn đệ như thế nào?

Phải chăng là trốn tránh trách nhiệm khi đề nghị với Thầy: “Đây là nơi hoang địa mà giờ đã chiều rồi: xin Thầy giải tán dân chúng để họ vào các làng mạc mà mua thức ăn” (Mc. 6: 35).

Phải chăng là sợ hao tổn cực nhọc: “Chúng con phải đi mua hết hai trăm đồng bạc bánh để phát cho họ ăn ư?” (Mc.6: 37) hay “Chúng con chỉ có năm chiếc bánh và hai con cá, trừ phi chúng con phải đi mua thức ăn cho cho cả đám đông này” (Lc. 9:13).

Chưa một lần thấy Chúa hoá bánh ra nhiều, thì khi nghe Chúa bảo: “Các con hãy cho họ ăn” như lần thứ nhất ở giữa hoang địa vắng vẻ thì các ông cảm thấy khó khăn bất lực là phải; nhưng đã một lần thấy Chúa hóa bánh ra nhiều chẳng những cho năm ngàn người không kể đàn bà và con nít ăn no nê còn thu lại được 12 thúng đầy, sao các ông lại vẫn lập luận như cũ: “Giữa nơi hoang địa này, lấy đâu đủ bánh cho họ ăn?” (Mc. 8: 4). Có lẽ đó là cách biện minh của các tông đồ và của cả chúng ta để tránh né khó khăn, để trốn tránh trách nhiệm trước những nhu cầu của người khác!

Phải lo cho hàng ngàn người không kể đàn bà và trẻ con ăn no giữa nơi hoang địa quả thật là một công việc khó khăn, vượt quá khả năng của các môn đệ. Thế nên các ông đã thú thật với Chúa: “Chúng con lấy đâu cho đủ bánh trong hoang địa này mà cho ngần ấy dân chúng ăn no?” (Mt. 15:33).

Nhưng cũng từ cái khó khăn, bất lực, bó tay của các môn đệ mà Chúa đã ra tay can thiệp: “Các con có bao nhiêu bánh?”

Lần thứ nhất, có năm chiếc bánh lúa mạch và hai con cá; lần thứ hai, có bảy tấm bánh và mấy con cá nhỏ. Nhưng từ cái “ít ỏi không thấm vào đâu ấy” lại thoả mãn được hàng ngàn người.

Cả bốn tác giả *Tin Mừng* đều thuật lại việc Chúa Giêsu hóa bánh ra nhiều nơi hoang địa lần thứ nhất; chỉ có thánh Matthêu và thánh Maccô ghi lại lần hóa bánh ra nhiều lần thứ hai. Lần thứ nhất, vòn vẹn chỉ với năm chiếc bánh và hai con cá của một em bé mà Chúa đã cung cấp cho năm ngàn người đàn ông không kể đàn bà và con nít ăn no nê, còn thu lại được 12 thúng đầy bánh vụn. Lần thứ hai, cũng nơi hoang địa, với bảy chiếc bánh và mấy con cá nhỏ, Chúa đã cho bốn ngàn người, không kể đàn bà và con nít ăn no nê, còn thu lại được bảy thúng đầy. Lần nào cũng từ mấy chiếc bánh và mấy con cá mà Chúa đã làm ra nhiều để cho dân chúng theo Ngài ăn no nê.

Ân huệ của Thiên Chúa ban cho con người thật dồi dào!

“Người ta ăn rồi mà hãy còn dư”

Chúa làm phép lạ không phải từ không ra có, mà từ cái có sẵn ít ỏi “năm chiếc bánh và hai con cá” Ngài đã hóa ra nhiều để cho hàng người ăn no nê mà hãy còn dư.

Sự phong phú được tăng thêm nhờ sự chia sẻ, phân phát: từ ít ra nhiều.

Sự chia sẻ không phát sinh từ cái không có, nhưng từ cái có sẵn ít ỏi của chúng ta: năm chiếc bánh và hai con cá!

Cái gần như không có gì ấy là tài năng, hiểu biết, sức lực mà chúng ta có được do ân huệ Chúa ban. Chúng sẽ cạn kiệt, nếu chúng ta giữ lại cho mình, nhưng nếu đem ra phân phát rộng rãi, thì cái “gần như không có gì ấy” sẽ được gia tăng.

Cái có sẵn ít ỏi ấy là sự lo lắng quan tâm đến người khác, là lòng trắc ẩn, là “chạnh lòng thương”.

“Có thực mới vực được đạo”. Đó là một thực tế cuộc sống; chính Chúa cũng đã xác nhận: “Người ta sống không nguyên bởi bánh, mà còn bởi mọi lời do miệng Thiên Chúa phán ra” (Mt. 4:4).

Suốt ba năm giảng dạy, Chúa Giêsu cung cấp cho dân chúng của ăn tinh thần, nhưng Ngài cũng không quên nhu cầu vật chất của con người. Ngài luôn quan tâm đến hai nhu cầu ấy: chữa bệnh thân xác và chữa bệnh tinh thần, phân phát của ăn vật chất và bồi dưỡng thức ăn thiêng liêng... Tình thương và lòng trắc ẩn trước những nỗi khổ của con người đã thúc đẩy Ngài

ra tay hành động.

Trách nhiệm mà Chúa giao phó cho chúng ta qua bài Tin Mừng hôm nay là: “Các con hãy cho họ ăn”. Chúng ta đóng vai trò chủ động trong việc cung cấp cho dân chúng những nhu cầu thiết yếu của tâm hồn và thân xác; đằng sau, có Chúa trợ giúp.

Là môn đệ của Chúa Kitô, chúng ta cũng phải mang lấy những tâm tình của Thầy: phải có lòng trắc ẩn, biết “chạnh lòng thương”, biết quan tâm, lo lắng đến những đau khổ của anh em. Thể hiện những tâm tình ấy không phải chỉ nói: “Tội nghiệp quá! Đáng thương quá!” mà phải bằng việc làm.

Quan tâm, lo lắng đến người khác để yêu thương giúp đỡ chứ không phải quan tâm lo lắng đến người khác để soi mói hơn thua, để ganh tị, bêu xấu hạ nhục người khác để đưa mình lên.

Vào ngày phán xét, Chúa sẽ khen thưởng chúng ta rằng: “Xưa Ta đói, các người đã cho Ta ăn” hay sẽ lên án chúng ta: “Xưa Ta đói, các người đã không cho Ta ăn”!

LƯƠNG THỰC TRƯỜNG SINH

Sau khi được ăn no nê từ năm chiếc bánh và hai con cá, họ lại đi tìm Chúa Giêsu. Không thấy Ngài và các môn đệ có mặt ở biển hồ Galilê, họ xuống thuyền đi Capharnaum để tìm Ngài. Khi gặp thấy Ngài ở bên kia Biển Hồ, họ đã vỗn và: “Thưa Thầy, Thầy đến đây bao giờ vậy?”

Họ tìm Ngài để làm gì? Có thật họ cất công đi tìm Ngài để được nghe Ngài giảng dạy, để được xem những việc lạ, xem Ngài chữa bệnh hay để được ăn no nê khỏi phải làm việc vất vả?

Hiểu được tâm trạng của họ, Chúa đã khiển trách: “Thật, tôi bảo thật các ông, các ông đi tìm tôi không phải vì các ông đã thấy dấu lạ, nhưng vì các ông đã được ăn no nê” (Ga. 6: 26). Chúa đã đoán đúng ý đồ của họ, nên họ đã đánh trống lảng bằng cách khiêu khích Ngài: “Vậy chính ông, ông làm được dấu lạ nào cho chúng tôi thấy để tin ông?” (Ga. 6: 28).

Quả đúng như lời Chúa đã quả trách!

Con người có cuộc sống trần thế và cuộc sống thiêng liêng, có cuộc sống hư nát và cuộc sống trường tồn. Mỗi cuộc sống đều có những nhu cầu cần được thoả mãn, có những thứ lương thực để đáp ứng con đói khát. Lương thực cho cuộc sống trần thế không phải chỉ là những thứ thoả mãn ăn uống mà còn là những thứ thoả mãn ước mơ, khát vọng. Có những lương thực hay hư nát cho cuộc sống trần thế thì cũng có những lương thực trường sinh cho cuộc sống vĩnh hằng.

Ngoài nhu cầu thoả mãn cái đói, cái khát của thân xác, con người còn có nhiều con đói khát, nhiều thứ khát vọng cần được thoả mãn.

Khát vọng được giàu sang phú quý, được trẻ mãi không già, được sống thoả mãn với những nhu cầu vật chất, được khoẻ mạnh không ốm đau bệnh tật, được có một cuộc sống hạnh phúc...

Khát vọng được cảm thấy mình là người quan trọng, được chấp nhận, được có những mối quan hệ tốt đẹp, được yêu thương...

Ít nhiều, chúng ta cũng có thể thoả mãn được những khát vọng ấy; dù biết rằng thành quả của chúng rồi cũng qua đi, cũng đi vào mục nát, nhưng chúng

ta vẫn bận tâm lo lắng, vẫn chạy theo kiếm tìm. Xưa cha ông ăn Manna cũng đã chết; được ăn bánh Chúa đã hóa ra nhiều rồi cũng chết. Đứng là con người đã và đang “ra công làm việc để tìm những thứ lương thực hay hư nát”!

Thực tế, chúng ta chỉ mới chú tâm kiếm tìm những thứ lương thực hay hư nát để phục vụ cho con đói khát của thể xác mà không chú tâm tìm kiếm thứ lương thực trường sinh, một thức ăn quý giá hơn, cần thiết hơn để thoả mãn khát vọng, con đói khát của tâm hồn cho cuộc sống bất tử.

Làm việc để thoả mãn những nhu cầu vật chất đã đành, chúng ta còn phải làm việc để thoả mãn những nhu cầu tinh thần, nhu cầu tâm linh.

Để có được lương thực để nuôi sống thân xác và tâm hồn, con người phải “ra công làm việc”. Nhưng lương thực nào là lương thực cần thiết chúng ta phải ưu tiên hàng đầu?

Chúa đã trả lời cho vấn nạn trên bằng một lời khuyến cáo: “Hãy ra công làm việc không phải vì lương thực hay hư nát, nhưng để có lương thực trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ông, bởi vì chính Con Người là Đấng Thiên Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận” (Ga. 6: 27).

Hôm nay Chúa giới thiệu với chúng ta một thứ bánh ăn vào sẽ không phải chết, không bị mục nát; đó là bánh trường sinh. Nhưng bánh ấy ấy ở đâu ra? Ai có thứ bánh trường tồn ấy?

Chúng ta hãy nghe Ngài giới thiệu thứ bánh ấy: bánh ấy không phải như Manna mà ông Môisê đã cho cha ông họ ăn nơi hoang địa ngày nào đâu, bánh ấy là bánh bởi trời, bánh đích thực, bánh đem lại sự sống cho thể gian do Cha Ngài ban cho họ: “Thật, tôi bảo thật các ông, không phải ông Môisê đã cho các ông ăn bánh bởi trời đâu, mà chính là Cha tôi cho các ông ăn bánh bởi trời, bánh đích thực, vì bánh Thiên Chúa ban là bánh từ trời xuống, bánh đem lại sự sống cho thể gian” (Ga. 6: 32-33).

Đặc tính của bánh mà Chúa Giêsu giới thiệu là bánh bởi trời, bánh đích thực, bánh ban sự sống cho thể gian, bánh do Thiên Chúa Cha ban.

Nghe thế, dân chúng lên tiếng: “Thưa Ngài, xin cho chúng tôi được ăn mãi thứ bánh ấy”. Họ cứ tưởng thứ bánh ấy cũng như bao thứ bánh khác, nên họ xin được ăn mãi thứ bánh ấy. Và Chúa đã làm họ chững hững khi Ngài nói: “Chính tôi là bánh trường sinh”(Ga. 6: 35).

Phải! Lương thực trường sinh ấy là Con Một Yêu Dấu của Thiên Chúa Cha, là Đấng Thiên Sai, là Thiên Chúa làm người để ở cùng chúng ta, là

Đấng chịu chết và phục sinh vì yêu thương loài người.

Nhưng để có được bánh bởi trời, bánh ban sự sống cho thế gian thì “Chúng tôi phải làm gì để thực hiện những việc của Thiên Chúa?”

Ngài trả lời với họ: “Việc Thiên Chúa muốn cho các ông làm là tin vào Đấng Người sai đến” (Ga. 6: 29).

Điều kiện để có được thứ bánh trường tồn là ĐẾN và TIN: “Ai đến với tôi, không hề phải đói; ai tin vào tôi, chẳng khát bao giờ” (Ga. 6: 35).

ĐẾN với Chúa để thoả mãn con đói, TIN vào Ngài để thoả mãn con khát.

Tin là gắn bó với chính Thiên Chúa, tin tưởng phó thác bản thân cho Ngài và chấp nhận tất cả những chân lý do Ngài mạc khải, vì chính Ngài là Chân Lý. Tin là tin kính Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi Vị: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Và thêm một điều kiện nữa để có được bánh trường sinh là “anh em hãy cởi bỏ con người cũ với nếp sống xưa, là con người phải hư nát vì bị những ham muốn lừa dối, anh em phải để Thần Khí đổi mới tâm trí anh em, và phải mặc lấy con người mới, là con người được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để thật sự sống công chính và thánh thiện” (Eph. 4: 22-24).

Làm việc để thoả mãn những nhu cầu vật chất đã đành, còn phải làm việc để thoả mãn những nhu cầu tinh thần, nhu cầu tâm linh. Đó là hai nhu cầu cần thiết cho cuộc sống con người khi còn tại thế. Sẽ khập khểnh, què quặt nếu chúng ta chỉ quan tâm đến những nhu cầu vật chất mà quên đi hay lơ là không nhận ra con đói khát của tâm hồn; nhưng đi tìm lương thực để thoả mãn cái đói khát của tâm hồn lại cần thiết hơn. Chúng ta đặt cái phụ trên cái chính yếu, lấy cái phụ làm cái chính, tìm lương thực phục vụ cái hư nát mà bỏ quên không tìm lương thực cho cái trường tồn; ai cũng biết rằng cái trường tồn cần thiết và quý giá hơn cái mục nát chóng qua; thế mà trong cuộc sống, dường như lương thực hay hư nát lại được chúng ta nhọc công kiếm tìm hơn là lương thực trường sinh! vì thế, Chúa đã cảnh cáo chúng ta: “Hãy ra công làm việc không phải vì lương thực hay hư nát, nhưng để có lương thực trường sinh” mà lương thực trường sinh là thực hiện những việc Thiên Chúa muốn, mà việc Thiên Chúa muốn là “tin vào Đấng Người sai đến”.

Mục đích của việc ra công làm việc không phải vì những cái mục nát, hư đi, chóng qua, nhưng là vì những cái đem lại cho con người sự sống vĩnh cửu, cái trường tồn. Chính Chúa Giêsu là bánh trường sinh, là lương thực trường tồn đem lại hạnh phúc trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ

ban cho, vì “chính Con người là Đấng Thiên Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận”.

Ngày nay, chúng ta được may mắn hơn cha ông là có được lương thực trường sinh là Minh và Máu Chúa Kitô qua phép Thánh Thể, nhưng hình như chúng ta cũng không mấy mặn mà, quan tâm bằng những thức ăn vật chất! Chúng ta vẫn trần trở với những cơn đói khát thể xác mà không thấy hay không thiết tha mấy với của ăn trường sinh nuôi sống tâm hồn!

Nếu chỉ miệt mài làm việc để lo kiếm tìm lương thực nhằm thoả mãn cơn đói khát của thân xác, để thoả mãn những dục vọng trần tục mà bỏ quên nước trời, quên hạnh phúc đích thực đời sau thì rồi sẽ mất tất cả.

Tại Pháp, có một thương gia giàu có; phương châm của đời ông là làm tiền, ăn nhậu, chơi bời. Nhưng chẳng bao lâu, ông bị câm, vì thần kinh chỉ huy thanh quản bị tê liệt. Trên giường bệnh, ông luôn thở dài chán nản. Cuối cùng, trước khi chết, ông bảo gia nhân đem bút giấy cho ông. Cầm bút, ông ghi một hàng chữ và truyền khắc nó trên bia mộ của ông. Hàng chữ ấy như thế này: “Đây là người đại dột, đã sống mà không biết sống. Hỡi những người đang sống, chớ gì sự vô phúc của kẻ khác mở mắt cho các người”.

Không biết ai trong chúng ta sẽ là những cô trinh nữ khờ dại mang đèn mà không mang dầu hay sẽ là những cô trinh nữ khôn ngoan mang đèn lại mang theo dầu để đi đón chàng rể vào ngày Tiệc Cưới Nước Trời!

ĐẬY MÀ ĂN, VÌ ĐƯỜNG CÒN XA!

“**D**ậy mà ăn, vì người còn phải đi đường xa”. Đó là lời thiên sứ của Thiên Chúa thúc dục ngôn sứ Êlia, sau khi ông đã được thiên sứ cung cấp bánh và nước cho ăn no sau cuộc vượt thoát khỏi hoàng hậu Ieven đang tìm giết ông; vì ông đã chiến thắng trong cuộc thách đố với 450 ngôn sứ của thần Baan. Ăn no, ông lại tiếp tục ngủ. Thiên sứ lại hiện ra, dục ông dậy mà ăn, vì đường lên núi Khôrép, núi Thiên Chúa còn xa.

Lương thực cho Êlia

Ngôn sứ Êlia là người được Thiên Chúa sai đến với dân chúng để làm chứng cho họ nhận biết chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng duy nhất họ phải tôn thờ, nhưng dân chúng không nghe; ông đã khiển trách toàn thể con cái Israen trên núi Cácmen: “Các người nhậy khắp khiêng cho tới bao giờ? Nếu Đức Chúa là Thiên Chúa, thì hãy theo Người; còn nếu là Baan, thì cứ theo nó!”(1V 18: 21); và ông đã mạnh dạn thách thức với 450 ngôn sứ của thần Baan trên núi Cácmen: cả hai bên cùng dâng hy lễ để chứng minh Đấng nào là Thiên Chúa chân thật. Thiên Chúa đã nhậm lời ông để cho dân chúng nhận ra Thiên Chúa là Đấng nào và ông đã giết chết 450 ngôn sứ của thần Baan; vì thế, hoàng hậu Ieven thế sẽ lấy mạng sống ông. Ông thất vọng, chán nản, buồn xuôi. Ông trốn chạy và đã xin với Chúa: “Lạy Đức Chúa, đủ rồi! Bây giờ xin Chúa lấy mạng sống con đi, vì con cũng chẳng hơn gì cha ông của con”. Rồi ông nằm dưới cây kim tước mà ngủ thiếp đi” (1V. 19: 4). Được thiên sứ của Chúa cung cấp đồ ăn, đồ uống; nhưng ăn xong, ông lại nằm ngủ tiếp.

Một mình chống chọi với các thế lực tà thần làm ông trở nên yếu đuối, mệt mỏi, mất tinh thần, hoảng sợ vì làm ngôn sứ của Thiên Chúa. Ông trốn chạy để cứu mạng sống. Ông muốn bỏ cuộc: ăn no, ông lại ngủ tiếp!

Thiên sứ trở lại lần thứ hai, đánh thức ông dậy và nói: “Dậy mà ăn, vì người còn phải đi đường xa”. Và nhờ lương thực từ trời bổ dưỡng, ông đã đi suốt bốn mươi ngày, bốn mươi đêm tới Khôrép, là núi của Thiên Chúa”

(1V. 19: 7-8).

Lương thực cho chúng ta

Trên con đường hành trình đi về núi Thiên Chúa, Êlia chán nản, thất vọng: “Lạy Đức Chúa, đủ rồi! Bây giờ xin Chúa lấy mạng sống con đi, vì con cũng chẳng hơn gì cha ông của con”. Chúa Giêsu Nadarét bị đồng hương khinh bỉ, rồi lo buồn sầu não trước giờ tử nạn: “Lạy Cha, nếu có thể thì xin cho con khỏi uống chén này”. Và Hội Thánh hôm nay bị soi mói, biêu rêu... Và chúng ta là dân Thiên Chúa đang hành trình trong đức tin về miền đất hứa của sự sống đời đời. Suốt cuộc hành trình ấy, chúng ta cũng không tránh khỏi những thất vọng, khó khăn, hoài nghi, chán nản, mất niềm tin khi gặp khó khăn, khốn khổ. Cũng có lúc, chúng ta dựa vào thể lực của trần thế hơn là dựa vào quyền năng của Thiên Chúa; nhưng Thiên Chúa không bỏ rơi con cái của Ngài.

Ngày xưa, cha ông chúng ta đã ăn manna trong hoang địa; tiên tri Êlia được Thiên sứ cho một thứ lương thực bồi dưỡng giúp ông đi suốt bốn mươi ngày đêm lên tới núi Thiên Chúa mà không mỏi mệt.

Và chúng ta ngày nay, vì “còn phải đi đường xa”, chúng ta sẽ ăn gì đây để có đủ sức mạnh tiến về núi Thiên Chúa?

Hôm nay, Chúa Giêsu giới thiệu cho chúng ta một thứ lương thực mới, không như manna mà cha ông chúng ta đã “ăn trong sa mạc nhưng đã chết”, nhưng là một thứ “bánh từ trời xuống để ai ăn thì khỏi phải chết”. Lương thực ấy, thứ bánh ấy chính là Thịt và Máu Chúa Kitô: “Tôi là bánh trường sinh. Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Bánh tôi ban tặng chính là thịt tôi đây. Ai không ăn thịt và uống máu Con Người, không có sự sống nơi mình. Ai ăn thì được sống muôn đời và tôi sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết”.

“Dậy mà ăn, vì ngươi còn phải đi đường xa”. Đây cũng là lời Thiên Chúa thúc dục chúng ta trên con đường lữ hành về Nước Trời. Đường còn xa!

Qua bài *Tin Mừng* của thánh Gioan (Ga. 6: 41-51) vào ngày Chúa nhật 19 thường niên, năm B Chúa Giêsu đã giới thiệu cho chúng ta về thân thể và sứ vụ của Ngài trong chương trình cứu chuộc của Thiên Chúa: Người Con ở cùng Người Cha. Chắc chắn Người Con biết rõ về Người Cha, Người Con biết rõ rằng “Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ”; do đó, ai nghe và đón nhận giáo huấn Người Cha, thì sẽ đến với Người Con. Nếu Người Cha

không lôi kéo người ấy, thì chẳng ai đến được với Người Con; và ai đến được với Người Con, thì Người Con sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết. Người Con từ trời xuống thế gian theo ý của Người Cha. Người Con tự hiến tế đã trở thành bánh trường sinh bằng chính thịt và máu mình. Ai tin, và ăn thử bánh hằng sống Người Con ban cho sẽ được sống đời đời.

Chúa Giêsu là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình. Chỉ trong Ngài, con người mới thấy được Thiên Chúa như lời Ngài đã nói: “Không phải là đã có ai thấy Chúa Cha đâu, nhưng chỉ có Đấng từ nơi Thiên Chúa mà đến, chính Đấng ấy đã thấy Chúa Cha” .

Vì Chúa Giêsu và Chúa Cha là một; cho nên, nếu muốn được sống đời sống thần linh, chúng ta phải sống bằng chính sự sống của Chúa Giêsu, phải được nuôi dưỡng bằng chính Thịt và Máu Ngài: “Ai ăn thịt và uống máu tôi thì ở lại trong tôi và tôi ở lại trong người ấy như tôi sống nhờ Chúa Cha”.

Chúa Giêsu là “bánh từ trời xuống”, bánh được ban xuống cho con người để lôi kéo con người lên với Chúa Cha. Chúng ta tiếp nhận Thịt và Máu Chúa Giêsu là để được đón nhận tình yêu của Thiên Chúa, được sống kết hợp với Ngài.

Sẽ không được sống đời đời, sẽ không có sự sống đích thực, sẽ không được sống lại trong ngày sau hết, nếu không ăn thịt và uống máu Con Người: “Ai không ăn thịt và uống máu Con Người, không có sự sống nơi mình. Ai ăn thì được sống muôn đời và tôi sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết.”

Và sẽ không đến được với Con Người, nếu không đón nhận giáo huấn của Chúa Cha, không tin vào Con Người, không tin vào tình yêu Thiên Chúa: “Vậy phàm ai nghe và đón nhận giáo huấn của Chúa Cha, thì sẽ đến với tôi”. Và “ý của Cha tôi là tất cả những ai thấy Người Con và tin vào Người Con thì được sống muôn đời và tôi sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết. Thật, tôi bảo thật các ông, ai tin thì được sự sống đời đời”.

Thiên Chúa mà chúng ta quy tụ nhân danh Chúa Giêsu Kitô không chỉ là đích đến của cuộc hành trình về Nhà Cha mà Ngài còn là người bạn đồng hành, là một lương thực cần thiết trên con đường lữ hành ấy.

Điều kiện đến với Người Con để được sống đời đời là tin và phó thác vào Thiên Chúa và tuân giữ các giới răn của Ngài, là tin và sám hối theo Tin Mừng

Thiên Chúa tạo dựng con người theo hình ảnh của Ngài, cho con người

làm con cái của Ngài. Ngài muốn con người được sống hạnh phúc. Ngài ban cho con người tự do; nhưng vì có tự do, con người đã đánh mất vị thế làm con, đánh mất cuộc sống hạnh phúc trong vườn Địa đàng.

Thay vì lên án, hủy diệt con người đã bất trung bội phản, nhưng vì yêu thương, Ngài đã không bỏ mặc những ai tin tưởng nơi Ngài, đã làm mọi cách để lôi kéo con người khỏi vòng bủa vây của sự diệt vong, khỏi sự lôi kéo của thần chết.

Thiên Chúa vẫn luôn tín trung với tình yêu của Ngài. Với những người tin tưởng và phó thác vào Ngài, Ngài chẳng bao giờ bỏ rơi họ như dụ ngôn về con chiên lạc và dụ ngôn người con hoang đàng.

Trong cuộc hành trình tiến về núi Thiên Chúa, có những lúc, những giai đoạn chúng ta sẽ gặp những khó khăn, chán nản, thất vọng, cô đơn như trường hợp của ngôn sứ Elia. Nhưng những ai tin tưởng phó thác vào tình yêu Thiên Chúa, Ngài sẽ luôn quan phòng và không để họ thoát khỏi tình yêu của Ngài.

Chúng ta đã có một thứ lương thực trường sinh cho cuộc hành trình đi về với Chúa Cha: đó là Thịt máu Chúa Kitô trong phép Thánh Thể. Khi đón nhận Bánh Hằng Sống là lãnh nhận tình yêu của Thiên Chúa và từ đó lan tỏa sang cho tha nhân để đưa mọi người về với Ngài.

Tin và thực hành những điều Thiên Chúa dạy là bước khởi đầu dẫn chúng ta vào Nước Trời. Chúng ta chính thức trở thành công dân Nước Trời khi chúng ta sát nhập với Chúa Kitô, khi chúng ta ăn “bánh hằng sống từ trời xuống” là chính Chúa Kitô. Ngài là nguyên lý sự sống đích thực và là trung tâm thu hút mọi người tìm về.

Chỉ có sức sống thần linh mới làm cho con người được sống đích thực cuộc sống của mình.

“Dậy mà ăn, vì ngươi còn phải đi đường xa”.

CHUYỆN KHÓ TIN, NHƯNG CÓ THẬT!

Sau khi nghe Chúa Giêsu nói: “Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi sẽ ban, chính là thịt tôi đây để cho thế gian được sống” (Ga. 6: 51). Thật là một chuyện khó tin! Người Do thái đã bàn tán với nhau: “Làm sao ông này có thể cho chúng ta ăn thịt ông ta được?” (Ga. 6: 52). Ngay cả đến các môn đệ theo Ngài, có nhiều người cũng đã xầm xì với nhau: “Lời này chương tai quá! Ai mà nghe cho nổi?” (Ga. 6: 60). Và từ lúc đó, nhiều môn đệ rút lui, không còn đi với Ngài nữa.

Còn nhiều chuyện khác khó tin nhưng có thật: chẳng hạn lời tuyên bố của Chúa Giêsu rằng Ngài là Đấng Thiên Sai, là Con Thiên Chúa; trong khi đó người ta biết rõ gốc gác, gia cảnh của Ngài là con ông Giuse và bà Maria ở miền Nadarét, rồi Ngài chữa lành các thứ bệnh tật đui mù, phong cùi... không bằng thuốc men mà chỉ bằng một lời nói, một cử chỉ; khó tin hơn nữa là làm cho kẻ chết sống lại, ra lệnh cho bão tố im lặng, từ năm chiếc bánh và hai con cá đã hoá ra nhiều để nuôi sống bao nhiêu ngàn người ăn no nê; và còn nhiều nhiều chuyện khó tin nhưng có thật nữa...

Biết các môn đệ đang xầm xì với nhau về chuyện ăn thịt và uống máu của Ngài, Chúa Giêsu đã bảo các ông: “Điều đó, anh em lấy làm chương, không chấp nhận được ư? Thế thì anh em thấy Con Người lên nơi đã ở trước kia thì sao? Thần khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống” (Ga. 6: 61-62).

Chúa Giêsu là Con Một Thiên Chúa, xuống thế làm người, sống với con người, tỏ hiện cho con người thấy quyền năng của Thiên Chúa qua con người trần thế của Ngài, thế mà con người vẫn cứ xem Ngài như một tiên tri, một ngôn sứ nào đó thì làm sao con người có thể hiểu được việc “Con Người lên nơi đã ở trước kia”. Đúng như lời Chúa đã nói: “Thần khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống” (Ga. 6: 61-62)

Theo nghĩa đen, những lời của Chúa Giêsu nói thật khó nghe! Và có

thể người ta cho đó là lời nói của một người bị tâm bệnh. Ở ngoài đức tin, người ta không thể hiểu và không thể chấp nhận được những lời ấy. Nhưng với những ai tin vào Thiên Chúa, thì những lời ấy lại rõ ràng: ai muốn sống cuộc sống của Chúa Kitô, thì phải được nuôi dưỡng bằng tinh thần là Lời của Ngài và bằng chính thịt máu Ngài. Cuộc sống thân xác cần có những lương thực thích hợp thì cuộc sống Kitô hữu cũng cần được đổi mới và cần được kéo dài mãi mãi bằng một thứ lương thực thích hợp: đó là Minh Máu Chúa Kitô. Chính Ngài trở nên thức ăn, thức uống cho cuộc sống đời đời ấy. Thịt của Con Người là của ăn, máu của Con Người là của uống.

Nếu không ăn thịt và uống máu Con Người, thì không có sự sống nơi mình. Ăn thịt và uống máu Chúa giúp chúng ta được tăng thêm ơn thánh hóa bản thân và sống can đảm. Minh Máu Chúa là lương thực không những nuôi dưỡng linh hồn mà còn tăng thêm niềm tin, lòng mến và hy vọng vào cuộc sống đời đời trong ngày sau hết ngày từ cuộc sống trần gian.

Ai ăn thịt và uống máu Con người, sẽ được sống muôn đời và được Con Người cho sống lại trong ngày sau hết. Thịt và máu Con người đem lại cho chúng ta sự phục sinh từ trong cõi chết và có sự sống đích thực, một cuộc sống muôn đời.

Ai ăn thịt và uống máu Con Người thì ở lại trong Con Người và Con Người ở trong người ấy. Như Con Người sống nhờ Chúa Cha thế nào, thì kẻ ăn Con Người cũng nhờ Con Người mà sống như vậy. Ăn uống thịt máu Con Người đem chúng ta đến sự kết hợp mật thiết với Con Người, như Con Người kết hợp mật thiết với Chúa Cha nên một. Nhờ ăn thịt và uống máu Chúa Giêsu, chúng ta được sống kết hợp mật thiết với Ngài như thánh Phaolô đã xác tín: “Tôi sống, nhưng không phải là tôi sống mà là chính Đức Kitô sống trong tôi”; và bởi vì cùng mang danh Kitô, chúng ta cùng chia sẻ một lương thực hằng sống, cùng ăn cùng uống Minh và Máu Chúa Kitô, cho nên chúng ta cùng hiệp nhất với nhau như thánh Phaolô đã nói: “Chúng ta ăn mình Chúa, nên tất cả chúng ta đều là một”.

Ngày nay, chúng ta đã được học biết thế nào về thứ bánh trường sinh mà Chúa Giêsu đã hứa ban, hiểu thế nào là thịt và máu Chúa Kitô trở thành của ăn nuôi sống con người tin vào Thiên Chúa; nhưng chúng ta có thái độ nào? Vẫn còn bán tín bán nghi hay cũng cho là “chương tai” như dân Do thái xưa, hay thực sự tin tưởng vào thứ bánh hằng sống mà chúng ta được diễm phúc thụ hưởng!

Nếu chúng ta thực sự xác tín rằng Bí tích Thánh Thể là một bằng chứng của tình yêu Thiên Chúa đối với con người từ muôn thuở, rằng cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu đã trở thành một thứ bánh từ trời xuống, một thứ bánh trường sinh bằng chính thịt máu Ngài để nuôi dưỡng chúng ta trên con đường đi đến đích điểm là ngày sau hết, thì không có lý do gì để chúng ta thờ ơ, xem thường hay không cần đến thứ lương thực siêu nhiên ấy.

Vì biết xuất xứ trần gian của Chúa Giêsu là con ông Giuse và bà Maria, sinh sống ở Nadarét, nên khi nghe Ngài nói: “Tôi là bánh từ trời xuống”, người Do thái khó chấp nhận Ngài là Đấng Thiên Sai, lại càng không thể hiểu Ngài chính là bánh từ trời, bánh từ thập giá để ai ăn thì không phải chết; trái lại, có sự sống đời đời.

Nếu chúng ta lấy cái nhìn trần thế để nhìn và suy diễn thực tại siêu nhiên thuộc Thiên Chúa thì chúng ta cũng sẽ bị Chúa khiển trách như Ngài đã khiển trách ông Phêrô: “Xatan, lui lại đằng sau Thầy! Anh cản lối Thầy, vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người” (Mt 16: 23).

Chúng ta nhìn thực tại thuộc Thiên Chúa không phải bằng cái nhìn thông thường, nhưng phải bằng cái nhìn của con mắt đức tin, con mắt tâm linh.

Nghe và thực hành những điều Chúa dạy là bước khởi đầu dẫn chúng ta vào Nước Trời. Chúng ta chính thức là trở thành công dân Nước Trời khi chúng ta sát nhập với Chúa Kitô, ăn “bánh hằng sống từ trời xuống là chính Ta”. Ngài là nguyên lý sự sống đích thực và là trung tâm thu hút mọi người đi về.

Hai Mầu Nhiệm Nhập thể và Mầu Nhiệm Tử nạn của Chúa Giêsu đã trở thành thịt và máu nuôi sống con người. Lời Chúa và phép Thánh Thể đã trở thành thịt và máu Chúa Giêsu. Tham dự Thánh Lễ và rước Minh Máu Thánh Chúa là chúng ta ăn mình và uống máu Chúa cách trọn vẹn.

Đến với Chúa, tin vào Ngài và ăn thịt và uống máu Ngài là chúng ta vun trồng, nuôi dưỡng mầm mống sự sống lại và sự sống đời đời trong ngày sau hết. Chúa Giêsu là lương thực mà con người phải ăn, phải uống mới được sống cuộc sống đích thực và mới được sống đời đời. Như Con sống nhờ Cha thế nào, thì con người cũng sống nhờ Con như thế: “Như Chúa Cha là Đấng đã sai tôi, và tôi sống nhờ Chúa Cha thế nào, thì kẻ ăn tôi cũng sẽ nhờ tôi mà được sống như vậy”.

Nhiệm vụ của chúng ta không phải chỉ ăn thịt và uống máu cho chính

minh mà thôi, mà còn phải có nhiệm vụ trao ban thứ bánh trường sinh ấy cho nhân loại. Những “ai nghe và thực thi ý Chúa” cũng sẽ là những kẻ sống bằng Minh Máu Chúa và cũng là những kẻ hiến thịt máu ấy của mình cho anh em từ thập giá của cuộc sống hằng ngày.

Giáo Huấn Công Đồng Vatican II đã dạy về Bí tích Thánh Thể: “Thánh Lễ có hai phần: phần Phụng vụ Lời Chúa và phần Phụng vụ Thánh Thể. Hai phần này được liên kết chặt chẽ đến nỗi tạo thành một hành vi phụng thờ duy nhất” (Pv. 56). Trong Phụng vụ Lời Chúa, chúng ta được nuôi dưỡng bằng những mạc khải của Thiên Chúa: Chúa có lời ban sự sống đời đời; và trong phụng vụ Thánh Thể, chúng ta được nuôi sống bằng chính Thịt và Máu Chúa Kitô: “Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi sẽ ban, chính là thịt tôi đây để cho thế gian được sống” (Ga. 6: 51).

Đến với Chúa, tin vào Ngài, sám hối và tin vào Tin Mừng và ăn thịt và uống máu Ngài là chúng ta chuẩn bị cho cuộc sống đời đời; và từ đó, chúng ta sống cuộc sống trần thế tốt đẹp hơn, có ý nghĩa hơn.

Chúng ta cảm thấy bất xứng để rước lễ ư? Dĩ nhiên, mãi mãi là thế. Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ trở nên xứng đáng nếu Bí tích Thánh Thể không phải là lương thực cần thiết cho chúng ta. “Ai ăn tôi, sẽ sống nhờ tôi”. Ai được nuôi dưỡng bằng mình máu Chúa Kitô, sẽ sống bởi Chúa Kitô. Mãi mãi là “ai ăn bánh này sẽ sống đời đời”. Chuyện khó tin với suy luận của con người, nhưng lại có thật đối với Thiên Chúa.

“Phúc cho ai không thấy mà tin!”

CN XXI TN/B

Bài đọc 1: (Gs. 24: 1-2; 15-18). Bài đọc 2: (Ep. 5: 21-32). Tin Mừng: (Ga. 6: 60-69)

ĐI THEO HAY RÚT LUI!

“**C**ả anh em nữa, anh em cũng muốn bỏ đi hay sao?” Đó là câu hỏi và cũng là lời trách yêu mà Chúa Giê-su đã đặt ra với Nhóm Mười Hai sau khi thấy dân chúng xâm xỉ và thấy một số môn đệ rút lui không đi theo Ngài nữa.

Một đoàn người khởi hành để chinh phục một ngọn núi cao. Vừa đến chân núi, một số người đã cảm thấy mệt mỏi, chẳng hứng thú gì. Họ lấy làm tiếc là đã cất công vô ích; thế là họ quyết định ngồi lại dưới chân núi.

Đoàn người còn lại tiếp tục leo lên; nhưng tới nửa chừng, khi vừa gặp một khoảng trống bằng phẳng, mát mẻ, có thể nhìn bao quát cảnh vật tuyệt vời bên dưới; họ quyết định dừng lại ở đó, không tiếp tục leo núi nữa.

Cuối cùng, chỉ còn lại một số trong đoàn tiếp tục chinh phục ngọn núi như dự định ban đầu.

Cuộc hành trình đức tin của chúng ta cũng tương tự như một đoàn người đang chinh phục ngọn núi kia. Có những người vừa đến chân núi, đã cảm thấy mệt mỏi, hết phấn khởi, mất niềm tin; có những người cũng cố leo lên được khoảng đất trống, nhưng lại dừng chân ở đó để thoả mãn những sở thích đang cuốn hút ở phía dưới chân núi; và cuối cùng chỉ còn lại những người kiên trì với ý định ban đầu.

Dân Chúa vào thời Cựu Ước chỉ được gián tiếp tiếp cận với Thiên Chúa qua lời các tiên tri và ngôn sứ hay qua những vị ấy họ được chứng kiến những việc làm của Thiên Chúa đã đối xử với họ. Họ chưa được trực tiếp tiếp xúc với Thiên Chúa, họ chỉ tin theo truyền thống của cha ông. Đã có những người dừng lại ở chân núi, nhưng cũng có những người theo Chúa nhưng vẫn còn mơ tưởng về một thần thánh nào đó như ông Giosuê đã phải lên tiếng tố cáo. Ông muốn dân chúng có một thái độ dứt khoát về lập trường, niềm tin và lời cam kết của họ đối với Thiên Chúa, không nhập nhằng nước đôi: hoặc là phục vụ Thiên Chúa hoặc phục vụ những thần khác.

Sau khi triệu tập tất cả các chi tộc lại ở Sikem, trước mặt các kỳ lão, các thủ

lãnh các gia tộc, các quan án và sĩ quan, ông Giosuê lên tiếng: “Nếu các người không muốn tôn thờ Thiên Chúa, thì cho các người lựa chọn: hôm nay, các người hãy tùy ý chọn phải tôn thờ ai hơn: hoặc là các thần cha ông các người đã tôn thờ ở Mêsôpôtamia, hoặc các thần của người xứ Amôrê, nơi các người đang ở. Phần tôi và gia đình tôi, chúng tôi sẽ tôn thờ Chúa”.

Vào thời Tân Ước, dân chúng đã thấy Thiên Chúa qua Người Con như Lời Chúa Giêsu đã xác định: “Không phải là đã có ai thấy Chúa Cha đâu, nhưng chỉ có Đấng từ nơi Thiên Chúa mà đến, chính Đấng ấy đã thấy Chúa Cha” (Ga.6: 46). Thế nhưng dân chúng vẫn không nhận ra, có chăng chỉ xem Ngài như một tiên tri hay một ngôn sứ nào đó. Họ đi theo để được ăn no, được xem những việc lạ như Chúa đã khiển trách. Họ cũng là những người leo lên đến được khoảng đất trống, nhưng lại dừng chân ở đó khi nghe Chúa khai mở một nguyên lý sống mới, mặc khải những bí nhiệm cho họ về một cuộc sống vĩnh cửu mai sau.

Khi nghe Chúa Giêsu nói: “Tôi là bánh từ trời xuống”; người Do thái xầm xì, phản đối: “Ông này chẳng phải là ông Giêsu, con ông Giuse đó sao? Cha mẹ ông ta, chúng ta đều biết cả, sao bây giờ ông ta lại nói: “Tôi từ trời xuống” (Ga. 6: 41). Biết họ xầm xì phản đối, nhưng Chúa Giêsu vẫn tiếp tục giới thiệu về thứ bánh trường sinh khác với manna mà cha ông đã ăn và đã chết, đó là “bánh hằng sống từ trời xuống”; nhưng khi nghe Chúa Giêsu nói: “Bánh tôi sẽ ban chính là thịt tôi đây”, thì người Do thái lại sôi nổi tranh luận với nhau: “Làm sao ông này có thể cho chúng ta ăn thịt ông ta được?” Và cuộc tranh luận, phản đối càng trở nên gay gắt khi Chúa Giêsu nói: “Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì được sống đời đời... vì thịt tôi thật là của ăn, và máu tôi thật là của uống...”

Lần này không phải chỉ người Do thái mà ngay chính những môn đệ cũng đã công khai tỏ thái độ chống đối: “Lời này chướng tai quá! Ai mà nghe nổi?” Từ lúc đó, nhiều môn đệ rút lui và không đi với Ngài nữa.

Họ rút lui, vì họ không tin Chúa Giêsu là Đấng Thiên Sai, không thể chấp nhận Ngài là Con Thiên Chúa và không thể tin Ngài từ trời xuống thế gian. Thế nhưng vẫn còn có những người kiên trì leo lên cho đến tận đỉnh núi, vẫn tin tưởng và phó thác vào Thiên Chúa như dân Chúa xưa kia đã trả lời với ông Giosuê: “Không thể có chuyện chúng tôi bỏ Chúa mà tôn thờ những thần ngoại. Chúa là Thiên Chúa chúng tôi, chính Người đã dẫn chúng tôi và cha ông chúng tôi ra khỏi Ai cập, khỏi nhà nô lệ, Người đã làm những việc

kỳ diệu cả thể trước mặt chúng tôi và đã gìn giữ chúng tôi suốt con đường chúng tôi đi giữa tất cả mọi dân mà chúng tôi đã đi qua. Chúa đã trục xuất tất cả những dân đó cũng như người Amôre trên phần đất chúng tôi đã tiến vào”; hay như Ông Simon Phêrô, đại diện cho Nhóm Mười Hai trả lời câu Chúa hỏi: “Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai? Thầy mới có lời đem lại sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa”.

Nhóm Mười Hai là số còn lại, nhưng lại là trụ cột của Nước Trời, của Giáo hội trong tương lai. Chúng ta không rút lui để phản đối phá vỡ sứ mệnh cứu chuộc của Chúa Giêsu, nhưng ở lại để tham dự vào một sự khai sinh mới cho công cuộc cứu chuộc con người, vào lời hứa thiết lập một thế giới mới quy tụ chung quanh một thực thể mới đó là Giáo hội: một đàn chiên duy nhất một chủ chiên, một thân thể với nhiều chi thể liên kết, một gốc nho với cành hoa trái xum xuê.

Mang danh Kitô hữu là chúng ta chấp nhận đi theo Chúa Giêsu Kitô, lấy Ngài làm cứu cánh cuộc đời, thực hành những giáo huấn của Ngài giảng dạy nhân danh Thiên Chúa. Chúng ta tin Thiên Chúa là Đấng Duy Nhất, Toàn năng, Vĩnh Cửu, là Thiên Chúa Tình yêu. Chúng ta tin Thiên Chúa không những ban cho chúng ta sự sống đời này mà còn ban cho chúng ta sự sống đời sau nữa... Chúng ta đã đón nhận đức tin ấy từ khi chúng ta nhận phép rửa tội.

Có hai loại đức tin: loại thứ nhất là đức tin truyền thống, nghĩa là đức tin theo truyền thống của cha ông và loại thứ hai là đức tin tự nguyện, nghĩa là qua lý trí, qua suy luận hay từ một biến cố nào đó đưa họ đến với đức tin. Nhưng điều cốt lõi là mức độ tin tưởng và phó thác vào Đấng chúng ta tin. Đấng ấy là ai thì Chúa Giêsu đã gián tiếp xác nhận qua lời của ông Phêrô: Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống, khi Ngài hỏi các ông: Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai; và rõ ràng hơn nữa, chính miệng Ngài đã nói: “Không phải là đã có ai thấy Chúa Cha đâu, nhưng chỉ có Đấng từ nơi Thiên Chúa mà đến, chính Đấng ấy đã thấy Chúa Cha” (Ga.6: 46). Tin vào Đấng Thiên Sai, tin vào Người Con của Chúa Cha là tin vào Thiên Chúa, thấy Người Con là thấy Người Cha. Kẻ nào không tôn kính người Con, thì cũng không tôn kính người Cha, Đấng đã sai người Con (Ga. 5: 23).

Chúa Giêsu không ép buộc chúng ta đi theo Ngài và Giáo hội cùng thế.

Giáo hội trước tiên và trên hết là một nơi tự do để chúng ta lựa chọn hay xa lánh, một nơi đàm thoại để chúng ta có thể đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa hay chối từ bỏ đi.

Cách đây không lâu, tại một quốc gia đang tiến hành cuộc bách hại Giáo Hội, một nhóm tín hữu đã bí mật họp nhau để cầu nguyện. Đang cầu nguyện, thỉnh linh cánh cửa bật ra. Một người lính xuất hiện trước cửa, tay cầm súng. Anh đảo mắt một vòng rồi lạnh lùng lên tiếng: “Ai không tin ông Giêsu thì nhanh chân ra khỏi đây ngay”.

Một bầu khí im lặng ngọt ngào; rồi từ từ, từng người một bắt đầu bước ra; chỉ còn lại một nhóm ít ỏi. Họ nhận thức rõ việc họ làm, nên quyết định ở lại. Họ tin tưởng vào Thiên Chúa và phó thác, chấp nhận tất cả những gì sẽ xảy đến.

Cuối cùng, người lính đến khóa cửa lại; từ từ trở vào, đứng trước mặt những người còn lại và mỉm cười nói: “Tôi cũng tin vào Chúa Giêsu Kitô. Chẳng thà chúng ta không có những con người như thế thì hơn”.

Hằng ngày Chúa Giêsu vẫn hỏi chúng ta: “Cả anh em nữa, anh em cũng muốn bỏ đi hay sao?” Chúng ta đã trả lời thế nào với câu hỏi ấy?

Ai đi, ai ở lại? Ai bỏ về, ai đi theo?

Hãy cùng với ông Simon Phêrô trả lời với Chúa rằng: “Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai? Thầy mới có lời đem lại sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa”.

CNXXII TN/B

Bài đọc 1: (Đnl. 4:1-2.6-8). Bài đọc 2: (Gc. 1: 17-18.21-22.27). Tin Mừng: (Mc. 7: 1-8.14-15.21-23)

LUẬT VÀ LỆ

Theo tập tục của tiên nhân, những người biệt phái và mọi người Do Thái phải rửa tay trước khi ăn; họ không ăn gì khi chưa rửa tay cẩn thận. Thức ăn gì mua ngoài chợ về, cũng phải rảy nước đã rồi mới ăn; họ còn giữ nhiều tập tục khác nữa như rửa chén bát, bình lọ và các đồ đồng.

Một hôm, những người Pharisêu và một số kinh sư tụ họp quanh Chúa Giêsu; thấy vài môn đệ của Ngài dùng bữa mà tay còn ô uế, nghĩa là chưa rửa, họ thắc mắc: “Sao các môn đệ của ông không theo truyền thống của tiên nhân, cứ để tay ô uế mà dùng bữa?”

Nhân việc các kinh sư và biệt phái thắc mắc Chúa Giêsu về tập tục rửa tay trước khi ăn, Ngài đã giải thích vấn đề nguồn gốc của cái làm cho con người ra ô uế cho ba đối tượng khác nhau: đối tượng thứ nhất là biệt phái và kinh sư, đối tượng thứ hai là đám đông và đối tượng thứ ba là các môn đệ.

Trước tiên, với các biệt phái và kinh sư, họ cho rằng bàn tay ô uế sẽ làm cho con người ra ô uế; cho nên trước khi ăn, để khỏi bị ô uế, phải rửa tay.

Họ tuân giữ nghiêm nhặt tập tục truyền thống của tiên nhân là rửa tay trước khi ăn. Bàn tay sạch, nhưng tâm hồn giả dối, giả hình, đạo đức giả! “Khác nào quạ mượn lông công. Ngoài thì xinh đẹp trong lòng xấu xa”!

Chúa Giêsu đã mượn lời ngôn sứ Isaia để khiển trách họ là những người đạo đức giả, những kẻ giả hình: “Dân này tôn kính Ta bằng môi miệng mà lòng chúng lại xa Ta. Chúng có thờ phượng Ta thì cũng vô ích, vì giáo lý chúng giảng dạy chỉ là giới luật phạm nhân.”

Rửa tay trước khi ăn thực chất là một việc làm tốt giúp cho cơ thể tránh được những độc tố, những thứ vi trùng làm hại cho cơ thể. Ngày nay, vệ sinh thường thức vẫn khuyên chúng ta rửa tay trước khi ăn.

Bàn tay bẩn có thể làm nguy hại cho thân thể chứ không thể làm ô uế tâm hồn; ngược lại, bàn tay sạch có thể làm lợi cho thân thể nhưng không thể làm cho tâm hồn ra thánh thiện trong sạch. Thế nhưng, những người biệt phái và Pharisêu lại câu nệ hình thức, tuân thủ những phong tục, tập quán

truyền thống của tiền nhân mà bỏ qua giới răn của Thiên Chúa, trau chuốt những hình thức bên ngoài mà sao nhãng những nội dung chính yếu, lấy cái thứ yếu làm cái nòng cốt, trọng cái tập tục truyền thống của tiền nhân hơn là những giới răn của Thiên Chúa như có lần Chúa đã quở trách những người Pharisai: “Khốn cho các người, hỡi các người Pharisai! Các người nộp thuế thập phân về bạc hà, vân hương và đủ thứ rau quả mà xao lãng lề công bình và lòng yêu mến Thiên Chúa” (Lc.11: 42); rồi đến các nhà thông luật, Chúa cũng vạch ra những nét đạo đức giả của họ: “Khốn cho cả các người nữa, hỡi các nhà thông luật! Các người chất trên vai kẻ khác những gánh nặng không thể gánh nổi, còn chính các người, thì dù một ngón tay cũng không đụng vào” (Lc.11: 46).

Người ta khư khư giữ lấy những tập tục truyền thống do con người thêm thắt mà quên đi nội dung chính yếu của những giới răn Thiên Chúa; và người ta không căn cứ vào việc tuân giữ, thực hành giới răn của Thiên Chúa để đánh giá lòng đạo đức mà dựa vào việc tuân giữ các tập tục của tiền nhân. Họ quên lời cảnh báo của Môisê: “Các người chớ thêm bớt điều gì trong các điều ta truyền, nhưng hãy giữ các giới răn của Chúa là Thiên Chúa các người mà ta đã truyền dạy các người”.

Họ “gạt bỏ điều răn của Thiên Chúa, mà duy trì truyền thống của người phàm” (Mc. 7: 9). Biết họ là những người giả hình, cố chấp, muốn duy trì những truyền thống cũ, Chúa chỉ khiển trách họ mà không giải thích gì về nguồn gốc của cái làm cho con người ra ô ւế.

Sau đó, Chúa Giêsu gọi đám đông đến và nói: “Xin mọi người nghe tôi nói đây, và hiểu cho rõ: ‘Không có cái gì từ bên ngoài vào trong con người lại có thể làm cho con người ra ô ւế được, nhưng chính cái từ con người xuất ra, là cái làm cho con người ra ô ւế. Ai có tai nghe thì nghe!’”

Câu kết luận ấy cũng có nghĩa là: Ai muốn hiểu sao thì hiểu. Ai hiểu được thì hiểu! Một câu nói áp dụng cho hai lãnh vực: tinh thần và vật chất.

Cái gì làm cho con người ra ô ւế? Cái làm cho con người ra ô ւế phát xuất từ đâu, cái từ bên ngoài vào hay cái từ bên trong ra?

Chúa Giêsu đã xác định: cái làm cho con người ra ô ւế là cái từ bên trong ra chứ không phải cái từ bên ngoài vào.

Không những dân chúng chưa hiểu được câu nói của Chúa mà chính các

môn đệ, khi về nhà, lại hỏi Ngài về dụ ngôn ấy; và các ông đã bị chê trách: “Cả anh em nữa, anh em cũng ngu tối như thế sao?” Và Ngài giải thích: “Bất cứ cái gì từ bên ngoài vào trong con người, thì không làm cho làm cho con người ra ô uế, bởi vì nó không đi vào lòng, nhưng vào bụng người ta, rồi bị thải ra ngoài”. Như vậy Ngài tuyên bố mọi thức ăn đều trong sạch. Ngài nói: “Cái gì từ trong con người xuất ra, cái đó mới làm cho con người ra ô uế. Vì từ bên trong, từ lòng người, phát xuất những ý định xấu: tà dâm, trộm cắp, giết người, ngoại tình, tham lam, độc ác, xảo trá, trác táng, ganh tỵ, phi báng, kiêu ngạo, ngông cuồng. Tất cả những điều xấu xa ấy, đều từ bên trong xuất ra, và làm cho con người ra ô uế” (Mc. 7: 18-13).

Bụng là nơi tiếp nhận những cái ngoài vào, rồi thải ra. Thức ăn không đi vào lòng mà đi vào bụng. Không có cái gì vào bụng mà lại có thể làm cho tâm hồn con người ra ô uế. Nhưng cái làm cho con người ra ô uế lại phát xuất từ bên trong, từ lòng người. Chính từ trong lòng mà con người trở thành con người có ác tâm, tà tâm hay thiện tâm, hảo tâm. Chính từ lòng người là nguồn gốc của việc lành hay dữ, tốt hay xấu.

Mỗi công dân trong một quốc gia, phải tuân giữ những luật pháp quy định nhằm duy trì trật tự và thăng tiến cuộc sống; là công dân Nước trời, chúng ta cũng có những lề luật phải tuân giữ. Những lề luật ấy là Mười Điều Răn. Đây là tóm tắt lề luật do Thiên Chúa ban cho dân Israel trong bối cảnh của Giao ước qua trung gian là ông Môisê. Ba điều răn đầu nói về tình yêu của con người đối với Thiên Chúa, và bảy điều răn sau nêu lên bốn phạm vi yêu thương đối với tha nhân. Mười giới răn ấy lại được tóm gọn thành hai bốn phạm vi chính yếu: mến Chúa và yêu người như Chúa Giêsu đã giải thích: “Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người. Đó là điều răn quan trọng nhất và là điều răn thứ nhất. Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy, là: người phải yêu người thân cận như chính mình. Tất cả luật lệ Môisê và các sách tiên tri đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy” (Mt. 22: 37-40).

Chúng ta tuân giữ các giới răn của Thiên Chúa bằng con tim hay bằng hình thức bên ngoài? Chúng ta tham dự Thánh lễ, rước Mình Máu Thánh Chúa hay làm các việc đạo đức khác vì lòng mến Chúa, yêu người hay muốn để cho người khác đánh giá mình là người đạo đức? Và cũng đừng lấy những hình thức bên ngoài để xét đoán người khác như người Pharisiêu và biệt phái

đã bắt bẻ các môn đệ của Chúa Giêsu khi thấy một vài người không rửa tay trước khi ăn.

Cái hình thức bên ngoài không làm cho người ta ra xấu, ra ô uế, nhưng chính cái tâm ở trong con người mới làm cho con người ra ô uế. Với thành kiến, tập tục, người ta nhìn những người bị phong cùi là những người tội lỗi, phải xa lánh, nhưng tâm hồn họ thì sao? Thấy một người ít tham gia vào những hoạt của giáo xứ, người ta cho họ là người khô đạo; thấy một người đi dự lễ mà không rước mình máu Chúa, người ta đoán là vì vướng mắc tội trọng; rồi một người, vì lý do nào đó, không giữ chay và kiêng thịt thì bị người ta coi là người kém đạo đức, khô khan...

Chúng ta thường hay đánh giá người khác theo chủ quan của mình, lấy mình để làm thước đo người khác, hay thường nhìn bên ngoài để xét đoán người khác mà không đánh giá người khác theo thực chất của họ.

Hình thức sống đạo phải phản ánh trung thực đời sống nội tâm. Xét về mặt tích cực hay tiêu cực của cái tốt và xấu, của cái đạo đức thật và đạo đức giả thì có đầy trong lòng mới tràn ra ngoài!

“Áo dòng không làm nên thầy tu!” Cái hình thức bên ngoài không làm cho con người ra ô uế, nhưng chính từ bên trong, từ cái lòng dạ con người.

Cái cần cho con người rửa sạch không phải là những gì từ ngoài vào, nhưng là những gì từ bên trong xuất ra.

CÂM ĐIỆC TÂM LINH

Từ xa, anh ta thấy một đám đông đang cười nói có vẻ phấn khích lắm. Mon men lại gần, anh vẫn không nghe được những gì người ta đang bàn tán với nhau. Bực mình, anh lớn tiếng: “Các bác có chuyện gì vui thế? Nói lớn cho em nghe với!” Đám đông quay lại, tay chỉ về phía anh và cười sặc sụa. Thế nghĩa là gì? Và anh chợt nhớ ra mình đang bị điếc và nói ngọng. Có ai hiểu cho rằng: “Điếc hay ngọng, ngọng hay nói”! Thật đáng thương! Và anh lặng lẽ quay đi trong cô đơn và lạc lõng.

Ngày ấy, từ địa hạt Tyrô, qua Sidon đến gần biển Galilêa giữa miền Thập tỉnh, người ta đem đến với Chúa Giêsu một chàng thanh niên vừa điếc vừa nói ngọng để xin Ngài chữa cho anh ta. Ngài kéo anh ta ra khỏi đám đông, đặt ngón tay vào tai anh, và lấy nước miếng bôi vào lưỡi anh; rồi Ngài ngược lên trời, thở dài và bảo: Epphata! Lập tức tai anh được mở ra, lưỡi anh ta được tháo gỡ và anh nói được rõ ràng. Chúa Giêsu cấm người ta đừng nói điều ấy với ai; nhưng Ngài càng cấm, thì họ càng loan truyền mạnh hơn (xem Mc. 7: 31-37).

Anh thanh niên kia là một người ngoại giáo, vừa điếc vừa nói ngọng. Anh u ớ phát âm nhưng chẳng ai hiểu anh muốn nói gì; nói như thế thì cũng khác gì câm! Người câm điếc không thể truyền đạt tư tưởng và tình cảm của mình và cũng không thể tiếp nhận được những gì người khác truyền đạt bằng ngôn ngữ. Họ là những người sống cô lập với thế giới bên ngoài. Họ sống lẻ loi, đơn độc.

Khác với cách chữa trị những bệnh nhân khác, lần này Chúa Giêsu chữa một thanh niên vừa điếc vừa nói ngọng. Ngài không thể đòi hỏi ở anh điều gì. Nếu Ngài hỏi anh có tin vào quyền năng của Thiên Chúa không thì anh cũng không thể nghe được; và nếu anh có phỏng đoán được gì thì anh cũng không thể nói ra. Anh đòi sự truyền cảm. Anh khát sự cảm thông.

Ngài dẫn riêng anh ta ra một nơi, cách biệt với dân chúng để chỉ một mình anh ta với Ngài. Phải chăng đây là một dấu chỉ sự quan tâm đặc biệt

mà chỉ những ai sống trong tình trạng bị cuộc đời bỏ rơi, bị bạc đãi, bị hắt hủi mới nhận ra có Chúa đang ở bên cạnh. Chỉ một mình Chúa và người ấy thôi!

Miệng và lưỡi là cơ quan để phát âm, để nói. Ngài lấy nước miếng của mình bôi vào lưỡi chàng thanh niên để cời trôi cho lưỡi anh đang bị buộc lại. Bàn tay thường dùng để diễn tả lời nói, thì Chúa lại dùng ngón tay để mở tai cho anh ta. Và với một cử chỉ thường làm, Ngài ngược mắt lên trời và thở dài. Tiếng thở dài như nói lên lời thông cảm, lòng xót thương đối với người chịu số phận hẩm hiu bị câm điếc lại chưa được dịp nhận biết Thiên Chúa; và Ngài nói một thứ tiếng lạ: “Ép-pha-ta”. Ngài nói chẳng để cho anh ta nghe, nhưng như một lệnh truyền: “Hãy mở ra”. Lập tức tai anh ta mở ra, lưỡi như hết bị buộc lại. Anh ta nói được rõ ràng. Dân chúng hết sức kinh ngạc: “Ông ấy làm việc gì cũng tốt đẹp cả: ông làm cho kẻ điếc nghe được, và kẻ câm nói được”.

Rồi Chúa Giêsu truyền cho họ không được kể chuyện đó với ai. Nhưng ngài càng truyền bảo họ, họ lại càng đồn ra.

Nhưng, hồi chàng thanh niên vừa được Chúa Giêsu chữa cho khỏi câm, khỏi điếc! Xưa kia còn bị câm điếc, anh chỉ đọc thoại, nhưng khi hết câm điếc, anh có khả năng đối thoại. Anh có thể nghe và nói. Nhưng anh nghe được gì nơi người khác nói và anh nói được gì cho người khác nghe? Anh ca tụng công việc Chúa làm cho anh hay anh bắt đầu huyền thoại nói về anh! Anh nói quá nhiều và quên đi một khả năng khác Chúa đã ban cho anh là lắng nghe.

Khi chưa nghe, chưa nói được, người câm điếc ao ước được nói, được nghe; nhưng khi nghe được nói được thì lại tái câm điếc; đó là bệnh câm điếc tâm linh, bệnh câm điếc lương tâm.

Có những khi chúng ta là những người điếc không muốn nghe, là những người câm không muốn nói.

Đối với những người cố chấp với nếp sống cũ thì khó có thể nghe tiếng Chúa mời gọi hay đang nói qua người khác, qua những biến cố của cuộc sống hạnh phúc hay đau khổ, qua một cuộc gặp gỡ... Chúng ta bị những ôn ào của thế sự, những cuốn hút của rạo rực bon chen mà không nghe tiếng nói của Ngài trong thinh lặng của tâm hồn. Thế cũng là điếc!

Với những người chỉ biết ý tưởng, tình cảm riêng của mình, không chịu lắng nghe người khác là những người khoe khoang, tự phụ, kiêu căng. Thánh Giacôbê tông đồ cũng nêu lên một hình thức điếc và nói ngọng: đó

là cách “xét xử thiên vị”, quý trọng người tay đeo nhẫn vàng, mình mặc áo sang trọng mà khinh chê người nghèo khó, bản cùng. Họ là những người nói ngọng!

Lại có những người, nhìn thấy bất công xã hội, thấy những điều sai trái mà không dám lên tiếng bênh vực cho chân lý thì đó cũng là những người câm!

Với những người sống biệt lập, xa cách với đồng loại, sống chết mặc ai, chỉ biết đến mình và quyền lợi của mình; đó là những người vừa câm vừa điếc!

Chàng thanh niên kia sau khi được phục hồi khả năng nghe và nói, anh ta sẽ nghe được gì ở chúng ta để truyền đạt lại cho người khác những điều anh ta nghe hay anh ta lại tái câm và nói ngọng khi chỉ dùng miệng lưỡi để bôi bác, nói hành nói xấu, làm chứng gian, sống vô cảm, thờ ơ... để bịt tai không muốn nghe những tiếng than khóc, kêu cầu của tha nhân?

Trong cuốn tiểu thuyết nhan đề *The Fall* của Albert Camus có kể lại một sự kiện sau đây:

Vào một đêm tối, một luật sư nổi tiếng đang rảo bước trên đường phố Amsterdam; bỗng ông nghe có một tiếng kêu cứu vang lên giữa đêm vắng. Ông nhận ra đó là tiếng kêu cứu của một người phụ nữ vừa bị ngã hay bị đẩy xuống dòng kênh. Thế nhưng, lúc ấy, ông lại đắn đo do dự. Một đảng ông muốn cứu người gặp nạn, đảng khác ông lại nghĩ một luật sư danh tiếng như ông mà lại dính líu vào một chuyện như thế này sao! Biết đâu sau đó còn có nhiều hệ lụy, nào ai biết chuyện gì sẽ xảy ra!

Ông ta tiếp tục đi, cố tìm mọi lý do để biện minh cho hành động của mình.

Và Albert Camus viết tiếp: “Người luật sư kia đã không đáp lại tiếng kêu cứu, chỉ vì ông ta thuộc về một giai cấp phải sống như thế”.

Có khả năng nghe mà không nghe những gì phải nghe, đó là Lời Chúa; có khả năng nói mà không nói những điều phải nói, đó là tuyên xưng đức tin thì cũng chẳng khác nào câm điếc, một thứ bệnh câm điếc tâm linh! Chúa đã mở tai, cõi trời lưỡi cho chàng thanh niên ngoại giáo để anh có thể tuyên xưng đức tin, có thể nghe Lời Chúa. Chúng ta may mắn hơn chàng thanh niên kia; chúng ta không mất khả năng nghe và nói, nhưng chúng ta nghe và nói những gì?

Phải chăng chúng ta đang bị điếc và câm hay nói ngọng về tâm linh!

Trông chờ ngày cứu độ đến, ngày Đức Kitô là Đấng sẽ mang sự cứu độ đến với Israen, trong ngày ấy, mọi người cảm điếc về tinh thần cũng như về thể xác sẽ nghe được, sẽ reo hò vì nhìn thấy ơn cứu độ như lời tiên tri Isaia đã động viên những tâm hồn xao xuyến, lo âu: “Can đảm lên, đừng sợ! Đây đây Thiên Chúa các ngươi đến để phục thù. Chính Người sẽ đến và cứu thoát các ngươi. Bấy giờ mắt người mù sẽ sáng lên, và tai người điếc sẽ mở ra. Bấy giờ người què sẽ nhảy nhót như nai, và người câm sẽ nói được.”

Đức Kitô, Đấng cứu độ đã đến. “Thiên Chúa mở mắt những kẻ đui mù, Thiên Chúa giải thoát những kẻ bị khòem lưng khuất phục” (Tv. 148).

Bất hạnh phải chăng là do bị câm điếc thể lý hay do câm điếc thiêng liêng vì có tai mà không chịu nghe những gì phải nghe, có lưỡi mà không chịu nói những điều phải nói!

Xin Chúa cỡi trói lưỡi chúng con để chúng ta tuyên xưng đức tin, để mạnh dạn nói lên những gì phải nói.

Xin Chúa sờ vào tai chúng con để chúng ta biết chú tâm lắng nghe Lời Chúa, mau mắn nghe tiếng gọi yêu thương của đồng loại.

CON ĐƯỜNG ĐAU KHỔ

Một hôm, Chúa Giêsu và các môn đệ rời Bếtxaiđa để đến các làng xã vùng Xêdarê Philipphê. Dọc đường, Chúa Giêsu đã làm một cuộc khảo sát về nhận thức và niềm tin của các môn đệ đối với chính Ngài. Trước tiên, Ngài muốn cho các môn đệ nói lên nhận định và dư luận của dân chúng; Ngài hỏi các ông: “Người ta nói Thầy là ai?” Các ông đáp: “Họ bảo Thầy là ông Gioan tẩy giả, có kẻ thì bảo là ông Êlia, kẻ khác lại cho là một ngôn sứ nào đó”. Trở về với các môn đệ, Ngài lại hỏi: “Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?” Đây là một câu hỏi đòi buộc các môn đệ ngày xưa và chúng ta ngày nay suy nghĩ và xác tín về niềm tin của mình

Là những người đã đi theo Chúa Giêsu, đã được Ngài chọn làm môn đệ, các ông đã thực sự nhận ra căn tính của Ngài chưa? Có lẽ trong số các môn đệ, cũng có những người nhận định như dân chúng chẳng! Và chỉ ông Phêrô lên tiếng: “Thầy là Đấng Kitô”. Đúng Ngài là Con Người ấy. Nhưng sao Chúa lại cấm ngặt các ông không được tiết lộ điều ấy cho bất cứ ai? Chỉ biết và tin thế thôi là tốt rồi. Chuyện gì phải đến sẽ đến. Giờ chưa đến. Tiết lộ bí mật sẽ làm vỡ kế hoạch. Chương trình kế hoạch đó là: “Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và sau ba ngày, sống lại”. Nghe Ngài nói thế, ông Phêrô kéo riêng Ngài ra và trách móc Ngài điều gì; có lẽ ông đã nói nhỏ với Thầy: “Thầy là Đấng Kitô, Đấng có quyền năng. Tại sao Thầy lại phải chịu nhục, chịu để cho người ta làm như thế! Sao Thầy không ra tay, không biểu lộ quyền năng của Thầy để cho thiên hạ phải quy phục?”; nhưng khi quay lại, trước mặt các môn đệ khác, Ngài đã trách ông Phêrô: “Xatan! Lui lại đằng sau Thầy! Vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người”. Rồi Ngài gọi đám đông cùng với các môn đệ lại và nói: “Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo. Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai liều mạng sống mình vì tôi và vì Tin Mừng, thì sẽ cứu được mạng sống ấy”.

Ai là người được kêu gọi theo Chúa? Đám đông và các môn đệ; như thế

có nghĩa là không riêng gì các môn đệ mà mọi người tín hữu đều được kêu gọi theo Ngài, làm môn đệ của Ngài.

Nhưng để theo Ngài, được làm môn đệ của Ngài, phải có những điều kiện nào? “Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo”. Đó là điều kiện Chúa đặt ra cho những ai muốn theo Ngài.

Tiết Huyền, trong *Cổ Học Tinh Hoa* có một nhận xét về người “chỉ biết có mình” như sau: người ta sở dĩ phạm muôn ngàn tội lỗi là do cái bệnh “chỉ biết có mình”. Vì chỉ biết có mình, nên người ta mới nảy sinh muôn phương ngàn kế. Chỉ muốn cho mình giàu, chỉ muốn cho mình sang, chỉ muốn cho mình yên, chỉ muốn cho mình vui, chỉ muốn cho mình sống, chỉ muốn cho mình thọ; còn người ta nghèo, hèn, hiểm nguy, đau khổ, lụn bại, chết chóc, chẳng đáng gì phải quan tâm. Bởi thế mới sinh ra nhiều hệ lụy. Con người như thế chẳng khác gì cầm thú!

Giả như người ta gạt bỏ được cái bệnh “chỉ biết có mình”, có tâm địa rộng rãi, công minh: giàu, sang, nghèo, hèn, vui, khổ, sống, chết đều là số phận chung của con người, thì có được ý tưởng thông suốt, làm cho mọi người được hả dạ và lẽ tự nhiên được trọn vẹn. Thế là thân ta cùng với muôn vật như nhất thể vậy”.

Trái nghịch với bệnh “chỉ biết có mình” là “từ bỏ chính mình” mà Chúa Giêsu đề ra đối với những ai muốn làm môn đệ của Ngài: “Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo. Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai liều mạng sống mình vì tôi và vì Tin Mừng, thì sẽ cứu được mạng sống ấy”.

Trước khi từ bỏ chính mình, chúng ta phải sống chân thật với chính mình, tức là trở thành thực sự là con dân Thiên Chúa như Ngài mong muốn.

Từ bỏ chính mình và vác thập giá mình là hai mặt trong một hành động bác ái yêu thương. Chúng ta không thể từ bỏ mình nếu không vác thánh giá mình, cũng không thể vác thánh giá mình mà không phải từ bỏ chính mình. Không thể có yêu thương tha thứ nếu không có hy sinh, chịu đựng những đau khổ, hoặc ngược lại.

Từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hay nói khác liều mạng sống mình vì mục đích gì? Cuộc sống đã có quá nhiều khổ đau, có ai mong chuốc thêm khổ đau cho chính mình nữa! Con đường đau khổ dẫn đến vinh quang, con

đường tử nạn dẫn đến phục sinh, con đường mất mạng sống để cứu được mạng sống: đó là con đường từ bỏ chính mình, vác thập giá mình vì Chúa, vì Tin Mừng như Chúa đã đi qua: “Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và sau ba ngày, sống lại”.

Từ bỏ chính mình là hy sinh, là khiêm hạ, là phục vụ, là tha thứ yêu thương.

Tất cả những từ bỏ ấy đòi hỏi chúng ta phải hy sinh, phải chịu đau khổ, phải vác thánh giá của mình vì Chúa vì Tin Mừng.

Trong cuộc sống, chúng ta có nhiều thứ để hy sinh: hy sinh sở thích, ý riêng, hy sinh chính kiến, địa vị, lý tưởng; nhưng điều quan trọng là vì mục đích gì. Hy sinh mình vì anh em hay hy sinh anh em vì mình!

Trong truyện *Một Tâm hồn*, Thánh nữ Têrêxa Hải Đông Giêsu có kể lại một việc từ bỏ mình như sau: “Một lần tại nhà giặt, con ngồi giặt trước mặt một chị kia. Chị ấy giặt khăn tay, chốc chốc lại làm bắn nước bắn vào mặt con. Thoạt đầu, con muốn lùi ngay ra lau mặt cho chị ấy biết để giúp con một điều là đừng làm bắn nước bắn vào mặt con nữa. Nhưng nghĩ lại, con thấy như thế là dại; vì bỏ mất những hạt ngọc người ta tặng mình một cách rất đại lượng; và con đã thôi không tỏ vẻ khó chịu nữa. Hơn nữa, con lại cố nén mình để ước ao nước bắn ấy bắn lên con nhiều hơn. Qua nửa giờ, con đã cảm thấy sự vui thú được vấy nước bắn”.

Từ bỏ chính mình, vác thập giá mình là liều mạng sống mình vì Chúa, vì Tin Mừng đồng thời cũng là lời kêu gọi chúng ta cộng tác với Chúa trong chương trình cứu độ loài người như Ngài đã làm vì hạnh phúc và sự sống của con người.

Có lẽ nhiều người trong chúng ta đã được nghe về gương hy sinh của chân phước Maximilien Kolbe. Cha Maximilien Kolbe, người Balan, là một tu sĩ dòng Phanxicô rất hăng say hoạt động tông đồ.

Lúc Phát xít Đức chiếm đóng Balan, thấy ảnh hưởng của ngài đối với quần chúng quá mạnh, nên họ đã tống ngài vào ngục.

Theo luật tù của Phát xít Đức: hễ có một tù nhân trốn thoát thì mười người tù khác phải đền mạng. Ngày nọ, có một tù nhân vượt ngục. Sáng hôm sau, lúc điểm danh thấy thiếu một người. Viên sĩ quan coi tù giận dữ rảo bước vừa đưa tay chỉ: tên này... tên này... Ai bị chỉ định, phải xếp hàng một bên. Chợt nghe có tiếng kêu thất thanh: “Khốn cho tôi quá! Tôi còn vợ và một đàn con nhỏ”.

Giữa bầu khí rùng rợn chết chóc ấy, một tù nhân bước ra khỏi hàng, đứng nghiêm, im lặng. Viên sĩ quan Đức quát hỏi:

- Mi là ai?
- Maximiliên Kolbe, linh mục Công giáo!
- Mi muốn gì?
- Tôi xin tình nguyện chết thay cho anh tù vừa mới than khóc, vì anh ta còn có vợ và con.
- Muốn ngu thì cho ngu! Vào xếp hàng thế, còn tên kia được tha!

Thế là mười người xếp hàng đi vào phòng giam đói. Ngày thứ 12, cửa phòng giam đói mở ra. Mọi người đều đã chết, trừ một mình cha Kolbe, với đôi mắt vẫn sáng, dù thân hình tàn tạ. Viên cai ngục bắt ngài đưa tay ra và chích một mũi thuốc độc ân huệ. Vị linh mục chết ngay. Họ đưa xe xúc xác ngài và các bạn tù đổ vào lò thiêu.

Mấy chục năm sau, vào năm 1971, Tòa Thánh đã tôn phong ngài lên bậc Chân Phước, và năm 1982, Đức Thánh Cha Gioan Phalô II đã tôn phong hiển thánh.

Nếu mỗi người đều thực thi những điều kiện mà Chúa đòi hỏi, thì ngay cuộc sống trên trần gian này đã là dấu hiệu của cuộc sống mai sau.

Phải từ bỏ chính mình không có nghĩa là vong thân, là đánh mất phẩm giá của chính mình, không phải là hủy diệt nhưng là là liều mạng sống mình vì Chúa, vì anh em, vì Tin Mừng để cứu lấy mạng sống của mình.

Tận cùng của yêu thương nơi Chúa Giêsu là cái chết trên cây thánh giá. Là môn đệ của Chúa, chúng ta có con đường nào khác ngoài con đường của Thầy đã đi!

ĐỊA VỊ ĐÀO LỘN!

Sống là tranh đấu. Tranh đấu với nghịch cảnh, tranh đấu để tồn tại. Sống là ước mơ, là tham vọng những điều tốt đẹp cho cuộc sống. Ai cũng muốn mình có một địa vị xã hội hơn người, ai cũng thích được khen ngợi, quý trọng, mong được giàu sang phú quý. Danh vọng, tiền tài là những khát vọng chung của con người. Nếu như cuộc đời mình không làm được ông này bà kia thì cũng mong sao cho con cháu ngày mai sẽ làm. Không bác sĩ thì cũng kỹ sư! Thôi thì “hy sinh đời bố, củng cố đời con”!

Các môn đệ cũng không thoát khỏi những tham vọng ấy. Đi theo Chúa, làm môn đệ của Ngài, các ông ít nhiều vẫn nuôi ước vọng có được một địa vị xã hội, được giàu có. Tham vọng danh giá và tiền tài!

Một chàng thanh niên giàu có đến hỏi Chúa: “Lạy Thầy nhân lành, tôi phải làm việc lành gì để được sống đời đời?” Sau khi Chúa đưa ra các giới răn phải tuân giữ, anh xác nhận với Chúa những giới răn ấy anh đã thực hiện ngay từ hồi còn niên thiếu, không biết còn thiếu sót gì không; và Chúa đã bảo anh: “Nếu ngươi muốn nên trọn lành, hãy về bán hết của cải ngươi có và bố thí cho người nghèo khó, thì ngươi sẽ được kho tàng trên trời rồi đến mà theo Ta”. Và Ngài kết luận: “Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu có vào Nước Trời”. Nghe Thầy nói thế, ông Phêrô hỏi Thầy: “Này đây chúng con đã bỏ mọi sự để theo Thầy, vậy chúng con sẽ được gì?” Và Chúa Giêsu đã trả lời cho các ông: “Thầy bảo thật các con: các con đã theo Thầy, thì trong ngày tái sinh, khi Con Người ngự trên toà vinh hiển, các con cũng sẽ ngồi trên mười hai toà mà xét xử mười hai chi tộc Israel. Và tất cả những ai bỏ nhà cửa, anh chị em, cha mẹ, vợ con, ruộng nương vì danh Thầy, thì sẽ được gấp trăm và được sống đời đời” (xem Mt. 19: 15- 29).

Chẳng những chính các ông mơ tưởng đến một địa vị nào đó trong vương quốc của Chúa mà cả đến cả thân nhân trong gia đình cũng kỳ vọng như thế. Một tương lai đầy hứa hẹn đang chờ sẵn!

Bà mẹ các con của ông Giêbêđê cùng với hai con đến gặp Chúa. Bà sắp mình cúi lạy Ngài có ý xin điều gì đó. Ngài hỏi: “Bà muốn gì?” Bà ta thưa lại: “Xin Ngài hãy truyền cho hai con tôi được ngồi một bữa bên hữu, một

đưa bên tả Ngài, trong Nước Ngài”. Nghe vậy, mười người kia tỏ ra bất bình với hai anh em. Ganh tị, ghen ghét, nói xấu, hạ nhục... phát xuất từ đó! Quả đúng như lời Thánh Giacôbê đã viết: “Ở đâu có ganh tị và cãi vã, ở đó có hỗn độn và đủ thứ tệ đoan.” Và thánh nhân giải thích thêm: “Bởi đâu anh em cạnh tranh và cãi cọ nhau? Nào không phải tại điều này: tức tại các đam mê đang giao chiến trong chi thể anh em đó sao? Anh em ham muốn mà không được hưởng, nên anh em giết nhau. Anh em ganh tị mà không được mãn nguyện, nên anh em cạnh tranh và cãi cọ”.

Hôm nay, trên đường băng qua miền Galilê đến thành Caphanaum, tranh thủ lúc không có ai, Ngài loan báo cho các môn đệ: “Con Người sẽ bị nộp vào tay người đời, họ sẽ giết chết Người, và ba ngày sau khi bị giết chết, Người sẽ sống lại”. Đây là lời tiên báo lần thứ hai về cuộc tử nạn của Ngài; nhưng các ông không hiểu lời đó. Phải chăng đây là ngày Thầy sẽ hạ bệ đế quốc Rôma để khôi phục Israen mới!

Khi về tới nhà, Chúa Giêsu mới hỏi các ông: “Đọc đường, anh em bàn tán điều gì vậy?” Họ đã xầm xì bán tán với nhau về vấn đề ai là người lớn hơn cả.

Dựa vào lời hứa Chúa đã nói: “Các con cũng sẽ ngồi trên mười hai tòa mà xét xử mười hai chi tộc Israel. Và tất cả những ai bỏ nhà cửa, anh chị em, cha mẹ, vợ con, ruộng nương vì danh Thầy, thì sẽ được gấp trăm và được sống đời đời”; và qua lời tiên báo của Ngài, cho đến bây giờ, các môn đệ vẫn cứ mơ tưởng là Thầy sẽ thiết lập một tổ chức nào đó ở trần gian, vì thế họ vẫn hy vọng đến ngày ấy, ai cũng có một chút chức vụ, địa vị hay quyền lợi nào đó.

Chúa biết như thế, nhưng Ngài không trách các ông. Muốn được chỗ cao trọng nhất không phải là điều xấu. Ngài không lên án tham vọng, nhưng lên án tham vọng sai lầm, lên án mục đích trần tục của tham vọng. Tham vọng được làm lớn để phục vụ anh em thì khác với tham vọng để thống trị người khác, để làm tôi tớ của đồng loại thì khác với cai trị người khác Ngài không muốn bất cứ ai muốn làm môn đệ của Ngài đều phải là người rớt hết trong xã hội.

Chúa Giêsu thì quyết tâm đi vào con đường từ bỏ chính mình, chịu khổ nhục, chịu chết để phục vụ, yêu thương con người, còn các môn đệ lại đang mưu tìm một cuộc sống hạnh phúc, có địa vị cho chính mình.

Người đứng đầu theo cái nhìn của xã hội thì khác với người đứng đầu của

Tin Mừng: “Các con biết thủ lãnh của các dân tộc thì thống trị họ và những người làm lớn thì hành quyền trên họ. Giữa các con thì không được thế. Trong các con, ai muốn làm lớn, thì hãy phục vụ các con, và ai muốn cầm đầu các con, thì hãy làm tôi tớ các con. Cũng như Con Người đến không để được phục vụ, nhưng để phục vụ và phó mạng sống làm giá cứu chuộc cho nhiều người” (Mt. 20: 20-27).

“Ai muốn làm người đứng đầu thì phải làm người rốt hết, làm người phục vụ mọi người”. Chúa không buộc chúng ta phải là người “rốt hết” trong xã hội, nhưng là tinh thần, thái độ “rốt hết”; đó là tinh thần khiêm hạ, là tinh thần làm tôi tớ cho mọi người, là tinh thần phục vụ anh em như Chúa đã rửa chân cho các môn đệ.

Đó là những phẩm chất của người làm lớn, người cầm đầu trong vương quốc của Chúa, mà muốn được như thế thì phải có những đức tính như thánh Giacôbê đã nêu: “Nhưng sự khôn ngoan từ trời xuống, thì trước tiên là trong trắng, rồi ôn hòa, bao dung, nhu mì, hướng thiện, đầy lòng nhân từ và hoa quả tốt lành, không xét đoán thiên vị, không giả dối”.

Một đứa trẻ đơn sơ, bé bỏng, sống cậy nhờ vào sự bao bọc chở che của cha mẹ, chưa có đầu óc mưu mô thủ lợi cho mình, không phân biệt ai cao trọng ai sang hèn, cũng chưa nghĩ đến chuyện địa vị xã hội cao hay thấp; xét về vị thế xã hội, thì trẻ em chiếm địa vị thấp nhất.

Người làm lớn, người cầm đầu, ngoài thái độ phải có là khiêm tốn phục vụ con người và xã hội, còn phải có tâm tình trẻ nhỏ đối với chính bản thân mình trong việc đón nhận Nước Thiên Chúa và qua thái độ tiếp đón những “người anh em bé mọn nhất”

Hình ảnh em bé là biểu tượng cho những người hèn kém, là những người nghèo khó, bệnh tật, những người cô đơn lạc lõng, người “thấp cổ bé miệng” trong xã hội, là Chúa đói khát, rách rưới, bệnh hoạn, bị cầm tù... Đó là những thân phận, những mảnh đời mà người làm lớn, người cầm đầu phải có trách nhiệm.

“Ai tiếp đón một trong những trẻ nhỏ như thế này vì danh Thầy, tức là tiếp đón chính mình Thầy, thực ra không phải tiếp đón Thầy, nhưng là tiếp đón Đấng đã sai Thầy”.

Và để trở thành môn đệ của Chúa, để đón nhận Nước Trời, chúng ta còn phải mang lấy tâm tình của trẻ nhỏ. Tâm tình ấy là tin yêu, phó thác vào sự bao bọc chở che của Thiên Chúa như người mẹ ấp ủ con thơ!

“Ai không đón nhận nước Thiên Chúa như trẻ nhỏ, thì không được vào nước Thiên Chúa”(Lc. 18: 15-17)

Khi chưa có địa vị thì bon chen, ganh tị, chèn ép; khi đạt được địa vị rồi lại thụ hưởng, tích lũy, ích kỷ. Có thể chúng ta dễ sẵn sàng làm tôi tớ người có chức có quyền, sẵn sàng phục vụ người có danh giá hơn là làm tôi tớ hay phục vụ người hèn mọn, thấp kém trong xã hội.

Cái khó của người làm lớn, người cầm đầu là chịu hạ mình làm người rốt hết, làm tôi tớ để phục vụ mọi người.

Hãy mang lấy tâm tình và thái độ của trẻ nhỏ trong việc đón nhận Nước Trời và trong cách đối xử với người khác, “vì Nước Trời là của những người giống như chúng” (Mt. 19:14).

NGĂN CẢN, TẶNG ĐÁ VẤP NGÃ

Trên những chặng đường trong sa mạc, có một lần Thiên Chúa nói với ông Môisê: “Hãy tập hợp lại cho Ta bảy mươi người trong số kỳ mục Israen, những người người biết là kỳ mục và kỳ lục trong dân. Người sẽ đem chúng đến Lều Hội Ngộ, để chúng đứng đó với người. Ta sẽ xuống đó nói chuyện với người. Ta sẽ lấy một phần Thần Khí đang ngự trên người mà đặt trên chúng, chúng sẽ cùng người gánh vác dân này, và người sẽ không còn phải vác một mình nữa”.

Ông Môisê nói lại với dân chúng những lời Thiên Chúa dạy và thực hiện đúng những gì Thiên Chúa truyền.

Bấy giờ, có hai ông được ghi vào danh sách những kỳ mục, nhưng không đến Lều, lại ở lại trong trại. Đó là hai ông Endát và Mêđát. Thần Khí đậu xuống trên các ông và các ông bắt đầu phát ngôn trong trại. Một thanh niên chạy đi báo tin cho ông Môisê: “Ông Endát và ông Mêđát đang phát ngôn trong trại!” Nghe thế, ông Giosuê, con ông Nun, từng theo hầu ông Môisê từ hồi còn nhỏ, lên tiếng nói với ông: “Thưa thầy, xin thầy ngăn cản họ!” Nhưng ông Môisê trả lời: “Anh ghen giùm tôi à? Phải chi Thiên Chúa ban Thần Khí trên toàn dân của Người để họ đều là ngôn sứ!” (xem Dân số 11: 25-29)

Bài trích *Tin Mừng* theo thánh Máccô, Chúa nhật 26 Thường niên năm B cũng thuật lại một sự việc tương tự: ông Gioan báo cáo lại với Chúa: “Thưa Thầy, chúng con thấy có người lấy danh Thầy mà trừ quỷ. Chúng con đã cố ngăn cản, vì người ấy không theo chúng ta”.

Lý do để các môn đệ của Chúa Giêsu bất bình với người nhân danh Thầy mình để trừ quỷ là vì người ấy lạm dụng danh nghĩa, uy tín của Thầy hay vì người ấy không thuộc nhóm của Thầy? Phải chăng các ông cố ngăn cản người ấy nhân danh Thầy mà trừ quỷ chỉ vì, hơn ai hết, các ông là những người theo Thầy, thuộc nhóm được tuyển chọn, được Thầy ban đặc ân chữa bệnh và làm phép lạ nên các ông ganh tị!

Nhân danh Thầy để làm điều xấu, đó là việc cần ngăn cản, nhưng nhân danh Thầy để làm điều thiện thì sao lại ngăn cản?

Chẳng những Chúa không đồng tình với việc họ làm mà còn khiển trách: “Đừng ngăn cản người ta”, vì người lấy danh nghĩa, uy tín, quyền lực của Thầy mà trừ quỷ thì ít nhiều họ cũng đã tin vào quyền năng của Ngài và tuy không thuộc nhóm, nhưng họ không chống đối, không nói xấu tức là đã ủng hộ, đã gián tiếp theo Thầy và thuộc về Thầy.

Hai đảng phái chính trị đối lập, người theo đảng dân chủ không thể nhân danh đảng cộng hòa để làm việc này việc nọ, nhưng khi họ nhân danh đảng đối lập để nói hoặc làm điều gì, thì gián tiếp họ đồng tình hay ủng hộ việc làm của đảng kia, đúng như lời Chúa nói: “Không ai lấy danh nghĩa Thầy mà làm phép lạ, rồi ngay sau đó lại nói xấu về Thầy. Quả thật, ai không chống lại chúng ta là ủng hộ chúng ta”.

Lời khiển trách của Chúa Giêsu nói lên thái độ cởi mở và lòng khoan dung đối với hết mọi người trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa:

Sống là chia sẻ: chia sẻ ơn cứu độ, chia sẻ lời Chúa và đừng ngăn cản người ta đến với Chúa bằng bè phái, bằng tự mãn..., đừng làm cơ cho nhau vấp phạm.

Sự lựa chọn của Thiên Chúa không phải là một đặc ân cho cá nhân để độc quyền giữ lấy hay ganh tị khi có người khác cũng được đặc ân ấy, nhưng là một lời kêu gọi phục vụ dân Chúa. Đó là nguyên nhân làm cho người ta sa ngã, làm cho người ta xa lánh.

Như ông Môisê, nghe đệ tử báo lại có người không chịu đến Lều mà cứ ở lại trong trại nói tiên tri, ông không ghen tức với họ, mà còn mong: phải chi Thiên Chúa ban Thần Khí trên toàn dân của Người để họ đều là ngôn sứ!”

Câu trả lời của Chúa cũng nói lên tính chất phổ quát của đạo Chúa: đạo Chúa không phải chỉ dành riêng cho anh hay cho tôi mà cho tất cả mọi người. Chúng ta không độc quyền chiếm hữu lấy Chúa Kitô, cũng không phải mình là Kitô hữu để rồi kinh miệt người không cùng tôn giáo, cũng đừng hẹp hòi khi thấy người khác cũng được ơn huệ và thành tựu hơn mình, sợ người khác hơn mình, thấy người khác nổi hơn mình, đâm ra ganh tỵ... đó là những vấp ngã, nhưng gương xấu: lạm dụng danh nghĩa, đầu óc bè phái, là tảng đá vấp ngã.

Và cuối cùng, Chúa đã khuyến cáo: “Ai làm cơ cho một trong những kẻ bé mọn đang tin đây phải sa ngã, thì thả buộc cối đá vào cổ nó mà ném xuống biển còn hơn.” Cụm từ “một trong những kẻ bé mọn đang tin đây” nói lên trách nhiệm của Giáo hội, của cộng đồng nói chung và của mỗi Kitô hữu nói

riêng trong việc sống đạo.

Giáo hội là thân thể của Chúa Kitô, chúng ta là những chi thể: là tay, chân, mắt... Có lúc Giáo hội đã mất một tay, què một chân, mù một mắt, do những gương xấu, những ngăn cản của chúng ta đối với việc loan báo Tin Mừng cứu độ của Thiên Chúa.

Trong thư thứ nhất gửi Timôthê, thánh Phaolô cũng đã cảnh cáo: “Nếu có ai dạy một giáo lý khác, không theo sát lời lành mạnh, tức là các lời của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, và không theo sát giáo lý phù hợp với đạo thánh, thì người ấy lên mặt kiêu căng, không biết gì cả, nhưng mắc bệnh ham tranh luận và thích cãi chữ. Do đó sinh ra ganh tị, tranh chấp, lộng ngôn, nghĩ xấu, đấu khẩu liên miên giữa những người đầu óc lệch lạc, mất cả chân lý và coi việc giữ đạo là một nguồn lợi... (1Tm 6: 3-5)”

Nhìn lại lịch sử Giáo hội, chúng ta đã bắt gặp những ngăn cản, những tảng đá vấp ngã bên trong và bên ngoài Giáo hội:

- Nestôriô là Thượng phụ Giáo chủ thành Constantinôpôli. Ông chủ trương: Chúa Giêsu có hai ngôi vị là ngôi vị Thiên Chúa và ngôi vị loài người, nên Đức Maria chỉ là mẹ của một con người chứ không phải là mẹ Thiên Chúa. Vì thế, năm 431, Công đồng chung nhóm họp tại Êphêso đã cất chức Nestôriô và khẳng định: Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa và khẳng định thêm: Chúa Kitô chỉ có một ngôi vị và hai bản tính.

- Một trường hợp khác: vì say mê cô hầu Anne Boleyn, Henri VIII, vua nước Anh muốn ly dị vợ là Catharine xứ Aragon. Đức Thánh Cha Clémentê VII không chấp thuận. Nổi tức, Henri bèn lập ra Giáo hội quốc gia, phủ nhận quyền của Đức Giáo hoàng. Đến đời vua Edouard VI thì họ hoàn toàn ly khai với Giáo hội. Năm 1563, Nữ hoàng Êlisabeth I tuyên bố chiếu chỉ “Một tôn giáo duy nhất”, và Anh giáo được thành lập.

- Và thêm một trường hợp nữa: Nữ tu đời Ange Hatti, trong tác phẩm *Jesus caritas*, thuật lại một câu chuyện như sau: Trước Công đồng Vatican II, có một người bạn vô thần tôi yêu mến nhận định với tôi rằng: “Hội thánh là một thể lực tiền bạc, là điểm tựa của các nhà độc tài và đại tư bản”. Ông ta thắc mắc về các vị lãnh đạo Hội thánh độc đoán và phe phái, về các tín hữu tự cho mình là tốt mà hành động xấu xa, về các linh mục thụ hưởng và làm giàu... Tôi kiên nhẫn lắng nghe ông, rồi nói: “Tôi đã làm gì anh mà anh hạ nhục tôi như vậy?” Ông sừng sờ hỏi lại: “Tôi xỉ nhục cô ư? Tôi đâu có

nói gì cô? Tôi không nói gì cô mà cũng không nói gì về một người bạn của cô như linh mục X hay chị Y... Tôi nói đến Hội thánh cách chung mà!” Tôi trả lời: “Đúng thế! Hội thánh cách chung là tôi, Hội thánh cách chung là tất cả những kẻ mà anh chỉ trích, những kẻ mà anh loại trừ; họ trộn lẫn với nhau một cách không thể phân ly. Hội thánh cách chung là họ, là tôi, là tất cả những người ấy!” Ông bạn từ đó không bao giờ còn thắc mắc với tôi về Hội thánh. Và nhiều lần trước mặt tôi, ông còn tìm cách làm nổi bật những dấu hiệu tích cực về sự hiện diện của Hội thánh trong thế giới ngày nay nữa. *(Những Người Lữ Hành Trên Đường Hy Vọng)*

Chúng ta ngăn cản người ta nhân danh Thầy, đến với Thầy bằng ghen tị, tự mãn, hẹp hòi, cục bộ, bè phái.

Chúng ta trở nên tảng đá vấp ngã khi mến Chúa mà không yêu người, chỉ muốn một mình được cứu rỗi, nhìn đến quyền lợi mà quên đi nghĩa vụ, nhắm quyền lợi riêng mà quên quyền lợi chung, chú trọng phương tiện hơn là cứu cánh: giữ đạo hơn sống đạo.

Cũng có những lúc chúng ta nhân danh Chúa, nhân danh Kitô hữu nhưng lại không sống và hành động theo gương Chúa.

Chúng ta trở thành tảng đá gây vấp ngã cho người khác khi chúng ta sống thiếu cởi mở và khoan dung, thiếu bác ái yêu thương.

Đạo Chúa không phải là một tôn giáo độc quyền; không phải chỉ những người mang danh Kitô hữu mới được phần phúc mà ngay cả những người chưa nhận biết Chúa, chưa làm con Chúa nhưng sống yêu thương bác ái thì cũng được Chúa ban thưởng: “Ai cho anh em uống một chén nước vì lẽ anh em thuộc về Đấng Kitô, thì thấy báo thật anh em, người đó sẽ không mất phần thưởng đâu”.

Nếu chưa thể là ánh sáng soi lối cho người ta đi, chưa thể là muối ướp mặn cho đời thì cũng đừng trở nên tảng đá cho người ta vấp ngã.

LY DỊ

Gia như trên cuộc đời này Thiên Chúa chỉ tạo dựng có đàn ông hay phụ nữ thì thế gian này sẽ ra sao nhỉ? Có lẽ cuộc sống sẽ buồn chán, và con người sẽ chết lần chết mòn cho đến lúc tận diệt! Không, Thiên Chúa đã sáng tạo con người có nam có nữ.

Thiên Chúa sáng tạo nên người đàn ông trước, nhưng Ngài thấy: “Đàn ông ở một mình không tốt”, nên Ngài quyết định “sẽ làm cho đàn ông một người trợ tá tương xứng với nó”. Thiên Chúa làm cho Adam ngủ say, và khi ông ngủ, Ngài lấy một xương sườn của ông và đắp thịt lại. Thiên Chúa làm cho chiếc xương sườn lấy từ Adam trở thành người đàn bà, rồi dẫn đến với Adam. Adam liền nói: “Bây giờ đây xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi”. Người này sẽ được gọi là người nữ, vì bởi người nam mà ra. Vì thế, người đàn ông sẽ lia bỏ cha mẹ mà kết hợp với vợ mình và cả hai nên một thân thể. Và những gì Thiên Chúa đã thiết lập con người không được phân ly. Hôn nhân được thiết lập từ đó và cũng từ đó tình yêu hôn nhân đã góp phần làm cho loài người trở nên đông đúc trên trái đất, và cũng chính tình yêu hôn nhân mang đến cho con người bao nhiêu hạnh phúc và không ít khổ đau. Tình yêu là lẽ sống!

Một chàng thanh niên ở thôn Đoài, nhân một lần ghé qua thôn Đông, gặp một thiếu nữ xinh đẹp. Đôi nam nữ phải lòng nhau như duyên tiền kiếp; thể là họ yêu nhau. Xa nhau thì nhớ thì mong.

Chàng thì:

Thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười mong một người

Gió mưa là bệnh của trời

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng (Nguyễn Bính- Tương Tư)

Còn nàng thì:

Nhớ ai con mắt lim dim,

Chân đi thắt thểu như chim tha mồi.

Nhớ ai hết đứng lại ngồi,

Ngày đêm tơ tưởng một người tình nhân. (Ca dao)

và mặc cho cách núi ngăn sông, mặc cho cha mẹ cản ngăn:

Đôi ta như lúa đòng đòng

Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha.

Đôi ta như chỉ se ba,

Thầy mẹ se ít, đôi ta se nhiều.

Thương anh bụng sát tận da,

Anh thì không biết tưởng là đôi ăn. (Ca dao)

Và cuối cùng, trước mặt Thiên Chúa, qua bí tích Hôn phối, cả hai đã “hứa sẽ giữ lòng chung thủy với nhau khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi bệnh hoạn cũng như lúc mạnh khỏe để yêu thương và tôn trọng nhau mọi ngày suốt đời”.

Thời gian đầu, tình yêu gia đình thấm thiết và dễ dàng thông cảm chấp nhận lẫn nhau; nhưng khi bước qua giai đoạn “quen quá hoá nhạt” thì đây là thời kỳ vợ chồng bắt đầu chú ý đến những tính xấu, lỗi lầm của nhau, bắt đầu thấy khó chấp nhận lẫn nhau, bắt đầu tìm những khác biệt của nhau, bắt đầu nảy sinh xung khắc. Phải chi mà: Chồng giận thì vợ bớt lời, Com sôi nhỏ lửa một đời không khê; nhưng tiếc thay khi tình yêu gia đình đã đi đến chỗ đơn điệu, nặng nề cho nhau dẫn đến kết quả là

Xưa kia ở với mẹ cha

Mẹ cha yêu dấu như hoa trên cành.

Từ ngày tôi ở với anh,

Anh đánh anh chửi, anh tình phụ tôi.

Đất xấu chẳng nặn nên nôi

Anh đi lấy vợ cho tôi lấy chồng. (Ca dao)

Có ai ngờ lời thề thốt Yêu nhau đến thác vẫn còn yêu nhau đã phai nhạt với thời gian để rồi lại chia tay, ly dị!

Chẳng phải ngày nay mà ngay thời ông Môisê, đã có vấn đề ly dị. Một hôm, có mấy người Pharisêu đến thử hỏi Chúa Giê-su: “Thưa Thầy, chồng có được phép rẫy vợ không?” Ngài hỏi lại: “Thế ông Môisê truyền dạy các ông điều gì?” Họ trả lời: “Ông Môisê đã cho phép viết giấy ly dị mà rẫy vợ.” Ngài nói với họ: “Chính vì các ông lòng chai dạ đá, nên ông Môisê mới viết điều răn đó cho các ông. Còn lúc khởi đầu công trình tạo dựng, Thiên Chúa đã làm nên con người có nam có nữ; vì thế, người đàn ông sẽ lia cha mẹ mình mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ trở thành một xương một thịt. Như vậy,

họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt. Vậy sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly.”

Hôn nhân là đỉnh cao của công trình sáng tạo của Thiên Chúa.

Hôn nhân còn là kiệt tác của tình yêu: “Đàn ông sống một mình không tốt...”

Hôn nhân là sự kết hợp giữa người nam và người nữ, là sự liên kết do Thiên Chúa và con người không được phân. Điều đó nói lên tính chất vững bền cao cả của hôn nhân.

Chính vì con người lòng chai dạ đá, không biết hy sinh cho nhau, không tha thứ những sai lầm của nhau, không gạt bỏ những sở thích ý riêng của mình để sống hoà hợp với nhau, không biết nhường nhịn nhau mới nảy sinh vấn đề ly dị.

Khi bước vào tình yêu hôn nhân với tư cách là một người Kitô hữu, chúng ta bước vào cuộc sống và hành động của Thiên Chúa.

Lấy tình yêu Thiên Chúa để làm mẫu mực cho tình yêu nhân bản. Nét đặc trưng của tình yêu Thiên Chúa là ân huệ và tha thứ. Thiên Chúa không quan tâm đến những lỗi lầm của chúng ta; nhưng Ngài nhận chìm chúng ta trong tình yêu. Ngài không chút khắt khe với những quên lãng của chúng ta, không bao giờ trả thù những xúc phạm tội tệ của chúng ta; Ngài chỉ yêu thương hơn, nghĩa là tha thứ, vì tha thứ luôn luôn là sức sống mạnh mẽ của tình yêu.

Biết tha thứ là biết ra khỏi mình, là nhận ra người khác qua sự yếu đuối của mình và cũng chính từ đó cho phép tình yêu lớn lên và đào sâu hơn.

Tự bản chất, con người là hữu hạn và bất định. Chính cái bất định làm cho con người dễ hoặc mau thay đổi, luôn hoài vọng và khắc khoải đến một cái gì tốt đẹp hơn, cao hơn; và thân phận bi đát của con người là biết được giới hạn của mình nhưng không chấp nhận giới hạn đó. Điều này đẩy con người vươn lên đi tìm vĩnh cửu.

Trong tình yêu, sống hoà hợp với nhau trong những dị biệt của nhau đòi hỏi cả hai phải hy sinh những sở thích, ý riêng của mình để chấp nhận những thiếu sót lỗi lầm của nhau. Tính hẹp hòi, nhỏ nhen là kẻ thù của tình yêu.

Trong sách *Cổ Học Tinh Hoa* có một câu chuyện nói lên lòng thủy chung giữa vợ chồng như sau:

Cảnh Công, vua nước Tề thời Xuân Thu, có một một cô con gái yêu muốn gả cho Ân Tử, tức Ân Anh làm quan đời vua Cảnh Công, là người trung thành, tiết kiệm có tiếng thời bấy giờ. Một hôm, vua đến ăn tiệc nhà

Án Từ, thấy vợ Án Từ, vua hỏi:

- Nội tướng của tướng công đấy có phải không?

Án Từ thưa:

- Vâng, phải đấy.

Vua nói:

- Ôi! Người trông sao vừa già vừa xấu! Quả nhân có đứa con gái trẻ và xinh đẹp, xin cho về hầu, tướng công nghĩ sao?

Án Từ đứng dậy thưa rằng:

- Nội tử tôi nay thật già và xấu; nhưng lấy tôi và ăn ở với tôi đã lâu, kể từ lúc còn trẻ đẹp. Xưa nay, đàn bà lấy chồng lúc còn trẻ, cốt để nhờ cậy lúc về già; lấy chồng lúc còn đẹp, cốt để nhờ cậy lúc xấu. Nội tử tôi thường nhờ cậy tôi mà tôi cũng đã nhận sự nhờ cậy ấy. Nay nhà vua muốn ban ơn chắc cũng không nỡ để cho tôi ăn ở bội bạc với những điều nội tử tôi đã nhờ cậy tôi.

Nói đoạn, Án Từ lạy hai lạy xin từ chối không lấy (Án Từ - *Cổ Học Tinh Hoa*)

Quả là một bài học thủy chung đáng giá cho những ai sống đời sống vợ chồng!

Yêu nhau vạn sự chẳng nề,

Một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng

Yêu nhau tâm trí hao mòn,

Yêu nhau đến thác vẫn còn yêu nhau. (Ca dao)

CHỌN LỰA

Hai khát vọng lớn thuộc đời sống vật chất chi phối đời sống con người là danh vọng và tiền tài. Nhưng còn một khát vọng khác mà con người không thể không nhắm tới, đó là khát vọng tâm linh, khát vọng vĩnh cửu trong thế giới hữu hạn. Để tìm đến thế giới vĩnh cửu của một Đấng Siêu Phàm, con người không thể tìm đến bằng suy luận mà phải bằng niềm tin.

Vua Salomon, sau khi nối nghiệp vua cha là Đavít, một đêm tại Ghipôn, Thiên Chúa hiện ra báo mộng cho ông, Thiên Chúa phán: “Người cứ xin đi, Ta sẽ ban cho”.

Địa vị, quyền lực, danh vọng và tiền tài thì ông có thừa; nhưng ông vẫn chưa thoả mãn. Ông xin gì với Thiên Chúa? Ông sẽ xin Ngài cho ông được sống lâu, được giàu sang, được trẻ đẹp, được trở nên hùng mạnh để lướt thắng mọi quân thù ư? Không. Ông không xin những thứ ấy, nhưng ông xin: “Lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của con, chính Chúa đã đặt tôi tở Chúa đây lên ngôi kế vị Đavít, thân phụ của con. Mặc dầu con chỉ là một thanh niên bé nhỏ, không biết cầm quyền trị nước. Con lại ở giữa dân mà Chúa đã chọn, một dân đông đúc, đông không kể xiết, cũng không đếm nổi. Xin ban cho tôi tở Chúa đây một tâm hồn biết lắng nghe, để cai trị dân Chúa và phân biệt phải trái”.

Thiên Chúa hài lòng với lời xin của ông: “...Ta ban cho người một tâm hồn khôn ngoan minh mẫn, đến nỗi trước người, chẳng một ai sánh bằng, và sau người, cũng chẳng có ai bì kịp. Cả điều người không xin Ta cũng ban cho người: giàu có, vinh quang, đến nỗi suốt đời người không có ai trong các vua được như người...” (Xem 1V. 3: 4-14)

Và vào thời Tân Ước, một hôm, Chúa Giêsu vừa lên đường, thì một chàng thanh niên chạy đến, quỳ xuống trước mặt Ngài và hỏi: “Thưa Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?”

Người thanh niên ấy là ai? Là một thanh niên giàu có. Anh đã có gia nghiệp dư thừa ở trần gian, nhưng anh lại muốn có thêm sự sống đời đời làm

gia nghiệp. Thoả mãn được khát vọng tiền tài, danh lợi chưa phải là niềm hạnh phúc đích thực cho con người đi kiếm tìm mà còn một khát vọng khác nơi thế giới siêu nhiên.

Nhân câu hỏi của chàng thanh niên, Chúa gián tiếp nói với chúng ta rằng: con người là bất toàn, chỉ một mình Thiên Chúa là nhân lành và tuyệt hảo. Để trở nên người trọn lành, con người phải vươn lên, phải nỗ lực, phải đi con đường hy sinh đau khổ.

Với người thanh niên, Chúa Giêsu đã vạch cho anh con đường trọn lành. Đòi hỏi đầu tiên là giữ các giới răn của Chúa: Chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thờ cha kính mẹ. Những điều đó anh thanh niên đã giữ ngay từ hồi còn bé, cũng như chúng ta là Kitô hữu, chúng ta đã giữ những giới răn ấy ngay từ bé. Giữ được như thế là tốt, nhưng chưa đủ, “Anh chỉ thiếu có một điều là “hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi”.

Nghe lời đó, anh trầm nghĩ: từ bỏ tất cả những gì mình có, nhất là của cải vật chất để được kho tàng trên trời, một kho tàng anh chỉ nghe hứa hẹn mà chưa một lần được nhìn thấy, và được theo Thầy, được làm môn đệ Thầy không biết có được danh vọng, quyền thế gì không hay lại trắng tay! Anh ta sa sầm nét mặt và buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải. Thấy thế, Chúa Giêsu rảo mắt nhìn chung quanh, rồi nói với các môn đệ: “Những người có của thì khó vào Nước Thiên Chúa biết bao!”

Thái độ dứt khoát của chàng thanh niên: giữ lấy sự giàu có hơn là được sự sống đời đời làm gia nghiệp. Quả đúng như lời Chúa đã nói: của cải ở đâu thì lòng ở đó!

Sống là chọn lựa. Sự chọn lựa quan trọng và cần thiết nhất cho cuộc sống của chúng ta là sự chọn lựa giữa cái vĩnh cửu và cái hư mất, giữa Thiên Chúa và của cải vật chất.

Con người chúng ta được Thiên Chúa tạo dựng có hồn và xác. Hồn có của cải của hồn, xác có của cải của xác. Của cải ở đâu thì lòng ở đó. Vậy chúng ta muốn lòng chúng ta ở đâu thì hãy mưu cầu loại của cải tương ứng!

Chúng ta chọn theo Chúa thì phải đặt tất cả niềm tin vào Ngài. Đứng trước lời mời gọi có tính quyết định: lời mời gọi của Thiên Chúa và lời mời mọc của thế gian, chúng ta phải có thái độ dứt khoát: không được làm tôi hai

chủ, không được nhập nhằng nước đôi, không được bắt cá hai tay.

Sự lựa chọn theo Chúa đòi hỏi chúng ta phải hy sinh, phải từ bỏ những gì không thuộc về Thiên Chúa, hay nói khác phải thực hành những gì Ngài đòi hỏi: bán hết của cải mình có để chia sẻ cho kẻ khác, đặc biệt là những người nghèo khó. Quả là một đòi hỏi khó thực hiện!

Khó như lạc đà chui qua lỗ kim, nhưng không phải không thực hiện được. Cái không thể đối với con người thì lại có thể đối với Thiên Chúa.

Hôm ấy, vào dịp lễ thánh Têrêxa Avila, một nhà dòng Kín nọ mở cổng cho giáo dân và bà con vào tham quan. Có một người khách hiếu kỳ không hiểu được lý do cuộc sống khắc khổ nhiệm nhặt của các nữ tu này, và thâm nghĩ: chỉ những người không đủ cơm ăn áo mặc, nghèo khổ, xấu số mới liều mình dẫn thân vào một nơi khủng khiếp như thế này!

Gặp một nữ tu ở hành lang, ông hỏi: “Này chị, giá chị có một toà nhà sang trọng như tòa nhà ở ngoài cổng, đối diện với nhà dòng, chị có thể hy sinh chôn mình vào trong bốn bức tường dòng Kín này không?”

Chị nữ tu vui vẻ trả lời: “Thưa ông, nhà ấy chính là nhà của tôi đó”.

Quả vậy, nhà ấy là tòa nhà của chị thánh Têrêxa Hải Đổng Giêsu, người nữ tu mà ông khách hiếu kỳ vừa chất vấn.

Hay như Vua Salomon đã ghi lại trong sách *Khôn Ngoan*:

“Tôi đã ao ước được ban sự hiểu biết, tôi cầu khẩn được thần trí khôn ngoan đến cùng tôi. Tôi lấy sự khôn ngoan làm hơn vương quốc và ngai vàng; đem so sánh sự giàu sang với sự khôn ngoan, tôi kể sự giàu sang như không. Tôi cũng không so sánh nó với kim cương, vì mọi thứ vàng đem so sánh với nó thì kể như hạt cát nhỏ bé, và bạc đem để trước nó, thì kể như đất bùn. Tôi yêu quý sự khôn ngoan hơn sức khỏe và sắc đẹp...”

Đáp lại lời mời gọi “Hãy đến và theo Ta” bằng việc giữ các giới răn chưa đủ mà còn phải có nhiệm vụ chia sẻ với những anh em bất hạnh.

Mười giới răn Chúa truyền, tóm lại thành hai: mến Chúa và yêu người. Giàu không phải là xấu; nhưng lại là cơ hội tốt khi chúng ta có điều kiện để phục vụ tha nhân. Chúa không cần chúng ta làm giàu về vật chất; nhưng Chúa muốn chúng ta làm giàu về tinh thần. Ngài không muốn chúng ta tích lũy của cải cho thân xác mà Ngài muốn chúng ta làm giàu cho tâm hồn. Lòng chúng ta ở nơi gia nghiệp tâm hồn hay nơi thân xác?

“Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy!”

Chúa đã khẳng định với các môn đệ qua câu hỏi của ông Phêrô: “Chẳng hề có ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con cái hay ruộng đất, vì Thầy và vì Tin Mừng, mà ngay ở đời này, lại không nhận được nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con hay ruộng đất gấp trăm, cùng với sự ngược đãi, và sự sống vĩnh cửu ở đời sau”.

Để kết thúc, xin được kể hai câu chuyện sau:

Trong cuộc suy thoái kinh tế tại Hoa Kỳ vào thập niên 1930, chính phủ thành lập một tổ chức có nhiệm vụ tìm đến những vùng xa xôi hẻo lánh để tiếp xúc với những nông dân nghèo và cấp phát cho họ một số tiền để mua hạt giống hoặc sửa chữa nhà cửa.

Một công chức nọ gặp một bà lão sống trong một căn hộ bệ rạc, không có nền nhà, hầu hết các cửa sổ đều bị vỡ và được bọc bằng giấy dầu. Bà lão gần như chỉ sống qua ngày nhờ vào một mảnh đất cò con, khô cằn.

Người công chức hỏi bà: “Nếu như nhà nước cấp cho bà 20 đôla, bà sẽ làm gì với món tiền ấy?”

Bà lão mau mắn trả lời: “Tôi sẽ đem cho người nghèo”

Lại một câu chuyện khác:

Cách đây không lâu, tờ *New York Times* có thuật lại câu chuyện về một bà góa 90 tuổi. Người ta tìm thấy bà sống thoi thóp gần như chết đói trong một căn hộ tồi tàn, đầy chuột bọ.

Trong khu vực ấy, người ta biết đến bà như một con người lúc nào cũng thấy đang lục bới những thùng rác để bòn mót những đồ phế thải, những miếng các tông hoặc những que củi còn có thể dùng được để đốt lò sưởi trong mùa đông. Bà chỉ ăn những loại hot dog rẻ tiền để sống qua ngày.

Ba tuần lễ sau đó, bà qua đời tại một bệnh viện ở New York. Khi thu dọn căn hộ của bà, người ta đã tìm thấy một số tiền lên đến 275.000 đôla được cất trong một hộp giấy.

Chúng ta nghĩ gì về hai mẫu chuyện trên!

“THƯA ĐƯỢC”

Cách đây vài tuần, chúng ta đã nghe Chúa tiên báo lần thứ hai về cuộc khổ nạn Ngài sẽ phải trải qua; và qua lần tiên báo ấy, Ngài cũng đã hứa với các môn đệ là Ngài sẽ cho họ được ngồi trên ngai để xét xử mười hai chi tộc Israen; và các ông vẫn cứ đinh ninh rằng Chúa sẽ làm vua thống trị và họ sẽ được một chức vụ nào đó, nên dọc đường, các ông đã tranh cãi với nhau xem ai là người lớn hơn cả.

Trên đường lên Giêrusalem lần này, hai con ông Giêbêđê là Giacôbê và Gioan đến gần Chúa và nói: “Thưa Thầy, chúng con muốn Thầy thực hiện cho chúng con điều chúng con sắp xin đây”. Ngài hỏi: “Các anh muốn Thầy thực hiện cho các anh điều gì?” Các ông thưa: “Xin cho hai anh em chúng con, một người được ngồi bên hữu, một người được ngồi bên tả Thầy, khi Thầy được vinh quang”.

Việc hai anh em con ông Giêbêđê xin được ngồi bên tả bên hữu Chúa, một lần nữa, lại gây ghen tức giữa các môn đệ, lại tranh giành địa vị xã hội vào ngày mà họ nghĩ Thầy sẽ lập vương quốc ở trần thế!

Đúng như lời Thầy khiển trách: “Các anh không biết các anh xin gì!”

Gián tiếp Chúa cũng cho các ông biết: anh em lấy tư cách gì để xin ngồi bên tả, bên hữu Thiên Chúa! Ngồi bên tả hay bên hữu là việc Thiên Chúa đã chuẩn bị cho ai thì kẻ ấy mới được; “Các anh có uống nổi chén Thầy sắp uống, hay chịu được phép rửa Thầy sắp chịu không?”

Đây cũng là lần tiên báo thứ ba về cuộc khổ nạn Ngài sẽ phải chịu.

Hai ông dám công khai xin cho được ngồi bên hữu, bên tả Chúa kể ra cũng là một lời xin lộ liễu trước mặt các môn đệ khác, và tuy chẳng hiểu chén mà Thầy sắp uống, phép rửa mà Thầy sắp chịu là gì, nhưng hai ông vẫn quả quyết: “Thưa được”.

Có lẽ lúc bấy giờ hai ông “Thưa được” là để cho qua chuyện, nhưng về sau, lời quả quyết ấy đã trở nên sự thật. Hai ông đã uống chén đắng như Thầy đã uống và đã chịu phép rửa như Thầy đã chịu: vào năm 44, thánh Giacôbê đã chịu tử đạo dưới thời vua Agrippa đệ nhất. Còn thánh Gioan bị bỏ vào vạc dầu sôi, nhưng được cứu thoát nhờ phép lạ; và cuối cùng ngài cũng chết anh

hùng sau những tháng ngày sống lưu đày trên đảo Patmô.

Giacôbê và Gioan xin cho họ được ở vị trí cao nhất trong vương quốc của Chúa. Họ chỉ nghĩ đến mình nên gây bức tức cho người khác. Hai ông là biểu tượng cho những khát vọng trần thế: địa vị xã hội, danh lợi, quyền thế, vinh quang, thống trị; đó là khát vọng của người đời.

Thực ra “ai ước mơ được làm thủ lãnh, là mơ ước một điều tốt lành” (1 Tm. 3:1); trong bất cứ tổ chức, tập thể nào cũng cần có người lãnh đạo. Chúa cũng không hủy bỏ vai trò của người đứng đầu, người thủ lãnh;

nhưng làm thủ lãnh, làm đầu để phục vụ người khác thì khác với tinh thần làm lớn để người khác phục vụ mình.

Chúa Giêsu đưa ra hai mẫu người làm lớn, người cầm đầu thiên hạ, người thủ lãnh: mẫu người thứ nhất dùng uy quyền để thống trị và cai quản dân, mẫu người thứ hai đối nghịch với mẫu người thứ nhất là phục vụ và là đầy tớ của mọi người: “Anh em biết: những người được coi là thủ lãnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Nhưng giữa anh em thì không được như vậy: ai muốn làm lớn giữa anh em thì phải làm người phục vụ anh em; ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ mọi người. Vì Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người”.

Mẫu người làm thủ lãnh theo yêu cầu của Chúa Giêsu là phục vụ và làm đầy tớ người khác.

Có ông vua nào trên trần thế này qui xuống mà rửa chân cho các gia nhân trong triều không?

Có người nào giàu nhất thế giới mà chịu sống cảnh không cửa, không nhà, không có gối đầu để tìm đến những người nghèo khổ không?

Có vị thủ lãnh nào dám hy sinh mạng sống mình để cứu muôn người không?

Có vị thủ lãnh nào, bị nghiền nát, chịu kiếp sống lao đao, bị liệt vào hàng khổ nghịch vì hạnh phúc của con người không?

Thưa có. Vị vua ấy, vị thủ lãnh ấy là Vua Giêsu Kitô.

Thánh Paulinô, Giám mục thành Nôla (353-431), sau khi thu xếp xong việc gia đình, từ bỏ chức lãnh sự ở Rôma, đã sống một cuộc đời tu đức khổ hạnh và làm đến chức Giám mục. Khi quân Goths chiếm đóng xứ ngài và bắt nhiều người làm nô lệ, ngài đã bán tất cả gia sản để nuôi người nghèo và

chuộc nhiều kẻ nô lệ trong số đó. Tới lúc quân Vandales tiến đến, ngài không còn gì để bán nữa nên đã hy sinh chính bản thân mình, đi làm nô lệ thay cho con trai của bà góa và bị điệu sang Phi châu. Mãi lâu sau, ngài được trả tự do và trở về lại giáo phận Nôla của ngài trước niềm hân hoan cảm phục của mọi giáo hữu.

Ngoài ra, nhân dịp này Chúa còn dạy các môn đệ một bài học sâu xa về lòng khiêm nhường phục vụ mà người thủ lãnh, người cầm đầu cần phải có.

Bất cứ ở địa vị nào, chúng ta cũng có thể phục vụ người khác; nhưng người ở địa vị có quyền lực cao là người có nhiều điều kiện và cơ hội để phục vụ người khác hơn. Quyền bính phải đi đôi với phục vụ và làm đầy tớ mọi người. Người đứng đầu lại là người rốt hết. Người có quyền lực lại là người phục vụ kẻ khác, người tôi tớ của mọi người. Vị trí vai trò đảo ngược trong Vương quốc của Thiên Chúa! Chúa đòi hỏi người làm lớn, người có địa vị, quyền lực phải chấp nhận uống chén Thầy đã uống, chịu phép rửa Ngài đã chịu khác với quan niệm của thế nhân là người có quyền lực áp bức người yếu thế, người giàu sang cai trị, bắt nạt người nghèo khó.

Câu hỏi Chúa Giêsu nêu lên cho hai môn đệ Giacôbê và Gioan cũng là câu hỏi Chúa đặt ra cho mỗi người chúng ta: “Các anh có uống nổi chén Thầy sắp uống, hay chịu được phép rửa Thầy sắp chịu không?”

Chén mà Thầy sắp uống là chén đau khổ trong vườn cây dầu: “Lay Cha, nếu có thể, thì xin cho con khỏi uống chén này, nhưng không theo ý Con một theo ý Cha mà thôi”; và phép rửa Thầy sẽ chịu là phép rửa bằng máu, là cái chết đau thương trên Thập giá. Tóm lại, chúng ta có sẵn sàng chịu đau khổ với Chúa không?

Có lẽ chúng ta cũng “Thưa được” với Chúa, nhưng lại sống khác đi. Miệng chúng ta quả quyết mạnh mẽ là sẽ uống chén Chúa đã uống, sẽ sẵn sàng chịu phép rửa Chúa đã chịu, nghĩa là vác lấy Thập giá theo Chúa, nhưng có thể trong thâm tâm chúng ta lại mong muốn có một cây Thập giá nhẹ nhàng, tiện lợi theo ý riêng của mình hơn là vác lấy Thập giá theo thánh ý của Chúa gọi đến cho mình.

Có lẽ chúng ta cũng đã “Thưa được” với Chúa, nhưng vẫn còn e dè tránh né chén và phép rửa Chúa đã đi qua. Chúng ta nói tới chứ chưa dám dẫn thân thực sự vào, dầu Chúa đã tạo cho chúng ta nhiều cơ hội trong cuộc sống thường ngày của chúng ta.

Làm đầu hay làm người hèn mọn trong Nước trời đều là môn đệ của Chúa, đều được mời gọi phục vụ tha nhân đến quên mình, đến hy sinh mình. Không biết chúng ta đã đổ được bao nhiêu giọt mồ hôi cho Chúa, nói chi đến uống chén của Chúa, chấp nhận cuộc thanh tẩy của Chúa!

Chúa cho tôi một chỗ đứng trong Giáo hội, trong cộng đoàn, dầu chỗ đứng ấy lớn hay nhỏ, hãy lợi dụng nó để phục vụ anh em.

Chén đời sống của chúng ta có chén cay đắng, chén ngọt bùi, chén khó khăn trong việc đi theo Chúa là hy sinh và phục vụ người khác. Ai chia sẻ với Chúa chén cay đắng của Thập giá thì cũng sẽ chia sẻ với Ngài sự Phục sinh vinh quang.

CN XXX TN/B

Bài đọc 1: (Gr. 31:7-9). Bài đọc 2: (Dt. 5:1-6). Tin Mừng: (Mc. 10:46-52)

SÁNG MẮT HAY SÁNG LÒNG!

Ở ngoại thành Giêrikhô, trên một con đường nọ, người ta thường bắt gặp một người mù ngồi ăn xin bên vệ đường. Anh tên là Batimê, con ông Timê. Hằng ngày, tuy ngồi ăn xin, nhưng hình như anh ta vẫn luôn mong ngóng một điều gì đó. Một hôm, anh nghe xôn xao từ xa như có đám đông đi qua. Tiếng ồn ào càng ngày càng tiến lại gần anh hơn. Anh bâng quơ hỏi người qua đường:

- “Chuyện gì mà ồn ào thế các bác?

Một người qua đường cho anh biết ông Giêsu Nadarét đang đi qua đây.

Nghe thế, anh vội vàng kêu to lên:

- “Lạy ông Giêsu, Con vua Đavít, xin rủ lòng thương tôi!”

Nhiều người quát nạt bảo anh im đi, nhưng anh lại càng kêu to hơn:

- “Lạy Con vua Đavít, xin rủ lòng thương tôi!”

Chúa Giêsu đứng lại và bảo: “Gọi anh ta lại đây!”

Người ta gọi anh và bảo: “Cứ yên tâm, đứng dậy, Người gọi anh đấy!”

Nghe thế, anh vội vàng vắt áo choàng lại, đứng phắt dậy và quờ quạng đến gần Chúa. Khi anh tới gần, Ngài hỏi anh:

- “Anh muốn tôi làm gì cho anh?”

Anh đáp:

- “Thưa Thầy, xin cho tôi nhìn thấy”.

Ngài nói:

- “Anh hãy đi, lòng tin anh đã cứu anh!”

Tức khắc, anh nhìn thấy được và đi theo Ngài trên con đường Ngài đi.

Ba nhân vật trong câu chuyện là Chúa Giêsu, anh mù Batimê thành Giêrikhô và đám đông đi theo Chúa.

Đám đông thì bảo Chúa Giêsu là ông Giêsu Nadarét. Họ chỉ mới nhận ra Ngài như một nhân vật quê ở Nadarét, người làm nhiều điều lạ, chứ họ chưa nhận ra nhân vật họ đi theo chính xác là ai, hay cũng chỉ nghĩ Ngài là Gioan Tẩy giả, là Êlia hay một tiên tri nào đó sống lại. Có thể họ đi theo Chúa cho

vui, để xem các việc lạ Ngài làm, để được ăn no nê, hay a dua thấy người ta đi mình cũng đi. Có lần Chúa đã quở trách: “Họ có mắt mà không thấy”. Những người đi theo Chúa đã chứng kiến nhiều việc cao trọng Ngài đã làm, đã nghe Ngài giảng dạy giáo lý Nước Trời... nhưng họ vẫn chưa tin. Thiếu đức tin là thứ mù lòa còn trầm trọng hơn cả sự mù lòa của thể xác. Sáng mắt mà không sáng lòng! Chúng ta không mù, nhưng chúng ta đã thấy gì, ngạc nhiên những gì trước kỳ công của Thiên Chúa? Chúng ta sáng đôi mắt mà mù con mắt đức tin.

Còn anh mù, qua hai lần van xin Chúa Giêsu đủ lòng thương, có một chi tiết nhỏ nhưng lại quan trọng cần lưu ý. Lần thứ nhất anh kêu: “Lạy ông Giêsu, Con vua Đavít!”, lần thứ hai: “Lạy Con vua Đavít...” Có thể lần thứ nhất, anh kêu thế vì nghe người ta nói về Chúa Giêsu như một nhân vật xuất thân từ Nadarét: ông Giêsu Nadarét; nhưng lần thứ hai, anh đã siêu việt hóa nhân vật mà anh đang cầu xin là Đấng Mêsia, là Đấng Thiên Sai.

Anh mù về thể xác, nhưng anh lại sáng về tâm hồn, còn đám đông sáng mắt nhưng lại mù đức tin.

Khi nghe anh mù la lớn: “Lạy ông Giêsu, Con vua Đavít...”, nhiều người quát nạt bảo anh ta im đi. Phải chăng đám đông cho rằng anh không xứng đáng để người khác quan tâm đến vì thân phận mù lòa như anh!

Thái độ của những người đi theo Chúa, lúc thì quát nạt xua đuổi, bắt im đi, khi thì lại vỗn vơ như mình là người có chút liên hệ. Những người tự xưng là gần gũi bên Chúa lại thường gây trở ngại cho người cần đến với Chúa.

Khi nghe Chúa bảo: “Gọi anh ta lại đây!” thì người ta gọi anh ta và bảo: “Cứ yên tâm, đừng dậy, Người gọi anh đấy!” để tỏ ra mình quan tâm đến anh, lo lắng cho anh! Chúng ta ngăn cản người ta đến với Chúa vì sự hẹp hòi, tự mãn, nhưng lại tỏ ra quan tâm săn sóc người khốn khổ để tỏ ra mình bác ái yêu thương!

Đối với Thiên Chúa, chỉ cần phán một lời, chỉ cần ra một cử chỉ, chỉ cần muốn là có thể cứu chữa được ngay một con người khốn khổ, bệnh tật; nhưng Thiên Chúa không áp đặt, Ngài luôn muốn chúng ta cộng tác với Ngài: “Anh muốn tôi làm gì cho anh?” Chúa tôn trọng tự do của con người, Ngài để cho con người lựa chọn. Anh mù muốn gì? Anh muốn được sáng mắt để nhìn thấy hay anh muốn giàu để khỏi làm kiếp ăn xin bị người đời

khinh miệt? Đây cũng là dịp Chúa muốn cho anh tuyên xưng đức tin của anh, anh xin được thấy, tức là anh tin vào quyền năng của người mà anh xin.

Tức khắc, anh nhìn thấy được và đi theo Ngài trên con đường Ngài đi.

Từ chỗ chỉ là người tin, Batimê đã trở thành môn đệ. Nhưng cũng đã có những người đi theo Ngài nhưng vẫn mập mờ nước đôi, còn lưỡng lự trong suốt cuộc hành trình lên Giêrusalem.

Anh Batimê mù về thể lý nhưng lại sáng lại đức tin, anh mù với thế giới bên ngoài, nhưng anh lại sáng nơi nội tâm; anh sống với nội tâm hơn là sống với thế giới vật chất bên ngoài. Có thể anh chỉ nghe nói về Con vua Đavít, nghe về Đấng Thiên Sai, tuy chưa hề thấy Đấng ấy là ai, nhưng anh tin, tin mãnh liệt: “Lạy Con vua Đavít, xin đủ lòng thương tôi”; vì anh không thấy, nên anh chẳng phải bận tâm suy xét, so sánh, loại suy. Anh thấy bằng lòng tin; và chính lòng tin ấy đã làm cho Chúa phải cúi lòng và thương xót và chữa lành cho anh. Nếu đức tin anh không mạnh, thì khi nghe nói Chúa đến gần, anh đã không la to dù cho người ta ngăn cản và đã không vội vã áo choàng lại, đứng phất dậy mà đến gần Chúa. Cử chỉ vội vàng, dứt khoát của anh chạy đến với Chúa cũng nói lên sự cảm nhận nỗi khổ trong kiếp sống mù lòa của mình và anh đã thành khẩn van xin Thấy ban cho anh ánh sáng; và anh đã được toại nguyện: “Anh hãy đi, lòng tin của anh đã cứu anh”.

Đức tin ấy, niềm tin ấy đã cho phép anh không những được nhìn thấy Thấy mà còn đặc biệt hơn đã “đi theo Ngài trên con đường Ngài đi.”

Đôi khi chúng ta là những người sáng nhưng mù. Sáng đôi mắt mà mù tâm linh. Vô tâm trước những đau khổ của đồng loại, nhắm mắt lại để không nhìn thấy bất công xã hội, làm ngơ trước những rên xiết của tha nhân... là mù tâm linh. Chúa đã lên án họ: “Họ có mắt mà không thấy”. Họ đã chứng kiến những việc Chúa đã làm, nhưng họ vẫn không tin, hoặc bán tin bán nghi.

Nỗi bất hạnh của người câm điếc là không nghe được, không nói được. Khiếm khuyết là ở tai và miệng. Nỗi bất hạnh của người mù lại không thấy được. Khiếm khuyết ở mắt.

Batimê đi từ bóng tối ra ánh sáng, nhưng có những người đi từ ánh sáng vào bóng tối hay không nhìn nhận ánh sáng để đi vào bóng tối!

Đức tin là điều kiện tiên quyết để Thiên Chúa can thiệp vào lời cầu xin của chúng ta.

Bob Evans bị mù bẩm sinh, nhưng mãi đến năm mười lăm tuổi em mới được giải phẫu và thị lực của em đã hoạt động bình thường như mọi người, giúp cho em nhìn thấy được mọi vật. Toàn bộ thế giới đã thay đổi ngoài sức tưởng tượng của em.

Trong một cuộc phỏng vấn của báo chí, Evans đã chia sẻ tâm trạng phấn khích của em như sau: “Tôi không thể chờ đợi cho đến khi thức dậy vào buổi sáng mới nhìn xem những gì tôi có thể nhìn xem. Đó là điều thực sự kỳ diệu nhất trên đời. Ban đêm, tôi nhìn lên những vì sao lấp lánh... Hầu như lúc nào tôi cũng cảm thấy lâng lâng. Quý vị hình như không thể biết được, đối với tôi, vạn vật thật tuyệt vời như thế nào!”

Một sự đổi đời đối với anh mù Batimê cũng như với Bob Evans là đã được sáng mắt! Đôi mắt được mở ra đã đưa họ vào một thế giới mới, họ nhìn xem tất cả với một cái nhìn mới.

Lạy Chúa xin cho con được thấy!

LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH

Trong nhóm luật sĩ, có một người thấy Chúa Giêsu đối đáp hay, ông tiến lại gần và hỏi: “Thưa Thầy, trong mọi giới răn, giới răn nào trọng nhất?”

Chúa đã trả lời cho ông: “Giới răn trọng nhất chính là: hãy yêu Thiên Chúa, Thiên Chúa, Chúa chúng ta là Chúa duy nhất, và người hãy yêu mến Thiên Chúa là Chúa người hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức người. Và đây là giới răn thứ hai cũng giống như giới răn thứ nhất: Người hãy yêu mến tha nhân như chính mình người. Không có giới răn nào trọng hơn hai giới răn đó”.

Và ông đồng ý: “Thầy dạy phải lẽ...”, và ông còn thêm: “yêu mến Chúa và yêu tha nhân thì hơn mọi lễ vật toàn thiêu và mọi lễ vật hy sinh”. Thấy người ấy tỏ ý kiến khôn ngoan, Chúa Giêsu bảo ông: “Ông không còn xa nước Thiên Chúa đâu!”

Biết rõ về hai giới răn quan trọng nhất là bước đầu tiên. Đem chúng ra thực hành là bước thứ hai.

Giới răn quan trọng nhất là yêu, từ đó đặt ra hai đối tượng yêu: đó là Thiên Chúa và anh em. Hai đối tượng yêu ấy lại không thể tách rời. Yêu Chúa mà không yêu người là chưa thực sự thể hiện tình yêu của Thiên Chúa, chưa nhận ra con người là hình ảnh của Thiên Chúa, chưa nhận diện Thiên Chúa qua người anh em: khi Ta đói, khi Ta khát... các người đã không cho ăn, cho uống. Chăm chú thực hành các việc phụng tự mà quên đi bổn phận với người anh em là một thiếu sót, hay chỉ chú tâm đến những việc bác ái mà không có tình yêu của Thiên Chúa hướng dẫn thì cũng chỉ là hình thức khoe khoang, thương hại.

Thiên Chúa là Đấng Toàn năng, đầy quyền lực; Ngài yêu thương con người, không ganh tị, không tranh chấp, vô vị lợi, đã làm tất cả, hy sinh tất cả vì hạnh phúc của con người; như thế, con người yêu Thiên Chúa là chuyện dễ dàng. Chúng ta yêu Chúa để được cứu rỗi, để được lên thiên đàng. Tình yêu vụ lợi, tình yêu có mục đích. Đã được mấy ai yêu mến Thiên Chúa “hết

lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức lực” của mình như Chúa đã nói!

Ngược lại, yêu người thân cận, yêu anh em như chính mình mới là tình yêu đòi hỏi chúng ta phải trải qua nhiều phấn đấu và hy sinh.

Chúng ta yêu người yêu chúng ta thì chuyện đã đành, nhưng phải yêu những kẻ thù nghịch với mình thì mới là vắc thánh giá như Chúa đã vắc thánh giá vì những phản nghịch của con người. Hai vợ chồng yêu nhau, nhưng hy sinh chấp nhận nhau còn khó huống chi đến người xa lạ, kẻ địch thù!

Tha nhân là những người như chúng ta, mang thân phận bất toàn, nhiều khuyết điểm, sống bên cạnh... Những cái làm cho chúng ta khó yêu tha nhân là ganh tị, là xét đoán, chú ý đến cái tôi, ích kỷ.

Cha Gaston Courtois là một vị giảng phòng thời danh và là một nhà linh hướng khôn ngoan, thánh thiện, giàu kinh nghiệm, rất được các linh hồn mến phục. Ngài có thuật lại một câu chuyện như sau:

Một nữ tu nọ đến gặp tôi và nói với giọng hần học:

- Thừa cha, con hết chịu nổi rồi. Đời sống cộng đoàn làm cho con ngột ngạt quá. Xin cha giúp con, nếu không thì...

- Cha nghe đây, con cứ thành thật nói những gì đang đè nặng trong lòng con.

- Con biết sống chung thì không làm sao tránh khỏi va chạm, con chấp nhận như thế; nhưng vô phúc cho con lại gặp phải một chị không có chút thiện cảm tí nào. Chị ấy phê bình chỉ trích con; không nhận được, con cũng phê bình lại chị. Con thấy nơi chị cái gì cũng xấu. Con không thể nhìn mặt chị ấy được; nhìn thấy chị ấy là con tránh đi ngay để khỏi bực tức, sinh tội.

- Con giữ đức bác ái, sao lại không thương yêu chị ấy?

- Con biết Chúa dạy phải yêu thương cả kẻ nghịch của mình nữa. Nhưng thú thật với cha, với ai cũng được, nhưng với chị ấy, thì con ghét cay ghét đắng.

- Chị ấy xấu lắm sao?

- Thì con đã thưa với cha: chị ấy xấu hết chỗ nói: kiêu ngạo, phê bình, chỉ trích, nóng nảy, hay hờn dỗi, hay nói xiên nói xỏ, kể ân kể nghĩa, khoe khoang...

- Con chắc chắn chị ấy hoàn toàn xấu?

- Con đã cố gắng hiểu tốt cho chị ấy. Nhưng không thể được.

- Bây giờ cha đưa cho con một tờ giấy và cây bút. Con bắt đầu ghi cho cha những tính tốt của chị ấy.

- Có đâu mà viết! Không lẽ cha bắt con bịa ra sao!

- Con cứ bình tĩnh suy nghĩ xem! Không lẽ xấu đến thế mà người ta lại cho ở trong nhà dòng ư?

- Thế mới khổ nạn chứ!

- Bây giờ cha với con thử tìm xem chị ấy có mấy tính tốt nhé!

- Vâng! Cha cứ thử.

- Chị ấy có giữ đúng thời khóa biểu của dòng không?

- Việc này thì có.

- Con ghi vào đi, số 1. Chị ấy có vâng lời bề trên không?

- Chưa biết trong lòng thế nào, chứ bề ngoài thì vâng lời triệt để.

- Ghi vào số 2. Chị ấy có chu toàn bốn phận mình không?

- Bốn phận của chị là làm vườn và nuôi lợn gà. Nhờ khỏe mạnh nên lúc nào chị cũng vượt chỉ tiêu.

- Con ghi thêm vào, số 3. Khi có ai nhờ vả việc gì, chị ấy có sẵn sàng giúp đỡ không?

- Chị đã nhận giúp đỡ ai việc gì thì làm hết sức tận tụy.

- Con ghi vào điểm tốt số 4.

Cha Gaston Courtois cứ thế hỏi và chị nữ tu kia đã ghi gắp hết trang giấy. Ngài ôn tồn bảo:

- Thôi, đến đây tạm đủ rồi. Con hãy yêu mến Chúa Giêsu trong chị ấy. Con để trang giấy này trên bàn của con và hằng ngày đọc lại các đức tính của chị ấy để tìm hiểu và yêu mến chị ấy. Mỗi khi cảm thấy khó chịu, con đọc một kinh Kính Mừng và cầu nguyện cho chị ấy. Nhất là con cố gắng tươi cười với chị, đừng tìm cách lẩn tránh; ngược lại, phải tìm dịp gần gũi, trò chuyện, giúp đỡ hay nhờ chị ấy giúp đỡ con.

- Thà cha bắt con ăn chay đánh tội ngàn ngày còn hơn bắt con làm việc ấy. Khó quá!

...

Một tháng trôi qua, chị nữ tu lại đến gặp cha Gaston Courtois. Ngài hỏi:

- Thế nào, báo cáo lại cho cha nghe coi.

- Liễu thuốc cha cho con uống đắng quá, nhưng con đã phấn đấu và bắt đầu có kết quả rồi cha ạ!

Rồi từ đó, mỗi tháng chị nữ tu đều đến gặp cha linh hướng một lần. Đến tháng thứ năm, chị nữ tu hớn hờ khi gặp cha Gaston Courtois:

- Thừa cha, con chịu thua cha rồi! Trước đây, khi đến gặp cha, con mang một tâm hồn bi đát, thất vọng. Giờ đây con lại đến với cha với một tâm hồn

tràn ngập hy vọng, vui tươi. Chúng con đã hiểu nhau, đã trở nên đôi bạn thân, dễ dàng tâm sự và nâng đỡ nhau về mọi mặt

- Không phải cha thắng, nhưng chính Trái Tim Mẹ Maria, chính tình yêu Chúa Giêsu đã giúp cha con mình chiến thắng.

Hai giới răn mến Chúa và yêu người là hai giới răn có quan hệ qua lại với nhau một cách thiết yếu. Lòng yêu thương chân thành người lân cận trào ra từ lòng yêu mến Thiên Chúa; mặt khác, không thể có lòng yêu mến Thiên Chúa chân thành nếu lòng yêu mến này không được thể hiện bằng lòng yêu mến người lân cận.

Yêu tha nhân đòi chúng ta “nhân nhục hiển hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả” (1Cor. 13: 4-7).

Có lẽ Chúa cũng nói với chúng ta: anh chị không còn xa Nước Thiên Chúa đâu, vì chúng ta chỉ mới đứng ngoài cổng để nhìn vào Nước Thiên Chúa. Bên trong Nước ấy, chúng ta thấy gì? Thấy các xơ của Mẹ Têrêxa Calcutta đem một người đang hấp hối ở ngoài đường về. Minh ông phủ đầy giới bọ, trông thật ghê tởm. Thế nhưng, không một chút ái ngại, các xơ nhặt từng con giới, rửa sạch mọi chỗ, vừa làm vừa mỉm cười với tất cả lòng thương mến, không bận tâm để ý đến ai.

Không có tình yêu Chúa, không đem tình yêu của Ngài đến với tha nhân, thì không thể nào có đủ can đảm nghị lực để yêu mến tha nhân được.

“CỬA ÍT LÒNG NHIỀU”

Hai gương mặt phụ nữ, một ở thời Cựu Ước, một ở thời Tân Ước. Hai gương mặt của sự khó nghèo. Hai sự đơn độc không tên. Hai biểu tượng của sự khiêm tốn. Hai hình ảnh tấm thương dưới con mắt của loài người, nhưng lại là biểu tượng cho con đường dẫn về với Thiên Chúa. Cửa cái họ ít, nhưng lòng họ lại lớn: “Cửa ít lòng nhiều”. Vinh quang của họ là ở cách cho.

Một lần, tiên tri Êlia lên đường đi Sarephta. Khi đến trước cửa thành, ông thấy một quả phụ đi lấy nước đang lượm củi trên đường về; ông xin bà: “Xin cho tôi một ít nước để uống”. Và ông lại xin thêm: “Xin cũng cho tôi một miếng bánh”. Bà thưa lại với ông: “Có Chúa là Thiên Chúa hằng sống chúng giám: tôi không có sẵn bánh, tôi chỉ còn một nắm bột trong hũ với một ít dầu trong bình. Tôi đi lượm vài que củi về nấu cho tôi và con trai tôi ăn, rồi chết thôi”. Êlia trấn an: “Bà đừng lo. Cứ đi làm như bà đã nói. Nhưng với chút bột ấy, trước hết hãy làm cho tôi một chiếc bánh nhỏ đem ra đây cho tôi, sau đó hãy làm cho bà và con trai bà”.

Có lẽ bà trầm nghĩ: có một chút bột đủ cho mẹ con tôi ăn rồi chết, ông lại đòi ăn trước chúng tôi, thế thì chúng tôi còn gì để ăn. Thế nhưng bà đã làm theo lời của ông Êlia. Chính ông và bà cùng cả nhà đều đủ ăn; từ ngày đó, hũ bột không cạn, bình dầu không vơi như lời Thiên Chúa đã hứa qua miệng Êlia: “Hũ bột sẽ không cạn và bình dầu sẽ không vơi cho đến ngày Chúa cho mưa xuống trên mặt đất”.

Đó là một bà góa ở thời Cựu Ước. Vào thời Tân Ước, chúng ta lại bắt gặp một bà góa khác nơi Đền thờ.

Hôm ấy, ngồi đối diện với thùng tiền dâng cúng cho Đền thờ, Chúa Giêsu quan sát xem đám đông bỏ tiền vào thùng ra sao. Có lắm người giàu bỏ thật nhiều tiền. Cũng có một bà góa nghèo đến bỏ vào đó hai đồng tiền kẽm, trị giá bằng một phần tư đồng bạc Rôma. Chúa Giêsu liền gọi các môn đệ lại và nói: “Thầy bảo thật anh em: bà góa nghèo này đã bỏ vào thùng tiền nhiều hơn ai hết”.

Và ngày nay, ở vào thời đại chúng ta, cũng có một người dám hy sinh tất

cả những gì mình kiếm được vì lòng quảng đại và yêu thương; người này không phải là một bà goá nào khác, nhưng là một người đàn ông ăn xin.

Mẹ Têrêxa kể lại một câu chuyện sau: một ngày nọ, tôi đi xuống phố. Một người ăn mày đến gặp tôi và nói:

- Thưa Mẹ Têrêxa, mọi người đều cho Mẹ tiền. Tôi cũng muốn cho. Hôm nay, suốt cả ngày, tôi chỉ có được ba mươi xu. Tôi muốn biếu mẹ số tiền này.

Tôi đắn đo suy nghĩ: Nếu tôi lấy ba mươi xu thì tối nay anh ta sẽ phải nhịn ăn; còn nếu tôi không lấy, tôi sẽ làm tinh cảm của anh bị tổn thương; vì thế, tôi nhận số tiền ấy. Tôi chưa bao giờ thấy được niềm vui như thế trên gương mặt ai như trên gương mặt của người ăn xin đó.

Đối với người đàn ông nghèo này, phải ngồi suốt cả ngày mà chỉ xin được ba mươi xu. Đẹp biết bao: ba mươi xu tuy là món tiền nhỏ, và có thể tôi chẳng mua được gì, nhưng vì anh ta đã cho nó và tôi đã lấy nó, nó trở nên gấp ngàn lần, bởi vì nó được cho với bao yêu thương. Thiên Chúa nhìn thấy không phải là sự to tát của công việc, và vào tình yêu thương qua đó công việc được hoàn thành.

Một nắm bột, một chút dầu của một bà góa dành cho bà và con trai bà ăn xong rồi chết vì đã hết sạch lương thực, hai đồng tiền kẽm của bà góa không phải là hai đồng tiền dư thừa như những người giàu có rút ra từ tiền dư bạc thừa của mình để bỏ vào thùng tiền dâng cúng, hay ba mươi xu của anh ăn xin chẳng thấp thỏm gì, chẳng đáng gì so với bạc trăm, bạc ngàn của người tiền dư bạc thừa, nhưng là những chút còn lại cho sự sinh tồn, là những vật cho đi rút ra từ sự túng thiếu, là tất cả tài sản cuối cùng cả ba người có được, là tất cả những gì họ cần để sống, Hai bà góa và anh ăn mày không nghĩ đến hôm nay, ngày mai sẽ sống ra sao nếu không có nắm bột để ăn, không còn hai đồng tiền kẽm là gia tài còn lại cho cuộc sống, không có ba mươi xu cho một bữa ăn tối. Họ rộng lượng cho đi, hy sinh đến cả mạng sống của mình. Trong khi đó, có lắm người giàu bỏ thật nhiều tiền và huênh hoang bằng những chiếc áo lông lầy để phô trương về hào phóng của mình, để cho thiên hạ biết mình là người giàu có, rộng lượng. Số tiền dâng cúng của họ tuy nhiều, nhưng so với cơ nghiệp và gia tài của họ thì chỉ là đồng tiền lẻ, là tiền dư bạc thừa.

Và Chúa Giêsu đã đánh giá: “Nhiều người đều rút ra từ tiền dư bạc thừa của họ mà bỏ vào đó; còn bà này thì rút ra từ cái túng thiếu của mình mà bỏ

vào đó tất cả tài sản, tất cả những gì bà có để sống”.

Ba người nghèo về vật chất, nhưng có tấm lòng quảng đại. Những thứ hai bà góa hay anh ăn xin có chẳng đáng gì so với của cải của người giàu; nhưng lại là những thứ cần thiết cho sự sống còn. Cho đi những thứ ấy là họ hy sinh cả cuộc sống của mình. Tiền bạc và sự sống, cái nào có giá trị hơn!

Người giàu thì dâng cúng những cái dư thừa của mình, người nghèo lại dâng cúng tất cả tài sản của mình. Nhiều ít không thành vấn đề. Vấn đề quan trọng là ở tấm lòng của người dâng. Người thì “của ít lòng nhiều”; nhưng lại có người thì “của nhiều lòng ít”. “Cách cho có giá trị hơn cái ta cho”.

Hành động cho của ba người nghèo chẳng đáng cho người ta để ý. Họ làm việc trong âm thầm không cần ai biết đến; khác với những kinh sư “ưa đạo quanh, xúng xính trong bộ áo thụng, thích được người ta chào hỏi ở những nơi công cộng, ưa chiếm ghế danh dự trong hội đường, thích ngồi cỗ nhất trong đám tiệc, nuốt hết tài sản của các bà góa, lại làm bộ đọc kinh cầu nguyện lâu giờ”.

Chúa khiển trách những kinh sư giả hình, không phải vì Ngài không muốn cho con người sống giàu có và cũng không phải Ngài muốn cho con người sống kiếp khó nghèo; nhưng lại khen người đàn bà góa thành tâm quảng đại, vì Ngài muốn con người thực thi tinh thần khó nghèo. Chúa nhìn vào nội tâm, vào ý hướng ngay lành của con người, không căn cứ về bên ngoài giả dối. Cái không có giá trị trước mặt con người lại có giá trị trước mặt Thiên Chúa: “bà góa nghèo này đã bỏ vào thùng tiền nhiều hơn ai hết”, vì bà đã bỏ vào thùng tiền lòng quảng đại, sự hy sinh. Khi chúng ta sống quảng đại với tha nhân, Thiên Chúa cũng sẽ quảng đại với chúng ta. “Ngài lấy dấu hào hạnh đã dần, đã lác mà đổ tràn vật áo cho ta” (Mt. 10:42).

Có một câu chuyện giả tưởng như sau:

Một phú hộ kia nằm mơ thấy mình qua đời và được lên thiên đàng. Thánh Phêrô đón tiếp ông và dẫn ông đi qua một con đường rộng rãi thoáng mát; hai bên đường có những ngôi nhà tráng lệ. Nhìn thấy một tòa nhà rất lộng lẫy, ông hỏi thánh Phêrô nhà ấy là nhà của ai; thánh Phêrô cho biết đó là ngôi nhà của một trong những người làm công trẻ tuổi của ông ở trần gian.

Nhà phú hộ phấn khởi cười tít mắt; ông nghĩ thầm: “Chao ôi! Thằng đây tớ của mình mà có được một tòa nhà nguy nga như thế, huống nữa là mình! Không biết tòa nhà của mình sẽ tuyệt vời như thế nào!”

Rồi hai người rẽ vào một con hẻm chật chội, ngoằn ngoèo; hai bên là

những ngôi nhà lụp xụp. Đột nhiên, thánh Phêrô dừng lại và chỉ vào một túp lều xiêu vẹo rồi quay sang nói với người phú hộ: “Đây là nhà của ông. Ông sẽ sống trong túp lều ấy.”

Nhà phú hộ sùng sốt, tức giận: “Đó là nhà tôi! Tôi phải sống trong túp lều tồi tàn ấy ư?”

Thánh Phêrô ôn tồn trả lời: “Phải. Chúng tôi chỉ có thể làm cho ông được đến đó. Ông phải nhớ cho rằng: chúng tôi chỉ có thể xây dựng chỗ ở cho người ta trên thiên đàng tùy theo những gì mà khi còn sống họ đã gửi những vật liệu lên đây cho chúng tôi”.

Nhà phú hộ tỉnh giấc. Lòng dạ băn khoăn! Ông tự hỏi: “Có thật thế không nhỉ?”

Cái ít ỏi của điều tốt mà chúng ta có ở trong lòng đi lên trước những cái mà chúng ta có ở trong tay trước mặt Thiên Chúa và chính lòng quảng đại với Thiên Chúa đã làm cho những điều bé nhỏ trở nên lớn lao.

Lạy Chúa, biết đến ngày nào con mới dám “bố thí” hai đồng xu cuối cùng của cuộc sống con cho anh em và cho Chúa!

NGÀY ẤY ĐÃ GẦN ĐẾN

Có tin đồn rằng ngày đó, giờ đó, năm đó sẽ là ngày tận thế. Thiên hạ xôn xao! Chắc chắn là sẽ có nhiều người hoảng hốt, lo âu, sợ hãi.

Với người không tin vào Thiên Chúa, thì đó chỉ là tin đồn nhảm; nhưng với những ai tin vào Thiên Chúa, tin vào lời của Ngài thì ngày tận thế chắc chắn sẽ xảy ra, nhưng có ai biết chắc được ngày ấy sẽ xảy ra khi nào không? Chúa Giêsu đã xác quyết: “Còn về ngày giờ đó thì không một ai biết được, dù là các thiên thần trên trời, dù là Chúa con, trừ ra Chúa Cha”.

Khi ngày ấy xảy đến, sẽ có những dấu hiệu báo trước như cây vả trở nành non và mọc lá mới là báo hiệu mùa hè sắp đến.

Những dấu hiệu báo trước ấy là gì?

Là ngày “có nhiều người sẽ mạo danh Thầy mà đến, họ tự xưng là Thầy, và họ lừa dối được nhiều người. Khi các con nghe nói chiến tranh và những tin đồn đại về chiến tranh, các con đừng hốt hoảng, những sự việc ấy phải xảy ra: dân tộc này sẽ nổi lên chống dân tộc kia, nước này sẽ chống lại nước khác, nhiều nơi sẽ có động đất và đói kém.”

Là ngày “người ta sẽ giải nạp các con ra tòa đại hình, đánh đòn các con trong hội đường... anh sẽ nộp em cho người ta giết, cha sẽ nộp con, con cái đứng lên chống đối cha mẹ và giết cha mẹ, mọi người sẽ thù ghét các con vì danh Thầy”.

Là ngày con người chối bỏ Thiên Chúa đặt vị trí con người lên trên tất cả.

Đó là khởi điểm những điều đau khổ; nhưng ngày ấy chưa phải là ngày tận thế, nhưng là ngày hôm trước, ngày báo hiệu cho ngày cánh chung.

Khi con người chối bỏ Thiên Chúa, muốn hạ bệ Thiên Chúa cũng là ngày thế giới đi vào bóng tối của ngày tận diệt (Lc.21. 21: 8- 19).

Đứng trước hiểm họa ấy, Chúa đã nhắc nhở chúng ta “hãy giữ mình, hãy coi chừng, hãy tỉnh thức và cầu nguyện, vì các con không biết biến cố sẽ xảy ra lúc nào”; nhưng trước hết, Phúc âm phải được rao giảng cho mọi dân tộc. “Ai bền đỗ cho đến cùng, người đó sẽ được cứu độ”.

“Thế hệ này sẽ chẳng qua đi cho đến khi mọi điều đó xảy đến. Trời đất sẽ qua đi, nhưng lời Thầy sẽ chẳng qua đi”.

Nhưng sau “mọi điều đó xảy đến”, sau “con gian nan lớn lao” của ngày hôm trước, sẽ xảy đến điều gì? Chúng ta hãy nghe lời Chúa tiên báo:

“Trong những ngày ấy, sau con gian nan lớn lao, thì mặt trời sẽ ra tối tăm, mặt trăng không còn chiếu sáng, các ngôi sao từ trời rơi xuống, và các quyền lực trên trời bị lay chuyển. Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con Người đầy quyền năng và vinh quang ngự trong đám mây mà đến. Lúc đó, Người sẽ sai các thiên sứ đi, và người sẽ tập hợp những kẻ được Người tuyển chọn từ bốn phương về, từ đầu mặt đất cho đến cuối chân trời.”

Ngày tai ương xảy đến: ngày loài người chối bỏ Thiên Chúa, ngày báo trước, và ngày tận thế sẽ đến.

Vật chất biến hóa. Có sinh có tử. Có khởi đầu và có kết thúc. Lịch sử của con người rồi cũng sẽ đến ngày tận vong. Nhưng với những ai tin vào Thiên Chúa hằng hữu, thì sự tận diệt của thế giới vật chất lại là một sự biến đổi để đi vào thế giới vĩnh hằng, thế giới của tình yêu Thiên Chúa. Tin vào Thiên Chúa là chúng ta song hành trong thế giới hữu hạn và thế giới vĩnh cửu.

Ngày thế mạng của thế giới vật chất lại là ngày đoàn tụ vĩnh viễn muôn đời nơi Nhà Cha trên trời; ngày ấy không phải là ngày hủy diệt, nhưng là ngày đi vào cõi sống trường sinh; ngày ấy không phải là ngày trả thù cho những tội lỗi của con người, nhưng là ngày đoàn tụ trong tình yêu của Thiên Chúa.

Nếu thực sự tin tưởng và phó thác vào quyền năng của Thiên Chúa, nếu đặt Ngài là cứu cánh của cuộc sống, thì ngày ấy không phải là ngày than khóc thảm thiết nhưng là ngày vui cười hân hoan. “Hãy đứng dậy, và ngừng đầu lên, vì giờ cứu rỗi đã đến gần (Lc.21:29)”

Ngày tận thế thì không ai biết như lời Chúa đã nói, nhưng chúng ta biết chắc ngày ấy sẽ đến với mỗi người trong chúng ta, ngày chúng ta nhắm mắt, xuôi tay lìa đời, ngày tận thế của mỗi cuộc sống chúng ta: đó là cái chết. Những gì Chúa nói về ngày tận thế của loài người thì cũng có thể áp dụng cho cuộc sống mỗi người chúng ta.

Chúng ta thường lo đến ngày tận thế, một ngày không ai biết, nhưng chắc chắn sẽ xảy ra mà lại không lo đến ngày mình giả tử cuộc đời.

Chuẩn bị tốt cho ngày tận thế của mỗi người trong chúng ta là chúng ta đã chuẩn bị cho ngày cánh chung của nhân loại.

Chúng ta cần chuẩn bị gì cho những ngày ấy?

Chuẩn bị tinh thần hay chuẩn bị vật chất! Tận thế xảy ra, mọi vật chất đều tiêu tan, vậy thì chuẩn bị dự trữ thức ăn, đồ uống để làm gì? Sao không ăn cho hết để chuẩn bị về Nhà Cha lại lo tích trữ những gì không còn có thể ăn được nữa!

Cũng như ngày tận thế xảy ra ngày giờ nào không ai biết, chúng ta không biết được ngày giờ nào phải ra đi, phải lìa cõi đời.

Vì thế, những gì chúng ta phải chuẩn bị là trong tư thế sẵn sàng, tỉnh thức, là sống cuộc sống của Thiên Chúa đòi hỏi, hành trang chuẩn bị không phải là mì gói, đèn cây, nước lọc, nhưng là sám hối và tin vào Tin Mừng, là sống tin tưởng, phó thác vào Tình yêu của Thiên Chúa như trẻ nhỏ lệ thuộc vào cha mẹ, là chu toàn bổn phận làm con cái của Cha trên trời.

“Hãy loại bỏ những việc làm đen tối và cầm lấy vũ khí của sự sáng để chiến đấu” (Rm. 13:12).

“Hãy sống tiết độ, mặc áo giáp là đức tin và đức mến, đội mũ chiến là niềm hy vọng cứu độ (1Tx. 5:8).

Ngày tận thế của mỗi con người rồi cũng sẽ đến, không biết đến lúc đó, chúng ta còn đủ tin tưởng, phó thác, đủ bình tĩnh, sáng suốt để hát: “Khi Chúa thương gọi tôi về, lòng tôi hân hoan như trong một giấc mơ...” nữa hay không hay lại sụi sùi trong lệ sầu nuối tiếc!

Thánh Thomas More chào đời ở Luânđôn năm 1478. Sau một thời gian giúp việc cho Giám mục Morton, ngài đã theo học đại học Oxford. Năm 1505, ngài bắt đầu cuộc sống đời sống, xây dựng gia đình thành một tổ ấm gương mẫu đạo đức. Sau khi được vinh thăng lên chức đại pháp quan, với bao nhiêu mua chuộc dụ dỗ, ngài vẫn cương quyết không chấp nhận cuộc hôn nhân giữa vua Henri VIII và cô Anna Boleyn. Nhà vua tìm hết cách bố trí ngài làm Tổng Giám Mục Anh giáo, nhưng ngài cương quyết từ chối. Quá thất vọng và bức tức, nhà vua hạ lệnh giam ngài vào một nhà tù ở Luânđôn. Bạn thân bây giờ hóa ra thù địch. Trước khi chịu tử đạo vào ngày 6/7/1525, ngài đã mạnh dạn tuyên bố: “Tôi biết tại sao tôi bị lên án... Bỏ cuộc sống đời này, tôi sẽ đi vào cuộc sống mới trong sự quan phòng của Thiên Chúa...” Lúc bước lên đoạn đầu đài, chiếc khăn quàng cổ của ngài bị gió thổi tung ra, ngài còn khô hài bảo tên lính: “Xin quàng chiếc khăn lại giùm tôi”. Tên lính bảo: “Ông sắp đứt đầu rồi mà còn sợ lạnh hay sao mà đòi quàng cổ?” Ngài vừa cười vừa đáp: “Sức khoẻ là của Chúa ban, tôi phải bảo quản nó cho đến

giây phút cuối cùng”. Rồi ngài nói với người bạn đưa tiễn ngài: “Cám ơn anh đã đưa tôi lên máy chém. Việc đi xuống tôi tự liệu lấy”.

Giáo hội đã khai mạc năm Đức Tin từ ngày 11/10/2012 đến ngày 24/11/2013. Đây cũng là dịp để chúng ta chuẩn bị cho ngày tận thế của mỗi người và cho ngày cánh chung của nhân loại.

Porta Fidei, Cửa Đức tin đã mở. Chúng ta hãy bước vào để củng cố, canh tân đức tin bằng kiến thức và hành động.

Bước vào Porta Fidei để gặp gỡ Chúa Giêsu Phục sinh, đón nhận ơn Chúa Thánh thần để giúp chúng ta đi đến cội nguồn ánh sáng là chân lý và tình yêu.

Bước vào “Cửa Đức tin” để khám phá Thiên Chúa Tình yêu trong kế hoạch yêu thương và cứu độ nhân loại.

Bước vào Porta Fidei, Cửa Đức tin để đặt hết tin thác vào Lời Chúa là chân lý và sự thật: “Thế hệ này sẽ chẳng qua đi cho đến khi mọi điều đó xảy đến. Trời đất sẽ qua đi, nhưng lời Thầy sẽ chẳng qua đi”.

Bước vào cửa đức tin để “đứng dậy, và ngẩng đầu lên, vì giờ cứu rỗi đã đến gần”.

CN XXXIV TN/ B: CHÚA NHẬT CUỐI CÙNG NĂM PHỤNG VỤ/ LỄ CHÚA GIÊSU KITÔ VUA

Bài đọc 1: (Đn. 7:13-14). Bài đọc 2: (Kh. 1:5-8). Tin Mừng: (Ga. 18:33-37)

VUA SỰ THẬT

Ngày ấy, bắt được Chúa Giêsu, toán lính Do thái trói Ngài và dẫn đến nhà ông Anna, rồi đến nhà ông Caipha, cuối cùng đến pháp đình. Trước tòa Philatô, cuộc đối chất giữa Chúa Giêsu và Philatô bắt đầu. Để trả lời cho câu hỏi của Philatô: “Vậy ông là vua sao?” Chúa Giêsu đã không trực tiếp trả lời cho ông Ngài có phải là vua hay không, nhưng Ngài lại hỏi lại: “Ngài tự ý nói điều đó, hay những người khác đã nói với ngài về tôi?”; câu hỏi ấy thậm chí trách Philatô là ông đã không tìm biết Thiên Chúa, đã không được nghe nói đến một vị cứu tinh của dân Do thái như Thiên Chúa đã hứa với dân riêng của Ngài, không nghe biết gì về lịch sử cứu độ của Thiên Chúa. Và Philatô đã hỏi lại Chúa: “Tôi là người Do Thái sao?” Câu hỏi ấy gián tiếp trả lời ông là người không tin vào Thiên Chúa, không thuộc dân riêng của Ngài, ông là dân ngoại. Do đó Chúa Giêsu mới xác nhận với Philatô: “Quan nói đúng: Tôi là Vua”; nhưng không phải là vua theo quan niệm và cách hành xử của người trần, không phải chỉ là vua của một nước một dân tộc nào đó trên thế gian này; nhưng là vua của mọi người, của mọi dân tộc, là vua tâm linh, vua lòng người; và “Nước tôi không thuộc về thế gian này. Nếu nước tôi thuộc về thế gian này, thì những người của tôi đã chiến đấu để tôi không bị nộp cho người Do thái”.

Vua Giêsu đứng đơn độc, không vũ khí, không người bảo vệ trước quan Tổng trấn Philatô, một con người đầy quyền lực, có hàng ngàn quân lính dưới quyền ông, nhưng Vua Giêsu lại cao trọng không ai sánh bằng. Ngài không cai trị bằng quyền lực và thống trị, nhưng bằng mời gọi và yêu thương, Ngài không dùng quyền lực chính trị để ép buộc người khác phải làm theo ý mình hay áp bức, gây chết chóc cho con người, nhưng đem đến cho con người sự sống và tự do.

Nói đến một vị vua trần thế là chúng ta nghĩ đến một ngai vàng, một vương miện, một cung điện, sự giàu sang, quyền lực, một nội các, một đoàn binh lính; nhưng Vua trên trời lại không có ngai vàng, không vương miện,

không người cung phụng, không quân lính. Vị Vua ấy không xe ngựa, nhưng rảo bộ trên khắp nẻo đường ở xứ Palestine với một nhóm môn đệ, hoà lẫn với những người bệnh tật đói nghèo, những người tội lỗi, những người bị gạt ra bên lề xã hội.

Đặc điểm chính dung mạo của Đấng làm Chủ tế vũ trụ, làm chủ cuộc đời của con người là gì?

Trong một thị kiến ban đêm, tiên tri Đanien đã nhìn thấy dung mạo của Vua Sự Thật như sau: “Tôi thấy như Con Người đến trong đám mây trên trời. Ngài tiến đến vị Bô lão. Vị này ban cho Ngài quyền năng, vinh dự và vương quốc: tất cả các dân tộc, chi họ và tiếng nói đều phụng sự Ngài; quyền năng của Ngài là quyền năng vĩnh cửu, không khi nào bị cắt mất, vương quốc của Ngài không khi nào bị phá hủy” (Bài đọc 1). Đấng ấy là Đấng có quyền năng vĩnh cửu, là vua vũ trụ, vua muôn loài; vương quốc của Vua ấy không thể lực nào có thể phá hủy, gồm mọi dân tộc trên trái đất.

Và thánh Gioan trong sách Khải Huyền đã mô tả dung mạo của Chúa Giêsu Kitô “là chúng tá trung thành, là trưởng tử kẻ chết, là thủ lãnh các vua trần thế, là Đấng đã yêu thương chúng ta, Ngài đã dùng máu Ngài mà rửa chúng ta sạch mọi tội lỗi, và làm cho chúng ta trở nên vương quốc và tư tế của Thiên Chúa, Cha của Ngài” (Bài đọc 2).

Như thế Chúa Giêsu là vua trên các vua trần thế, vua trên trời chứ không phải là vua thuộc thế gian của một nước hay của một dân tộc nào đó, là vua của nhân loại, vua của vũ trụ, đích danh của Ngài là vua sự thật; thần dân của vị vua ấy, của vương quốc ấy là những ai nghe tiếng của vua ấy, là những ai đứng về phía sự thật, là những ai đặt niềm tin vào Ngài. Ngài là Đấng chăm sóc con người như mục tử chăm sóc đàn chiên và hy sinh chính mình trên thập giá để cứu rỗi con người khỏi ách kim kẹp của sự dữ, của tội lỗi. Ngài quy tụ những “ai đứng về sự thật và nghe tiếng Ngài” thành một cộng đoàn của Ngài. Phương tiện thực thi vương quyền của Ngài là nhập thể cứu chuộc và rao giảng, làm chứng cho sự thật, là thể hiện tình yêu đối với con người như Ngài đã khẳng định “Tôi đã sinh ra và đã đến thế gian nhằm mục đích này: làm chứng cho sự thật. Ai đứng về sự thật thì nghe tiếng tôi”.

Đêm đến, có hai đàn chiên được nhốt chung trong một chuồng. Sáng sớm, một mục tử đến mở cửa chuồng và kêu lớn: “Marah”, tiếng Ả rập có

ngĩa là “Hãy theo ta”, và mọi con chiên trong chuồng đều theo anh ta.

Một người nhìn thấy cảnh tượng ấy, rất thích thú. Anh mượn tấm áo và chiếc gậy của mục tử kia và cũng kêu to: “Marah”. Thế nhưng không một con chiên nào nhúc nhích. Anh đến gặp người chăn chiên và hỏi có khi nào chiên đi theo một người khác không phải là anh ta không. Mục tử trả lời: “Có chứ! Đôi khi có một con chiên nào đó bị yếu bệnh quá nặng nên bất kỳ ai nó cũng đi theo”.

Sứ mạng của Chúa Giêsu là thực hiện vương quốc và vương quyền của Thiên Chúa nơi trần thế, nơi tâm hồn của con người. Những gì Ngài nói và làm chứng đều là chân lý, là sự thật; trong Ngài có sự thật và Ngài là sự thật, Ngài xuống trần gian để làm chứng cho sự thật và Ngài là Vua Sự Thật.

Quyền lực của một ông vua trần thế dựa vào người khác, dựa vào những phương tiện vật chất... Quyền lực của Vua Giêsu là quyền lực tự thân, một thứ quyền lực nội tại không lệ thuộc bất cứ một phương tiện nào, quyền lực ấy là đường, là chân lý, là sự thật, là yêu thương. Tự bản chất, Chúa Giêsu trời vượt lên trên hết mọi quyền lực thế gian, nhưng Ngài lại không muốn con người nhìn Ngài với một cái nhìn xa cách, không muốn sống cách biệt với con người, nhưng là người bạn, người tình, người cùng cảnh ngộ như con người; Ngài không muốn là một nhân vật ngồi trên ngai vàng để cho người ta sùng bái, nhưng là người đồng hành, cùng chịu chung cảnh ngộ với con người, một ông vua đi xuống với con người, một ông vua phục vụ con người hơn là để con người phục vụ

Nói sự thật, làm chứng cho sự thật luôn phải trả rất đắt. Chúa Giêsu vì trung thành với sự thật, làm chứng cho sự thật, đã bị treo trên thập giá

Ai đứng về phía sự thật thì nghe tiếng Vua Sự Thật. Là Kitô hữu, có chất Kitô trong mình, chúng ta đã nghe tiếng Chúa, đã đứng về phía sự thật. Chúa Giêsu muốn chúng ta thể hiện tinh vua của mình (tiên tri và tư tế) trong cuộc sống giữa anh em đồng loại để làm chứng cho sự thật. Một sự thật được treo giá nơi bách hại, ghen ghét, vay hăm, đổ ky, cấm cách. Thập giá của chúng ta được tạo thành từ muôn vàn hy sinh trong cuộc sống. Muốn tránh thập giá thì chỉ cần thoả hiệp với thế gian. Trung thành với sự thật của Chúa đòi hỏi chúng ta phải trả giá bằng mọi thiệt thòi, ngay cả đến sinh mạng.

Mang danh Kitô hữu là chấp nhận làm con dân của Vua Giêsu Kitô, là những người “đứng về sự thật”, thì nhiệm vụ của người Kitô hữu là làm chứng cho sự thật, lắng nghe và đáp lại tiếng kêu gọi của Vua Sự Thật.

Làm chứng về sự thật Kitô trong lời nói, hành động để tất cả cùng hiểu được và đi theo sự thật Kitô, để đạt đến đích điểm cuối cùng của loài người và vũ trụ là quy tất cả vào trong Chúa Giêsu Kitô, Vua Sự Thật.

Chúng ta vui mừng, hãnh diện gọi Chúa Giêsu Kitô là Vua của chúng ta. Là thần dân của Ngài, chúng ta cam kết một lòng trung tín với Ngài mà không dành cho bất cứ quyền lực nào khác trên thế gian. Cuộc sống của mỗi người trong chúng ta là để làm chứng cho vương quốc của Ngài.

Sử gia Arnold Toynbee đã làm việc nhiều năm để hoàn thành bộ lịch sử thế giới đồ sộ của ông. Ban đầu, ông rất lưỡng lự trước khối lượng công việc nặng nhọc. Nhưng khi công trình gần hoàn thành, ông đã ghi lại một đoạn văn rất ý nghĩa như thế này:

“Khi khởi sự công trình này, chúng tôi thấy mình như thể đang nhìn vào một cuộc diễu hành vĩ đại. Nhưng thời gian trôi qua, tất cả các nhân vật tham dự cuộc diễu hành ấy, lần lượt từng người một, đã ngã xuống bên vệ đường. Và giờ đây, chỉ còn lại một nhân vật duy nhất; mỗi bước chân của nhân vật ấy càng lúc càng lớn thêm, lớn mãi”.

Những vua chúa trần gian, những nhà độc tài khét tiếng... có thể vẫy vẫy trên sân khấu cuộc đời trong một thời gian nào đó, nhưng rồi cuối cùng cũng biến mất. Người diễu hành duy nhất còn lại đó là Vua Giêsu Kitô, là chứng nhân trung thành của Thiên Chúa đang mãi mãi cùng hành trình với dân Ngài.

MỤC LỤC

MÙA VỌNG & GIÁNG SINH.....	7
CN I Mùa Vọng/ B.....	8
CN II Mùa Vọng/ B.....	11
CN III Mùa Vọng/ B.....	14
CN IV Mùa Vọng/ B.....	17
Lễ Giáng Sinh.....	20
Lễ Thánh Gia.....	24
Lễ Mẹ Thiên Chúa.....	28
CN II Sau Lễ Giáng Sinh.....	32
Lễ Hiển Linh.....	36
MÙA CHAY & PHỤC SINH.....	39
CN I Mùa Chay/ B.....	40
CN II Mùa Chay/ B.....	44
CN III Mùa Chay/ B.....	48
CN IV Mùa Chay/ B.....	52
CN V Mùa Chay/ B.....	56
CN Lễ Lá/ B.....	60
CN Phục Sinh/ B.....	64
CN II Phục Sinh/ B - (CN Lòng Chúa Thương Xót).....	68
CN III Phục Sinh/ B.....	72
CN IV Phục Sinh/ B.....	76
CN V Phục Sinh/ B.....	80
CN VI Phục Sinh/ B.....	84
CN VII PHỤC SINH/ B - Lễ Thăng Thiên.....	89
Lễ Hiện Xuống.....	93
Lễ Chúa Ba Ngôi.....	98
Lễ Kính Mình Máu Thánh Chúa Kitô.....	102
MÙA THƯỜNG NIÊN.....	107
CN II Thường Niên/ B.....	108
CN III Thường Niên/ B.....	112

CN IV Thường Niên/ B.....	116
CN V Thường Niên/ B.....	120
CN VI Thường Niên/ B.....	123
CN VII Thường Niên/ B.....	127
CN XI Thường Niên/ B.....	131
CN XII Thường Niên/ B.....	136
CNXIII Thường Niên/ B.....	140
CN XIV Thường Niên/ B.....	144
CN XV Thường Niên/ B.....	148
CN XVI Thường Niên/ B.....	152
CN XVII Thường Niên/ B.....	156
CN XVIII Thường Niên/ B.....	160
CN XIX Thường Niên/ B.....	164
CN XX Thường Niên/ B.....	168
CN XXI Thường Niên/ B.....	172
CNXXII Thường Niên/ B.....	176
CN XXIII Thường Niên/ B.....	180
CN XXIV Thường Niên/ B.....	184
CN XXV Thường Niên/ B.....	188
CN XXVI Thường Niên/ B.....	192
CN XXVII Thường Niên/ B.....	196
CN XXVIII Thường Niên/ B.....	200
CN XXIX Thường Niên/ B.....	204
CN XXX Thường Niên/ B.....	208
CN XXXI Thường Niên/ B.....	212
CN XXXII Thường Niên/ B.....	216
CN XXXIII Thường Niên/ B.....	220
CN XXXIV Thường Niên/ B - CN cuối cùng Năm Phụng Vụ/ Lễ Chúa Giêsu Kitô Vua.....	224

Đón xem cùng một tác giả:

Tâm Thức - Suy Niệm, Cảm Nghiệm Tin Mừng Ngày Chúa Nhật Năm C

Tâm Thức - Suy Niệm, Cảm Nghiệm Tin Mừng Ngày Chúa Nhật Năm A

